

DƯƠNG HỔ - TIÊU DƯƠNG

中国书业

NGHỀ SÁCH

Trung Quốc



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

趙君卿撰

DƯƠNG HỔ - TIÊU DƯƠNG

NGHỀ SÁCH
Trung Quốc

Người dịch: NGUYỄN MẠNH SƠN



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGHỀ SÁCH TRUNG QUỐC

Dương Hồ - Tiêu Dương

ISBN: 978-604-58-0447-6

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP. HCM

Dương Hồ.

Nghề sách Trung Quốc / Dương Hồ, Tiêu Dương ; Nguyễn Mạnh Sơn dịch. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2013.

184 tr. : minh họa ; 23 cm.

ISBN 978-604-58-0447-6

1. Sách. 2. Nhà xuất bản và nghề xuất bản -- Trung Quốc. I. Tiêu Dương.
II. Nguyễn Mạnh Sơn.

070.50951 -- dc 22

D928-H68

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU: Thư hương ba ngàn năm	5
Nguồn xa chày mãi:	
Nguồn gốc và sự phát triển của nghề sách Trung Quốc.....	17
Sự ra đời của ký hiệu và chữ viết.....	18
Xuất hiện sách vở và quá trình biên tập, chỉnh lý	21
Từ giáp cốt đến giấy - chất liệu của xuất bản phẩm	24
Lịch trình diễn tiến của lịch sử nghề sách.. ..	35
Sách ghi chép thư tịch:	
Chế tác sách thời Trung Quốc cổ đại.....	43
Lựa chọn và biên tập nội dung.....	44
In ấn và sao chép - kỹ thuật phục chế xuất bản phẩm.....	47
Năm loại hình xuất bản lớn cùng nhau hưng thịnh	55
Từ giàn sách đến tuyến trang - thiết kế xuất bản phẩm và hình thức xuất bản	65
Con đường truyền thừa:	
Lưu trữ, giữ gìn và truyền bá điển tịch Trung Quốc.....	77
Tàng thư gia và tàng thư lâu	79
Bảo quản sách cần có phương pháp.....	85
Thiết kế bảo vệ	89
Kết tinh của văn minh:	
Xuất bản phẩm mang nét đặc sắc riêng của Trung Quốc.....	95
Thập tam kinh	96
Nhị thập tứ sử.....	99
Vĩnh Lạc đại điển	102
Cổ kim đồ thư tập thành	104
Tứ khố toàn thư và Tục tu tứ khố toàn thư.....	106
Đường nhân thi tập:	
Toàn Đường thi và Đường thi tam bách thủ.....	110
Tống nhân tử tuyển: Toàn Tống tử	113
Nguyên khúc kết tập: Toàn Nguyên tán khúc và Nguyên khúc tuyển	114
Minh - Thanh tiểu thuyết: Tứ đại danh trước và "Tam ngôn Nhị phách"	115
Trung Quốc đại bách khoa toàn thư	118





Sự thay đổi cơ kim:

Xuất bản Trung Quốc đi theo hướng hiện đại hóa	121
Sự du nhập và ứng dụng kỹ thuật in ấn bằng máy móc	123
Nổi lên những xí nghiệp xuất bản theo dạng thức mới	126
Xuất hiện xuất bản phẩm theo loại hình mới	131
Xuất bản theo dạng thức mới	
sẽ đẩy mạnh sự thay đổi xã hội	134

Tiếp nối người trước, mở lối người sau:

Sự phồn vinh của xuất bản Trung Quốc đương đại	139
Quy mô xuất bản được tăng trưởng hằng năm, phạm vi xuất bản ngày càng được mở rộng	140
Kỹ thuật xuất bản theo xu thế ngày càng tiên tiến, số chữ xuất bản phát triển ngày càng nhanh	144
Xu thế chuyển biến xí nghiệp hóa trong thể chế xuất bản phát triển nhanh, hệ thống pháp luật xuất bản không ngừng được kiện toàn	146
Nhân tài xuất bản không ngừng được mở rộng, sự nghiệp nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục chuyên nghiệp đạt thành quả rõ rệt	150
Ngành xuất bản của hai bờ bốn bên đều cùng nhau phát triển phồn vinh, hình thành nền cục diện xuất bản Hoa văn đa nguyên nhất thể	151

Con đường thư tịch:

Ngành xuất bản Trung Quốc bước ra thế giới	153
Truyền bá kỹ thuật tạo giấy ra thế giới	154
Kỹ thuật in ấn được truyền bá ra bên ngoài	158
Giao lưu thư tịch Trung Quốc và nước ngoài thời cổ đại	166
Hoạt động giao lưu xuất bản Trung Quốc và nước ngoài thời cận đại ngày càng được mở rộng	171
Giao lưu quốc tế về ngành xuất bản và công tác mua bán bản quyền thời đương đại	175

Phụ lục 1:

Niên biểu những sự kiện lớn trong lịch sử xuất bản của Trung Quốc	181
--	-----

Phụ lục 2:

Bảng tóm tắt Niên đại lịch sử Trung Quốc	183
--	-----



LỜI GIỚI THIỆU

Thư hương ba ngàn năm

Nghề làm sách là một nội dung quan trọng trong hoạt động văn minh nhân loại. Xét trên một phương diện thì nghề làm sách khác nhau được thai nghén từ những nền văn minh khác nhau; ở một phương diện khác, thì những hoạt động khác nhau của nghề làm sách sẽ thúc đẩy sự phát triển của từng nền văn minh riêng biệt.

Dòng chảy dài của văn minh Trung Hoa đã sản sinh ra những điểm riêng có khác biệt và vô cùng độc đáo của nghề làm sách Trung Quốc, ở một trình độ nhất định, lịch sử hình thành và phát triển của nghề làm sách Trung Quốc chính là tấm hình thu nhỏ của văn minh Trung Hoa. Văn minh Trung Hoa là hình thái văn minh duy nhất trên thế giới chưa bao giờ bị đứt đoạn, có đặc trưng rõ ràng đó là: lịch sử lâu đời, nội hàm phong phú, đa nguyên nhất thể, ảnh hưởng sâu sắc và không ngừng phát triển. Thời cổ đại, Trung Quốc không chỉ sáng tạo nên những thành tựu văn minh huy hoàng rực rỡ, lưu giữ được một số lượng lớn kinh điển, hơn nửa trải qua cải cách đổi mới gần trăm năm, nó lại càng xuất hiện thêm tiềm lực phát triển mạnh mẽ và tương lai phát triển phồn thịnh hơn. Dùng một câu để nói về cổ thoại Trung Quốc, chính là "Chu tụy cựu bang, kỳ mệnh duy tân" (Nhà Chu tụy là nước cũ, nhưng thuận theo mệnh trời mà khí tượng tươi mới). Ở một trình độ nhất định sẽ quyết định tính độc đáo riêng trong quá trình phát triển nghề sách Trung Quốc. Đồng thời, nghề sách là một hoạt động rất quan trọng trong việc tích lũy tri thức và truyền bá văn hóa, trong quá trình truyền bá và truyền thừa văn minh Trung Hoa nó đã phát huy được vai trò vô cùng quan trọng. Nhìn rộng ra thì Trung Quốc trở thành một trong những quốc gia có nghề sách phát triển nhất trên thế giới, có vị trí và tầm ảnh hưởng quan trọng đến lịch sử văn hóa xuất bản của thế giới. Mấy ngàn năm nay, văn minh Trung Hoa dùng thư tịch để truyền tải, truyền bá ra thế giới, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của văn minh thế giới. Đặc biệt, việc phát minh và truyền bá rộng rãi kỹ thuật làm giấy và kỹ thuật in ấn là cống hiến lớn đối với lịch sử văn minh nhân loại và có ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của xã hội loài người.



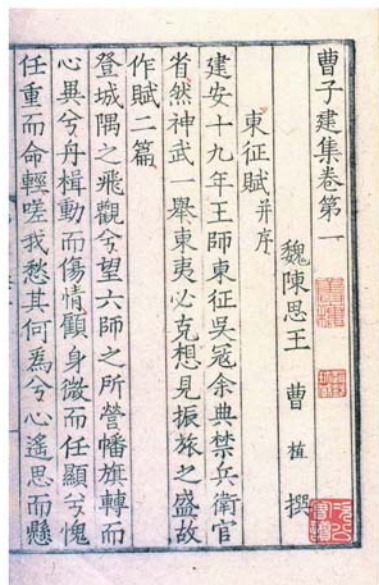
Nghệ sách Trung Quốc

Văn tự là công cụ đầu tiên và quan trọng trong việc ghi chép tri thức văn hóa, cũng là điều kiện trọng yếu để nghệ sách ra đời. Từ xưa đến nay, Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc và đa văn tự. Trong rất nhiều hệ thống văn tự thì chữ Hán là loại văn tự chính trong việc truyền thừa và truyền bá văn minh Trung Hoa. Việc phát minh ra văn tự trong bốn nền văn minh lớn trên thế giới thì chỉ có tự hình chữ Hán ổn định, tự nghĩa rõ ràng, kéo dài mãi cho đến tận ngày nay, chưa bao giờ bị gián đoạn. Dựa vào chữ Hán, người Trung Quốc ngày nay có thể hiểu được các loại điển tịch sách vở của mấy ngàn năm trước, lại có thể dùng ngôn ngữ của mình để biểu đạt sự phát triển không ngừng của lịch sử, sự thay đổi vô cùng và phát triển chóng mặt của thế giới hiện nay. Sở dĩ văn minh Trung Hoa có thể phát triển kéo dài mấy ngàn năm mà chưa hề bị đứt đoạn như thế vì có vai trò vô cùng quan trọng của chữ Hán.

Kể từ khi văn tự có thể trực tiếp truyền tải được tri thức, vấn đề chất liệu để ghi chép văn tự trở thành một vấn đề chủ yếu trong sự phát triển của nghệ sách. Người Trung Quốc thời cổ đại sau khi sử dụng trúc mộc giản độc, giáp cốt, đồ đồng thau, đá, trúc bạch... để ghi chép văn tự, thì đến khoảng thế kỷ thứ II TCN phát minh ra giấy dùng để viết sách và vẽ tranh, đây là phát minh quan trọng, có ý nghĩa thời đại trong lịch sử văn minh và nghệ sách của nhân loại, là chất liệu viết sách lý tưởng nhất trên thế giới cho đến tận ngày nay. Năm 105 SCN, sau khi Thái Luân cải tiến kỹ thuật



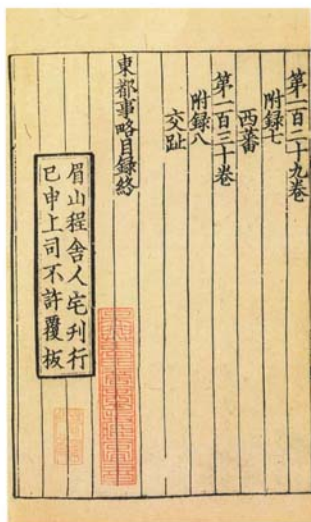
Những mảnh giáp cốt có khắc văn tự.



Ấn bản hoạt tự Tào Tử kiến tập bằng đồng vào thời Minh (1368 - 1644).



Khắc bản Kiến Dương **Chu bǎi suān jīng**
đời Tống (960 - 1279)



Mục ghi trong **Dòng đồ sự lược** khắc bản
đời Tống.

ché tạo giấy thì giấy dần dần được phát triển rộng rãi, đối với nghề sách và sự phát triển của xã hội thì việc này có tác dụng động viên rất lớn. Thế kỷ VII, người Trung Quốc bắt đầu sáng tạo ra kỹ thuật dập và tạo ấn chương, phát minh ra kỹ thuật in ấn, khiến sách vở phát triển mạnh cả về hai phương diện chất và lượng, mở đầu cho giai đoạn mới trong lịch sử văn minh và truyền bá văn minh nhân loại. Trong khoảng năm 1041 đến năm 1049, người nông dân Tất Thăng đã phát minh ra kỹ thuật in hoạt tự (chữ rời), chất liệu sử dụng từ đất sét, gỗ cho đến các đồ kim loại như đồng, thiếc... Trong khoảng thế kỷ XI, kỹ thuật in bản in được phát minh dựa trên nền tảng của kỹ thuật in bản khắc, khiến các vật phẩm phục vụ in ấn ngày càng đẹp và phong phú.

Việc ghi chép bằng văn tự và kỹ thuật phục chế không ngừng phát triển có mối quan hệ mật thiết với sự phát triển rực rỡ của nghề sách Trung Quốc. Từ thế kỷ XXI TCN đến thế kỷ XVI TCN, nghề sách Trung Quốc bắt đầu mạnh nha, bước đầu văn tự đã có sự chuyển biến mang tính lịch sử được thể hiện qua các điển tịch văn hiến nguyên thủy. Từ đó về sau xuất hiện các hoạt động biên tập, thu thập ban đầu, một vài hoạt động xuất bản cũng bắt đầu manh mún ra đời. Ước đoán, sự phát triển của nghề sách Trung Quốc



Tranh minh họa Bắc Tây Suồng Bì Bản san bản vào năm thứ mười hai niên hiệu Sùng Chính (1639) đời Minh.

chỉ ít cũng có lịch sử hơn ba ngàn năm, là quá trình lịch sử phát triển lâu dài, người Trung Quốc đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm biên tập và thu thập điển tịch. Sau khi phát minh ra kỹ thuật chế tạo giấy, nghề làm giấy cũng theo đó trở thành một trong những nghề quan trọng trong ngành thủ công nghiệp thời cổ đại. Sau khi phát minh ra kỹ thuật in ấn, cũng rất nhanh nằm loại hình xuất bản lớn được hình thành đó là quan khắc (nhà nước khắc in), tư khắc (tư nhân khắc in), phường khắc (dân chúng khắc in), tự quán khắc thư (phát hành sách Phật giáo), thư viện khắc thư (xuất bản sách học thuật). Kể từ sau khi sự nghiệp xuất bản phát triển, hoạt động phát hành và buôn bán sách vở cũng từng bước được triển khai. Khoảng thế kỷ II TCN, từ quốc đó Trường An đương thời cho đến các thành thị có kinh tế, văn hóa tương đối phát triển đã xuất hiện những hiệu sách dân gian sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc - Thư tử. Vào thời Đường - Tống (618 - 1279), việc phát hành sách dần trở nên phổ biến và đi vào thuần thực, bao gồm vận dụng rất nhiều cách để quảng cáo cũng những mảnh khõe trong hoạt động buôn bán nhằm đạt được lợi nhuận cao. Vào thời Nam Tống (1127 -

Thư ách

Những tàng thư lớn trong lịch sử cổ đại Trung Quốc bị hủy diệt, đốt phá, gọi là thư ách. Sớm nhất vào thời Tùy, Ngưu Hoàng đã chỉ ra có "ngũ ách" bao gồm: Một là Tần Thủy Hoàng đốt sách; Hai là nghĩa quân của Xích Mi thời Hán tấn công thành, ba là Đông Trác dời đô vào thời Tây Hán, bốn là loạn Lưu Thạch thời Thập Lục Quốc, năm là Lương Nguyên đế thời Nam Triều với sự kiện Giang Lăng đốt sách. Sang đến đời Minh, Hồ Ứng Lân tiếp tục bổ sung "ngũ ách": một là vào thời Tùy, Giang Đô đốt sách; hai là loạn An Sử vào thời Đường; ba là thời Đường, Hoàng Sào tiến vào Trường An; bốn là thời Nam Tống, kiếp nạn Tĩnh Khang; năm là Mông Cổ diệt Tống. Gọi chung là "Thập ách".



Sách trang trí với các hình thức khác nhau, được in ấn trong nội phủ vào đời Thanh (1616 - 1911).

1279) quan niệm về bản quyền và tinh thực dụng bắt đầu xuất hiện. Trong *Đông đồ sự lược* được san hành vào khoảng năm 1190 - 1194, có ghi chép mười sáu chữ trong một bài bia: "My Sơn Trình xá nhân trạch san hành, dĩ thân thượng ty, bất hứa phúc bản" (Người họ Trình ở My Sơn đích thân san hành sách này tại nhà, đã dâng lên quan trên xem xét, cấm sao chép thành bản khác) là ghi chép chứng tỏ quyền sở hữu trí tuệ sớm nhất được phát hiện ở Trung Quốc.

Thành quả quan trọng nhất trong nghề sách Trung Quốc cổ đại chính là biên tập và xuất bản được một số lượng lớn sách vở điển tịch, nội hàm phong phú, hình thức đa dạng, ảnh hưởng sâu rộng, trở thành một trong những tiêu chí quan trọng của văn minh Trung Hoa. Từ lâu Trung Quốc đã có truyền thống "Trọng văn sùng sách", lấy việc soạn sách lập ngôn để tạo chỗ đứng trong xã hội, để làm vinh, để truyền lại cho hậu thế, là kết



Ngự thư lâu thuộc Tầng thư Thư viện Nhạc Lộc tại Hồ Nam.



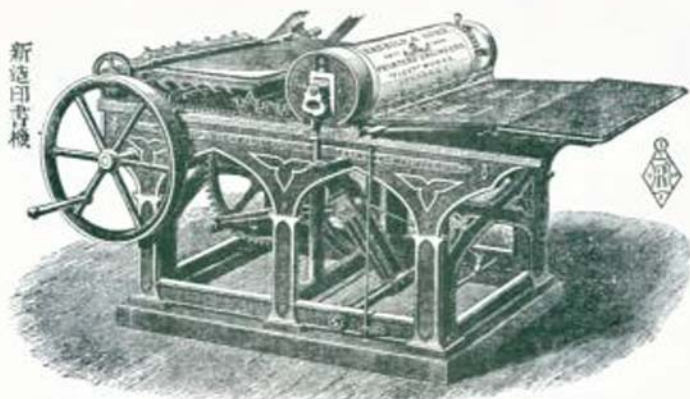
Nghề sách Trung Quốc

ting văn hóa các đời từ xưa đến nay chưa bao giờ thay đổi. Theo thống kê, cổ tịch Trung Quốc chỉ riêng từ thời Tây Hán đến đời Thanh (206 TCN - 1911) chỉ ít cũng có 18 vạn loại, hơn 230 vạn quyển. Các thể loại trong cổ tịch Trung Quốc rất phong phú, trong các loại lớn như Kinh, Sử, Tử, Tập, Phật, Đạo còn bao gồm rất nhiều hình thức thể hiện trước thuật khác nhau. Trong đó có không ít những bộ sách lớn và đó số với số lượng quyển cực lớn, điều đó chứng tỏ sự phát triển phong phú của văn hiến cổ đại Trung Quốc, và sự hưng vượng của nghề sách, bộ *Vĩnh Lạc đại điển* đời Minh (1368 - 1644) có khoảng 370 triệu chữ, bộ *Cổ kim đồ thư tập thành, Tử khố toàn thư* vào đời Thanh (1616 - 1911) có khoảng gần 1 tỷ chữ là những bộ sách tiêu biểu nhất. Thư tịch Trung Quốc còn rất chú trọng đến hình thức bên ngoài, vì thế chế độ tam đại thư tịch được hình thành đó là Giản bản (thư tịch được viết trên thẻ tre), Quyển trục (Ổng quyển), Sách hiệt (Trang sách), xuất hiện các hình thức sách như đóng sách để một tập giấy dài sau đó gấp thành từng trang một rồi gấp lại với nhau (Kinh chiết trang), đóng cuốn là kiểu đóng mà đem những quyển sách dài gấp lại thành tập, bao bìa bên ngoài, để cho trang đầu và trang cuối nối liền nhau (Toàn phong trang), đóng cuộn (Long lân trang: Là một cách gọi khác của Toàn phong trang), đóng sách hình bướm (Hổ điệp trang), đóng bọc gáy (Bao bối trang), đóng buộc chỉ (Tuyển trang). Chất liệu giấy, cách thức trình bày, hình thức xuất bản cũng được nghiên cứu kỹ càng.

Coi trọng sách vở thư tịch chính là nét truyền thống đặc trưng trong văn hóa Trung Quốc, nhưng xuất phát từ nhân tố con người và tự nhiên, lịch sử sách vở Trung Quốc qua các đời cũng gặp phải nhiều kiếp nạn, tổn thất mà những kiếp nạn này vô cùng lớn. Trước hàng loạt những "Thư ách" thì mọi người càng cố gắng nỗ lực thu thập sách vở, bảo vệ điển tịch, và đó cũng là một trong những nội dung quan trọng của nghề sách. Tàng thư Trung Quốc được phát triển khá sớm và đạt đến một trình độ nhất định, có nhiều hình thức tàng thư được hình thành như quan phủ, tư nhân, tự quán, thư viện, số lượng tàng thư các đời và tàng thư tư nhân lên đến con số



Bản thảo cương mục bản in đầu tiên tại Nhật Bản vào khoảng cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII.



Máy in quay tay trên bàn phẳng được bắt đầu sử dụng vào năm 1872 tại Thượng Hải Thần Báo quán.

hàng ngàn vạn. Về phương diện bảo vệ và thu thập sách vở điển tịch đã có những thành tựu nhất định, hình thành nên một nét văn hóa tàng thư độc đáo và mới mẻ.

Cổ nhân Trung Quốc đã tích lũy rất nhiều kinh nghiệm phong phú trên các phương diện trước thuật, khắc bản, tàng thư, đọc thư. Đồng thời thông qua việc nghiên cứu điển tịch còn hình thành nên các ngành học liên quan đến việc chỉnh lý sách vở gọi là "Trí thư chi học", bao gồm Văn bản học, Biện nguy học, Tập trật học, Hiệu khám học, Mục lục học, càng tăng cường tính học thuật của nghề sách cổ đại Trung Quốc.

Lịch sử Trung Quốc rất coi trọng việc giao lưu văn hóa giữa các vùng và các nước nước, giao lưu nghề sách là một trong những nội dung quan trọng trong đó. Hoạt động giao lưu trong và ngoài nước trải qua một thời kỳ dài, hình thành nên cái gọi là "con đường thư tịch" giữa đại lục Âu - Á. Thông qua con đường thư tịch, Trung Quốc đã truyền bá nền văn minh xuất bản tiên tiến và tri thức văn hóa khoa học của đất nước mình đến toàn thế giới, đồng thời cũng hấp thụ những thành tựu văn hóa ưu tú của các vùng và các quốc gia trên toàn thế giới, thúc đẩy sự phát triển của văn minh Trung Hoa.

Trong một thời gian dài nghề sách cổ đại Trung Quốc đứng ở vị trí tiên phong trên thế giới, đặc biệt có ảnh hưởng rộng lớn đến nghề xuất



Trung Hoa phụ nữ giới sáng lập ra Trung Hoa thư cục. Đầu thế kỷ XX, bước đầu ngành xuất bản Trung Quốc hiện đại cũng toát lên cảnh tượng phồn vinh, một trong những tiêu chí chủ yếu để nhận ra điều đó là các tạp chí được phát hành với số lượng lớn.

xí nghiệp xuất bản theo hình thức mới để phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Khoảng giữa thế kỷ XX, nghề sách Trung Quốc cuối cùng cũng hoàn thành công cuộc cải cách "Tự cổ chí kim", dùng điện mạo hoàn toàn mới để hòa nhập cùng trào lưu xuất bản sách của thế giới, từ đó về sau, nghề sách hiện đại bắt đầu trở thành một hình thức chủ yếu của nghề sách Trung Quốc, chào đón một thời kỳ phát triển rực rỡ mới.

Năm 1949 sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, ngành xuất bản sách ở Trung Quốc cũng đạt được thành tựu cực lớn. Trải qua hơn sáu mươi năm phát triển, Trung Quốc đã trở thành một nước lớn về xuất bản trên thế giới.

Một là quy mô xuất bản qua các năm dần được mở rộng, thực lực xuất bản ngày càng được nâng cao. Năm 1950, có khoảng 211 đơn vị xuất bản sách trong cả nước, cũng trong năm đó xuất bản được khoảng 12.153 đầu sách, tổng cộng in đến 275 triệu quyển. Đến năm 2008, cả nước có 579 đơn vị xuất bản, xuất bản được khoảng 274.123 đầu sách, và

bản ở các vùng và các nước thuộc vùng văn hóa Nho gia. Nhưng từ thời cận đại đến nay, sức ảnh hưởng của nghề sách Trung Quốc đối với thế giới ngày càng giảm sút, từng có một thời kỳ tụt hậu so với trình độ tiên tiến của thế giới. Từ thế kỷ XIX đến nay, theo làn sóng "Tây học hóa", nghề sách Trung Quốc dựa trên nền tảng sẵn có cùng với việc học tập và tiếp thu những thành tựu tiên tiến trong lĩnh vực xuất bản của Phương Tây tiến hành chuyển mình thành công. Năm 1897 thành lập Thương vụ ấn thư quán, đến năm 1912 thành lập Trung Hoa thư cục, tích cực cải tiến kỹ thuật, thực hiện phương thức quản lý kinh doanh tư bản chủ nghĩa, thành lập những



Trong triển lãm sách quốc tế được tổ chức ở Frankfurt năm 2009, Trung Quốc đã lấy chủ đề "Kinh điển và Cách tân" thu hút đông đảo người tham quan.

tổng số bản in lên tới 7 tỷ 62 triệu quyển. Căn cứ vào bài viết "Nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu phát triển của ngành xuất bản trong xã hội Tiểu Khang" của Sở Nghiên cứu khoa học xuất bản Trung Quốc thì mục tiêu đến năm 2020 tổng giá trị mà ngành xuất bản mang về khoảng 800 tỉ nhân dân tệ, chiếm 1,9 đến 2,0% tổng GDP, tổng số đầu sách lên đến 3 triệu, tổng số bản in khoảng 8 tỉ 198 triệu.

Hai là kỹ thuật xuất bản ngày càng tiên tiến, số chữ xuất bản trong sách cũng được tăng lên nhanh chóng. Kỹ thuật dùng tia laze sắp chữ Hán kết hợp với máy vi tính, khiến nghề in ở Trung Quốc nói lời tạm biệt "chì và lửa", bắt đầu mở ra thời đại "quang và điện". Theo đó kỹ thuật in ấn lấy việc in đơn giản mà chất lượng tốt để phục vụ đầy đủ nhu cầu của độc giả làm điểm mấu chốt. Kỹ thuật sắp chữ cũng được phát triển mạnh và ảnh hưởng sâu rộng đến nghề sách Trung Quốc, có rất nhiều hình thức xuất bản như xuất bản sách in, xuất bản sách điện tử, xuất bản trên điện thoại... góp phần hình thành nên thị trường xuất bản ở Trung Quốc.

Ba là thể chế hóa và chuyên môn hóa các xí nghiệp in ấn xuất bản, xúc tiến việc chuyển mình theo xu thế ngày càng nhanh gọn, hệ thống pháp luật quy định về xuất bản cũng không ngừng được kiện toàn. Đẩy mạnh phát triển kỹ thuật mới để nhanh chóng hòa nhập vào quỹ đạo phát



triển chung của ngành xuất bản thế giới. Vì thế hầu hết cơ cấu xuất bản bắt đầu có sự chuyển hướng hiện đại hóa xí nghiệp để phù hợp với quy luật phát triển xí nghiệp văn hóa hiện đại. Trong lĩnh vực phát hành, các hiệu sách tư nhân, website bán sách trên mạng và những nhóm độc giả yêu sách cũng dần dần được lập nên; lĩnh vực nghiên cứu xuất bản và biên tập sách giáo dục trong hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp cũng dần được hình thành, phát triển và rất được coi trọng. Hệ thống thông tin pháp luật xuất bản cũng không ngừng được kiện toàn, bước đầu hình thành khung hệ thống pháp luật xuất bản, ngoài ra Luật bản quyền cũng được soạn thảo, cơ quan chấp pháp gồm tư pháp và hành chính cùng chung tay bảo vệ bản quyền thư tịch sách vở.

Bốn là xu thế quốc tế hóa ngày càng cao, bản quyền thương mại cũng phát triển rất nhanh. Bước vào thế kỷ XXI, quá trình quốc tế hóa trong ngành xuất bản của Trung Quốc không ngừng được đẩy mạnh, mở rộng quan hệ đối ngoại cũng không ngừng tăng lên, bản quyền thương mại và hợp tác xuất bản cũng đạt được những thành tựu rõ rệt. Giới xuất bản ở Trung Quốc cũng đồng thời hấp thu những tinh hoa của ngành xuất bản thế giới cùng với việc tuyên truyền, ca ngợi, truyền bá văn minh cổ đại Trung Hoa và những thành tựu trong văn hóa đương đại để chúng tỏ sự phát triển cũng như sự thành công của ngành xuất bản Trung Quốc. Trong khoảng mười năm gần đây, cơ cấu bản quyền thương mại ở Trung Quốc cũng dần được cải thiện, nhập vào và bán ra theo tỉ lệ khoảng mười năm trước là 15 : 1 đã được thu hẹp đến năm 2007 là 5 : 1, và một khẩu hiệu trong việc mở rộng phát triển ngành xuất bản văn hóa thông tin ở Trung Quốc được hình thành đó là "Lấy văn hóa dân tộc làm chủ thể, hấp thu những yếu tố tích cực của văn hóa ngoại lai, truyền bá văn hóa Trung Hoa ra toàn thế giới". Ngoài ra, tại các buổi hội chợ triển lãm sách ở Frankfurt, London, Mỹ... đều có những xuất bản phẩm của Trung Quốc. Mỗi năm một lần, hội chợ sách quốc tế được tổ chức tại Bắc Kinh cũng dần nâng cao tầm ảnh hưởng của Trung Quốc. Đáng nhớ nhất là vào năm 2009 Hội chợ triển lãm sách quốc tế được tổ chức tại Frankfurt, Trung Quốc đã dẫn đầu về số lượng nhà xuất bản, thành viên tham gia và ngành xuất bản cũng đóng vai trò quan trọng trong Thế vận hội Olympic Mùa hè 2008, Trung Quốc đã quảng bá rộng rãi nền văn minh huy hoàng chói lọi của nước mình tới bạn bè năm châu, tổng thuật từng giai đoạn lịch sử thăng trầm cũng như sự biến đổi không ngừng của Trung Quốc. Cơ cấu nhà xuất bản nội địa ở Trung Quốc tham gia khoảng 272 đơn vị, có 26 đơn vị đến từ Đài Loan, 15 đơn vị đến từ Hồng Kông, tổng số người tham gia là hơn 2.000 người, triển lãm khoảng 7.600 đầu sách. Ký hợp đồng bán bản quyền với các nước

phương Tây khoảng 2.417 cuốn. Theo thống kê của nước Đức, trong buổi triển lãm sách lần này, riêng Trung Quốc đã thu hút được 29 vạn lượt người đến tham quan, có vai trò quan trọng trong việc đẩy mạnh ngành xuất bản Trung Quốc sánh ngang tầm thế giới.

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của ngành xuất bản ở Trung Quốc đại lục, ngành xuất bản ở Đài Loan, Hồng Kông, vùng Ma Cao cũng đạt được bước phát triển mới. Dựa trên nền tảng phát triển phồn vinh của nghề sách tại các vùng này đã hình thành nên cái gọi là đa nguyên nhất thể của ngành xuất bản Trung Quốc, có tác dụng to lớn trong việc truyền bá và phát huy văn hóa dân tộc, chiếm một địa vị quan trọng trong ngành xuất bản thế giới, xu thế phát triển mạnh mẽ và huy hoàng hiện nay chứng tỏ có sự góp phần rất lớn của thành tựu văn minh nghề sách Trung Quốc thời cổ đại.

Nói tóm lại, tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc và đặc trưng chính thể của văn hóa Trung Hoa đã quyết định đặc trưng mới mẽ của nghề sách Trung Quốc. Một câu khái quát toàn bộ, chính là: "Lịch sử có kinh điển, hiện đại có sáng tạo", đặc trưng được biểu hiện chủ yếu là:

1. Lịch sử lâu dài: Từ góc độ sự truyền thừa của lịch sử mà nhìn nhận, Trung Quốc trở thành một trong bốn nền văn minh lớn trên thế giới, cũng là một trong những quốc gia có hoạt động xuất bản xuất hiện tương đối sớm. Từ khi bắt đầu phát minh ra văn tự và xuất hiện văn hiến, hoạt động xuất bản của Trung Quốc giống như ngọn lửa lan truyền, kéo dài mãi không ngừng nghỉ, cho đến nay đã có lịch sử hơn 3.000 năm.

2. Nội dung phong phú: Hoạt động xuất bản nguồn xa chảy mãi, là một di sản văn hóa lịch sử đáng quý của Trung Quốc và đối với toàn thế giới. Trong lịch sử văn minh nhân loại, số lượng trước tác và điển tịch của Trung Quốc rất lớn, hình thức, chất liệu, thiết kế cũng vô cùng phong phú, kỹ thuật thuật in ấn cũng được phát triển và thay đổi phù hợp, phạm vi truyền bá rộng lớn, cho đến tính liên tục và cần thận trong ghi chép, đều vô cùng có giá trị đối với văn hóa Trung Hoa.

3. Đa nguyên nhất thể: Cái gọi là đa nguyên, là chỉ ngoài dân tộc Hán ra, ngành xuất bản của các dân tộc thiểu số khác cũng đạt được những thành tựu huy hoàng. Cái gọi là nhất thể, tức là nội dung chủ yếu ngành xuất bản của các dân tộc vẫn là lấy chủ đề Nho, Thích, Đạo, mà đó đều là những thứ cấu thành nên văn minh Hoa Hạ. Ngày nay còn hình thành nên các vùng xuất bản như Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan, Trung Quốc đại lục. Về chính thể, thể hiện rõ đặc trưng đa nguyên nhất thể, cùng bổ sung cho nhau và phát triển hài hòa.



4. Ảnh hưởng sâu rộng: Ngành xuất bản của Trung Quốc không chỉ ảnh hưởng lớn đến việc hình thành, phát triển văn minh Trung Hoa mà còn hình thành nền văn minh xuất bản Trung Quốc mang đặc sắc riêng có, và lại còn có cống hiến quan trọng đối với sự phát triển của văn minh xuất bản thế giới. Kỹ thuật tạo giấy, kỹ thuật in ấn được truyền bá rộng rãi, hình thành nên vòng văn hóa Đông Á, là một biểu hiện quan trọng chứng tỏ cho sự ảnh hưởng của văn minh nghề sách Trung Quốc.

5. Tiếp tục đổi mới: Nhìn tổng quan lịch sử nghề sách Trung Quốc, hoạt động xuất bản của mỗi một giai đoạn đều có nguyên nhân và kết quả nhất định, không ngừng phát triển vượt bậc, thể hiện quỹ đạo phát triển độc đáo và diện mạo phát triển phong phú đa sắc thái. Văn hóa nghề sách Trung Quốc không chỉ nhấn mạnh phát triển tự chủ (như phát minh và phát triển kỹ thuật tạo giấy, kỹ thuật in ấn), thể hiện tinh thần ý chí vươn lên rõ rệt, mà còn đặc biệt coi trọng việc tiếp thu và dung hòa những nền văn hóa tiên tiến bên ngoài (như Phật giáo, trào lưu Tây học), cho nên có tính bao hàm nổi bật. Việc này quyết định quá trình diễn tiến, phát triển hàng ngàn năm của lịch sử nghề sách Trung Quốc, có thể mãi mãi không dừng, ngày thêm huy hoàng.

Sách này chủ yếu trình bày đặc trưng chính thể và nguồn mạch phát triển của văn hóa nghề sách Trung Quốc, đây là lịch sử văn hiến của hơn 3.000 năm.

NGUỒN XA CHẢY MÃI

Nguồn gốc và sự phát triển của nghề sách
Trung Quốc





Vương triều nhà Hạ được hình thành vào năm 2070 TCN là vương triều đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Sự thành lập của vương triều nhà Hạ là một cột mốc đánh dấu sự phát triển của văn minh Trung Hoa bước vào giai đoạn mới. Có đầy đủ chứng cứ rất rõ ràng để chứng tỏ chữ Hán được hình thành vào triều nhà Hạ và cũng từ đó bắt đầu được hệ thống hóa, sự thâm thấu thâm mỹ và trình độ văn hóa của cư dân triều nhà Hạ đều phát triển đến một trình độ nhất định, công cụ để viết sách và văn hiến bắt đầu được xuất hiện, đó cũng chính là điều kiện để hoạt động nghề sách thời kỳ đầu được mạnh mẽ và phát triển.

Sự ra đời của ký hiệu và chữ viết

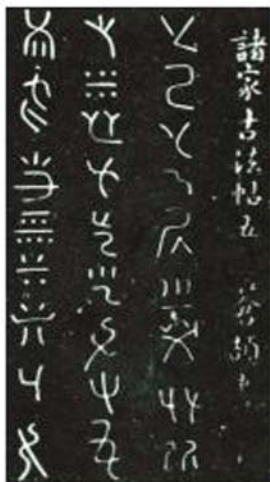
Sự xuất hiện chữ viết là một tiêu chí quan trọng để chứng tỏ xã hội loài người thay đổi từ thời mông muội tiến vào thời đại văn minh. Chữ viết sử dụng đặc tính riêng của mình trong việc hạn chế sự siêu việt trong thời gian và không gian để trở thành nền tảng của văn minh nhân loại. Việc xuất hiện chữ viết có tác dụng quyết định đến nghề sách Trung Quốc nói riêng và văn hóa Trung Quốc nói chung. Lịch sử phát triển của chữ viết trải qua một thời kỳ rất dài. Trước khi xuất hiện chữ viết, về cơ bản lịch sử chia thành hai thời kỳ đó là "hữu thanh vô ngôn" và "hữu ngôn vô văn". Dựa trên nền tảng của ngôn ngữ và sự vật hiện tượng thực tế, rồi lại trải qua ba giai đoạn đó là thắt nút để nhớ¹, khắc trên mai rùa hoặc xương thú và hình vẽ minh họa, sau đó mới bắt đầu xuất hiện chữ viết.



Chân dung Thương Hiệt.

Trong lịch sử Trung Quốc, có một thời gian dài lưu hành truyền thuyết "Thương Hiệt tạo chữ". Thương Hiệt là một sử quan thời Hoàng Đế (thế kỷ XXVI TCN), người cao lớn, có bốn mắt, có thể ngẩng đầu quan sát thiên văn, cúi nhìn thông tường địa lý, phân biệt rõ ràng dấu vết hoạt động của các loại chim thú, thường thấy những thứ mà con người không nhìn thấy, sau đó căn cứ vào hình tượng đó mà sáng tạo ra chữ Hán. Nhưng dù sao đó cũng là truyền thuyết trong lịch sử. Từ những ghi

¹ Trước khi chữ viết xuất hiện, người xưa dùng sợi dây thắt nút để ghi nhớ sự việc, tương truyền việc lớn thì thắt nút lớn, việc nhỏ thì thắt nút nhỏ. Hiện nay một số dân tộc không có chữ viết cũng dùng cách này để ghi nhớ sự việc.



Chữ viết được Thương Hiệt chế tác trong truyền thuyết.

chép văn hiến, chúng ta có thể xác định vào thời đại Thương Hiệt đã xuất hiện văn tự. Thời kỳ đó, chữ Hán nguyên thủy đã tích lũy được một số lượng nhất định, cũng như đã có sự chỉnh lý đạt đến một trình độ nhất định. Vì thế có người cho rằng, trước Thương Hiệt, chữ viết đã xuất hiện, nhưng chữ viết ở thời kỳ đó vẫn còn ở giai đoạn sơ khai, hình dạng khác nhau, không theo quy định, công lao của Thương Hiệt chính là tiến hành công việc chỉnh lý từ chữ viết với hình dạng không thống nhất trở thành một hệ thống văn tự có tính quy phạm và hoàn chỉnh, vì thế tên của ông được đời này nói đời khác ca tụng.

Từ những phát hiện khảo cổ học và các ghi chép trong văn hiến, những câu chuyện về thất nút để nhớ, ký hiệu khắc trên mai rùa hoặc xương thú, hình vẽ minh họa, và những ký hiệu khắc vẽ là những bước quan trọng trong quá trình xuất hiện chữ viết. Trong đó những ký hiệu khắc vẽ (cũng có người gọi là văn tự khắc vẽ) có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành của chữ viết. Những ký hiệu khắc vẽ và văn tự khắc vẽ về cơ bản được xuất hiện vào hậu kỳ xã hội nguyên thủy, tức

là vào giai đoạn phát triển cao của thời đại đồ đá mới. Trong hệ thống văn tự của nhiều dân tộc ở Trung Quốc vẫn còn giữ lại những dấu tích về việc ghi chép bằng đồ hình hình ảnh. Ví dụ như cuốn kinh điển được viết bằng chữ tượng hình của dân tộc Nạp Tây ở Vân Nam là *Đông Ba Kinh* có không ít ký hiệu tượng hình. "*Đông Ba*" (Vu Sư) nhìn vào đó có thể đọc ra được những



Cuốn sách kinh điển *Đông Ba Kinh*.



Nghệ sách Trung Quốc



Ký hiệu khắc vẽ trên đồ gốm trong văn hóa Đại Văn Khẩu.

câu thơ, bài thơ dài, giảng giải những câu chuyện cảm động lòng người. Tiến thêm một bước phát triển từ những ký hiệu hình ảnh, thì có thể chuyển đổi thành chữ viết tượng hình.

Trong di chỉ văn hóa Ngưỡng Thiều vào khoảng năm 4000 TCN và văn hóa Long Sơn sau đó đều có phát hiện ra loại chữ viết và ký hiệu khắc vẽ này. Trên đồ gốm sứ được tìm thấy tại thôn Đại Châu và di chỉ Lăng Dương Hà ở huyện Cử, Sơn Đông, Trung Quốc, đã phát hiện 18 ký hiệu khắc vẽ. Ví dụ như bốn ký hiệu trên.

Hầu hết các học giả đều cho rằng đó chính là chữ viết. Nó thuộc vào hậu kỳ văn hóa Đại Văn Khẩu ở Sơn Đông, vào khoảng từ năm 2800 đến 2500 TCN. Càng ngày có càng nhiều những phát hiện khảo cổ học đã chứng minh, vào thời kỳ văn hóa Long Sơn, cách chúng ta ngày nay khoảng trên dưới 4.500 năm, cũng chính là thời kỳ Hoàng Đế trong truyền thuyết, là thời kỳ mà chữ viết Trung Quốc bắt đầu manh nha hình thành, và cũng có những bước phát triển ngày càng thực chất hơn.

Phát hiện khảo cổ cũng chỉ ra rằng, trước khi chữ viết được ra đời, thì công cụ dùng để viết chữ đã xuất hiện. Từ những hình ảnh, ký hiệu được khắc trên đồ gốm được phát hiện tại di chỉ Bán Pha, thành phố Tây An, Thiểm Tây, như hoa văn trang trí hình mặt người, hình ảnh cá đang bơi, hay những hình ảnh hoa văn liên quan đến việc cày cấy, chính là dùng bút hoặc công cụ tương tự để vẽ lên, ngòi bút rõ nét có thể nhìn thấy. Năm 1959, những ký hiệu trên đồ gốm sứ được phát hiện trong văn hóa Đại Văn Khẩu ở Sơn Đông, có hai loại là được khắc vẽ và được viết lên, rõ ràng khi ấy đã sử dụng những công cụ để viết và khắc vẽ. Chỉ là công cụ để viết và khắc khi đó vô cùng thô sơ, đơn giản. Bút lông thì chỉ ít cũng phải đến triều đại nhà Thương mới bắt đầu xuất hiện.

Sau khi chữ viết ra đời, trải qua quá trình thay đổi và phát



Hoa văn trên đồ gốm vào thời nhà Hạ, được phát hiện tại di chỉ văn hóa Nhị Lý Đầu, tỉnh Hà Nam.



Bút lông thời Tây Hán được tìm thấy tại Vũ Uy, Cam Túc. Bút lông là công cụ viết chữ cơ bản nhất của Trung Quốc thời cổ đại, cho đến ngày nay vẫn có rất nhiều người còn đang sử dụng.



Quá trình thay đổi hình dạng của chữ Hán.

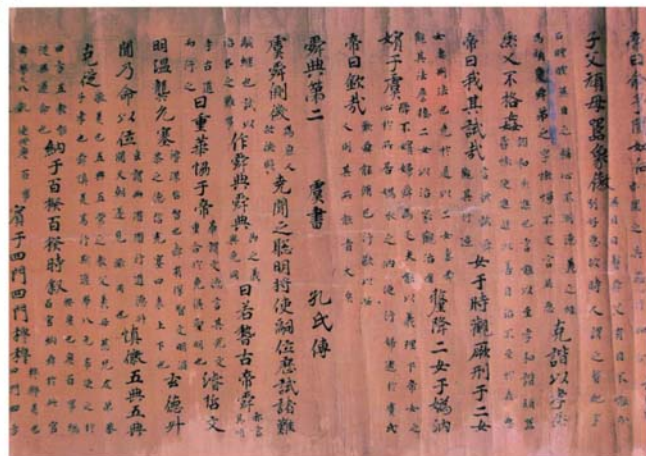
triển suốt một thời gian dài, đến thời đại Ân - Thương (1600 - 1046 TCN) phát hiện ra giáp cốt văn, đây là hệ thống chữ Hán hoàn thiện sớm nhất mà cho đến ngày nay chúng ta có thể biết được, khi ấy khả năng biểu đạt của chữ Hán đã được tăng cường hơn rất nhiều. Sau Giáp cốt văn, rất nhiều hình dạng chữ khác lần lượt xuất hiện trong lịch sử như Kim văn, Đại triện, Tiểu triện, Lệ thư, Khải thư... khi chữ Hán diễn tiến đến Khải thư thì về cơ bản đã được cố định, hoàn chỉnh và tiếp tục được sử dụng cho đến tận ngày nay. Tóm lại xu thế diễn tiến của chữ Hán chính là dưới tiền đề biểu thị rõ nghĩa, lược bớt nét chữ, sự tiện lợi trong cách viết chữ theo đó cũng dần được nâng cao. Từ khi chữ Hán xuất hiện đến nay vẫn luôn giữ được đặc trưng tượng hình biểu ý của nó.

Xuất hiện sách vở và quá trình biên tập, chỉnh lý

Chữ viết là điều kiện cơ bản để tạo nên sách vở, thư tịch. Người đương thời khi đã bắt đầu có ý thức viết hay khắc chữ lên những vật liệu khác nhau, mượn cách đó để chép lại những kinh nghiệm, kiến phát tư tưởng,



Nghệ sách Trung Quốc



Bản viết tay *Thượng thư*, có niên đại từ thời Đường. Đây là bộ sử thư sớm nhất hiện tồn của Trung Quốc, ghi chép lịch sử điển tịch còn tồn tại của nhà Hạ.

khiến nó được truyền bá ngày càng rộng rãi hơn, thư tịch khi đó bắt đầu xuất hiện. Có rất nhiều học giả thông qua việc phân tích đầy đủ các phương diện, đoán chừng rằng vào thời kỳ lịch sử từ thế kỷ XXI đến thế kỷ XVI TCN, tức là vào thời đại nhà Hạ thì Trung Quốc đã xuất hiện các thư tịch văn hiến. Việc suy đoán thời điểm này được dựa trên rất nhiều căn cứ: Hiện nay tại Trung Quốc vẫn còn tồn tại cuốn sử thư sớm nhất là *Thượng thư*, ghi chép về giai đoạn chuyển giao giữa hai triều Hạ và Thương. *Lã Thị Xuân Thu* ghi chép: vương triều nhà Hạ không những có lệnh soạn sách mà còn thiết lập cả quan viên chuyên trách việc cất giữ và bảo quản điển tịch, sách vở gọi là thái sử lệnh. Sau khi *Lã Thị Xuân Thu* được viết xong, từng được công bố rộng rãi trong thành Lạc Dương, tuyên bố rằng ai có thể thêm bớt được một chữ, sẽ được thưởng ngàn vàng. Có thể thấy nguồn gốc của đoạn tư liệu lịch sử đó cũng không phải là hoàn toàn vô căn cứ.

Tất nhiên, điển tịch văn hiến xuất hiện vào thời nhà Hạ vẫn không phải là sách vở một cách chính thức, nó chỉ là những ghi chép văn tự trước khi xuất hiện sách vở chính thức mà thôi, hoặc có thể xem nó như những tập tài liệu, hồ sơ. Dù là như thế, nhưng đích thực là những ghi chép trung thực mỗi một hoạt động dưới sự chi phối của tư tưởng con người lúc bấy giờ, không phải là thứ văn tự lộn xộn mà đã có một vài yếu tố của một cuốn sách.



Cuốn Hạ biểu chính, ghi chép về lịch pháp triều Hạ. Ngày nay nông lịch của Trung Quốc vẫn dùng theo lịch nhà Hạ.

Bắt đầu từ triều Thương, cư dân Trung Quốc đã viết chữ trên xương thú, đồng thau, ngọc, trúc, mộc để ghi chép thông tin, từ đó hình thành nên những bài văn trên xương thú, bài minh trên đồ đồng, bài tử trên ngọc, sách được viết bằng thẻ tre trúc. Tứ góc độ nội dung, hình thức và mục đích truyền bá của những tập hồ sơ, tài liệu đó mà nhìn nhận thì chúng đã có một vài đặc điểm và tính chất của một cuốn sách chính thức. Đồng thời, trong quá trình chính lý, biên soạn, cất giữ và chúng nghiệm đối với thẻ tre trúc và giáp cốt, cũng đã thể hiện những yếu tố biên tập nhất định, từ đó chúng ta có thể nhận ra hoạt động biên tập nguyên thủy xuất hiện từ trước khi sách vở chính thức được xuất hiện.

Vào thời nhà Chu (1046 - 256 TCN), triều đình đã bắt đầu thiết lập cơ quan chuyên phụ trách việc cất giữ, lưu trữ thư tịch kinh điển. Thời kỳ này, sách đã chính thức ra đời. Sau năm 770 TCN, các nước chư hầu phân tranh, trào lưu ra sách tự nhiên ngày càng nở rộ. Người sáng lập ra Nho gia là Khổng Tử (551 - 479 TCN) đã tiến hành biên tập, chỉnh lý hệ thống điển tịch cổ đại quan trọng của Trung Quốc, rồi còn lấy đó làm sách giáo khoa để giảng dạy cho học trò. Vì thế, Khổng Tử được xem là một nhà biên tập



Trang viết tay còn sót lại của Luận ngữ, có niên đại vào triều Đường ghi chép một cách chân thực tư tưởng của Khổng Tử



Nghề sách Trung Quốc

nổi tiếng nhất trong lịch sử Trung Quốc. Đến lúc này, lịch sử nghề sách Trung Quốc bắt đầu bước vào giai đoạn phát triển mới.

Từ giáp cốt đến giấy - chất liệu của xuất bản phẩm

Sau khi phát minh ra chữ Hán, xuất hiện một vấn đề: Dùng chữ Hán để viết hay khắc lên thứ gì mới có thể bảo tồn và lưu truyền được cho hậu thế? Cư dân Trung Quốc thời cổ từng sử dụng những chất liệu như đất gốm, xương thú, đá đồng, ngọc, thê tre, vải lụa để làm điển tịch, nhưng trải qua một thời gian dài chúng nghiệm thực tế, tổng hợp những ưu điểm của thê tre và vải lụa thì vẫn chưa đủ, vì thế việc phát minh ra giấy là một cống hiến vô cùng to lớn trong lịch sử văn minh và lịch sử nghề sách thế giới.

Giáp cốt

Cư dân Trung Quốc từ lâu đã biết sử dụng giáp cốt làm chất liệu để viết, giáp là mai rùa, cốt là xương thú, đặc biệt là xương bả vai của trâu bò. Việc khắc văn tự lên mai rùa và xương thú được gọi là văn giáp cốt hay văn thư giáp cốt. Giáp cốt là một cách thức ghi chép quan trọng vào thời Hạ, Thương, Chu ở Trung Quốc. Thời kỳ thịnh hành văn giáp cốt chính là triều Ân Thương và Tây Chu (1046 - 771 TCN).

Những di vật giáp cốt văn triều Ân Thương mà ngày nay phát hiện được hầu hết đều có niên đại vào khoảng hậu kỳ triều Thương (1300 - 1046 TCN). Những phát hiện chủ yếu vào triều Ân đều là phế khư, cho nên cũng gọi là "Ân khư giáp cốt". Nội dung chủ yếu là ghi chép chuyện chiêm bốc,



Giáp cốt văn được khắc trên mai rùa.



Giáp cốt có khắc văn tự. Chữ Hán trong giáp cốt văn đã trở nên khá thành thục.

bói toán triều Thương. Người triều Thương rất mê tín, tất cả mọi việc trong cuộc sống thường ngày đều phải hỏi các vị thần, Thượng đế, hỏi tổ tiên của họ, cụ thể các chuyện như săn bắn, việc nông, thiên tượng, thu hoạch, chinh phạt, tật bệnh, tế tự... đều phải bói toán xem tốt xấu ra sao. Hầu hết giáp cốt văn đều là những lời bốc tử mà người đương thời ghi chép lại. Ngoài bốc tử ra, trong giáp cốt văn còn có ghi chép những chuyện khác từ như ghi chép về số lượng tù binh trong chiến tranh, rồi thu hoạch sản bắt được bao nhiêu, việc ban thưởng ra sao, rồi tình hình tế tự như thế nào. Những lời khắc từ hầu hết đều được khắc trên xương thú. Xét một cách toàn diện, nội dung mà giáp cốt văn ghi chép lại được khá phong phú, dường như đề cập đến tất cả các phương diện của xã hội đương thời.

Văn thư giáp cốt xét từ góc độ bản chất là những tập hồ sơ, văn kiện, nhưng xét từ góc độ nội dung ghi chép và hình thức bề ngoài thì nó lại tập hợp khá đầy đủ những yếu tố của một cuốn sách chính thức.

Đồ đồng thau

Đồng thau là hợp kim của đồng và thiếc, những đồ dùng được chế tạo bằng đồng thau thì được gọi là đồ đồng thau. Văn tự được đúc khắc trên đồ đồng thau, được gọi là "minh văn đồ đồng thau", hay gọi là "kim văn".

Giữa thời Hạ - Thương là giai đoạn khởi thủy của thời đại đồng thau ở Trung Quốc, thời kỳ Thương - Chu (1600 - 771 TCN) là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của thời đại đồng thau ở Trung Quốc.

Đồ đồng thau có rất nhiều loại, hình dạng phong phú. Có khi chỉ là đồ dùng hằng ngày, cũng có khi là những đồ nhạc khí, lễ khí bằng đồng thau. Sự phát triển của đồ đồng thau được đánh dấu chính là sau khi đồng thau được dùng để chế tạo lễ khí dùng trong tế tự, dần dần trở thành



Đỉnh Đại Phương vào thời kỳ đầu nhà Thương, được tìm thấy tại Thương Thành, Trịnh Châu.



Nghệ sách Trung Quốc



Au đưng (thời Tây Chu), trên đó có khắc ghi lại chuyện Chu Vũ Vương tiêu diệt nhà Thương.

"Trọng khí" trong việc kiến bang lập quốc, tượng trưng cho quyền uy. Vì đồ đồng thau được coi trọng như thế cho nên đối với tất cả những tài liệu cần phải bảo quản lâu dài hay có những chuyện đại sự cần phải ghi nhớ để làm kỷ niệm, hầu hết các quý tộc đều đúc một loại đồ bằng đồng thau để ghi chép tài liệu hay sự việc lên trên đó, để hậu thế muôn đời gìn giữ. Văn tự được khắc trên những đồ đồng thau đó được gọi là minh văn.

Cho đến nay, số lượng bài minh văn mà Trung Quốc đã phát hiện và thu thập được lên đến con số hàng vạn. Từ triều nhà Thương đến thời nhà Hán (206 TCN - 220 SCN) đều có phát hiện những bài minh văn, trong đó có không ít những bài minh văn rất dài. Hiện tại, bài minh văn dài nhất trên đồ đồng thau được phát hiện trên chiếc đỉnh Mao Công, vào thời kỳ Tây Chu, tổng cộng có 497 chữ. Nội dung chủ yếu của minh văn trên đồ đồng thau phong phú hơn giáp cốt văn, nó đề cập đến tất cả các phương diện của xã hội. Nội dung chủ yếu bao gồm: điển lễ tế tự, ghi công chinh chiến, chép



Minh văn và bản dập trên đỉnh Mao Công.

Hi Bình thạch kinh

Hi Bình thạch kinh do học giả nổi tiếng là Sài Ung (133 - 192) chủ trì việc điêu khắc. Từ năm 175 đến năm 183, trải qua chín năm mới hoàn thành. Tổng cộng dùng đến 46 tấm bia đá, khắc bảy bộ kinh điển Nho gia. Có **Chu dịch, Lễ thi, Thượng thư, Xuân thu, Công Dương truyện, Nghi lễ, Luận ngữ**. Thạch kinh bắt đầu được khắc vào khoảng giữa những năm niên hiệu Hi Bình (172 - 178) triều Đồng Hán, cho nên gọi là *Hi Bình thạch kinh*. Sau khi khắc xong được dựng trước cửa nhà Thái học, thành Lạc Dương. Hằng ngày đều có rất nhiều người đến để thường lãm và chuyên tâm sao chép. Đây là bộ kinh điển Nho gia có sắc lệnh của nhà vua cho khắc in sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc. Việc này không chỉ một lần nữa mở rộng quy mô hoạt động hiệu chỉnh của triều đình đối với kinh điển Nho gia, mà cũng là một hoạt động biên tập xuất bản có quy mô lớn đầu tiên của triều đình. Xét trên một mức độ nhất định nó đã thúc đẩy việc xuất hiện kỹ thuật in dập và phát minh ra kỹ thuật in ấn.



Bản dập và hình dạng ban đầu của thạch cổ (trống đá).

chuyện ban thưởng, văn kiện hiệp ước, thiên tử giáo huấn, tán tụng tổ tiên...

So với giáp cốt văn, số lượng minh văn trên đồ đồng thau lớn hơn nhiều, tác dụng cũng nhiều hơn, minh văn được giới trí thức quan tâm, phạm vi truyền bá cũng rộng hơn, công dụng của thư tịch cũng bắt đầu thể hiện rõ tác dụng.

Thạch khắc

Những câu chuyện được khắc trên đá là một nét văn hóa truyền thống của cổ nhân, nguồn gốc của đá vốn rất rộng mà lại giữ gìn được lâu dài, so với các đồ vật bằng kim loại thì tiện dụng hơn nhiều, thạch khắc lộ thiên vừa mang tính công khai vừa mang tính quảng bá. Vào thời Xuân Thu (770 - 476 TCN) đã có những ghi chép liên quan đến văn tự thạch khắc. Văn tự thạch khắc sớm nhất hiện còn tồn tại ở Trung Quốc đó là văn trên trống đá thời Xuân Thu. Đầu thời Đường tại huyện Phượng Tường, tỉnh Thiểm Tây đã khai quật được mười thạch khắc có hình dạng tựa như chiếc trống. Bốn mặt quanh trống đều có khắc văn tự, thể chữ là tổ hợp giữa Kim văn và Tiểu triện, nội dung là những câu thơ liên quan đến hoạt động săn bắn, cho nên gọi là "Liệp kê".

Thời Tấn Thủy Hoàng (259 - 210 TCN), làn sóng khắc đá ngày càng phát triển. Ông tại vị 12 năm, từng nhiều lần đi tuần, tất cả những nơi ông qua đều có để lại những bài minh văn khắc trên đá, nhằm ca ngợi, tuyên dương công đức của ông đã thống nhất thiên hạ. Thời kỳ Đông Hán (25 - 220 SCN), phong trào khắc đá ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ nhất, khắp nơi đâu đâu cũng mọc lên những tác phẩm khắc đá vô cùng quy mô, vĩ đại. Có lẽ nổi tiếng nhất là *Hi Bình thạch kinh*, bản khắc bắt đầu khơi dòng cho hoạt động thạch khắc kinh điển Nho gia thời cổ đại, và trong lịch sử phát triển của sách vở thì bản khắc này có ý nghĩa vô cùng đặc biệt. Từ *Hi Bình thạch kinh* trở về sau, các đời sau thì nhau bắt chước, mô phỏng nhiều không đếm xuể,



Nghệ sách Trung Quốc

Có tất cả khoảng 6 lần hoạt động san khắc có quy mô lớn. Vẫn còn được bảo tồn khá hoàn chỉnh cho đến tận ngày nay chỉ có *Khai Thành thạch kinh* vào thời Đường và *Cần Long thạch kinh* vào thời nhà Thanh, trước đó là ở Tây An bị lâm (rừng bia ở Tây An), sau này ở Quốc Tử Giám của Bắc Kinh.

Ngoài kinh điển Nho gia được khắc đá ra, các đời còn

cho san khắc kinh văn Phật giáo và kinh điển của Đạo giáo. Quần thể bia kinh Phật hiện tồn vĩ đại nhất đó là thạch khắc kinh Phật trên núi Thạch Kinh, khu Phong Sơn, Bắc Kinh. Kinh khắc được bắt đầu vào đầu thế kỷ VII đến thế kỷ thứ XIII thì tạm dừng. Tổng cộng khắc 1.122 bộ kinh, 3.572 quyển và cần đến 14.278 tấm bia đá. Thạch kinh này, tục gọi là "Phong Sơn văn cư tự Thạch khắc Phật giáo Đại tạng kinh", gọi tắt là "Phong Sơn thạch kinh".



Bản dập thạch khắc trên núi Phong Sơn, thời Tấn Thủy Hoàng.



Khai Thành thạch kinh có niên đại vào triều Đường, hiện tồn ở rừng bia thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây.

Trúc mộc giản độc

Trước khi phát minh ra giấy, vật liệu để viết chữ được người Trung Quốc sử dụng sớm nhất, trong thời gian dài nhất, ứng dụng rộng rãi nhất và có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ nhất chính là thê tre và mộc bản (mặt gỗ). Một thê tre gọi là "giản", có nhiều thê tre nối kết lại với nhau gọi là "sách", gọi chung là "giản sách". Sách thê tre mà chưa được viết chữ lên gọi là "bản", đã viết chữ lên rồi gọi là "độc". Gọi chung với một cái tên là "mộc giản", gọi chung dựa vào tình trạng của sách là "bản độc", gọi chung của trúc mộc là "giản độc". Xét từ góc độ thời gian, thời gian mà trúc mộc được dùng làm vật liệu viết chữ rất lâu dài, sớm nhất có thể từ trước thế kỷ XXI TCN, thậm chí còn sớm hơn một chút so với giáp cốt và kim thạch.

Xét từ góc độ nội dung, những ghi chép trên trúc mộc có nội dung rất phong phú. Dựa trên nội dung có thể chia thành hai loại lớn là hồ sơ văn thư và thư tịch. Trúc giản thuộc loại thư tịch thì có kinh điển Nho gia, sử địa thư, luật pháp thư, binh thư, lịch pháp... nội dung rất rộng. So với các chất liệu ghi chép khác như giáp cốt, kim thạch... thì ưu điểm của trúc mộc thể hiện rất rõ: Một là chất liệu dễ kiếm, khắp nơi đều có, giá thành lại thấp;



Sổ mộc giản ghi chép về binh khí thời Tây Hán, được khai quật tại Cú Diên.



Giản thời Hán Uy Vô.



Nghề sách Trung Quốc

Hai là: Công nghệ sửa chữa đơn giản, tiện trong việc thay đổi trang viết; Ba là có thể liên kết các thẻ tre thành một quyển, khiến dung lượng càng thêm lớn, có thể viết sách dài với số lượng thiên quyển lớn, thuận lợi cho việc phổ cập văn hóa. Chính vì những ưu điểm như thế, nên sau khi phát minh ra giấy, giản độc và tơ lụa vẫn cùng với giấy lưu hành thêm mấy trăm năm nữa, đến thời Đông Tấn khoảng thế kỷ IV SCN, chất liệu viết sách này mới không được sử dụng nữa.

Bạch thư

Viết văn tự trên quyển (lụa sống, lụa mộc), tăng (lụa dày), kiềm (lụa nhũn), bạch (tơ lụa) gọi là bạch thư, cũng gọi là tố thư. Văn hóa dệt vải bắt nguồn từ Trung Quốc, và đã được cả thế giới công nhận. Căn cứ vào ghi chép trong sử tịch, muộn nhất đến thời Xuân Thu, lụa đã bắt đầu được sử dụng để viết sách. Cực thịnh trong khoảng thời gian từ Chiến Quốc đến Tam Quốc (220 - 280), trong khoảng bảy, tám trăm năm.

Còn về hiện vật, thì vào năm 1934 đã phát hiện được bạch thư trong một ngôi mộ có niên đại vào triều Sở ở Trường Sa, thường gọi là "Sở tăng thư". Trên đó có văn tự được viết bằng bút lông màu đen, nhắc đến rất nhiều nhân vật quan trọng trong truyền thuyết thời cổ đại, xung quanh có trang trí nhiều hình tượng kỳ lạ độc đáo, đây là hiện vật bạch thư sớm nhất hiện còn được lưu giữ lại đến nay.

Một lần phát hiện được nhiều nhất đó là vào năm 1973, bạch thư khai quật được trong mộ đời Hán của Mã Vương Đồi, tại Trường Sa, có *Lão tử* (Bản A, Bản B), *Dịch kinh*, *Chiến quốc sách*, *Chiến quốc tung hoành gia thư*... tổng cộng có hai mươi loại, hơn mười hai vạn chữ. Ngoài việc dùng bạch thư để viết chữ, kiềm bạch (lụa mỏng) cũng có thể được dùng để vẽ tranh, bao gồm bản đồ và tranh minh họa của trúc giản thư. Trong số trúc bạch được tìm thấy tại mộ của Mã Vương Đồi có *Đạo dẫn đồ* và ba tấm bản đồ cổ.

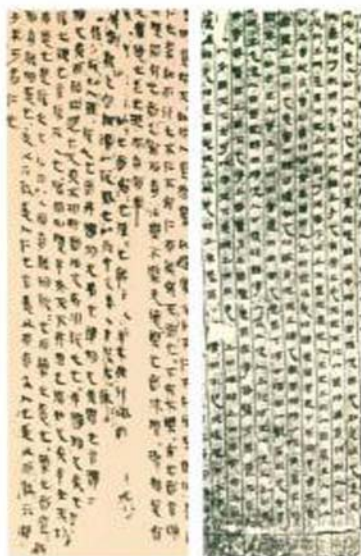
Chất liệu của kiềm bạch cũng khá nhẹ, mềm, khổ khá lớn, thể tích lại nhỏ,



Tổng thể Sở tăng thư vào thời Chiến Quốc.



Bách thư Chiến quốc tung hoành gia thư.



Bách thư Lão tử, bản A và bản B.



Bức họa trên lụa ở mộ số 1 Mã Vương Đồi, tại Trường Sa.

khắc phục được khuyết điểm quan trọng của trúc mộc giòn dẹt, là một bước tiến lớn về chất liệu viết sách. Nhưng dù sao đó cũng là vật được đan dệt và có giá trị tương đối cao, ngoài tầng lớp quý tộc ra, người bình thường khó có khả năng được sử dụng. Công trạng lớn nhất của nó là mở ra được lối tư duy mới của con người, nếu có thể chế tạo ra được một chất liệu viết sách mới thì tất cả mọi ưu điểm đều hoàn bị ở bạch thư, giá cả lại thấp hơn, không quá đắt tiền. Qua nhiều năm nghiên cứu, cư dân Trung Quốc cuối cùng đã dựa trên nền tảng xơ dầy và dày ngâm để phát minh ra kỹ thuật tạo giấy.



Kỹ thuật tạo giấy

Kỹ thuật tạo giấy là một thành tựu vĩ đại chứng tỏ sự phát triển của khoa học kỹ thuật thời Trung Quốc cổ đại. Kỹ thuật này cùng với kỹ thuật in ấn, thuốc súng, la bàn được gọi là tứ đại phát minh của Trung Quốc cổ đại.

Rất nhiều phát hiện khảo cổ đã chứng minh: Nhân dân lao động của Trung Quốc thời cổ đại dựa trên cơ sở thực tiễn sản xuất qua một thời gian dài, vào thời Tây Hán đã phát minh ra giấy sợi thực vật. Cho đến tận ngày nay, từ đầu thời Hán Văn Đế (tại vị từ 180 - 157 TCN) mãi cho đến Vương Mãng triều Tân (9 - 23 SCN) thì dừng lại, cơ hồ quá trình tạo giấy trong thời kì tại vị của các vị hoàng đế triều Tây Hán đều liên tục không ngừng được khai quật.

Năm 1986, giấy cổ được phát hiện tại khu mộ táng triều Hán, ở bãi Phóng Mã, Thanh Thủy, Cam Túc, khi xuất thổ được vẫn mang sắc vàng, giấy mỏng mà mềm, trên giấy có vẽ nhiều bản đồ, niên đại vào khoảng năm 176 - 141 TCN. Năm 1942, giấy cổ cũng được phát hiện tại di chỉ Phong Toại bên bờ đông sông Ngạch Tế Nạp, tỉnh Cam Túc vào đời Hán, trên giấy có bảy hàng chữ, tổng cộng 50 chữ, giấy vàng pha xám, có niên đại vào khoảng năm 89 TCN - 97 SCN. Năm 1990, giấy cổ được phát hiện tại thành phố Đôn Hoàng tỉnh Cam Túc, giấy có sắc vàng nhạt, sợi tương đối nhỏ, chất liệu tốt, trên đó có văn tự, niên đại vào khoảng năm 8 - 23 SCN.



Trên giấy cổ thời Tây Hán có vẽ bản đồ (khai quật được tại bãi Phóng Mã, tỉnh Cam Túc vào năm 1986, có niên đại vào khoảng năm 176 - 141 TCN).

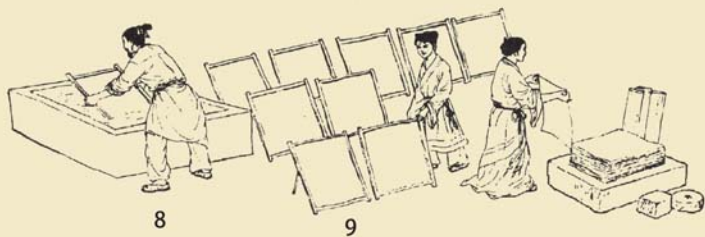
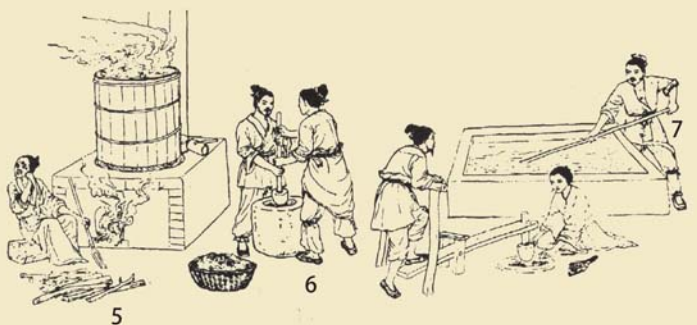


Mảnh giấy cổ còn sót lại từ thời Tây Hán (được tìm thấy tại eo Mã Khuyển, Đôn Hoàng năm 1979)

Việc phát hiện số lượng lớn giấy cổ vào thời Tây Hán, chứng minh giấy thực vật được dùng để viết sách và vẽ tranh đã xuất hiện ở Trung Quốc vào thế kỷ II TCN.

Giấy sợi thực vật tiện lợi mà bền, có giá rẻ và sạch sẽ của trúc mọc mà thể tích không lớn lắm, lại có sự mềm mịn của da trâu và kiêm bạch, lại có được sức bền của kim thạch mà đặc biệt là không quá nặng. Sự xuất hiện của nó khiến công cụ ghi chép và truyền bá tri thức có một cuộc cách mạng, thay đổi căn bản về chất, có tác dụng rất lớn trong việc đẩy mạnh sự tiến bộ của xã hội và sự phát triển của nghệ in ấn xuất bản.

Thời Đông Hán, Thái Luân (khoảng 63 - 121) đã tiến hành cải tiến kỹ thuật chế tạo giấy, rồi vào năm 105 SCN đã dâng lên hoàng đế, được hoàng đế ca tụng. Từ đó về sau, loại giấy này được phổ biến rộng rãi trong toàn quốc, lại được mỹ xưng là "Sái Hầu chỉ" (giấy của Sái Hầu). Sau này, kỹ thuật tạo giấy không ngừng được nâng cao, giá thành không ngừng giảm thấp, dần trở thành một chất liệu viết sách phổ biến nhất trong xã hội.



Sơ đồ quá trình tạo giấy thời Hán (1 và 3: Rửa nguyên liệu; 2: Cắt nguyên liệu; 4: Đốt cây cỏ sau đó trộn với nước; 5: Nấu; 6: Giã nguyên liệu; 7: Lèn chặt; 8: Xeo giấy; 9: Phơi giấy, bóc giấy).

Thế kỷ IV SCN, giấy đã hoàn toàn thay thế cho trúc mộc giản độc và ty bạch, trở thành chất liệu viết sách thông dụng nhất trong xã hội Trung Quốc.

Lịch trình diễn tiến của lịch sử nghề sách

Lấy việc phát minh ra kỹ thuật tạo giấy và kỹ thuật in ấn làm tiêu chí, có thể chia lịch sử ngành xuất bản Trung Quốc cổ đại thành bốn giai đoạn: Từ thế kỷ XXI TCN khi vương triều nhà Hạ thành lập cho đến khoảng thế kỷ II TCN khi phát minh ra kỹ thuật tạo giấy, gọi là thời kỳ trúc bạch tịnh hành; từ thế kỷ I TCN đến khi phát minh ra kỹ thuật in ấn vào thế kỷ VII, gọi là thời kỳ sách viết tay trên giấy; từ thế kỷ VII đến những năm 40 của thế kỷ XX trước khi kỹ thuật in ấn cơ giới hóa của phương Tây truyền vào gọi là thời kỳ in ấn thủ công; từ những năm 40 của thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX là thời kỳ in ấn bằng máy móc. Sau thế kỷ XX, ngành xuất bản Trung Quốc chính thức bước vào hình thái xuất bản hiện đại, sánh bước phát triển cùng ngành xuất bản thế giới.



Di chỉ hiện tồn của giản độc thời Hán, phát hiện tại vùng Cư Diên, tỉnh Cam Túc.

Thời kỳ trúc bạch tịnh hành (XXI - II TCN)

Thời kỳ trúc bạch tịnh hành, hoạt động xuất bản ở Trung Quốc từ hình thái manh nha tiến dần đến sự thành thục, về các phương diện phương tiện thể hiện văn tự, biên soạn trước tác, phục chế sao chép, hình thức sách vở đều có những bước phát triển rất lớn, cuối cùng trở thành một hoạt động lịch sử mang tính hệ thống tự thân, có đầy đủ đặc trưng thời đại rõ rệt.

Thời kỳ này, trên cơ sở văn tự đã sớm có sự diễn tiến, từ giáp cốt văn, kim văn, triện văn, phát triển đến lệ thư khiến tinh tiện lợi, nhanh gọn của văn tự viết sách ngày càng được tăng cường. Phương tiện để truyền tải văn tự được sử dụng rộng rãi chủ yếu là trúc mộc, giáp cốt, kim thạch, ty bạch, trong đó thời gian sử dụng trúc mộc là dài nhất, phạm vi rộng nhất, do đó hình thành nên hình thức sách sớm nhất tại Trung Quốc là "Trúc mộc giản độc".

Cùng với sự phát triển của văn hóa học thuật và sự thay đổi của phương thức thể hiện văn tự, số lượng và độ dài của điển tịch sách vở Trung Quốc cũng ngày một gia tăng, trong đó bao gồm những thư tịch sách vở có thể đại diện cho tinh túy văn hóa Trung Hoa như *Chu dịch*, *Thi kinh*,



Luận ngữ, Lão tử, Binh pháp Tôn Tử, Sử ký... những thư tịch này, số chữ ít nhất cũng đến 35.000 chữ, nhiều là mấy chục vạn chữ, chủ yếu được viết trên trúc mọc giần độc để lưu truyền lại cho hậu thế.

Hoạt động thu thập sách vở cũng dần được triển khai, quy mô các tàng thư trực thuộc triều đình cũng tăng lên, các chức trách chuyên môn cũng được kiện toàn, việc biên tập, chỉnh lý, trước thuật và cất giữ trở thành một mối thống nhất, tương tự trở thành một cơ quan trực thuộc nhà nước về xuất bản, số lượng xuất bản phẩm cũng hầu hết là của triều đình.

Việc phát triển văn hóa học thuật khiến nhu cầu đọc sách của mọi người cũng ngày một tăng lên. Đời Hán, sau khi nhà nước xác định Nho gia là quan học, càng thúc đẩy nhanh hơn nhu cầu đọc sách, tìm tòi của toàn xã hội. Từ thời điểm sản sinh ra sách, hoạt động truyền bá sách vở cũng như hình với bóng được triển khai ngày càng rộng rãi hơn. Mọi người thông qua các phương thức như sao chép, mượn đọc, sư đồ truyền dạy, khiến sách vở được truyền bá ngày càng rộng rãi. Việc sao chép sách vở vì thế cũng trở thành một nghề chuyên môn. Trong thời kỳ này, hoạt động buôn bán sách vở cũng dần được triển khai, hậu kỳ thế kỷ II TCN, từ quốc đô Trường An đương thời cho đến các thành thị có kinh tế, văn hóa tương đối phát triển đã xuất hiện những hiệu sách dân gian sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc - Tứ thư.

Bắt đầu từ thế kỷ III TCN, Trung Quốc và các quốc gia, khu vực xung quanh đã bắt đầu có sự giao lưu kinh tế, văn hóa. Hoạt động giao lưu xuất bản sách giữa Trung Quốc và các nước bên ngoài cũng dần được bắt đầu. Thời kỳ này, Phật giáo Ấn Độ và các điển tịch Phật giáo bắt đầu được du nhập vào Trung Quốc, tạo nên sự ảnh hưởng cực lớn đối với văn hóa xã hội Trung Quốc.

Thế kỷ II TCN, cư dân Trung Quốc trải qua một thời gian dài tìm tòi, đã phát minh ra kỹ thuật chế tạo giấy. Từ đó về sau, cũng trong khoảng thời gian tương đối dài, giấy và lụa cũng đồng thời được mọi người sử dụng. Cho đến đầu thế kỷ V SCN, giấy mới chính thức được hoàng đế đương thời hạ lệnh dùng thay thế hoàn toàn cho trúc bạch, trở thành một phương tiện truyền đạt thông dụng nhất trong xã hội.

Thời kỳ sách viết trên giấy (II TCN - VII SCN)

Ngành xuất bản ở Trung Quốc thời kỳ đầu đã có bước phát triển phồn vinh. Trong đó, từ khoảng thế kỷ II TCN đến thế kỷ IV SCN là giai đoạn đầu của việc dùng giấy để viết sách, lúc đó cả ba thứ giần, bạch, giấy đều cùng

lưu hành; thế kỷ V đến thế kỷ VII là giai đoạn chủ yếu của việc dùng giấy viết sách, cũng là thời kỳ phát triển đỉnh cao; sau thế kỷ VIII, cùng với việc ứng dụng rộng rãi của kỹ thuật in ấn, sách viết trên giấy và sách in cùng tồn tại, cũng trong giai đoạn này sách in bắt đầu trở thành chủ lưu trong thư tịch cổ đại Trung Quốc. Từ thực tế mà nhìn nhận, sách viết tay trên giấy có lịch sử phải hơn ngàn năm.

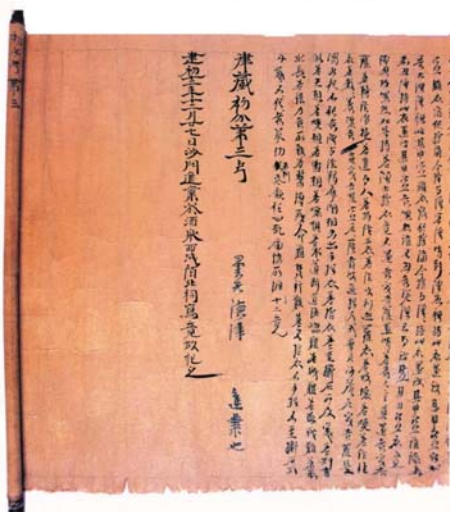
Sau khi giấy được lưu hành rộng rãi nhất trong xã hội, thì từ sao chép đến tạo quyển, dần được cải tiến, phát triển và hình thành nên một chế độ thư tịch hoàn chỉnh gọi là chế độ quyển trục.

Thời kỳ này, số lượng và loại hình sách vở không ngừng được nâng cao. Căn cứ vào số liệu thống kê, từ năm 25 đến năm 618 SCN, Trung Quốc

có tất cả khoảng 11.754 trước tác, với hơn 73.200 quyển. Xuất hiện nhiều trước tác theo loại hình mới như loại thư, văn tập, vận thư, tính thị phả. Việc phiên dịch kinh Phật trong thời kỳ này cũng rất phổ biến, từ năm 220 đến năm 618, tổng cộng số kinh Phật được phiên dịch khoảng hơn 1.500 bộ, hơn 4.000 quyển, trình độ phiên dịch cũng ngày càng được nâng cao. Đồng thời, cùng với sự ứng dụng rộng rãi của giấy, số trang và số lượng chữ của những trước tác đơn bộ ngày càng tăng lên, trước tác khoảng mấy chục vạn chữ là bình thường.

Cùng với sự tăng nhanh về số lượng sách và sự phong phú về loại hình, việc chỉnh lý và công tác biên mục sách vở cũng dần được triển khai. Từ

năm 26 TCN đến năm 6 TCN, Lưu Hưởng được sự ưu ái của hoàng đế, đã tập hợp một nhóm học giả đương thời tiến hành hệ thống hóa lại tàng thư nhà nước đương thời, sau khi chỉnh lý thống kê được 13.269 quyển. Đây là đợt chỉnh lý sách vở quy mô lớn do nhà nước tổ chức lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Trong quá trình chỉnh lý, nhóm Lưu Hưởng còn cẩn thận viết thành một thư mục để yếu, biên soạn thành bộ thư mục sách



Hình thức quyển trục thời kỳ đầu được phát hiện tại đồng Tạng Kinh, ở Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc; bản sách viết tay kinh Phật vào năm 416 SCN.



tổng hợp có tính hệ thống đầu tiên trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Sách vở được họ chỉnh lý thành sáu loại lớn: **Lục nghệ lược** chủ yếu là trước tác kinh điển Nho gia cho đến sách giáo khoa phục vụ việc học tập lục kinh; **Chư tử lược** bao gồm trước thuật của Bách gia chư tử từ thời Tiên Tần trở về sau; **Thi phú lược** bao gồm các tác phẩm văn học bao gồm thi ca, Hán phú; **Binh thư lược** thu thập những trước tác quân sự; **Thuật số, phương kỹ nhị lược** chủ yếu thu thập những trước thuật về phương diện khoa học tự nhiên và khoa học ứng dụng. Đây chính là cuốn *Lục phân pháp* nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

Sau Lưu Hưởng, các triều đại sau này đều có tàng thư quý mô nhà nước, chuyên biên soạn những bộ thư mục điển tịch. Cùng với sự thay đổi của tình hình xuất bản sách vở, phương pháp phân loại sách vở cũng có sự thay đổi. Năm 636, nhóm Ngụy Trung đã biên soạn *Tùy thư*, trong thiên *Kinh tịch chí* có thu thập mục lục toàn bộ sách vở trong tàng thư nhà nước, trước tác khi ấy có 3.127 bộ, tổng cộng 36.708 quyển, sách bị thất lạc có khoảng 1.064 bộ, tổng cộng 12.759 quyển. Nhóm Ngụy Trung còn dựa trên nền tảng hệ thống phân loại sách của đời trước mà phân loại sách thành tứ bộ là Kinh, Sử, Tử, Tập, trong đó Kinh chủ yếu là những trước tác thuộc về kinh điển Nho gia; Sử là những trước tác lịch sử thuộc các thế tài; Tử là những trước tác từ Bách gia chư tử đến các tôn giáo Phật, Đạo; Tập chủ yếu là thư tịch văn học. Đây là sách "Tứ phân pháp" nổi tiếng Trung Quốc cổ đại. Dưới tứ bộ còn được phân thành 40 tiểu loại nữa. Ngoài những thứ đó ra còn thêm Đạo kinh và Phật kinh.

Kinh tịch chí trong *Tùy thư* phản ánh khái quát diện mạo và kết cấu tình hình sách vở Trung Quốc vào giai đoạn sách viết tay trên giấy đã đạt đến một trình độ nhất định, từng bước phản ánh được đặc trưng của văn hóa cổ đại Trung Quốc và kết cấu của học thuật truyền thống. Thiên *Kinh tịch chí* trong *Tùy thư* có cách phân loại thư mục tạo ảnh hưởng rất lớn đến hậu thế, thư mục sách vở sau này cơ hồ đều dựa theo cách này mà biên soạn. Cho đến tận ngày nay, rất nhiều nơi ở Trung Quốc trong quá trình biên mục, chỉnh lý thư tịch đều chọn dùng cách phân loại tứ bộ này.

Sách vở thời kỳ này được phục chế chủ yếu dựa vào phương pháp sao chép, việc buôn bán sách cũng đã trở thành một nghề mới được hình thành, mọi người ngày càng có nhu cầu lớn về thư tịch, trước tác nổi tiếng bắt đầu được truyền bá rộng rãi trong xã hội. Xã hội xuất hiện một số lượng lớn "kinh sinh" lấy việc sao chép sách vở làm nghề mưu sinh. Cùng với việc không ngừng cải tiến mở rộng kỹ thuật làm giấy và công nghệ mực, kỹ thuật phục chế cũng đạt được những bước phát triển chưa từng có, kỹ thuật phục chế sao chép thủ công truyền thống đồng thời cũng được phát triển.

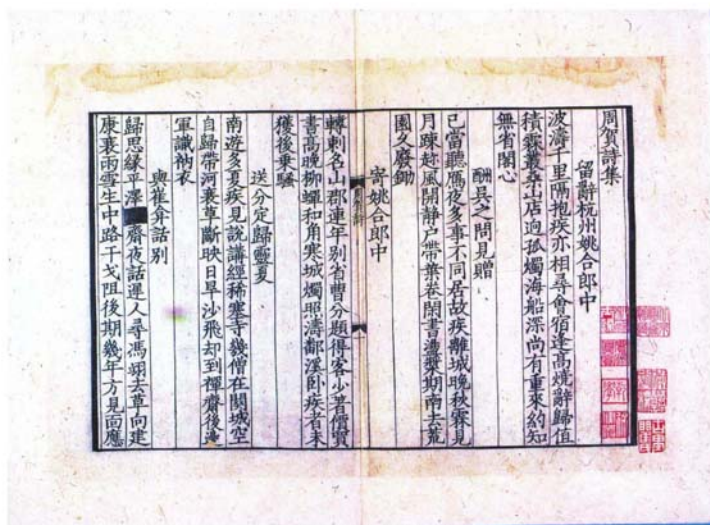
Kỹ thuật ép nén, ấn chương màu nước lẩn lượt được ra đời, là điều kiện để sáng tạo và phát minh ra kỹ thuật in ấn.

Thời kỳ này, thư tịch Trung Quốc và kỹ thuật tạo giấy bắt đầu được truyền bá vào các nước xung quanh như Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản và có ảnh hưởng rất lớn đến ngành xuất bản của các nước láng giềng.

Thời kỳ in ấn thủ công (thế kỷ VII đến những năm 40 của thế kỷ XIX)

Thế kỷ VII đến những năm 40 của thế kỷ XIX, kỹ thuật xuất bản của Trung Quốc luôn lấy việc in ván khắc làm chính. Thời kỳ này, được gọi là thời đại in ấn thủ công của ngành xuất bản cổ đại Trung Quốc.

Ngành xuất bản Trung Quốc cổ đại vào thời kỳ này được phát triển thịnh đạt nhất. Đến thế kỷ VII, Trung Quốc đã phát minh ra kỹ thuật khắc in. Sau đó, lại phát minh ra kỹ thuật in chữ rời và kỹ thuật in lên khuôn. Việc phát minh và ứng dụng rộng rãi của kỹ thuật in ấn, là tiêu chí để ngành xuất bản Trung Quốc bước vào giai đoạn phát triển mới trong lịch sử, số lượng và chất lượng sách vở đều có những bước nhảy vọt mới. Từ đó về sau, nghề khắc in sách của Trung Quốc cũng dần hưng thịnh, nhanh chóng hình thành năm hệ thống xuất bản lớn đó là quan khắc, tư khắc, phường



Bản **Chu Hà thi tập** được khắc tại Trấn Trạch phủ Lâm An thời Tống (nay là Hàng Châu), là tác phẩm tiêu biểu của phường khắc thời Tống.



Bản khắc *Tỳ bà ký* vào năm thứ 25 niên hiệu Vạn Lịch đời Minh (1597) là bản in tiểu thuyết hy khúc đương thời được phổ biến rộng rãi nhất.

khắc, tự quán khắc thư, thư viện khắc thư, năm hệ thống này có mối quan hệ ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển hướng về phía trước.

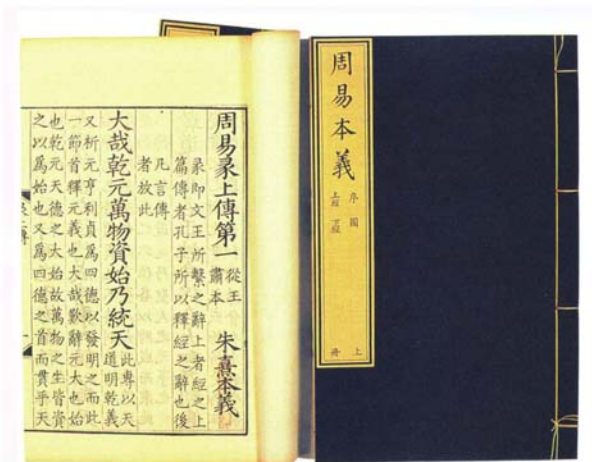
Số lượng sách vở thời kỳ này có bước tăng trưởng nhảy vọt về số lượng, tư nhân soạn mà quan phủ biên tập có bước phát triển nhanh chóng. Chỉ trong triều Minh, đã xuất hiện hơn 14.000 trước tác, 218.029 quyển. Khố sách và số trang đều được nâng cao, đặc biệt xuất hiện những trước tác cực lớn tiêu biểu như *Vinh Lạc đại điển*, *Tứ khố toàn thư*. Những trước tác chiếm số lượng nhiều nhất là kinh điển Nho gia, trước tác sử học, kinh Đại Tạng đều được san khắc nhiều lần, mỗi lần san khắc đều được xuất bản với quy mô lớn, việc đó chứng minh rõ ràng năng lực xuất bản của thời kỳ in ấn của Trung Quốc cổ đại.

Cùng với năng lực xuất bản được nâng cao, những tàng thư quan tu cũng đều được phát triển mạnh, phương diện giữ gìn và bảo quản sách vở cũng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú, đặc biệt xuất hiện những tòa tàng thư nổi tiếng như Hoàng Sử Thành, Thiên Nhất Các. Đồng thời các phương diện lưu thông và mua bán sách vở, cơ quan nhà nước, trường quan học cũng đều tham gia vào hoạt động buôn bán thư tịch này, các phương thư trong dân gian lại càng sôi nổi. Tại những trung tâm

xuất bản lớn trong toàn quốc, thư phòng mọc lên san sát, ngành xuất bản cũng được thổi thêm luồng sinh khí mãnh liệt của kinh tế thị trường, xuất hiện những hiện tượng mới như quảng cáo sách vở và bảo vệ bản quyền.

Về phương diện hình thức sách vở, để thích ứng với nhu cầu phát triển của kỹ thuật in ấn, cổ thư Trung Quốc bắt đầu phát triển đến chế độ trang rời. Xuất hiện các hình thức đóng sách như Kinh chiết trang (để một tập giấy dài sau đó gấp lại thành từng trang một rồi gấp lại với nhau), Hồ điệp trang (đóng sách hình bướm), Bao bối trang (đóng bọc gáy), Tuyến trang (đóng buộc chỉ), và hình thức cuối cùng là tuyến trang.

Hoạt động phát hành và buôn bán sách thời kỳ này từng bước được phát triển, xuất hiện hiện tượng phổ biến một cách lạ thường. Cơ cấu nhà nước và thương nhân bán sách trong dân gian đều tham gia vào hoạt động in ấn và mua bán sách vở. Các thư phòng dân gian cũng được phát triển vượt bậc, ngành xuất bản dần được kinh tế hóa. Đồng thời, quy mô giao lưu xuất bản với nước ngoài cũng ngày càng được mở rộng, Trung Quốc xuất khẩu một lượng thư tịch rất lớn, mở rộng việc truyền bá kỹ thuật tạo giấy và in ấn sang đại lục Âu - Á, ảnh hưởng sâu đậm đến sự phát triển của ngành xuất bản thế giới. Cuối thế kỷ XVI, các giáo sĩ Phương Tây bắt đầu hoạt động phiên dịch và trước tác sách vở Trung Quốc, mang một luồng sinh khí tươi mới đến cho nền văn hóa và ngành xuất bản đương thời.



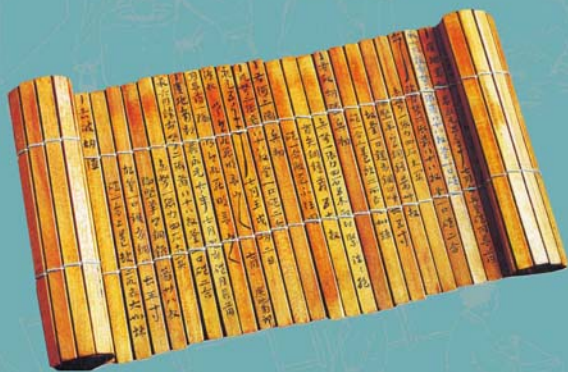
Bản khắc Chu dịch bản nghĩa được khắc chữ lớn trong nội phủ Khang Hy, triều Thanh.



Nhưng đến thế kỷ XIX, ngành xuất bản Trung Quốc vẫn chưa thể rời bỏ được hàng rào thủ công, chưa thể ứng dụng được phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa, nội dung và hình thức sách cũng không được đổi mới. Vì thế, đến thế kỷ XIX, ngành xuất bản Trung Quốc trở nên lạc hậu hơn so với trình độ tiên tiến của thế giới. Sau Chiến tranh Nha Phiến năm 1840, xã hội Trung Quốc truyền thống dần tan rã, bắt đầu bước vào con đường phát triển cận đại hóa. Cùng với sự du nhập kỹ thuật xuất bản hiện đại của phương Tây, ngành xuất bản của Trung Quốc cũng có sự biến đổi mạnh về chất. Từ đó về sau, ngành xuất bản của Trung Quốc cũng bắt đầu bước vào thời đại in ấn bằng máy móc. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cùng với việc thành lập thư cục dân doanh lớn như Thương vụ ấn thư quán, Trung Hoa thư cục, giới xuất bản Trung Quốc cuối cùng cũng thoát khỏi tình trạng phát triển lạc hậu, mở màn cục diện huy hoàng cho ngành xuất bản theo hình thức mới ở Trung Quốc, bắt đầu viết văn chương theo hình thức mới trong nghề sách Trung Quốc. Hội Xuất bản Trung Quốc cận đại và đương đại sẽ được giới thiệu qua từng mục trong sách này.

SÁCH GHI CHÉP THƯ TỊCH

Chế tác sách thời Trung Quốc cổ đại





Lựa chọn và biên tập nội dung

Xét một cách tổng thể, hình thức biên tập sách thời Trung Quốc cổ đại chia thành hai loại: Một loại là quan tu, nhà nước chủ trì, loại sách này đa phần do tập thể tuyển chọn, chỉnh sửa mà thành, như *Vĩnh Lạc đại điển*, *Tứ khố toàn thư*,...; Một loại nữa là sách do tư nhân biên soạn, đa phần là công sức của tác giả hoặc người biên tập mà thành, như *Sử ký*, *Toàn thư thượng cổ Tần Hán Tam Quốc Lục Triều văn*... Các nhà biên soạn lịch đại trải qua một thời gian dài làm việc thực tế cũng nghĩ ra được trình tự biên tập một cách hệ thống và thành thực, hình thành nên tư tưởng biên tập phong phú, có ảnh hưởng sâu sắc đến hậu thế sau này.

Nội dung sách Trung Quốc cổ đại rất phong phú, hơn nữa cũng theo sự phát triển của thời đại, nội dung cũng không ngừng được mở rộng và nảy sinh nhiều ý tưởng mới. Dựa vào bảng thống kê các tác phẩm qua các đời của Vương Du Quang, có thể thấy được khái quát tình hình sách của Trung Quốc thời cổ đại.

Bảng thống kê trước tác theo lịch đại Trung Quốc

Triều đại	Tổng số năm	Tổng số lượng tác phẩm	Tổng số trước tác	Số lượng trước tác bình quân mỗi năm	Tốc độ tăng lên
Tây Hán trở về trước (Trước năm 25 SCN)	747	1.033	13.029	138	
Đông Hán (25 - 220)	195	1.100	2.900	564	309%
Nguy - Tấn - Nam Bắc triều và Tùy (220 - 618)	398	10.654	70.304	2.679	375%
Đường ngũ đại (618 - 960)	342	10.806	185.074	3.160	18%
Tống (960 - 1279)	319	11.519	124.919	3.611	14%
Tây Hạ và Liêu Kim Nguyên (906 - 1368)	462	5.970	52.891	1.292	- 64%
Minh (1268 - 1644)	276	14.024	218.029	5.081	293%
Thanh (1616 - 1911)	295	126.649	1.700.000	42.932	745%
Trước thời kháng chiến dân quốc (1912 - 1937)	25	71.680	91.378	286.720	568%



Bản sao **Chiến Quốc sách** của Lục Nghiên Trai đời Minh do nhóm Lưu Hưởng chỉnh lý và đặt tên.

Nội dung sách Trung Quốc thời cổ đại được phản ánh rất rõ ràng thông qua các thư mục được biên soạn qua các triều đại.

Công tác biên mục hiệu đính sách với quy mô lớn và chính thức trong thời cổ đại Trung Quốc được bắt đầu vào thời Tây Hán. Cuối thời Tây Hán, học giả nổi danh là hai cha con Lưu Hưởng, Lưu Hâm nhận mệnh triều đình chỉnh lý tàng thư quốc gia. Họ căn cứ vào tình hình thực tế của tàng thư vào đời Tây Hán, trên cơ sở tổng kết và tiếp thu thành quả liên quan đến việc biên soạn trước tác và phân loại học thuật của tiền nhân, để tiến hành chia sách thành 6 loại lớn. Tình hình trước tác về cơ bản được thể hiện trong thiên *Nghệ văn chí sách Hán thư*, có thể phản ánh một cách khái quát tình hình phân loại sách của cha con Lưu thị:

Tập lược: Tổng tự

Lục nghệ lược: Chia thành 9 loại là Dịch, Thư, Thi, Lễ, Nhạc, Xuân Thu, Luận ngữ, Hiếu kinh, Tiểu

học, thu thập sách của 129 nhà, 2.926 thiên, 1 quyển tranh.

Chư tử lược: Chia thành 10 loại: Nho, Đạo, Âm Dương, Pháp, Danh, Mặc, Tung hoành, Tạp, Nông, Tiểu thuyết, thu thập sách của 187 nhà, 4.346 thiên.

Thi phú lược: Chia thành 5 loại: 20 nhà thuộc Khuất Nguyên phú, 21 nhà thuộc Lục Giả phú, 25 nhà thuộc Tôn Khanh phú, Tạp phú, Thi ca, thu thập sách của 106 nhà, 1.313 thiên.

Binh thư lược: Chia thành 14 loại thuộc Binh quyền mưu, Binh hình thế, Binh âm dương, Binh kỹ xảo, thu thập sách của 66 nhà, 1.375 thiên, có 44 quyển tranh vẽ.

Thuật số lược: Chia thành 6 loại Thiên văn, Lịch pháp, Ngũ hành, Thi quy, Tạp chiếm, Hình pháp, thu thập sách vở của 110 nhà, 2.557 quyển.

Phương kỹ lược: Chia thành 4 loại là Y kinh, Kinh phương, Phòng trung, Thần tiên, thu thập sách vở của 36 nhà, 862 quyển.

Tổng cộng tất cả sách vở chia thành 6 loại lớn, 38 loại nhỏ, thu thập sách của 634 nhà, 13.397 thiên, tổng cộng có 45 quyển tranh vẽ.

Trong đó, lục nghệ lược chủ yếu là trước tác kinh điển của Nho gia và sách giáo khoa để học tập lục kinh, đứng ở vị trí hàng đầu, đây là sự thể



Nghề sách Trung Quốc

Hiện việc "tôn kinh sùng Nho" trong thời Hán. Chu tử lược bao gồm những trước thuật của Bách gia chu tử từ thời Tiên Tần về trước. Thi phú là một thể văn rất được thịnh hành đời Hán, cho nên được xếp vào một loại riêng. Binh thư lược gồm những trước tác quân sự trong những năm chiến tranh liên tiếp, binh thư có tác dụng rất lớn đối với việc củng cố chính quyền phong kiến, thời Xuân Thu - Chiến Quốc đến nay có rất nhiều những loại sách như thế này, cho nên nó được đứng trước thuật số lược và phương kỹ lược. Thuật số và phương kỹ chủ yếu thu thập những trước thuật khoa học tự nhiên và khoa học ứng dụng. Tập lược chính là "tóm tắt tổng quát của lục lược"; "tóm tắt khái quát về chư thư", dùng để nói rõ nguồn gốc học thuật và ý nghĩa của sách vở lục lược, xiển thuật tác dụng của lục lược đồ thư và mối quan hệ qua lại của lục lược, tương đương với tổng tự trong sách, cho nên có cái đó trước lục lược. Hệ thống phân loại sách vở như thế về cơ bản phản ánh được tình hình học thuật và nội dung sách vở của Trung Quốc từ thời Tây Hán trở về trước.

Sau đời Hán, cùng với sự phát triển của nghề sách Trung Quốc, hệ thống phân loại sách cũng theo đó có sự biến đổi. Đầu triều Đường, nhóm Ngụy Trưng (580 - 643) biên soạn *Kinh tịch chí thuộc Tùy thư* đã lựa chọn sách, phân loại sách tứ bộ gồm kinh, sử, tử, tập, ngoài ra còn phụ thêm Đạo kinh, Phật kinh. Dưới bốn bộ lại được chia thành 40 tiểu loại bao gồm: Kinh có mười loại, Sử có 13 loại, Tử có 14 loại, Tập có 3 loại, Đạo có bốn loại, Phật có 11 loại. Thư mục cụ thể như sau:

Kinh bộ: Dịch, Thư, Thi, Lễ, Nhạc, Xuân Thu, Hiếu Kinh, Luận ngữ, Sấm vĩ thư, Tiểu học.

Sử bộ: Chính sử, Cổ sử, Tạp sử, Bà sử, Khởi cư chú, Cựu sự, Chức quan, Nghi chú, Hình pháp, Tạp truyện, Địa lý, Phả hệ, Bộ lục.

Tử bộ: Nho, Đạo, Pháp, Danh, Mặc, Tung Hoành, Tạp, Nông, Tiểu thuyết, Binh, Thiên văn, Lịch số, Ngũ Hành, Y Pháp.

Tập bộ: Sở từ, biệt tập, tổng tập.

Phụ thêm: Đạo kinh, Phật kinh.

Hệ thống phân loại này về cơ bản đã phản ánh được tình hình phát triển học thuật và xuất bản của Trung Quốc từ thời Đường trở về trước. Hệ thống phân loại tứ bộ trong *Kinh tịch chí sách Tùy thư* có ảnh hưởng rất lớn đến các loại lệ thư mục của hậu thế. Trong đó chọn sử dụng tứ phân pháp, thể lệ hoàn bị nhất,



Hình của Kỳ Quán - quan biên soạn, chính lý *Tứ khố toàn thư*.

nội dung phong phú nhất, và ảnh hưởng mạnh mẽ nhất là bộ *Tứ khố toàn thư tổng mục*.

Tứ khố toàn thư tổng mục còn có tên gọi khác là *Tứ khố toàn thư tổng mục để yếu* là thành quả của việc biên tập, chỉnh lí *Tứ khố toàn thư*, các quan biên tập căn cứ vào nội dung sách vở, triều đại biên soạn, lược sử tác giả, và nguồn gốc văn bản để soạn ra để yếu, lại do quan tổng toán biên soạn chỉnh lí Kỳ Quân (Tự Hiểu Lam, 1724 - 1805), thư mục được trình lên hoàng đế thẩm định. Cố tịch của *Tứ khố toàn thư* được thu thập vào trong *Tổng mục* có 3.461 loại, 79.309 quyển còn có 6.793 loại và 93.550 quyển của *Tứ khố toàn thư* mà chưa được thu nhập vào *Tổng mục*. Về cơ bản những thư tịch này bao gồm những trước tác cổ đại Trung Quốc từ triều vua Càn Long đời Thanh trở về trước. *Tổng mục* có 200 quyển, chia thành tứ bộ, 44 loại, 66 thuộc.

Kinh bộ: gồm 10 loại lớn đó là Dịch loại, Thư loại, Thi loại, Lễ loại, Xuân thu loại, Hiếu kinh loại, Ngũ kinh tổng nghĩa loại, Tứ thư loại, Nhạc loại, Tiểu học loại.

Sử bộ: gồm 15 loại lớn đó là Chính sử loại, Biên niên loại, Kỷ sự bản mật loại, Tạp sử loại, Biệt sử loại, Chiếu lệnh tấu nghị loại, Truyền ký loại, Sử sa loại, Tả ký loại, Thờ lệnh loại, Địa lý loại, Chức quan loại, Chính thư loại, Mục lục loại, Sử bình loại.

Từ bộ: gồm 14 loại lớn đó là Nho gia loại, Binh gia loại, Pháp gia loại, Nông gia loại, Y gia loại, Thiên văn toán pháp loại, Thuật số loại, Nghệ thuật loại, Phả lục loại, Tạp gia loại, Loại thư loại, Tiểu thuyết gia loại, Thích gia loại, Đạo gia loại.

Tập bộ: Gồm 5 loại lớn: Sở từ, Biệt tập, Tổng tập, Thi văn bình, Từ khúc.

Tổng mục là tập đại thành của tứ bộ phân loại pháp của sách vở thời cổ đại, trong đó đều theo thể chế biên mục truyền thống hoàn bị gồm phân bộ có tổng tự, mục loại có tiểu tự, các sách đều có để yếu. Thông qua một hệ thống như thế, đối với tình hình học thuật trước thế kỷ XVIII của Trung Quốc có thể tiến hành tổng kết một lần. Vì thế, *Tổng mục* không chỉ có thiên trật rất lớn, thể lệ cũng khá hoàn bị, nội dung phong phú mà còn có giá trị học thuật nhất định.

In ấn và sao chép - kỹ thuật phục chế xuất bản phẩm

Phát minh ra kỹ thuật in ấn là một việc có ý nghĩa trọng đại trong sự phát triển của xã hội loài người, nó thúc đẩy nhanh bước tiến của văn hóa nhân loại và sự hoàn thiện thế giới. Trung Quốc là quốc gia đầu tiên phát



Nghề sách Trung Quốc

minh ra kỹ thuật in ấn. Kỹ thuật in ấn vào thời cổ đại Trung Quốc chia thành ba loại: in ván khắc, in chữ rời, in dập khuôn. Trong đó kỹ thuật in ván khắc được phát minh sớm nhất, sử dụng rộng rãi nhất. Sau khi phát minh ra kỹ thuật in ấn, Trung Quốc bắt đầu bước vào thời đại sách in, ngành xuất bản in ấn cũng ngày một phồn thịnh. Thời đại in ấn, việc chép sách thủ công cũng không vì sự phát triển phồn vinh của sách in mà bị ngưng trệ, ngược lại vẫn được tồn tại với số lượng lớn, và bổ sung cho sự khiếm khuyết của sách in để cùng nhau tồn tại.

In ván khắc

In ván khắc cũng gọi là in chính bản hay in mộc bản. Phiến gỗ được chọn là gỗ cây lê hoặc cây táo, thợ khắc viết chữ lên đó, rồi bôi mực đen lên, để chữ in lên trên giấy. Vì thời xưa thao tác ấn thủ công, trên bản in đó dùng chổi cọ chuyên dùng để phết mực đen lên giấy được dán trên bản khắc, như thế gọi là in ván khắc. Hiện nay, căn cứ trên những tài liệu đáng tin mà xem xét thì, kỹ thuật in ấn của Trung Quốc xuất hiện muộn nhất vào giữa thế kỷ VII và VIII (đầu thời Đường đến thời Thịnh Đường), thời gian bắt đầu vào khoảng giữa thế kỷ VI và VII.

Trong văn hiến thời Đường hiện tồn, có rất nhiều ghi chép liên quan đến việc phát minh và ứng dụng rộng rãi của kỹ thuật in ấn thời Đường. Năm thứ tư niên hiệu Trường Khánh đời vua Đường Mục Tông (824), thi nhân Nguyên Chấn (779 - 831) đã viết bài tựa cho sách *Bạch thị Trường Khánh tập* của Bạch Cư Dị (772 - 846), thi tập của Nguyên Chấn và Bạch Cư Dị đương thời đều được khắc in với số lượng lớn và được lưu hành rộng rãi trong dân gian, còn được bán khắp trong các hiệu sách. Năm thứ chín niên hiệu Đại Hòa (835), vì số lượng sách vở do tư nhân in ấn dần được tăng lên về quy mô và số lượng, triều đình không thể không hạ lệnh ngăn cấm. Có nhiều ghi chép về vụ việc này nói rõ kỹ thuật in ấn bằng ván khắc đến thế kỷ IX được ứng dụng rộng rãi trong việc san khắc thư tịch. Ví thế có thể suy đoán, việc phát minh ra kỹ thuật ván khắc còn sớm hơn so với thời gian được ghi chép trong thư tịch.

Từ những tác phẩm in ấn hiện còn được biết đến thì những tác



Công cụ sử dụng trong kỹ thuật in bằng ván khắc



Ấn bản Kim Cương kinh vào năm thứ 9 niên hiệu Hàm Thông (năm 868) đời Đường.

phẩm in ván khắc sớm nhất đều có niên đại vào thời Đường, trong đó tác phẩm nổi tiếng nhất chính là *Kim Cương kinh* in bằng ván khắc vào năm thứ 9 niên hiệu Hàm Thông đời vua Đường Ý Tông, được phát hiện tại Đôn Hoàng. Đây là tác phẩm in ván khắc có thể biết được chính xác niên đại khắc in sớm nhất trong lịch sử thế giới cho đến thời điểm hiện tại. Sách hoàn chỉnh từ đầu đến cuối, hình ảnh chất phác trang nghiêm, hoa văn khắc họa tinh xảo, đao pháp thuần thực, sắc màu đều đặn, in ấn rõ ràng, chứng tỏ kỹ thuật in tác phẩm này đã đạt đến độ thành thục, hoàn chỉnh vô cùng, tuyệt đối không phải là sản phẩm của kỹ thuật in ấn thời kỳ đầu.

Vào thế kỷ XX, tại Hàn Quốc và Nhật Bản cũng khai quật được những tác phẩm in chữ Hán vào thời Vô Tắc Thiên triều Đường (690 - 705), như *Vô Cấu Tịnh Quang Đại Đà La Ni kinh* được phát hiện trong tháp Thích Ca, chùa Phật Quốc, Khánh Châu, Hàn Quốc, cùng với chùa Pháp Long, tỉnh Đại Hòa, Nhật Bản và trong bảo tàng Luân Đôn nước Anh. Trong khoảng năm



Tác phẩm *Vô Cấu Tịnh Quang Đại Đà La Ni kinh* được khai quật tại Hàn Quốc.

770 SCN trở về trước, thiên hoàng Shotoku ở Nhật Bản (tại vị từ năm 764 - 770) đã hạ lệnh khắc in bách vạn kinh chú. Những tác phẩm in ván khắc được phát hiện tại Hàn Quốc và Nhật Bản chứng tỏ đến thời kỳ Vô Tắc Thiên thời Đường và Đường Huyền Tông (tại vị từ năm 710 - 756) kỹ thuật in ván khắc của Trung Quốc đã phát triển đến trình



Nghệ sách Trung Quốc



Vở Cấu Tịnh Quang Đại Đà La Ni kinh (bách vận kinh chủ) ở Nhật Bản.

độ cao, hơn nữa số lượng tác phẩm được khắc in bắt đầu tăng nhanh, có quy mô và trình độ kỹ thuật nhất định, sau đó mới được truyền bá ra nước ngoài.

In hoạt tự

Kỹ thuật in hoạt tự (chữ rời) là phương pháp dùng sẵn những chữ rời, sau đó căn cứ vào nội dung bản thảo, lựa chọn những chữ cần thiết mà gắn vào thành hàng rồi tiến hành in ấn. Sau khi in xong sách, bản khắc lại được tháo tung ra, những chữ đơn lại có thể dùng để sắp xếp lại để in sách khác.

Chữ rời bằng đất sét là chữ rời xuất hiện sớm nhất trên thế giới, người phát minh ra nó là một người nông dân ở Trung Quốc, tên Tất Thăng (? - 1051), thời gian phát minh trong khoảng năm 1041 đến năm 1048 niên hiệu Khánh Lịch triều Bắc Tống (960 - 1127). Liên quan đến phát minh này, nhà khoa học cùng thời với Tất Thăng là Thẩm Quát (1031 - 1095) trong tác phẩm *Mộng Khê bút đàm* cũng có ghi chép khá tỉ mỉ, từ đó chúng ta có thể hiểu được toàn bộ công nghệ in chữ rời và phương pháp tạo ra chữ rời.

Sau khi Tất Thăng tạ thế, chữ rời được con cháu của Thẩm Quát tiếp tục phát huy, chính vào lúc Thẩm Quát viết *Mộng Khê bút đàm* thì chữ rời vẫn còn được bảo tồn, đủ để chúng ta độ tin cậy và tính quyển uy của ghi chép này. Sau Tất Thăng, người làm sách các đời sau đều dựa vào cách



Tượng Tắt Thăng

chế tạo chữ rời bằng đất sét theo cách của ông.

Thời Nguyễn (1206 - 1368), moi người bắt đầu sử dụng chữ rời làm bằng gỗ để in sách. Nhà nông học nổi tiếng Vương Trinh cũng có cống hiến rất lớn về phương diện này. Năm thứ hai niên hiệu Đại Đức triều Nguyễn (1298), Vương Trinh từng sử dụng chữ rời làm bằng gỗ để thử in tác phẩm *Tinh Đức huyện chí* với hơn 6 vạn chữ do mình biên soạn, chưa đầy 1 tháng đã in được hơn 100 bộ, hiệu suất cao hơn hẳn so với kỹ thuật in ván khắc. Vương Trinh lại dựa trên kinh nghiệm của bản thân tích lũy được để viết cuốn *Tạo hoạt tự ấn thư pháp*, lưu giữ nhiều tư liệu văn hiến lịch

sử quý báu. Ông còn sáng tạo ra giá sắp chữ bàn tròn, chữ rời bằng gỗ căn cứ trên vận bộ và độ lớn nhỏ mà sắp xếp vào trong bàn xoay bằng gỗ được đặt ở hai bên, thợ sắp chữ có thể ngồi một chỗ mà lựa chọn chữ, chỉ cần xoay bàn chuyển động thì có thể chọn được chữ cần tìm.

Vào thời Nguyễn, chữ rời làm bằng gỗ đã được truyền đến các vùng dân tộc thiểu số, được sử dụng để in ấn thư tịch của họ. Tại động Thiên Phật, Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc từng phát hiện được mấy trăm chữ rời, chữ viết của dân tộc Hồi Hạc được tạo thành từ gỗ cứng.



Mô hình về khung bàn tròn sắp chữ do Vương Trinh phát minh.



Nghệ sách Trung Quốc



Chữ rời bằng gỗ, văn tự của người Hồi Học, được tìm thấy trong hang động tại Đôn Hoàng, có niên đại vào đầu thế kỷ XIII, là chữ rời sớm nhất.

Hoạt động in sách bằng chữ rời với chất liệu gỗ lớn nhất vào triều Thanh chính là ấn bản *Vũ Anh điện tự trần bản trình thức* được in vào năm 1773, năm thứ 38 niên hiệu Càn Long. Kim Giản là người chủ trì hoạt động khắc in cuốn này, sau đó dựa trên kinh nghiệm của bản thân mà viết cuốn *Vũ Anh điện tự trần bản trình thức*, đây là bộ văn hiến quan trọng nhất trong lịch sử in ấn Trung Quốc, được dịch ra nhiều thứ tiếng như: tiếng Đức, tiếng Anh và được lưu truyền rộng rãi trên thế giới.

Chữ rời bằng kim loại thời cổ đại Trung Quốc bao gồm: chữ rời bằng đồng, chữ rời bằng thiếc, chữ rời bằng chì. Trong đó, chữ rời bằng đồng được sử dụng sớm nhất, với số lần sử dụng nhiều nhất và đều do điều khắc thủ công mà thành. Dùng chữ rời bằng đồng để in sách phải đến cuối thế



**Vũ Anh điện tự trần bản
tùng thư**

Hoàng đế Càn Long khi hạ lệnh chỉnh li **Tứ khố toản thư** đã hạ chiếu san hành một bộ cổ thư đã thất truyền được rút ra từ trong tập **Vĩnh Lạc đại điển**. Nhưng vì số lượng lớn, việc in văn khắc sẽ tiêu tốn tiền tài vật lực, nhân lực, thời gian lại dài, nên người chủ trì việc khác in là Kim Giản đã kiến nghị dùng chữ rời bằng gỗ để in, được sự phê chuẩn của Càn Long, đồng thời tự tên ban đầu là hoạt tự bản đổi thành "Tự trần bản", để cho văn nhã. Kim Giản đã cho thợ khắc 253.500 chữ rời bằng gỗ tạo lớn nhỏ khác nhau, sau đó in thành cuốn **Vũ Anh điện tự trần bản** cùng thư với 134 loại, hơn 2.300 quyển.

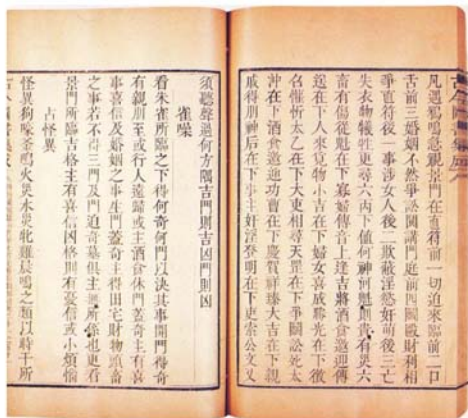
kỷ XV mới bắt đầu hưng thịnh, đương thời tại Giang Tô có không ít đại gia chuyên đúc chữ rời bằng đồng để in sách, nổi tiếng nhất có mấy nhà như Hoa Toại, Hoa Kiên và An Quốc ở Vô Tích.

Việc in ấn chữ rời bằng đồng vào triều Thanh chủ yếu là trong nội phủ, trong đó nổi tiếng nhất là bản *Cổ kim đồ thư tập thành*, từ năm thứ tư đến năm thứ sáu niên hiệu Ung Chính, nội phủ triều Thanh đã sử dụng các chữ rời bằng đồng với hai loại lớn nhỏ sắp thành 65 bộ, mỗi bộ 5.200 quyển. Đây là bộ sách căn sử dụng số lượng chữ rời lớn nhất để sắp thành hàng của Trung Quốc. Quyển trật phong phú, in sắp tinh xảo, chưa từng có trong lịch sử.

In sáo bản

Kỹ thuật in sáo bản được phát triển dựa trên nền tảng của kỹ thuật in ván khắc. In sáo bản là trên một trang giấy in ra mấy màu sắc khác nhau. Người ta đem những phần cần in màu sắc khác nhau đó, lần lượt khắc thành bản có qui cách to nhỏ giống nhau, rồi in lên cùng một tờ giấy. Cách in sách này gọi là "sáo bản". Thời kỳ đầu khi phát minh ra sáo bản, đa phần dùng hai màu là đỏ và đen trong quá trình in, như thế khi in ra sách được gọi là "bản chu hắc", hay "song ấn". Sau này phát triển đến in sáo bốn màu, năm màu. Căn cứ vào việc dùng bao nhiêu màu, sách in sáo được gọi là sách "tứ sắc" hay "ngũ sắc"...

Căn cứ vào những đoán định trong quá trình phát hiện cổ vật, thời gian phát minh ra kỹ thuật in sáo mộc bản khoảng thời Tống - Liêu - Kim, tức là trong khoảng năm 960 - 1234, cũng không cách quá xa thời gian phát minh ra kỹ thuật in hoạt tự. Trong số tác phẩm hiện tồn, đã phát hiện được ba bức hình in sáo *Nam Vô Thích Ca Màu Ni Phật* được phát hiện tại tháp Thích Ca, chùa Phật Cung, huyện Ứng, tỉnh Sơn Tây; thời gian in ấn tương ứng vào khoảng niên hiệu Thống Hòa, triều Liêu (983 - 1012). Ngoài ra còn có một bộ



Ấn bản hoạt tự bằng đồng tác phẩm *Cổ kim đồ thư tập thành* vào đời Thanh.



Bản khắc Võ Văn Hòa thượng Kim Cương kinh chú giải tại chùa Tư Phúc, năm thứ sáu niên hiệu Chi Nguyên triều Nguyễn.

khắc là Võ Văn Hòa thượng Kim Cương kinh chú giải được khắc in vào năm thứ 6 niên hiệu Chi Nguyên thời Nguyễn Thuận Đế (1340) dùng hai màu. Kinh văn màu đỏ, chú giải màu đen, quyển đầu hình linh chi là hai màu xen kẽ. Có thể thấy, thời kỳ này, kỹ thuật in sáo bản đã bắt đầu được sử dụng trong in ấn.

Cuối thời Minh (thế kỷ XVI - XVII) là thời kỳ thịnh hành của kỹ thuật in sáo bản. Ngày nay chúng ta thường thấy chủ yếu là bản in sáo triều Minh, đa phần là do hai nhà khắc in là Mãn Tế Cấp, Lăng Mông Sơ ở Ngô Hưng (nay thuộc tỉnh Chiết Giang), trong khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1563 - 1620) triều Minh. Theo thống kê chưa đầy đủ, tổng cộng hai nhà đó khắc in được 145 loại thư tịch theo hình thức sáo bản, trong đó đã biết có 13 loại có in ba màu, 4 loại in bốn màu, 1 loại in năm màu. Hai nhà cùng ấp, cùng làm một nghề, đời nối đời, được xem như một giai thoại trong lịch sử in ấn của Trung Quốc.



Bản Tam kinh bình chôi in sáo bản ba màu của Mãn Tế, trong khoảng niên hiệu Vạn Lịch, triều Minh



Cổ văn uyên giám bản in sáu bốn màu vào thời Khang Hy, triều Thanh.



Bức Ngọc đường phú quý đời Thanh, dùng công nghệ in sáu trên bản gỗ.

Đến đời Thanh kỹ thuật in sách cũng tiếp tục phát triển. Căn cứ vào ghi chép trong *Trung Quốc bản khắc tổng lục*, đời Thanh có hơn 40 nhà chuyên xuất bản sách in sáu. Quan khắc thì có *Cổ văn Uyên giám* in bốn màu và *Ngự tuyển Đường thi* in hai màu vào niên hiệu Khang Hy và *Ngự chế Đường Tống văn tuấn* in bốn màu và *Khuyến thiện kim khoa* in năm màu vào niên hiệu Càn Long... Tư phường trong dân gian cũng có những tác phẩm tiêu biểu, chỉ riêng cuốn *Đồ công bộ tập* mà có tới hai bản là bản in sáu màu của Lưu Càn ở Trác Châu và bản in năm màu của Diệp Văn ở Quảng Đông, đều được người đương thời đón nhận.

Năm loại hình xuất bản lớn cùng nhau hưng thịnh

Ngành xuất bản thời cổ đại của Trung Quốc phát triển rất sớm và được phổ cập đầu tiên ở Trung Quốc. Bắt đầu từ thời Đường Ngũ Đại đã đặt nền tảng cho ba loại hình xuất bản lớn đó là: Nhà nước khắc in sách, tư gia khắc in sách và thư phường khắc in sách, ngoài ra còn có sự đóng góp của hai loại hình khác cũng không thể xem nhẹ đó là tự quán khắc in sách và thư viện khắc in sách, hình thành nên một hệ thống xuất bản sách



mang đặc trưng riêng của Trung Quốc cổ đại. Mỗi loại hình khắc in sách trong hệ thống này cũng mang đặc sắc riêng, trong quá trình phát triển dài lâu, nó có những cống hiến khác nhau trong ngành xuất bản sách thời cổ đại Trung Quốc, đồng thời nó cũng có tác dụng rất lớn đến các phương diện như phổ cập văn hóa tri thức, bảo tồn và truyền bá điển tịch văn hóa cổ đại.

Quan khắc: Nhà nước xuất bản

Quan khắc chính là nhà nước khắc in sách, là chỉ cơ cấu quốc gia trung ương cho đến cơ cấu văn hóa hành chính địa phương các cấp bỏ tiền ra hoặc làm chủ trong việc xuất bản sách. Trước khi phát minh ra kỹ thuật in sách, nhà nước Trung Quốc ở các thời kỳ đều đã tiến hành công tác chỉnh lý, biên tập, sao chép, truyền bá các sản phẩm văn hiến, hoạt động xuất bản nhà nước liên tục được phát triển, nhưng do cách thức sao chép hiệu quả không cao, quy mô xuất bản sách cũng có những hạn chế nhất định. Sau khi phát minh ra kỹ thuật in ấn, nhà nước dần nhận thức được tính ưu việt của kỹ thuật này, càng mở rộng quy mô san khắc sách vở, dần hình thành nên hệ thống quan khắc quy mô rộng lớn, đặc sắc, mới mẻ.

Nhà nước khắc in sách thời cổ đại Trung Quốc được bắt đầu từ bản tấu của Phùng Đạo (882 - 954) thời Ngũ Đại xin khắc in "Cửu kinh" của Nho gia, hưng vượng vào thời Tống - Nguyên, thịnh trị vào thời Minh - Thanh. Quan khắc thường chia làm hai loại là trung ương và địa phương khắc in sách. Quốc Tử Giám đời Tống, Nội phủ Trung ương đời Minh và Vũ Anh điện đời Thanh đều là cơ quan trọng yếu trong việc khắc in sách nhà nước; Công sử khổ khắc thư đời Tống và Phan Vương khắc thư triều Minh là đại diện tiêu biểu của địa phương quan khắc. Sau Chiến tranh Nha Phiến, nhà nước khắc in sách dần dần đi vào con đường suy vi, và thay thế vào đó là cơ cấu xuất bản cận đại. Từ khi có quan khắc đến nay, nhà nước đều rất coi trọng, tông chỉ rất rõ ràng, chủ yếu trở thành công cụ để giáo hóa dân chúng và bảo vệ,



Khắc bản **Lễ ký chú** được lưu trữ tại Phủ Châu Công sử khổ, vào năm thứ tư niên hiệu Thuận Hy (1177), triều Nam Tống.

Phùng Đạo và lần đầu tiên khắc in kinh điển Nho gia

Phùng Đạo (882 - 954) từng nhậm chức tế tụng thời Ngũ Đại, Hậu Đường (923 - 936) và Hậu Tấn (936 - 947), chịu sự ảnh hưởng của cách in ấn thư tịch được lưu hành trong dân gian. Vì muốn kinh điển Nho gia được lưu truyền rộng khắp thiên hạ, có lợi cho văn giáo, vào năm thứ ba niên hiệu Trường Hưng thời Hậu Đường (năm 932), Phùng Đạo đã dâng tấu lên hoàng đế, lấy bản Khai Thành thạch kinh triều Đường làm bản gốc, khắc in "Cửu kinh" của Nho gia là Chu dịch, Thi kinh, Thương thư, Chu lễ, Lễ ký, Nghi lễ, Xuân Thu Tả thị truyện, Xuân Thu Công Dương truyện, Xuân Thu Cốc Lương truyện. Hoàng đế chấp thuận tấu trình của Phùng Đạo, hạ lệnh ngay trong năm đó bắt đầu ấn hành. Bộ kinh này mãi đến năm thứ ba niên hiệu Quảng Thuận triều Chu (năm 953) mới được khắc in xong. Trải qua 22 năm, thực tế khắc in được 12 bộ, ngoài Cửu kinh ra còn có Kinh điển thích văn, Ngũ kinh văn tự và Cửu kinh tự dạng. Vì lần san khắc này do Quốc Tử Giám chủ trì cho nên gọi là Ngũ đại giám bản cửu kinh. Bắt đầu hình thành nền Quan khắc thư tịch tại Trung Quốc, cũng là tiêu chí để kỹ thuật in trong dân gian được truyền bá vào quan phủ, ảnh hưởng đến các triều đại sau này. Quốc Tử Giám khắc in sách thời Tống chính là dựa vào bản gốc mà khắc in. Phùng Đạo cũng vì thế mà được xem như là người sáng lập ra kinh tịch Nho gia được quan khắc mang quy mô lớn nhất Trung Quốc.

đuy trì sự thống trị của nhà nước phong kiến. Nội dung khắc thư tương đối tập trung, đa phần là các sách kinh điển Nho gia, trước tác sử học cho đến ngự toàn của đế vương. Do tài lực hùng hậu, nhân tài vô số nên chẳng tiếc phí dành cho khắc in sách, chất lượng cũng được đảm bảo, đối với tình hình xuất bản trong cả nước đều có tác dụng làm gương điển hình rất mạnh mẽ. Đối với việc bảo tồn điển tịch văn hóa Trung Quốc, phổ cập tri thức văn hóa, nâng cao chất lượng khắc in sách có công hiến rất lớn.

Phường khắc: Dân doanh xuất bản

Thư phường, thời cổ đại gọi là thư làm, thư phố, thư đường, thư bàng... Nó được phát triển dựa trên nền tảng của thư tư thời Hán. Tiến thân của nó là các quầy, sạp trên những con đường đông vui nhộn nhịp tại kinh thành được các thương nhân bày bán sách hoặc dùng sách để đổi vật phẩm khác. Sau khi phát minh ra kỹ thuật in ấn, phạm vi của thư phường theo đó được mở rộng, không chỉ bán sách, mua sách, mà còn biên tập sách, trước tác sách, khắc sách và in sách, ngoài ra còn kiêm cả chức năng xuất bản, quảng bá in ấn và cửa hiệu bán sách. Thư phường khắc thư, chủ yếu để phục vụ cho đồng dân chúng nhân dân trong dân gian, mục đích chính



Bản khắc Ngũ luân thư có niên đại vào khoảng năm (1436 - 1450) niên hiệu Chính Thống, triều Minh.



Sách in bản đồ Tỉnh chức đồ trong Nội phủ, niên hiệu Khang Hy, triều Thanh.



Nghề sách Trung Quốc

là kiếm lợi nhuận, phương thức kinh doanh tương đối linh hoạt, đậm đà sắc màu thương mại hơn quan khắc và tư khắc, tựa như dân doanh xuất bản của thời hiện đại.

Trong hệ thống khắc thư thời cổ đại Trung Quốc, phường khắc hưng thịnh sớm nhất bắt đầu vào đầu thời Đường (khoảng thế kỷ VIII), phân bố rộng nhất, số lượng nhiều nhất, ảnh hưởng mạnh nhất, là lực lượng nền tảng sản sinh ra thư tịch cổ đại Trung Quốc, là chủ thể chính trong việc lưu thông thư tịch. Dân gian thư phường trước tiên lựa chọn phương thức điều khắc để in ấn sách vở, là nền tảng quan trọng cho việc phát triển quan khắc và tư khắc sau này. Trong lịch sử dài hàng ngàn năm, trên khắp các địa phương trong toàn quốc có không ít nhà khắc in sách, đời đời nối tiếp, một lòng kinh doanh, mãi chẳng suy bại, không chỉ dựa trên nội dung khắc thư và hình thức san khắc để hình thành nên phong cách đặc trưng riêng, mà còn có cống hiến quan trọng trong việc truyền bá và bảo tồn văn hóa truyền thống Trung Hoa. Từ Thị ở Kiến An và Trần Thị ở Lâm An vào thời Tống - Nguyên là những đại diện tiêu biểu nhất của phường khắc.

Tư khắc: Tư nhân xuất bản

Tư gia khắc thư cũng được gọi là tư nhân khắc thư, gọi tắt là tư khắc hay gia khắc, là chỉ hành vi san khắc sách do tư nhân bỏ tiền ra. Những nhà tư nhân khắc in sách vào thời cổ đại ở Trung Quốc chủ yếu là quan cao hiển đạt, văn nhân học sĩ, thương gia hào phú, họ lấy danh vọng làm trọng, coi trọng đến chất lượng sách khắc in, "Vi danh mà khắc"; "Màu sắc thương mại



Khắc bản Tục u quái lục, thư tịch tại Doãn gia, Lâm An thời Tống.



Khắc bản Xuân Thu Công Dương kinh truyền giải hỏ của Dư Nhân Trọng van quyển đường, ở Kiến Dương, năm thứ hai niên hiệu Thiệu Hy, Tống triều (1191).

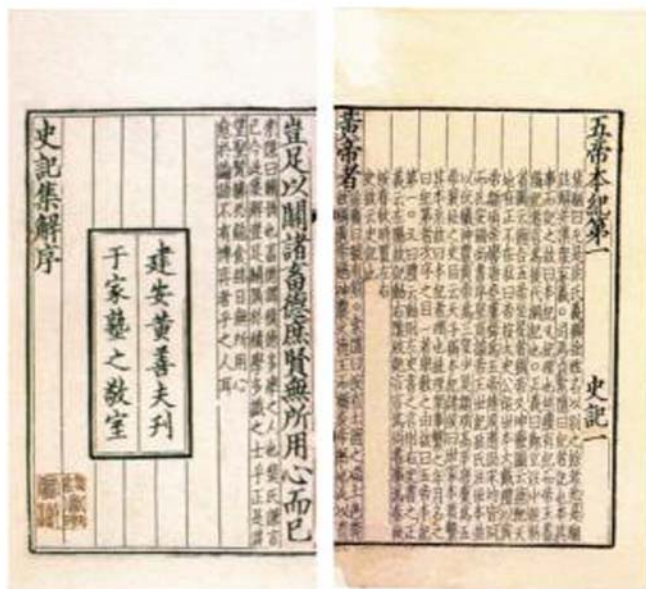


Tư khắc bản Trương Lộ thêm sinh tập trong Liêu Cảnh, trong niên hiệu Hàm Thuận đời Tống (1265 - 1274).

nhật nhòa" là đặc điểm vô cùng mới lạ. Rất nhiều tư nhân khác thư chính là học giả nổi danh, hoạt động khắc sách và nghiên cứu học thuật được kết hợp làm một. Trong quá trình họ sưu tầm, biên tập, khắc in điển tịch, đồng thời tiến hành hiệu khám, huấn hỏ (chú thích), khảo cứu, biên toàn mục lục tạo thành một hệ thống hoạt động học thuật, xây dựng nền "trị thư chí học" của Trung Quốc càng thêm phong phú. Có tư nhân khác thư còn dựa trên kỹ thuật khắc in, phát minh ra kỹ thuật in ấn mới như dùng chữ rời bằng đồng, sáo bản, đậu bản (in khắc gỗ), cùng hoa (là một phương thức giữ gìn phục nguyên cổ thư như ảnh khắc, phục khắc, ảnh sao... Cho nên sách tư khác đa phần đều là những tinh phẩm thiện bản.

Tư gia khắc thư thời cổ đại Trung Quốc được bắt đầu vào thời Đường, đến thời Tống trở thành một trào lưu, cùng với quan khắc, phường khắc hình thành nên thế vững chắc như kiếng ba chân, hầu hết sách khắc in đều là trước tác kinh sử và thi văn tập của danh gia, đều được tuyển chọn kỹ càng, cẩn thận.

Hậu kỳ triều Minh, ngành tư khắc ngày càng phát triển phồn vinh, xuất hiện thêm nhiều nhà khắc thư nổi tiếng, trong đó nổi danh nhất là Cấp Cố Các dùng đầu là Mao Tấn (1599 - 1659), người Thường Thục, Giang Tô, là nhà xuất bản dân gian nổi danh nhất trong lịch sử xuất bản cổ đại Trung Hoa. Mao Tấn bắt đầu sự nghiệp khắc sách khoảng năm 30 tuổi, ông xây dựng Cấp Cố Các và Mục Canh Lâu, tàng thư có hơn 8 vạn quyển sách, công nhận được tuyển lựa để khắc in đều là những người tài hoa. Trong cuộc đời, ông khắc in được khoảng hơn 600 đầu sách, tổng cộng cần đến hơn 10 vạn ván khắc. Số lượng sách khắc đứng đầu các nhà khắc sách tư nhân trong các triều đại Trung Quốc.



Bản Sơ ký tập giải của tư gia khắc Hoàng Thiện Phu, ở Kiến An, triều Tống.

Tư gia khắc thư đời Thanh, về đại thể có thể chia thành hai loại: Một loại là trước tác của các văn nhân học giả và thi văn của tiên hiền. Những loại sách này đều được viết tay, cái đó được gọi là "tả khắc", việc chọn dùng giấy và mực tương đối cẩn thận kỹ càng, là tinh phẩm trong các sách tư khắc. Một loại nữa là sau khi trào lưu khảo cứu được hưng khởi, các tầng thư gia và các nhà hiệu khám học biên tập khắc in sách từng thư, đặt thư và các bản sách cũ.

Thư viện' khắc thư: Học thuật xuất bản

Thư viện là nền tảng của giáo dục văn hóa xã hội đặc thù từ thời Đường - Tống (618 - 1279) của Trung Quốc, tên gọi thư viện được bắt đầu từ thời Đường, hưng khởi vào thời Bắc Tống, cực thịnh vào thời Nam Tống và kéo dài cho đến cuối thời Mãn Thanh. Dựa vào thống kê, tổng số



Hình ảnh Cáp Cổ Các của Mao Tân, tại Ngũ Sơn.

thư viện qua các triều đại ở Trung Quốc lên đến hơn 6.600. Thư viện các triều đại tiến hành đồng thời việc lập đàn giảng học, trước thư lập thuyết và nghiên cứu học thuật, biên tập xuất bản sách cũng là một hoạt động thường thấy, vì thế mà hình thành nên hệ thống thư viện khác thư.

Thời Tống - Nguyên (960 - 1368), sự nghiệp thư viện khắc thư phát triển phồn vinh trở lại. Vì sự nghiệp khắc thư mang lại lợi nhuận lớn tương đương với các nhà tư bản trong thời đại khoa học kỹ thuật, hơn nữa các sơn trường (viện trường thư viện) lại hầu hết là những học giả nổi tiếng, cho nên đa phần sách được khắc đều là tác phẩm có giá trị và nổi tiếng. Năm đầu niên hiệu Thái Định (1324) triều Nguyên, Thư viện Tây Hồ, Hàng Châu đã khắc in *Văn hiến thông khảo*, kĩ thuật hết sức tinh xảo, trở thành tác phẩm tiêu biểu nhất cho thời kỳ này. Đến thời Minh - Thanh (1368 - 1911), chức năng xuất bản của thư viện được củng cố mạnh hơn một bước, việc san khắc sách trở thành hoạt động thường xuyên với quy mô ngày càng lớn. Đời Thanh có số lượng sách được khắc in tại các thư viện nhiều nhất trong số các triều đại trong lịch sử Trung Quốc.



Khắc bản Trung Ngô kỹ văn ở Cáp Cổ Các của Mao Thị, cuối thời Minh.



Cửa Nhạc Lạc thư viện ở Truong Sa, Hồ Nam.



Bản khắc Văn hiến thông khảo tại thư viện Tây Hồ, Hàng Châu, vào thời vua Nguyễn Thái Định (1324 - 1328).

Tính rộng lớn của quan khắc và tư khắc trong thư viện là tính chất quyết định đến nội dung của sách khắc trong thư viện, bao gồm các bộ tùng thư Kinh, Sử, Tử, Tập, đồng thời có tính mục đích khá mạnh mẽ, quan trọng là thấy rõ tự đúng trong thư viện, chủ yếu tập trung vào trước tác mang tính học thuật, đặc biệt coi trọng việc truyền thừa của học phái. Bản khắc thư viện có thể chia thành ba loại lớn: Một là trước thuật nghiên cứu, chủ giải của thấy rõ trong thư viện; Hai là trước tác cần thiết cho việc dạy học, trở thành tài liệu tham khảo dạy học; Ba là những trước tác nổi tiếng của đại sư tiên Nho các đời và tác phẩm tiêu biểu của sơn trường tại thư viện đó, để mở rộng việc truyền bá học thuật tư tưởng. Do tính học thuật được nhấn mạnh, lại không thiếu thốn tiến của cho nên sách khắc trong thư viện đa phần đều là thiện bản, hình thức đẹp và chất lượng tốt.

Tự quản khắc thư: Tôn giáo xuất bản

Tự quản khắc thư là chỉ hoạt động xuất bản điển tịch do Phật tự Đạo quán san khắc in ấn, những điển tịch được khắc in gọi là "Phật tạng" và "Đạo tạng", tương tự như xuất bản sách tôn giáo ngày nay. Nhà nước các thời kì về cơ bản đều có thái độ ưu tiên với việc san khắc Phật tạng và Đạo tạng, tình hình san khắc, in ấn kinh điển Phật gia và Đạo gia trong dân gian cũng rất sôi nổi, vì thế hình thành nên một hệ thống xuất bản độc lập.

Thành quả chủ yếu của tự miếu khắc thư Phật giáo chính là trong khoảng 800 năm từ thời Tống cho đến đời Thanh tất cả 17 bộ Đại tạng kinh bằng Hán văn và rất nhiều bộ đại tạng kinh bằng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số (bao gồm tiếng Tây Hạ, tiếng Mông Cổ, tiếng Tạng, tiếng Mãn...). Trong đó bộ *Bắc Tống quan bản*



Trang còn sót lại của Khai bản tạng do nhà nước đầu tư kinh phí để san khắc vào đầu thời Bắc Tống.



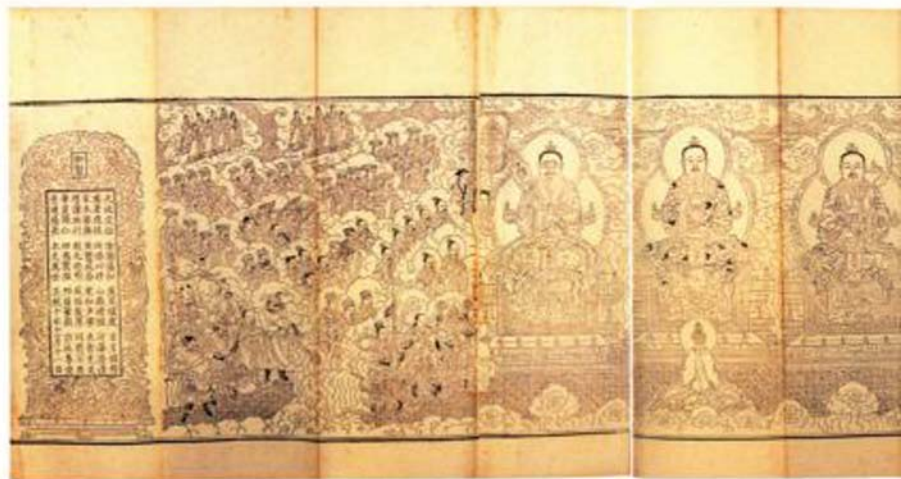
Đại tạng kinh bằng tiếng Hán đời Thanh và bản kinh được khắc vào năm thứ 38 niên hiệu Càn Long (1773), kéo dài 17 năm mới hoàn thành. In màu đỏ.

Đại tạng kinh

"Tạng" có nghĩa là tàng trữ, kho tàng, là từ đặc chỉ toàn bộ văn hiến Đạo giáo và Phật giáo, tương đương với khái niệm từng thư hiện nay. Cái gọi là Đại tạng kinh chính là chỉ một bộ từng thư thu thập tất cả điển tịch Phật giáo một cách có hệ thống, theo giáo pháp của Phật thì gọi là "kinh", bao hàm những giới điều được chế định gọi là "luật", phát huy những đạo lý của Phật pháp gọi là "luân", cho nên "Đại tạng kinh" được gọi là "Tam tạng kinh", "Nhất thiết kinh". Trong tiếng Phạn, tạng là Pikata, nguyên nghĩa là chỉ những hộp bằng trúc có thể đựng đó, nên nó có nghĩa là dung nạp, thu thập. Đại tạng kinh Phật giáo thu thập rộng khắp, quyển trục phong phú, có khoảng trên 5.000 quyển được thu thập trong Đại tạng kinh, lên đến hơn 10 vạn văn khắc. Nhân lục được sử dụng để viết tay, hiệu đính, điều khắc, in ấn, lưu truyền lên đến hàng ngàn, trải qua hơn chục năm cho đến mấy chục năm, trăm năm mới được hoàn thành.

Đại tạng kinh (hay còn gọi là "Khai Bảo tạng") được san khắc trong khoảng niên hiệu Khai Bảo (968 - 976) đời Tống là ấn bản Đại tạng kinh đầu tiên ở Trung Quốc, cũng là đầu tiên trên thế giới.

Đạo giáo là tôn giáo ra đời và phát triển tại Trung Quốc. Đạo tạng là một đại mô hình từng thư của Đạo giáo được hình thành dựa trên quá



Đoạn trích Đạo tạng được khắc vào năm 1445, năm thứ tư niên hiệu Chính Thống, triều Minh.

trình biên tập, sắp xếp kinh điển Đạo giáo bao gồm mục đích biên tập, phạm vi thu thập và kết cấu tổ chức nhất định. Nội dung của Đạo tạng rất rộng lớn, ngoài kinh điển Đạo giáo ra, còn tập hợp rất nhiều trước tác của Bách gia chư tử và trước tác khoa học kỹ thuật thời cổ đại. Việc sưu tập tài liệu Đạo tạng được bắt đầu từ thời Bắc Chu (557 - 581). Trong khoảng niên hiệu Chính Hòa triều Tống (1111 - 1118) hoàng đế chú trọng việc san khắc ấn bản *Vạn Thọ Đạo tạng* đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, tổng cộng có 5.481 quyển, ban bố trong khắp các miếu đạo trong thiên hạ. Trung Quốc hiện tồn bản in cổ nhất của Đạo tạng là bản in *Chính thống Đạo tạng* có niên đại vào năm thứ mười (1445) niên hiệu Chính Thống triều Minh, toàn sách có 5.305 quyển.

Từ giản sách đến tuyển trang - thiết kế xuất bản phẩm và hình thức xuất bản

Lấy ranh giới là hai phát minh lớn đó là kỹ thuật tạo giấy và kỹ thuật in ấn, thì có thể chia toàn bộ lịch sử đồ thư của Trung Quốc thành ba thời kỳ, mỗi thời kỳ có một chế độ thư tịch tương ứng là: Thời kỳ trúc bạch thịnh hành trước khi phát minh ra kỹ thuật tạo giấy, thịnh hành chế độ giản đọc;



Nghề sách Trung Quốc

thời kỳ chỉ tá (sách viết trên giấy), thịnh hành chế độ quyển tụ; sau khi kỹ thuật in ấn được phát minh ra là thời kỳ sách in, thịnh hành chế độ sách hiệt. Giữa các thời kỳ lịch sử đều có sự giao thoa và quá độ.

Chế độ giản độc

Trước khi phát minh ra kỹ thuật tạo giấy, hầu hết thư tịch Trung Quốc được viết tay trên thẻ tre và bản gỗ. Một thẻ tre gọi là "giản", có nhiều thẻ tre nối kết lại với nhau gọi là "sách", gọi chung là "giản sách". Sách thẻ tre mà chưa được viết chữ lên gọi là "bản", đã viết chữ lên rồi gọi là "độc". Gọi chung một tên là "mộc giản", gọi chung dựa vào tình trạng của sách là "bản độc", gọi chung của trúc mộc là "giản độc". Để tiện cho việc đọc và cất giữ, đa phần dùng sợi ty, sợi ma hoặc sợi da để nối kết các giản lại với nhau. Sau khi biên tập giản thành sách, thì cuộn đuôi giản lên, trở thành một quyển, khi đọc lại từ đầu quyển mà bắt đầu. Đây gọi là chế độ giản độc. Giản độc là hình thức đống sách xuất hiện đầu tiên ở Trung Quốc, thời gian lưu hành lên đến mấy ngàn năm, có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng. Thế kỷ V, cùng với việc ứng dụng rộng rãi giấy nên số lượng sách bằng giấy xuất hiện nhiều, thư tịch giản độc dần được thay thế bằng sách giấy.



Trúc mộc giản độc.

Chế độ quyển trục

Chế độ quyển trục được thoát thai từ chế độ giản sách, ban đầu là bạch thư, mãi đến khi giấy được thịnh hành thì sách giấy mới được hình thành, và chế độ quyển trục mới được hoàn chỉnh. Trong thư họa, hội họa Trung Quốc hiện đại thường sử dụng chế độ quyển trục này.

Phương pháp là phần cuối của quyển có gắn thêm một ống trục (thường là ống trục bằng gỗ), phần sách giấy sẽ được cuốn quanh trục. Sách liêm bạch (lụa mỏng), văn chương đều được viết trực tiếp lên trên liêm bạch; sách viết tay trên giấy thì trên từng trang giấy sẽ được viết chữ, rồi cứ lần lượt theo thứ tự dán nó lại thành quyển dài. Quyển đầu trong quyển trục trang thông thường đều được dán thêm một tờ giấy gọi là "tiêu" hoặc là một thứ gì đó bằng vải lụa. Chất liệu của tiêu phải bền chắc, không viết chữ, có tác dụng bảo vệ. Đầu tiêu lại buộc một cái đai, dùng để buộc quyển. Để phân biệt nội dung của sách và tiện cho việc đọc sách, thường ở đầu trục có treo một thẻ bài nhỏ, gọi là "thiên", có khi cuối quyển được gắn thêm một thiên để buộc sau khi đã cố định đai. Khi đọc sách,



Sách Tể dân yếu thuật theo chế độ quyển trục.



Nghề sách Trung Quốc

sẽ mở quyển dài, tiến độ việc đọc sẽ dần được xòe quyển ra. Khi đọc xong, sẽ cuốn quyển lại theo đúng cách lúc mở ra đọc, dùng đai buộc lại, cất gọn lên giá, để đầu quyển hướng ra bên ngoài, khi lấy sách ra đọc và khi đem lên giá cất người ta gọi là "sấp giá".

Bước quá độ từ chế độ quyển trục sang chế độ sách hiện

Kinh chiết trang

Thế kỷ VII - IX, có không ít kinh bối điệp theo dạng thức "Phạn giáp trang" từ Ấn Độ truyền vào, hình thức sách này đã thu hút các học giả Trung Quốc. Quyển sách giấy dài không nhất định phải sử dụng theo chế độ quyển trục, có thể một chính một ngược gấp xếp thành hình chữ nhật, tạo thành sổ gấp, trước và sau đó lại thêm một tờ giấy cứng chắc để bảo vệ, tạo thành cái gọi là "kinh chiết trang". Kinh chiết trang loại bỏ được chế độ trục trong quyển trục và công đoạn thêm tiêu, khi đọc sách thì không cần phải giữ lại toàn bộ những thứ đã đọc lại lần nữa mà có thể tùy ý giờ trang ra đọc.

Toàn phong trang

Toàn phong trang được diễn tiến và phát triển từ quyển trục trang. Hình thức của nó giống quyển trục, do một tờ giấy dài làm gốc, trang thứ hai mặt phải không có chữ được dùng để dán với trang bìa, các trang còn lại đều hướng về phía bên trái được dán vào trang bìa. Các trang tiếp theo được gấp tiếp nối, khi đọc thì giờ từ bên phải hướng sang bên trái, khi cất

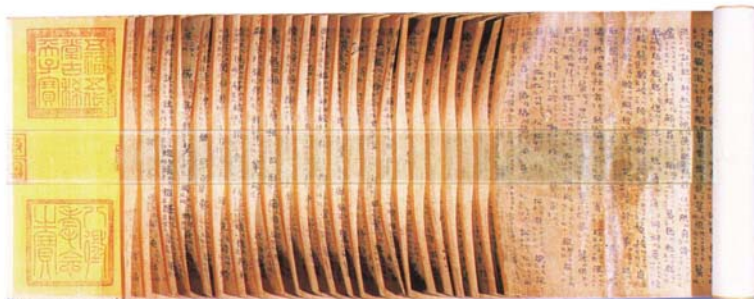


Dại Tạng kinh bằng tiếng Mãn, được trang trí bằng hình thức Phạn giáp trang, bản khắc vào niên hiệu Càn Long, triều Thanh.



Sách theo hình thức kinh chiết trang.

giữ thì gập từ quyển đầu đến quyển cuối. Các trang sách quanh co uốn lượn tựa như gió xoáy trong tự nhiên, cho nên có tên gọi là toàn phong trang. Khi mở ra, trang sách lại được sắp xếp thứ tự tựa như vảy lân, cho nên cũng có khi gọi là "long lân trang". Hiện còn một thư tịch đại diện cho phong cách toàn phong trang đó là *Vương Nhân Hủ san mậu bổ khuyết thiết vận* được viết tay vào thời Đường, hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Cổ Cung - Bắc Kinh.



Cuốn *San mậu bổ khuyết thiết vận* của Ngô Thái Loan là cuốn sách duy nhất theo hình thức toàn phong trang có niên đại vào triều Đường hiện còn của Trung Quốc. Nhìn bề ngoài giống hình thức của quyển trực trang, sau khi giờ sách sẽ đọc theo từng trang một, giống như hình xoay gió, cho nên mới có tên là toàn phong (xoáy gió).



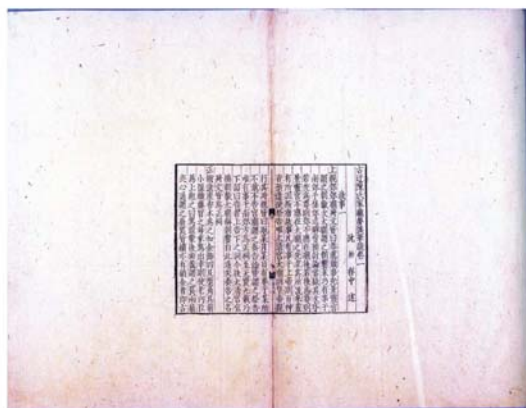
Chế độ sách hiệt

Từ cuối thời Đường đến đầu thời Tống, cùng với việc sách in dần được thay thế cho sách viết tay, chế độ sách hiệt cũng dần được thay thế cho chế độ quyển trục.

Cái gọi là chế độ sách hiệt chính là tập hợp từ rất nhiều trang sách đơn đóng lại thành sách. Hình thức của sách hiệt thích hợp nhất cho yêu cầu của kỹ thuật in ấn. Chế độ sách hiệt sớm nhất ở Trung Quốc là hồ điệp trang. Sau này, lại dựa vào hồ điệp trang mà diễn tiến thành bao bối trang, tuyến trang. Kể từ sau khi kỹ thuật in ấn bằng máy móc được truyền đến Trung Quốc, sách vở dần được hình thành dưới các hình thức như bình trang (bìa mềm) và tinh trang (bìa cứng).

Hồ điệp trang

Hồ điệp trang gọi tắt là "điệp trang", vì khi trang sách được mở ra tựa như hình cánh bướm nên có tên như vậy. Hồ điệp trang là hình thức trang trí thư tịch chủ yếu thời Tống. Cụ thể phương pháp đóng sách là: trước tiên gấp mỗi trang in từ mép sách hướng vào trong, tức là gấp mặt giấy có chữ lại đối xứng với nhau, ngược lại với cách đóng chỉ (lộ chỉ ra bìa sách) sau này; sau đó, ở mặt sau mỗi trang sách dính với một trang lót, rồi dùng giấy cứng làm bìa ngoài (có khi dùng vải hoặc tơ lụa để tạo khung), tạo thành một quyển sách. Cách thiết kế này nếu nhìn từ ngoài thì tương tự như bình trang và tinh trang. Khi mở sách ra thì trang sách hướng sang hai bên, giờ đi giữ lại tựa như cánh bướm đang tung cánh bay, cho nên có tên là "Hồ điệp trang".



Bản khắc **Mộng Khê bút đàm** được trang trí bằng phương pháp hồ điệp trang.



Khắc bản **Đại Minh tập lễ** được khắc vào triều Minh theo dạng thức bao bối trang.

Bao bối trang (Đóng bọc gáy)

Bao bối trang chính là đóng tất cả phần lưng của trang sách tạo thành một bản, để mặt có chữ hướng ra bên ngoài, lòng trang trở thành mép sách, để hai bên trang sách dính với nhau ở phần gáy, sau đó lại dùng sợi giấy xe để đóng lại, bên ngoài sách lại thêm chiếc áo bao bìa và phần lưng. Phương pháp đóng sách này, về cơ bản giống với hồ điệp trang, nhưng trang thẳng, phần lễ hướng ra ngoài, khiến từng trang từng trang chữ nối liền nhau, rất dễ đọc. Cách trang trí này chủ yếu là bọc gáy sách, cho nên gọi là bao bối trang (đóng bọc gáy). Bao bối trang hưng thịnh vào khoảng hậu kỳ thời Nam Tống, tác phẩm theo dạng thức bao bối trang hiện nay còn thấy được chính là sách được thiết kế vào triều Nguyên. Cách trang trí này được kéo dài mãi đến sau thế kỷ XVI. Tác phẩm *Vĩnh Lạc đại điển* nổi tiếng là theo hình thức bao bối trang.

Tuyến trang (Đóng buộc chỉ)

Sách đóng buộc chỉ xuất hiện sớm nhất vào thế kỷ XVI, từ sách theo dạng thức đóng bọc gáy diễn tiến mà thành, trang sách thẳng, vẫn tự hướng ra bên ngoài, lề cột là mép sách, toàn bộ trang bìa của sách đóng bọc gáy được đối thành hai nửa trang bìa sách mềm, được phân chia đặt ở trước và sau thân sách, nó nối liền cùng toàn bộ ruột sách bằng những lỗ thông buộc chỉ.



Sách được trang trí theo hình thức đóng buộc chỉ đời Thanh.

Đóng buộc chỉ thường là ở trên sách sẽ thông bốn lỗ, gọi là "tứ chàm nhân trang" (hình thức sách bốn mắt). Với sách khổ lớn, thì phần trên dưới hai góc có thể tạo thêm một mắt nữa, như thế gọi là "lục chàm nhân trang" (hình thức sách sáu mắt). Điểm đáng lưu ý trong hình thức sách đóng buộc chỉ chính là có khi dùng những thứ như sợi chỉ, mảnh lụa để cố định hai góc trên dưới, như thế gọi là bao giác trang (đóng bọc góc). Chủ yếu là để tạo thẩm mỹ, cũng có tác dụng bảo vệ. Ngoài ra còn một loại sách đóng buộc chỉ, gọi là mao trang (đóng thò), tức là trang sách được sắp xếp ngay ngắn, sau khi đã tạo bốn hoặc sáu lỗ để buộc sách nhưng không nối kết. Hình thức sách đóng buộc chỉ dễ đọc, lại khó bị lộn xộn; vừa có vẻ ngoài đẹp lại rất chắc chắn. Cho đến ngày nay, nếu ảnh ấn cổ tịch có sử dụng giấy bản hoặc giấy Tuyên Thành, thì cách trang trí sách thường sử dụng hình thức này, vừa có nét chất phác điển nhã, vừa trang trọng, tiện lợi.

Xuất hiện hình thức sách đóng buộc chỉ, là giai đoạn cuối trong quá trình phát triển kỹ thuật trang trí thiết kế thư tịch thời Trung Quốc cổ đại. Từ sau thế kỷ XVIII, Trung Quốc dần lựa chọn phương pháp in bằng máy móc, cũng từ đó xuất hiện sách được trang trí, thiết kế theo hình thức bìa mềm và bìa cứng.

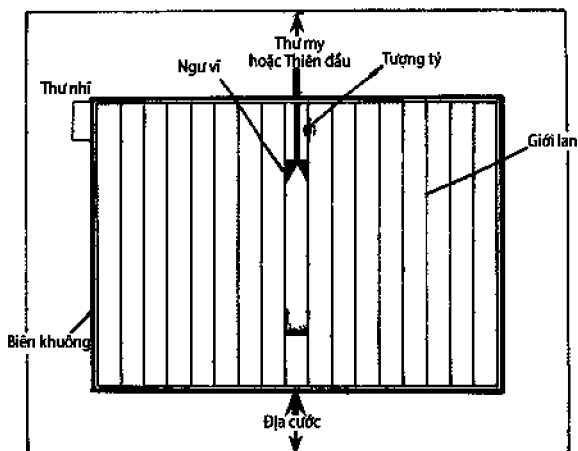
Quy cách trang in trong sách in

Sách in thời cổ đại của Trung Quốc đều là in một mặt, mỗi trang in đều có một cách thức nhất định, hình thành nên quy cách trang in thư tịch đặc biệt riêng có. Quy cách trang in một mặt thời cổ đại bao gồm bản diện (trang sách), bản khung (khung sách), giới hành (đường thẳng dọc trên trang giấy), bản tâm (lề cột), ngư vĩ (hình được dùng để phân cách trang), tượng tí, thiên đầu (lề trên), địa cước (chân trang), thư nhĩ (tai sách)...

Bản diện: Diện tích chiếm toàn bộ của một bản sách thì gọi là bản diện.

Bản khung: Đường màu đen bao quanh bốn phía bản diện gọi là bản khung, cũng gọi là "lan tuyến" (đường viền), hay "biên lan" (đường biên). Đường đơn nhỏ hơn xung quanh bốn phía gọi là "tứ chu đơn biên" (đường đơn bao bốn phía), hay gọi là "đơn biên lan" (đường viền đơn); in hai đường bốn phía gọi là "tứ chu song biên" (hai đường viền bốn phía), hay gọi là "song biên lan" (hai đường biên). Hai đường thường là một thô đậm, một mảnh nhỏ (đường bên ngoài thô đậm, bên trong mảnh nhỏ).

Giới hành: Đường thẳng được phân thành từng hàng trong bản diện, hay gọi là "biên chuẩn" (đường tiêu chuẩn phân giới). Giới hành dùng những màu sắc khác nhau như đen, đỏ, xanh, phân biệt gọi là "ô ty lan"



Quy cách trang in sách cổ.



Bản chép tay sách **Quốc triều cung sử** có đường giới hành bằng vạch chỉ đỏ, vào niên hiệu Càn Long, triều Thanh.

(vạch chỉ đen), "chu ty lan" (vạch chỉ đỏ), "lam ty lan" (vạch chỉ xanh). Đường giới hành nhỏ như sợi tơ, cho nên dùng "ty" (tơ, chỉ) để hình dung.

Thiên đầu, địa cước: Trong mỗi trang in, bộ phận bên ngoài bản diện, ở trên gọi là "thiên đầu", phần bên dưới gọi là "địa cước", hai bên trái phải đều gọi là "biên".

Bản tâm: Một đường tương đối hẹp ở giữa bản diện, gọi là "bản tâm", cũng gọi là "bản hầu" (tế cột).

Ngư vĩ: Tại vị trí cách điểm giữa của bản tâm một khoảng lên phía trên có khắc một đồ hình tựa như đuôi cá, gọi là "ngư vĩ". Có khi ở phần đối xứng giữa phần trên và dưới của bản tâm cũng có khắc ngư vĩ. Ngư vĩ thường sẽ chia bản tâm thành ba phần: Phần giữa thường dùng để viết tên sách, số quyển, số trang; phần trên vốn dùng để san khắc số trang, sau này tên sách ở giữa được di chuyển đến chỗ này, cũng có khi san khắc tên người xuất bản sách; phần dưới vốn để khắc in tên họ người đã có công san khắc, sau này đa phần dùng để ghi tên họ người xuất bản sách hoặc tên chung của từng thư.

Tượng tý: Trên dưới ngư vĩ ở trong bản tâm cho đến phần giữa của bản khuôn gọi là "tượng tý". Trong tượng tý có in một đường màu đen gọi là "hắc hầu" (mép đen). Đường màu đen tương đối nhỏ gọi là "tế hắc hầu"

(mép đen nhỏ) (hoặc "tiểu hắc khẩu"). Đường màu đen tương đối thô và to hoặc đen đậm gọi là "thô hắc khẩu" (hoặc là "đại hắc khẩu"). Trong tượng tỷ không có đường màu đen hoặc chữ, thì gọi là "bạch khẩu" (mép trắng).

Thư nhĩ: Ở góc trên phía bên ngoài biên của hai bên bản khuôn, có khi có một hình vuông nhỏ, gọi là "thư nhĩ" hoặc "nhĩ tử". Trên thư nhĩ hầu hết dùng để ghi tên thiên.

Kết cấu sách in

Kết cấu về ngoài của sách cổ bao gồm thư y, thư thêm, hộ hiệt, phong diện hiệt, thư tích, thư khẩu, thư não, thư thủ, thư căn, bao giác...

Thư y: Tức là bìa trước của sách, cho nên gọi là "thư y" hoặc "hộ phong" (bìa ngoài, bìa bọc sách), hiện nay gọi là "phong diện" (bìa). Thư y thường dùng giấy có màu và tương đối cứng chắc, có thể dùng để bảo vệ sách, giống như chúng ta mặc quần áo bảo vệ cơ thể vậy, cho nên có tên như vậy.

Thư thêm: Là thẻ giấy được dán trên thư y dùng để đề tên sách. Thư thêm thường mời người nổi tiếng hoặc là bậc sư trưởng để tên sách.



Bọc góc thư tịch theo hình thức đóng buộc chỉ, bản viết tay cuốn Thạch Cừ Bảo Cấp, vào niên hiệu Cần Long, đời Thanh.



Hộ hiệt: Hay còn gọi là "phó hiệt" (trang phụ), "phi hiệt" (trang tên sách, trang bìa lót), là một trang trống được phụ thêm vào ngay sau trang bìa, để bảo vệ trang sách bên trong.

Phong diện hiệt: "Phong diện" của sách cổ, là chỉ trang đầu tiên sau hộ hiệt (trang bìa lót), sách ngày nay cũng có trang này, cũng gọi là "nội phong diện" (bìa trong). Trên đó có đề tên sách, thường là bút tích của những người nổi tiếng.

Thư tích: Là chỉ phần gáy của cuốn sách. Cũng gọi là "thư bối" (lưng sách).

Thư khẩu: Là mép đối xứng với gáy sách.

Thư nã: Trong sách đóng buộc chỉ, phần chỉ nối giữa các mắt sách. Sách bìa cứng ngày nay cũng có gắn thêm đoạn chỉ để đánh dấu trang, cũng gọi là "thư nã".

Thư thủ: Cũng gọi là "thư thủ" (đầu sách), là chỉ phần trên của lề sách.

Thư căn: Cũng gọi là "thư túc" (chân sách) là chỉ phần mép dưới của sách.

Bao giác: Túc là góc trên và góc dưới phần gáy sách dùng sợi chỉ để trang trí, vừa có tác dụng tạo thẩm mỹ lại vừa có tác dụng bảo vệ.

CON ĐƯỜNG TRUYỀN THỪA

Lưu trữ, giữ gìn và truyền bá điển tịch
Trung Quốc





Nghề sách Trung Quốc

Trong lịch sử phát triển mấy ngàn năm của nghề sách cổ đại Trung Quốc, cùng với sự tiến bộ của xã hội và sự phát triển của văn hóa, chủng loại và số lượng thư tịch cũng không ngừng được tăng lên, ngày một nhiều hơn. Nhưng đồng thời cùng với nó là sự ảnh hưởng các nhân tố phá hoại của con người như cấm sách, chiến tranh, trộm cướp hay tai họa thiên nhiên như lũ lụt, hỏa hoạn, mối mọt, thì hiện tượng mất mát, thất lạc sách vở Trung Quốc cũng rất nghiêm trọng, nhiều lần trong lịch sử cũng xuất hiện "thư ách" khiến con người than trời tiếc nước, khiến sự nghiệp văn hóa cổ đại Trung Quốc có những tổn thất không hề nhỏ. Đứng trước vấn đề này, cổ nhân Trung Quốc đã sớm có chủ trương thu thập sách vở, hơn nữa với ý chí kiên cường, liên tục không ngừng, hình thành nên lịch sử tàng thư Trung Quốc nguồn xa chảy mãi và nhiều sắc thái phong phú. Quý trọng điển tịch, xây dựng các tàng thư lâu rộng lớn, lựa chọn nhiều phương thức để cất giữ và giữ gìn thư tịch, là một truyền thống tốt đẹp của Trung Quốc cổ đại. Lịch sử tàng thư cổ đại Trung Quốc, nếu tính từ thời Hạ, Thương, Chu thiết lập "tàng thất" với lực lượng chuyên trách quản lý và thu thập văn hiến giá trị cốt, cho đến đầu thế kỷ XX sản sinh ra thư viện, có lịch sử khoảng hơn ba ngàn năm, chiếm địa vị đặc biệt trong lịch sử tàng thư thế giới.



Tàng thư lâu Gia Nghiệp Đường tại Hó Châu, Chiết Giang vào năm 1924 vẫn còn giữ được bản sắc tàng thư lâu truyền thống.

Xét một cách chính thể, tàng thư lâu của Trung Quốc cổ đại chú trọng đến việc thu thập, cất giữ sách vở mà không coi trọng việc quảng bá, cho nên so với thư viện mang ý nghĩa hiện đại thì có sự khác biệt nhất định. Việc quảng bá sách vở thời cổ đại Trung Quốc chủ yếu được tiến hành thông qua các thư tứ buôn bán, sao chép, mượn đọc. Cho nên ở trong nước lấy việc buôn bán sách và lưu thông thông qua các thư tứ dân gian làm chủ yếu, đối với việc giao lưu nghề sách với nước ngoài thì hình thành nên "con đường thư tịch" nổi tiếng, có tác dụng tích cực trong việc xúc tiến và sản sinh ra quá trình giao lưu văn hóa Trung Quốc - phương Tây.

Tàng thư gia và tàng thư lâu

Hệ thống tàng thư của Trung Quốc cổ đại có thể chia thành bốn loại: quan phủ tàng thư, tư gia tàng thư, tự quán tàng thư, thư viện tàng thư. Tên gọi tàng thư gia trong lịch sử, đa phần là chỉ những tàng thư của tư nhân. Còn cách mà mọi người thường gọi là "tàng thư lâu" thường để ám chỉ kiến trúc của tàng thư, bao gồm những nơi thuộc cơ quan quan phương nhà nước các triều đại, đoàn thể dân gian cho đến tư nhân thu thập điển tịch văn hiến. Cũng chính là nói: chỉ cần là nơi "tàng thư" thì bất luận nó có được đặt tên là "gì gì đó lâu", đều có thể gọi là "tàng thư lâu". Trung Quốc thời cổ đại, từ việc đảm nhận cất giữ sách vở, cho đến việc quản lý sách vở, nghiên cứu, hiệu khám và đứng đầu sự nghiệp san khắc đồ thư đều là các tàng thư lâu quan tư các thời. Tàng thư lâu thời Trung Quốc cổ đại cùng với các tàng thư gia các đời cùng tồn tại với tàng thư lâu, đã bảo tồn và truyền bá được số lượng điển tịch sách vở phong phú, cũng bảo tồn và truyền bá được lịch sử văn hóa Trung Quốc sâu rộng.

Sự nghiệp tàng thư của Trung Quốc cổ đại bắt nguồn vào thời Hạ - Thương. Từ tình hình khai quật văn hiến giáp cốt văn ở An Dương, Hà Nam mà nhìn nhận, thì sử quan và vu sư thời Ân Thương chính là người có ý thức đầu tiên về việc quản lý và cất giữ những tài liệu văn hiến đầu tiên trong lịch sử. Cho nên có thể xem việc thu thập, bảo tồn giáp cốt văn là manh nha của tàng thư thời cổ đại.

Sự nghiệp tàng thư của Trung Quốc chính thức bắt đầu vào thời Chu. Cơ cấu tàng thư thời kỳ này trước sau có các tên gọi như thiên phủ, minh phủ, sách phủ, chu phủ, công phủ, phủ khố, tàng thất, mật thất... Sử quan chủ quản tàng thư cũng chia thành các chức vụ khác nhau như đại sử, tiểu sử, nội sử, ngoại sử, tả sử, hữu sử... phản ánh việc phân công công việc cụ thể và quy mô cơ cấu quản lý tàng thư quan phủ thời Chu. Tương truyền, nhà tư tưởng nổi tiếng là Lão Tử từng đảm nhiệm chức sử quan trong tàng thất triều Chu, tương đương với giám đốc thư viện quốc gia ngày nay. Đường thời cũng xuất hiện một vài tàng thư gia tư nhân thời kỳ đầu. Học



Nghề sách Trung Quốc

giả nổi tiếng Huệ Thi (370 - 310 TCN) có đến năm xe sách, vào thời kỳ này ông được xem là người có số lượng văn hiến lớn.

Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, tuy có lệnh phần thư, nhưng truyền thống tàng thư quan phủ cũng chưa hề bị gián đoạn. Tần Thủy Hoàng từng thiết lập cơ cấu tàng thư như Minh Đường, Thạch Thất tại cung A Phòng ở Hàm Dương, lại thiết lập quan ngự sử phụ trách quản lý. Khi nhà Tần phần thư, trong dân gian có rất nhiều người ngăn chặn lệnh phần thư này, muốn tìm mọi cách để cất giấu thư tịch. Trước bối cảnh lịch sử như vậy, xuất hiện hai câu chuyện gọi là "Thư tàng nhị Dậu": Cuối thời Tần, có một người đọc sách, để tránh loạn lạc, đã chuyển toàn bộ sách vở vào trong núi Đại Dậu và Tiểu Dậu thuộc vùng Nguyên Lăng, Hồ Nam. Hai núi đều có các hang động, phân biệt gọi là động Đại Dậu và động Tiểu Dậu, người đọc sách mới đem sách cất giấu ở trong hai động đó. Trải qua các đời, hậu thế phát hiện sách được giấu trong hai động này, nên gọi là "Nhị Dậu thạch thất tàng thư". Sau này, học giả đời Minh tên là Hồ Ứng Lâm (1551 - 1602, hiệu là Thiệu Thất Sơn Nhân) yêu thích tinh thần hiếu học và quý trọng sách vở, cho nên đặt tàng thư lâu của riêng mình là "Nhị Dậu Sơn Phòng".

Đầu thời Tây Hán, Tiêu Hà (? - 193 TCN) nước Tương chủ trì việc xây dựng ba tòa tàng thư lâu của hoàng gia, tên gọi là Thạch Cừ Các, Thiên Lộc Các, Kỳ Lân Các, chuyên sưu tầm, bảo quản sách vở và hồ sơ. Sau này "Thạch Cừ" và "Thiên Lộc" trở thành tên gọi khác của tàng thư hoàng gia các đời. Để chống ẩm và phòng hỏa, các tàng thư thất đời Hán được xây bằng đá, gọi là "thạch thất", giá sách được làm bằng đồng, gọi là "kim quý". Sau này, "thạch thất kim quý" trở thành thuật ngữ chuyên dụng để chỉ kiến trúc tàng thư hoàng gia. Đời Hán còn xuất hiện một vài tàng thư tư nhân nổi tiếng.



Tranh Lão Tử - nhà tư tưởng nổi tiếng trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc từng đảm trách chức quan trong cơ cấu tàng thư nhà nước thời Chu, được xem như vị "Giám đốc thư viện quốc gia" sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc cổ đại.



Bản chép tay Thạch Cữ Bảo Cấp trong nội phủ đời Thanh, thu thập những bức thư họa được cất giữ trong nội phủ, từ tên sách có thể nhận ra nó có sự ảnh hưởng của tàng thư lâu đời Hán.

Sau khi nhà Đông Hán được thành lập, lại bắt đầu tập hợp sách vở, rồi đem bảo quản ở Đông Quán, Lan Đài... Thời điểm sách vở nhiều nhất có thể chất đầy hơn 6.000 chiếc xe. Trong thời Đông Hán thiết lập khoảng 7 tòa tàng thư, trong đó nổi danh nhất là Lan Đài và Đông Quán, ngoài chức năng sưu tầm và bảo quản sách vở ra, còn có nhiệm vụ biên tập, hiệu chính và trước thuật. Năm thứ 2 niên hiệu Diên Hy (tức năm 159) đời Hán Hoàn Đế, triều đình Đông Hán đã thành lập cơ quan chuyên trách hoạt động hiệu đính, trước tác và bảo quản sách vở đầu tiên của nhà nước phong kiến Trung Quốc là Bí thư giám. Sau này, Bí thư giám

chuyên trách công tác biên soạn, hiệu đính và lưu giữ bảo quản sách vở nhà nước, trở thành một chế định qua các đời, kéo dài đến hơn 1.500 năm.

Thời Tam Quốc, Nam - Bắc triều là thời kỳ loạn lạc của Trung Quốc. Sách vở tự tán bất thường, nhưng người đứng đầu đương thời đều có nhận thức nhất định đối với giá trị và ý nghĩa của tàng thư, chiến loạn qua đi, liền bắt đầu sưu tầm, góp nhặt sách vở. Cơ cấu tàng thư đương thời chủ yếu là Bí thư giám. Hai vị hoàng đế triều Tùy đều từng mở rộng thu thập sách vở, sau đó mỗi sách lại cho sao chép đến 50 phụ bản, cất giữ ở Quán Văn Điện Lạc Dương, Đông Đê. Tàng thư quan phủ triều Tùy chủ yếu tập trung ở Trường An và Lạc Dương. Tàng thư điện Gia Tắc ở Trường An lưu giữ khoảng 37 vạn quyển, số lượng rất lớn.

Cơ cấu và quan chức quản lý sách vở triều Đường tương đối hoàn thiện, cơ cấu tàng thư cũng đồng thời kiêm chức năng biên tập, hiệu đính sách vở. Đương thời, sách vở chủ yếu được sưu tầm và bảo quản trong Bí thư sảnh, do Bí thư giám phụ trách quản lý. Ngoài ra còn có Hoàng Văn quán, Sử quán, Tập hiền quán (ba quán này được gọi là "Tam quán"), Sùng Văn viện, Tư kinh cục, Hàn lâm viện... Cơ cấu tàng thư quan phủ này về cơ



Thiên Nhất Các - tàng thư lâu tư gia sớm nhất hiện tồn ở Trung Quốc. Bức hình là ảnh chụp cổng ngoài của Thiên Nhất Các.

bản đã tương đối độc lập, nhưng cũng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Việc sưu tầm, bảo quản và hiệu chỉnh sách vở chủ yếu là chức trách của Hoàng Văn quán. Sử quán là cơ quan tu sửa sách và bảo quản sách được thiết lập vào năm Trinh Quán. Tập Hiến viện là cơ quan tàng thư nhà nước lớn nhất trung kỳ thời Đường, cũng là cơ quan sự nghiệp đồ thư có tổ chức hoàn bị nhất thời Đường. Sùng Văn viện là học quán được thiết lập cho Hoàng thái tử, xây dựng vào niên hiệu Trinh Quán, cũng có chức năng bảo quản sách, hiệu khám sách và sao bản sách. Tư kinh cục là cơ quan ở Đông Cung, chuyên trách việc sách vở kinh tịch, đối tượng phục vụ là hoàng thái tử. Hàn lâm viện là cơ quan chuyên trách việc giúp hoàng đế khởi thảo chiếu thư và cổ vấn, bảo quản sách cũng là một yếu cầu trong công việc. Hệ thống tàng thư đời Đường có ảnh hưởng rất sâu rộng đối với tàng thư nhà nước sau này. Tàng thư của tư nhân và số lượng tàng thư vào đời Đường đều tăng, có tàng thư tư nhân còn đẹp ngang với tàng thư quan phủ. Số lượng tàng thư tư nhân đời Đường đã vượt qua tổng số lượng tàng thư tư nhân các đời cộng lại rất nhiều.

Cùng với việc mở rộng kỹ thuật in ấn khắc bản, việc phát triển sự nghiệp tàng thư quan tư hai triều Tống - Nguyên cũng được xúc tiến. Trong cơ cấu tàng thư nhà nước thời Tống có ba quán: Sử quán, Chiêu Văn quán, Tập Hiến quán, sau này lại dùng Tam quán để thành lập tàng thư Sùng Văn quán.

Ngoài ra, còn có các cơ quan tàng thư khác như Bí các, Thái thanh lâu, được gọi là Lục các. Trong đó, sách vở được bảo quản trong Bí các đều là tinh phẩm đồ thư tuyển lựa từ trong tam quán tàng thư, tổng cộng hơn vạn quyển, là tiêu biểu cho tinh hoa của tàng thư thư viện nhà nước thời Tống. Thư viện và sự nghiệp tàng thư tư nhân đời Tống cũng rất phát triển, ví như tàng thư gia nổi danh như Diệp Mộng Đắc (1077 - 1148), Triệu Công Vũ (1105 - 1180), Trịnh Tiểu (1104 - 1162), Trần Chấn Tôn (khoảng 1183 - 1262)... đã sưu tập được mấy vạn quyển. Việc biên tập mục lục tàng thư tư gia đời Tống cũng có bước phát triển đột phá, chất lượng học thuật của các tàng thư gia cũng được nâng cao. Đời Nguyên thiết lập Bí thư giám nắm giữ chuyên sách vở, rồi tiếp tục thành lập các cơ quan chuyên môn trực thuộc phụ trách việc điều khắc, in ấn thư tịch. Tàng thư nhà nước triều Nguyên tiếp tục kế thừa những nét đặc sắc thời Nam Tống, sách viết tay và sách in ấn vẫn đều được coi trọng.

Văn hóa học thuật đời Minh phát triển phổ biến, ngành in ấn càng phát đạt hơn, tàng thư cung đình và tư gia phát triển mạnh mẽ hơn đời trước. Cơ quan tàng thư nhà nước đời Minh là Văn Uyên Các. Ban đầu cơ quan độc lập chuyên trách quản lý sách vở nhà nước là Bí thư giám, sau này lại bãi bỏ Bí thư giám, việc bảo quản và lưu giữ thư tịch cổ kim đều trở về tay Hàn lâm viện. Ngoài ra, vào năm 1534 triều Minh cũng bắt đầu thành lập kho hồ sơ chuyên thu thập những hồ sơ hoàng gia và điển tịch quan trọng gọi là Hoàng Sử Thành, đây là tòa kiến trúc điển hình nhất theo dạng thức "Kim quỹ thạch thất" hoàn chỉnh nhất hiện còn tồn tại cho đến ngày nay. Tàng thư tư gia đời Minh càng được hưng thịnh, quy mô của tàng thư lâu cũng ngày càng được phát triển rộng rãi, các tàng thư gia cũng cùng nhau phát triển, hầu hết được phân bố ở dải Đông Nam có kinh tế và văn hóa phát triển phổ biến. Trong đó nổi tiếng nhất có Thiên Nhất các của Phạm thị ở Ninh Ba, Cấp Cổ Các của Mao Thị ở Thường Thục, Đạm Sinh



Hoàng Sử Thành và kim quỹ đựng hồ sơ được cất giữ trong Hoàng Sử Thành.



Hình ảnh bên ngoài của Lầu Thiết Cẩm Đồng Kiếm của Cù Thị ở Thường Thục, Giang Tô.

Đường của Kỳ Thị ở Sơn Âm. Thiên Nhất các được xây dựng vào năm thứ 40 niên hiệu Gia Tĩnh triều Minh (1561), cất giữ hơn 7 vạn cuốn thư tịch, trải dài hơn 400 năm, đến nay vẫn còn tồn tại, là tàng thư lâu tư nhân sớm nhất hiện tồn ở Trung Quốc.

Thư tịch nhà nước của đời Thanh chủ yếu được lưu giữ trong nội phủ: Khắp các nơi đều có tàng thư như Hoàng Sử Thành, Chiêu Nhân điện, Vũ Anh điện, Sĩ Tào điện, Dương Tâm điện, Nam Huân điện, Tử Quang các, Nam Thư phòng... Mỗi nơi đều có những nét độc đáo riêng. Vào thời Càn Long có chính sửa tu đính bảy bộ *Tứ khố toàn thư*, chia ra và cất giữ ở bảy nơi trong cả nước. Ba tàng thư lâu ở phương Nam còn được mở cửa cho cả người đọc sách nữa, đã hoàn bị chức năng công cộng của thư viện. Tàng thư tư nhân đời Thanh hưng thịnh chưa từng có, học giả Diệp Xương Sí (1849 - 1931) trong cuốn *Tàng thư ký sự thi* đã tập hợp được tàng thư gia của hơn 1.175 người các triều đại ở Trung Quốc, riêng đời Thanh chiếm 497 người. Từ trung kỳ đời Thanh trở về sau, xuất hiện bốn tàng thư lâu lớn nổi tiếng là Hải Nguyên Các của Dương Dĩ Tăng ở Liêu Thành, Thiết Cẩm Đồng Kiếm lâu của Cù Thiệu Cơ ở Thường Thục, Bách Tống Lâu của Lục Tâm Nguyên ở Quy An, Bát Thiên Quyển lâu của Đinh Thân và Đinh Bính ở Hàng Châu. Bốn nhà đều thu thập rất nhiều thư tịch nguyên bản đời Tống và đời Nguyên, hơn nửa số lượng điển tịch được sưu tập cũng rất lớn. Như Hải Nguyên Các, sau nạn đao binh, còn lưu giữ được 219.000 nghìn cuốn sách.



Ngoại cảnh Tầng thư lâu Cổ Việt ở Thiệu Hưng - Chiết Giang, là tòa thư viện công cộng đầu tiên trong lịch sử cận đại Trung Quốc.

Đầu thế kỷ XX, cùng với việc truyền nhập của thư viện hiện đại phương Tây vào Trung Quốc thì sự nghiệp tầng thư lâu truyền thống của Trung Quốc cũng dần suy vi. Một bộ phận tầng thư lâu bắt đầu theo hướng từ đóng cửa đến mở cửa, hoàn thành việc chuyển biến tầng thư lâu theo hướng thư viện hiện đại, để viết lên một dấu chấm viên mãn trong sự nghiệp tầng thư cổ đại Trung Quốc.

Bảo quản sách căn cứ phương pháp

Tầng thư gia tư nhân và cơ cấu tầng thư hoàng gia trải các triều đại ở Trung Quốc, đặc biệt chú trọng đến việc bảo quản giữ gìn điển tịch sách vở được cất giữ, trải thời gian dài tích lũy và đúc rút kinh nghiệm, hình thành nên phương pháp và kỹ thuật hoàn chỉnh, cho đến nay vẫn có giá trị thực tiễn và tham khảo rất lớn. Trước tình hình điển tịch bị phá hoại bởi những phần tử bán trộm, ăn cắp, làm hư hại, người làm công tác lưu giữ và bảo quản cất giữ sách có hai phương pháp đó là:

Một: Tiến hành phân loại, sắp xếp và quản lý sách vở, có khi căn cứ vào nội dung để tiến hành phân loại như Quán Văn điện thuộc cơ quan tầng thư đời Tùy có phân thành hai bên Đông và Tây. Bên nhà Đông để tàng trữ sách kinh, sử, bên nhà Tây cất giữ sách tử, tập. Lại như tầng thư gia tư nhân của Lý Bí đời Đường dùng những thẻ tầm với các màu khác nhau để tiến



Nghề sách Trung Quốc



Một góc của kho sách thiện bản ở Cung Thọ An, Cố Cung ngày nay, cách thức bảo tồn vẫn dựa vào rất nhiều cách làm của tầng thư lâu thời cổ đại.

hành phân loại hơn ba vạn quyển sách trong thư gia nhà mình, Kinh bộ dùng thẻ tấm màu đỏ, Sử bộ dùng thẻ tấm màu xanh biếc, Tử bộ dùng thẻ tấm màu xanh lục, Tập bộ dùng thẻ tấm màu trắng. Trên đây đã trình bày phương pháp quản lý, giống như cách phân loại kho trong các thư viện hiện đại, có giá trị thực dụng rất lớn. Có khi lại căn cứ vào chất lượng sách để phân biệt. Như cơ quan tàng thư đời Tùy chia sách thành tam phẩm; thượng phẩm dùng trục bằng ngọc lưu ly đỏ, trung phẩm dùng trục ngọc lưu ly đỏ đen, hạ phẩm là trục sơn đen. Các phân biệt này giống như cách phân loại sách thiện bản (bản tốt nhất) và sách phổ thông bình thường trong các thư viện hiện đại. Còn có cách nữa là dựa vào tính thực dụng của sách trong quá trình lưu thông như thế nào để tiến hành phân loại quản lý. Như tàng thư gia của một người thời Đường là Liễu Công Xước có chứa đến hàng vạn quyển sách, mỗi sách đều có ba bản khác nhau, chất lượng tốt nhất được cất giữ trong kho, chất lượng thuộc tầm trung thì thường dùng để mình tự đọc thường ngày, chất lượng kém hơn một chút dùng để cung cấp cho những người sơ học, cách phân loại này cũng rất độc đáo.

Hai là hạn chế đối với độc giả nghiêm khắc, khó tính. Đối với những điển tịch quý, tàng thư quan tư của Trung Quốc thời cổ đại đều niêm phong rất chặt, thông thường không ban bố rộng rãi bên ngoài. Người ngoài rất khó có cơ hội được đọc những thư tịch đó. Như Phạm Khâm đời Minh (1506-1585) đã đích thân đặt gia quy đối với Thiên Nhất Các đó là: "Sách không



Bào thư lâu - cảnh bên trong của Thiên Nhất Các.

tầng thư tụy cho phép người ngoài mượn sách hoặc người ngoài vào tầng thư lâu, nhưng cũng có sự hạn chế ở mức tối đa. Tầng thư gia thời cận đại của Diệp Đức Huy (1864 - 1927) có quy định với người ngoài như sau: nếu có người muốn vào tầng thư lâu, cần phải có chủ nhân đi theo cùng, còn nó bặc đi theo hầu cũng không được vào. Đồng thời, người vào tầng thư lâu không được mặc áo khoác dày, không được mặc y phục quá rộng; không nói chuyện ồn ào trong tầng thư lâu. Sự tuân thủ nội quy của khách cũng có tác dụng nhất định trong việc bảo vệ sách vở, từ đó tránh được việc mất mát sách vở.

Sách vở bị thiệt hại chủ yếu do hỏa hoạn, lũ lụt, mối mọt... Về phương diện này, kỹ thuật bảo vệ, giữ gìn thời cổ đại cũng tương đối phát triển, nó biểu hiện ở bốn phương diện sau đây.

Về phương diện kiến trúc

Cổ nhân có sự nghiên cứu rất tỉ mỉ đối với kiến trúc của tầng thư lâu, rất nhiều tầng thư lâu có sự thống nhất giữa tinh nghệ thuật thẩm mỹ và tinh thực dụng, thể hiện tầm cỡ văn hóa sâu đậm cùng trí tuệ cao siêu của cổ nhân. Như "thạch thất" và "kim quý" đời Hán chính là thiết kế chuyên biệt dùng để phòng tránh hỏa hoạn. Nhìn từ phương diện kỹ thuật kiến trúc thì Thiên Nhất Các tương đối khoa học. Thiên Nhất Các chia ra hai tầng trên và dưới, tầng trên ví như trời, thiên nhất sinh thủy, không chia khoảng cách, thông thành một gian; tầng dưới ví như đất, lục địa thành thủy, cho nên tầng dưới được chia thành sáu gian nhỏ. Để chống ẩm, toàn bộ sách được để ở tầng trên. Ở lầu trên xung quanh đều có cửa sổ, các giá sách được đặt với khoảng cách thích hợp, từ sách trước sau đều có cửa,

cho người ngoài mượn, sách không được rời khỏi các"; quy định: Trong kho sách Thiên Nhất Các, mỗi phòng con cháu đều nắm một chìa, muốn mở cửa kho, cần phải có tất cả chìa khóa của các con cháu mới được mở; sách ở trong các không cho người ngoài mượn; con cháu khi có nhu cầu đọc sách, cần phải đích thân đến các để đọc; người đọc không được vào các lúc đêm khuya, không được hút thuốc. Có



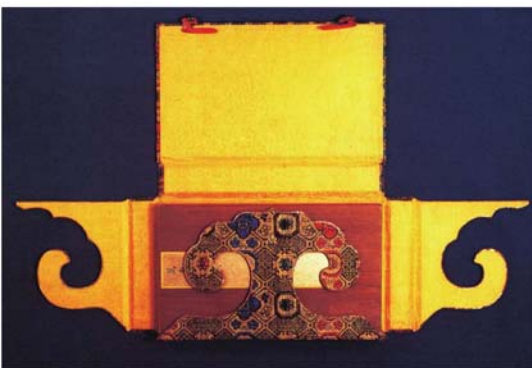
để tiện cho cả việc thông gió. Trong tủ sách còn đặt cây cừu hương để chống mối mọt. Để để phòng hỏa hoạn, trước lầu có đào một cái ao, dùng để trữ nước, cũng gọi là "Thiên Nhất Trì". Như thế, việc phòng lũ lụt, phòng hỏa hoạn, phòng mối mọt đều được tính đến, từ đó tránh được rất nhiều họa hại tự nhiên.

Giấy nhuộm chống mọt

Ngay từ thời đại trúc mộc giản độc, để kéo dài tuổi thọ của trúc giản, cổ nhân Trung Quốc đã nắm vững kỹ thuật "Sát thanh" (hơ khô thê tre). Sau khi phát minh ra kỹ thuật tạo giấy, để có thể khiến giấy tránh được mối mọt, mọi người đã phát minh ra kỹ thuật nhuộm giấy. Bắt đầu từ thời Hán Ngụy, mọi người đã biết sử dụng phương pháp dùng cây hoàng bách để nhuộm giấy. Hoàng bách hay còn gọi là hoàng bá, nhựa cây có màu vàng, có công dụng đặc biệt trong việc phòng chống mối mọt. Dùng nhựa cây hoàng bá để nhuộm giấy gọi là "nhập hoàng" hay "hoàng nhiễm". Do vậy giấy sau khi được nhuộm bằng nhựa cây hoàng bá sẽ có màu vàng. Thạch thất Đôn Hoàng còn lưu giữ khá nhiều kinh quyển đời Đường, đa số là giấy sau khi đã nhuộm nên có màu vàng như vậy. Kinh quyển có thể lưu giữ được hơn 1.000 năm, dù có bị rách nhưng giấy không hề có hiện tượng mối mọt ăn. Đến thời Tống, lại xuất hiện một cách nhuộm giấy chống mọt đó là "Dĩ tiêu nhiễm chỉ" (dùng tiêu nhuộm giấy), giấy được ngâm vào dung dịch hoa tiêu, sau khi phơi khô sẽ được sử dụng. Do trong hoa tiêu có chứa thành phần hóa học có mùi chua cay khó chịu, có tác dụng xua đuổi mối mọt, giấy được ngâm tiêu này có hiệu quả chống mối mọt khá tốt. Thời Minh - Thanh, để giải quyết được tình trạng ẩm ướt của khí hậu phương Nam và mối mọt lan tràn, người ta đã sáng chế ra một loại giấy đỏ vạn niên, tức là dùng phẩm màu đỏ nhuộm cho thành giấy in đỏ, rất hiệu quả trong việc chống mối mọt. Cổ nhân thường dùng loại giấy này làm bìa lót trước và sau sách, hoặc trang phụ sau bìa, vừa để tạo thẩm mỹ vừa để tránh mối mọt.

Dùng thuốc trị mối mọt

Trong thư khố có bày thuốc chống mối mọt, cách làm này cổ nhân đã áp dụng từ rất lâu đời. Trong *Tễ dân yếu thuật* có giảng giải kỹ càng, trên giá sách có thể đặt thêm hai loại thuốc là xạ hương hoặc đu đủ thì mối mọt sẽ không sinh sôi và phát triển. Sau này mọi người lại đặt trong thư khố cây cải dầu để chống mối mọt. Do hiệu quả của nó khá tốt, cho nên mãi đến hiện nay, có một số cơ quan tàng thư vẫn dùng cây cải dầu để chống mối



Hộp sách của bản **Vạn Thọ Vô Cương phú**, có niên đại vào triều Thanh.

mọt. Ngoài ra cổ nhân còn đặt hùng hoàng và vôi bột dưới giá sách để chống kiến, trong giá sách có để thêm lá cây thuốc lá, quế... cũng để chống mối mọt.

Thiết kế bảo vệ

Đối với cổ thư, ngoài việc dùng cách đóng sách buộc chỉ, còn sử dụng dây bằng giấy xe để cố định sách cho chắc chắn, cho dù dây bị đứt thì sách vẫn không bị bung ra. Dùng gỗ cây đàn hương, gỗ cây lim để làm thành những hộp hoặc nắp để đựng sách, sử dụng vải lụa để bọc sách,

đều có thể phòng chống mối mọt, lại bảo vệ sách khỏi bị rách, bung.

Ngoài ra, cổ nhân còn sử dụng phương pháp phơi sách. Đầu xuân cho đến giữa thu là khoảng thời gian thời tiết khô ráo, thoáng mát sẽ mang sách để ra ngoài phơi dưới ánh mặt trời, có thể tránh được ẩm mốc, mối mọt, đợi đến tối, sau khi sách đã nguội lại cất lên trên giá. Thời gian và phương pháp phơi sách đều được nghiên cứu, tính toán rất cẩn thận, tỉ mỉ.

Lưu thông sách

Từ rất sớm, thời cổ đại ở Trung Quốc đã có những ghi chép về việc lưu thông sách, việc hình thành các thư tú dân gian chính là một tiêu chí để chính thức triển khai việc buôn bán sách thời cổ đại Trung Quốc. Sau khi kỹ thuật in ấn được phổ cập, tốc độ lưu thông thư tịch cũng được tăng lên, phạm vi từng bước được triển khai, hình thành nên một mạng lưới lưu thông thư tịch rộng lớn và các trung tâm phát hành sách cũng được mọc lên như nấm.

Thư tú và hòe thị

Vào cuối thế kỷ I TCN, quốc đô Trường An đương thời cho đến các trung tâm có kinh tế, văn hóa tương đối phát triển đều đã xuất hiện những hiệu sách dân gian sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc gọi là thư tú.

Thư tú là do các thương nhân dân gian kinh doanh, lấy lợi nhuận làm mục đích, chủng loại thư tịch được tiêu thụ rất phong phú, phương pháp



Nghề sách Trung Quốc



Hộp sách khảm nạm mạ vàng đối chiếu bốn thể văn đời Thanh, cuốn Văn Thư Sư Lợi Bộ Tát tán Phật pháp thân lễ, vỏ cứng hào hoa xa xỉ.

kinh doanh linh hoạt, mở rộng việc mua bán sách, cho phép được tự do đọc sách, để thu hút độc giả, cũng là tạo điều kiện cho những phần tử trí thức nghèo có nhu cầu tự học vì thế nhận được sự chào đón nhiệt liệt của độc giả. Xét một cách khách quan thì thư tứ đương thời chưa có tác dụng của thư viện công cộng giống như thời hiện đại. Dựa vào ghi chép trong thư tịch văn hiến lịch sử thì có không ít chuyện danh nhân học sĩ đến thư tứ mua sách và đọc sách. Như học giả nổi tiếng là Vương Sung (27 - khoảng 97), vì gia cảnh nghèo khó, không có khả năng mua thư tịch cho nên thường dạo chơi trong thư tứ tại thành Lạc Dương để đọc.

Thư tứ xuất hiện với số lượng lớn, xúc tiến việc sử dụng và lưu thông sách, cũng trở thành một con đường quan trọng trong việc bổ sung vào tàng thư của cá nhân và nhà nước. Trong sự phát triển không ngừng, nghiệp vụ của thư tứ cũng không ngừng được triển khai, xuất hiện những phương thức kinh doanh như bán sách lưu động, chuyển sách đến tận nhà, thể hiện tính thương mại sâu đậm. Việc buôn bán sách đương thời nhờ sự kích thích của lợi nhuận thương mại, thương nhân còn thường mang sách theo bên mình "viễn xuất hoang giao" (đến những vùng hoang vu hẻo lánh), đến những nơi Nho sinh tụ tập để bán, cho nên hình thành cái gọi là thư thị.



Bộc Thư Đình, tăng thư gia của Chu Di Tôn đời Thanh, ở Gia Hưng, Chiết Giang.

Cuối thời Tây Hán (1 - 8 SCN) và thời kỳ Tân triều của Vương Mãng (9 - 23), ở gần Thái học của Trường An xuất hiện chợ sách sớm nhất thời cổ đại Trung Quốc gọi là hòe thị. Cuối thời Tây Hán, Vương Mãng chấp chính, hạ lệnh mở rộng quy mô của Thái học trung ương, tăng thêm số lượng thái học sinh, lại chiêu mộ số lượng lớn nhân sĩ đến quốc đô nhậm chức. Số lượng nhân sĩ và thái học sinh tập trung đông đúc khiến nhu cầu về thư tịch càng lớn thêm. Vì vậy, gần Thái học hình thành nên một cái chợ mua và bán thư tịch, vì vị trí của chợ này được tập trung dưới mấy trăm gốc cây hòe, cho nên gọi là "hòe thị".

So với thư tứ kinh doanh sách vở trong dân gian thì có sự khác biệt nhất định, hòe thị có những đặc điểm mới lạ như: một là chợ họp định kỳ, nửa tháng một lần; hai là đối tượng tham gia tương đối tập trung, chủ yếu là thái học sinh của Trường An; ba là hàng hóa không chỉ giới hạn ở sách vở, mà còn bao gồm cả sênh hương nhạc khí cho đến đặc sản các vùng trong cả nước; bốn là có tác dụng giao lưu học thuật, thái học sinh vừa mua bán sách vở, vừa giao lưu nghiên cứu học thuật cũng như luận bàn thiên hạ đại sự; năm là chịu sự giám sát và ảnh hưởng trực tiếp từ nhà nước, triều đình cũng thiết lập cơ quan chuyên trách quản lý hòe thị. Hòe thị trở thành một thị trường giao dịch thương mại, mang không khí văn hóa náo động. Năm 23 SCN, triều đình Vương Mãng sụp đổ, Thái học trong chiến loạn bị giải tán, hòe thị cũng theo đó biến mất. Tuy chỉ tồn tại trong hơn hai mươi năm nhưng tầm ảnh hưởng của hòe thị trong lịch sử



lại vô cùng sâu đậm. Sau này khi các văn nhân học sĩ ngâm thơ làm phú, thường nhắc đến hòe thị, và đây trở thành một biểu trưng văn hóa được thêm vào trong khi ngâm tụng.

Người sao chép phục chế sách: "Dong thu"

Trước khi phát minh ra kỹ thuật in ấn khắc bản, toàn bộ thư tịch đều dựa vào chép tay thủ công, quá trình sao chép, phục chế đã tiếp tục quá trình sản sinh thư tịch, cũng là một phương thức biểu hiện của việc lưu thông thư tịch. Đời Hán xuất hiện một lực lượng hành nghề sao chép, phục chế sách, trong sử gọi là "dong thu". Nhà nước đương thời cũng bắt đầu thiết lập cương vị chuyên trách sao chép sách, chiêu mộ một số lượng lớn những "dong thu" đảm nhiệm công việc này.

Đương thời, người làm "dong thu" có thu nhập tương đối khá, chỉ ít cũng có thể nuôi được gia đình. Người làm "dong thu" trong quá trình sao chép, cũng được đọc tất cả các loại thư tịch, tích lũy được tri thức, trở thành "chủ sở hữu" của lượng tri thức khổng lồ. Kiểm tìm trong sử tịch có thể thấy được không ít người chuyên kiếm sống cả đời bằng nghề sao chép sách, trong đó nhờ sao chép sách vở mà trở thành nổi tiếng cũng có một số người. Danh tướng Ban Siêu thời Đông Hán (32 - 102), khi còn trẻ vì gia cảnh bần hàn, thường đến cơ quan nhà nước sao chép sách, dùng tiền công nhận được để phụng dưỡng mẹ già. Có một lần, trong lúc đang sao chép sách ông đột nhiên đánh rơi cây bút trong tay, cảm thán nói: Đại trượng phu nên cống hiến hết mình nơi chiến trường, lập công danh, giành ngôi cao tước lớn, tại sao ta có thể mãi làm công việc chép sách này được? Sau đó nhờ sự nỗ lực của bản thân, Ban Siêu quả nhiên trở thành danh tướng nổi danh một đời, đây chính là câu chuyện nổi danh "đầu bút tòng giới" (buồng bút cắm giáo) trong lịch sử Trung Quốc.

Vì số lượng người tham gia vào hoạt động chép sách rất đông nên đã góp phần nâng cao năng lực tái sản xuất sách đương thời, về phương diện truyền bá văn hóa tri thức cũng có cống hiến rất lớn. Hoạt động "dong thu" là hiện tượng "tái bản" theo cách viết tay, sách viết đó không chỉ để bản thân mình nghiên cứu, học tập mà còn để bán thu lợi, mưu cầu cuộc sống, so với những người làm sách ngày nay thì hầu như không có khác biệt về bản chất.

Sự nghiệp buôn bán sách tại phường tư thời đại in ấn

Sau khi bước vào thời đại in ấn, sự nghiệp lưu thông và phát hành sách vở của Trung Quốc có bước phát triển cực lớn. Do kỹ thuật in ấn được phổ cập, sách in với chủng loại phong phú, quy cách đa dạng, số lượng cực lớn và chất lượng thượng hạng bước vào xã hội, trở thành chủ lưu của thị



Bức họa **Hiệu thư đồ quyển** của một họa gia thời Bắc Tống (550 - 577) (đây là bản mô phỏng của triều Tống), phản ánh tình hình sao chép, hiệu đối sách vở đương thời.

trường thư tịch. Việc sản xuất và tiêu thụ sách mang về lợi nhuận khả quan sẽ xúc tiến nhiều người trong dân gian và quan phương đầu tư vào thị trường thư tịch, đẩy mạnh sự phát triển của sự nghiệp buôn bán thư tịch.

Thời đại in ấn, thương nhân trong dân gian cũng bắt đầu sự nghiệp buôn bán sách vở tại phường tứ, là mạch chính của hoạt động lưu thông sách vở. Họ xem lợi nhuận là mục đích chủ yếu, các thư tịch khắc in trở thành thương phẩm tiêu thụ trên thị trường. Thư phường kiểm cả ba nhiệm vụ đó là: biên tập, in ấn và là hiệu sách, nghiệp vụ bao gồm máy công đoạn như điêu khắc bản, in ấn và bán ra. Mà nhiệm vụ và mục đích chủ yếu chính là đẩy nhanh số lượng thư tịch được bán ra. Do ban đầu phường tứ khắc in và buôn bán thư tịch với số lượng lớn, vì thế mà trong khoảng thời gian này xuất hiện sự cạnh tranh. Do vậy thư tịch của phường tứ đã chú ý đến việc mở rộng tiêu thụ. Để cạnh tranh giành được thắng lợi, việc quảng cáo thư tịch cũng được đẩy mạnh. Không chỉ như vậy, một vài sản phẩm sách còn được quảng bá rộng khắp trong thiên hạ, thậm chí đến cả các vùng dân tộc thiểu số và nước ngoài, điều đó đã xúc tiến việc truyền bá rộng rãi văn hóa và sách Trung Quốc ở một trình độ nhất định.

Đương thời, không chỉ những hiệu sách chuyên nghiệp trong dân gian bắt đầu hoạt động giao dịch thư tịch, thậm chí có nhiều văn nhân, quan viên, bách tính bình thường cũng đua nhau đầu tư vào đó. Nhà lý học nổi danh đời Tống là Chu Hy (1130 - 1200), từng cho khắc in kinh điển Nho gia và những thư tịch do mình trước tác đem bán, lượng thư tịch mà ông



Điện mạo hiện tại của đường Lưu Ly ở Bắc Kinh, đây từng là nơi buôn bán sách nổi danh trong cả nước thời kỳ Thanh triều và Dân Quốc.

tiến hành san khắc tương đối nhiều, chất lượng tốt nên có rất nhiều người đến gõ cửa hỏi mua.

Sự phồn vinh của việc buôn bán sách vở cũng xúc tiến hình thành thị trường sách quy mô lớn mang tầm cỡ quốc gia. Như chùa Tường Quốc ở Khai Phong, Bắc Tống, đường Tam Sơn ở Nam Kinh đời Minh; đường Lưu Ly ở Bắc Kinh đời Thanh, đều có chợ sách với quy mô rộng lớn, hiệu sách mọc lên như nấm, buôn bán tấp nập vô cùng, trở thành một trung tâm buôn bán sách nổi danh trong toàn quốc.

KẾT TINH CỦA VĂN MINH

Xuất bản phẩm mang nét đặc sắc riêng
của Trung Quốc





Sản phẩm trực tiếp nhất và quan trọng nhất của ngành xuất bản Trung Quốc cổ đại chính là cổ thư Trung Quốc. Cổ thư Trung Quốc hay còn gọi là cổ tịch Trung Quốc, thường để chỉ những loại sách được in hoặc viết tay từ năm 1911 trở về trước. Cổ thư Trung Quốc số lượng nhiều vô số, căn cứ vào số liệu thống kê, cổ thư Trung Quốc hiện tồn không dưới mười vạn loại. Cổ thư là một tiêu chí chứng tỏ sự phồn vinh của ngành xuất bản Trung Quốc, nó chính là sự ngưng đọng của trí tuệ cổ nhân Trung Quốc và kết tinh của văn hóa truyền thống, tập trung phản ánh sự huy hoàng của lịch sử văn hóa Trung Quốc.

Bắt đầu từ thế kỷ VII, cổ nhân đã bắt đầu chia sách vở Trung Quốc thành bốn loại đó là: Kinh, Sử, Tử, Tập. Trong đó "Thập tam kinh" thuộc Kinh bộ, "Nhị thập tứ sử" thuộc Sử bộ, Bách gia chư tử thuộc Tử bộ và Thi văn tập thuộc Tập bộ là bộ sách tập trung nhất, phản ánh khá đầy đủ nét đặc sắc của văn hóa Trung Quốc. Ngoài ra, việc biên tập loại thư, từng thư với khổ lớn, quyển trật nhiều cũng chính là đặc điểm văn hóa rộng lớn của Trung Quốc thời cổ đại. *Vinh Lạc đại điển*, *Cổ kim đồ thư tập thành* thuộc loại thư, *Tứ khố toàn thư* thuộc từng thư chính là những đại diện điển hình chứng tỏ thành tựu huy hoàng của nghề sách Trung Quốc cổ đại.

Ngành xuất bản Trung Quốc đương đại cũng tiếp tục kế thừa truyền thống quý báu của nghề sách cổ đại, số lượng sách xuất bản mới và tái bản hàng năm đều trên mười vạn đầu, điều đó chứng tỏ trình độ, năng lực xuất bản của Trung Quốc đương đại và các xuất bản phẩm ưu tú chứng minh thành tựu văn hóa vượt trội như *Tục tu tử khố toàn thư*, *Trung Hoa Đại Tạng kinh*, *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư*...

Thập tam kinh

Trong lịch sử xã hội phong kiến Trung Quốc hơn hai ngàn năm, văn hóa Nho gia chiếm lĩnh vị trí chủ đạo trong một thời gian dài, trước tác của Nho gia vì thế luôn đứng ở vị trí độc tôn. Trước tác nghiên cứu chú giải kinh điển Nho gia dài dòng, sách vở chất đống như núi, hình thành nên cái gọi là "kinh học". Kinh là tên thường gọi dùng để chỉ quy định của nhà nước phong kiến chuyên chế, lấy những thư tịch do Khổng Tử biên tập làm đại diện cho học phong Nho gia; kinh học chính là ám chỉ hệ thống học thuật được hình thành bởi tầng lớp quan lại và những phần tử trí thức phong kiến các triều đại trong việc nghị luận và xiển phát kinh thư Nho gia. Kinh học độc tôn, cái học khác đều đứng sau, kinh học là chính, cái học khác là phụ, chính là hiện tượng độc đáo riêng có trong lịch sử thư tịch Trung Quốc và lịch sử văn hóa Trung Hoa.



Bản dập bức hình Khổng Tử dạy học. Khổng Tử là người sáng lập Nho gia, và là người có mối quan hệ mật thiết với kinh điển Nho giáo.

Vào thời Trung Quốc cổ đại, mười ba bộ trước tác của kinh điển Nho gia được đề cao, gọi chung với cái tên là "Thập tam kinh" bao gồm: *Chu dịch*, *Thượng thư*, *Thi kinh*, *Chu lễ*, *Nghi lễ*, *Lễ ký*, *Xuân Thu Tả thị truyện*, *Xuân Thu Công Dương truyện*, *Xuân Thu Cốc Lương truyện*, *Luận ngữ*, *Hiếu kinh*, *Nhĩ nhĩ*, *Mạnh Tử*. Thập tam kinh trở thành kinh điển Nho gia, địa vị tôn quý, ảnh hưởng sâu rộng, vượt qua tất cả những điển tịch khác. Xoay quanh Thập tam kinh còn có vô số những trước tác kinh học của các học giả khác. Toàn bộ số chữ của Thập Tam kinh không quá 65 vạn chữ, còn số lượng điển tịch giải thích kinh điển lịch đại Trung Quốc thì con số phải gấp mấy trăm lần. Chỉ tính riêng những trước tác liên quan đến Thập tam kinh, đếm sơ sơ cũng gần 4.000 bộ, gần 50.000 quyển, trở thành một loại sách mang nhiều nét đặc sắc nhất và quan trọng nhất trong điển tịch cổ đại Trung Quốc.

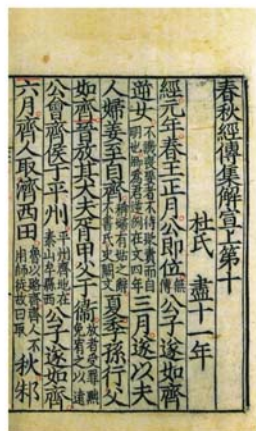
Thập tam kinh trở thành trước tác nền tảng của văn hóa Nho gia, nội dung vô cùng rộng lớn, là điển tịch quan trọng trong học thuật truyền thống Trung Quốc. *Chu Dịch* có địa vị cao nhất trong Thập tam kinh, được xem là đứng đầu trong các kinh.

Vốn là sách chiêm bosc (bói toán), có nền tảng là âm dương bát quái, và ngoài thần bí mà triết lý ẩn tàng bên trong vô cùng sâu sắc. *Thượng thư* là bộ kinh tổng hợp văn kiện trong lịch sử thời thượng cổ, nội dung chủ yếu là văn cáo của quân vương thời thượng cổ và ghi chép về những cuộc đàm đạo của quân thần. Quan niệm ngũ hành (tức Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) trong đó có ảnh hưởng rất rộng đến mô thức tư duy của người Trung Quốc. *Thi kinh* là tuyển tập thơ từ đầu thời Tây Chu cho đến trung kỳ thời Xuân Thu, là bộ tổng tập thơ sớm nhất của Trung Quốc, được xem là điển phạm và ngọn nguồn của thi ca truyền thống Trung Quốc các đời, trong đó chia thành ba bộ phận "Phong", "Nhã", "Tụng". Phong là ca dao của các nước chư hầu thuộc vương triều nhà Chu, Nhã là nhã nhạc cung đình và lễ nhạc của các vùng thuộc vương triều nhà Chu, Tụng là ca từ vũ khúc trong tế tự tông miếu thuộc tầng lớp xã hội thượng tấng. *Chu Lễ*, *Nghi lễ*, *Lễ ký* gọi chung là



Khắc bản *Trịện văn lục kinh tứ thư* vào khoảng niên hiệu Khang Hy, đời Thanh. *Tứ thư* là chỉ *Đại học*, *Trung dung*, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*.

Tam lễ. *Chu lễ* chủ yếu tập hợp quan chế vương thất nhà Chu cho đến chế độ các nước khác thuộc thời kỳ Chiến Quốc. *Nghi lễ* chủ yếu ghi chép lễ chế thời Xuân Thu Chiến Quốc. *Lễ ký* chủ yếu tổng hợp những trước thuật về các loại liên quan đến nghi lễ trước thời Tần - Hán. Ba bộ lễ thư đặt nền móng nguyên tắc đạo đức xã hội truyền thống Trung Quốc. *Xuân Thu Tả thị truyện*, *Xuân Thu Công Dương truyện*, *Xuân Thu Cốc Lương truyện* gọi chung là *Xuân Thu tam truyện*, xoay quanh trước tác *Xuân Thu* mà hình thành. *Xuân Thu* là bộ sử theo thể biên niên do Khổng Tử mượn dùng sử thư nước Lỗ biên soạn thành. *Xuân Thu Tả thị truyện* coi trọng việc trần thuật sử thời *Xuân Thu*, còn *Công Dương truyện*, *Cốc Lương truyện* chú trọng đến việc diễn phát nghĩa lý hàm ẩn trong bộ sử *Xuân Thu*. *Luận ngữ* là tác phẩm ghi chép những lời của Khổng Tử, là trước thuật quyền uy nhất ghi chép lời nói và hành vi tư tưởng của Khổng Tử, thời Trung Quốc cổ đại, đây là bộ kinh điển Nho gia được đọc giả đọc nhiều nhất. *Hiếu kinh* luận thuật đạo hiếu thời phong kiến, tư tưởng hạt nhân là "dùng hiếu cai trị thiên hạ", Đường Huyền Tông từng



Khắc bản chữ to *Xuân Thu* kinh *truyện tập giải* tại đất Thục (nay là Tứ Xuyên), đời Tống.



Khắc bản chữ to Chu dịch bản nghĩa trong nội phủ Khang Hy, triều Thanh. Chu dịch được các đời xem là tác phẩm đúng đầu trong các kinh. Ngày nay những trước tác nghiên cứu Chu dịch có rất nhiều.

viết chú thích cho sách này, là bộ kinh điển Nho gia duy nhất được hoàng đế chú thích trong *Thập tam kinh chú sớ. Nhĩ nhĩ* là bộ sách huấn hử giải thích nghĩa của từ và thuyên thích danh vật, các nhà kinh học hầu hết dựa vào đó để giải thích kinh, là bộ tự thư cổ đại duy nhất được tôn làm "kinh". *Mạnh Tử* là trước tác chuyên ghi chép hành tích, tư tưởng, lời nói của Mạnh Tử, tư tưởng hạt nhân là truyền bá tư tưởng nhân chính.

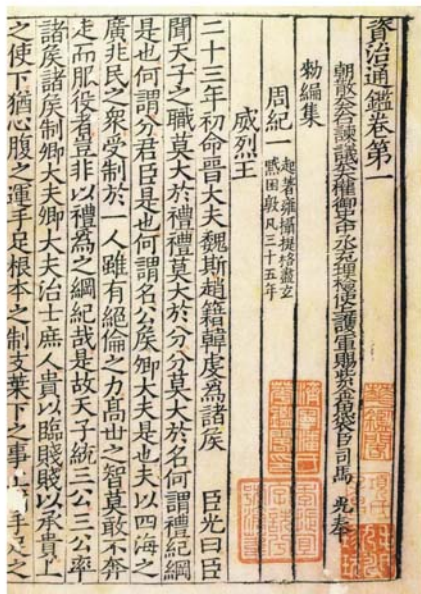
Nhị thập tứ sử

Sùng cổ trọng sử là đặc trưng rõ rệt nhất của văn hóa Trung Quốc. Người đứng đầu các triều đại ở Trung Quốc đều rất coi trọng tính liên tục và tính kế thừa của lịch sử, nên hình thành một truyền thống tu soạn lịch sử triều đại trước. Chế độ tu sử của các triều đại trong lịch sử Trung Quốc, bảo đảm sự nối liền trước sau trong sử thư, kéo dài mãi chẳng ngừng. Phong khí của dân gian tư nhân tuyển lựa trước tác của sử gia cũng thịnh vượng lâu dài chẳng suy bại. Trong điển tịch cổ đại, sử bộ được sắp xếp sau kinh bộ, nhưng số lượng lại vượt rất xa kinh thư. Số lượng các loại sử tịch rất lớn, chủng loại đa dạng, thể lệ phong phú.



Thế tài chủ yếu của sử thư cổ đại Trung Quốc có ba loại: thể ký truyện lấy nhân vật làm trung tâm; biên niên sử lấy thời gian làm trình tự sắp xếp; thể kỷ sự bản mặt lấy sự kiện làm trung tâm. Trong đó, lấy *Sử ký* làm đầu cho thể kỷ sự và được xem như là bộ sử thư chính thống, gọi là chính sử. Năm thứ tư niên hiệu Càn Long (1739) *Minh sử* được sửa thành, hoàng đế Càn Long khâm định 24 bộ sử từ *Sử ký* cho đến *Minh sử* làm chính sử, gọi là Nhị thập tứ sử, xác định địa vị của chính sử. Năm 1927 sau khi bộ *Thanh sử cảo* được soạn xong, lại có thuyết về Nhị thập ngũ sử. Nhị thập ngũ sử có tổng cộng 3.795 quyển, ghi chép bắt đầu từ thời kỳ Hoàng Đế trong truyền thuyết thời thượng cổ Trung Quốc, dùng vào năm 1911, trên dưới năm ngàn năm, không bị gián đoạn, là bộ thông sử bách khoa toàn thư vô tiền khoáng hậu. Tình hình cơ bản có thể tham khảo bằng biểu dưới đây.

Nhị thập tứ sử đều là sử thư theo thể kỷ truyện, là một thể lệ biên soạn sử thư lấy nhân vật làm cương, thời gian làm vĩ để phản ánh các sự kiện lịch sử. Từ hình thức thể tài mà nhìn, thể kỷ truyện chủ yếu được cấu thành từ bản kỷ, thế gia, liệt truyện, thư chí, sử biểu. Bản kỷ lấy trình tự thời gian, ghi chép sự tích về đế vương, có khi như thể biên niên. Thế gia chủ yếu ghi chép lịch sử các chư hầu và quý tộc. Liệt truyện là ghi chép về các phương diện của những nhân vật tiêu biểu. Thư chí là ghi chép về lịch sử liên quan đến các phương diện điển chương chế độ, tự nhiên, xã hội. Biểu là dùng để biểu thị tình hình xã hội phức tạp rối ren và không cách nào viết sâu vào liệt truyện của đại đa số các nhân vật được. Nội dung của mấy bộ này có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong từng bộ sử đã có sợi dây gắn kết chặt chẽ tạo thành một chỉnh thể tương đối hoàn chỉnh, có sự bổ trợ lẫn nhau.



Khắc bản Tư trị thông giám trong Công Sử khố, thuộc niên hiệu Thiệu Hưng, đời Tống. Tư trị thông giám là kiệt tác biên niên sử của Trung Quốc.

Bảng khái lược về Ngũ thập ngữ sử của Trung Quốc

Tên sách	Số quyển	Người biên soạn	Niên đại sự kiện	Năm hoàn thành
Sử ký	130 quyển	Tây Hán - Tư Mã Thiên	Bắt đầu từ thời Hoàng Đế, đúng ở trung kỳ thời Hán Vũ Đế, khoảng 3000 năm	Năm thứ tư niên hiệu Thái Sơ đời Hán Vũ Đế (năm 101 TCN)
Hán thư	120 quyển	Đông Hán - Ban Cố	260 TCN - 24 SCN	Năm thứ tám niên hiệu Kiến Sơ đời Hán Chương Đế (83)
Hậu Hán thư	130 quyển	Nam Triều - Phạm Hoa	25-220	Năm thứ hai mươi hai niên hiệu Nguyên Gia đời Tống Văn Đế (445)
Tam Quốc chí	65 quyển	Tây Tấn - Trần Thọ	220-280	Năm thứ mười niên hiệu Thái Khang đời Tấn Vũ Đế (289)
Tấn thư	130 quyển	Đường - Nhóm Phòng Huyền Linh	265-419	Năm thứ hai mươi niên hiệu Trinh Quán đời Đường Thái Tông (646)
Tống thư	100 quyển	Lương - Thẩm Ước	420-479	Năm thứ sáu niên hiệu Vĩnh Minh đời Tống Vũ Đế (488)
Nam Tề thư	59 quyển	Lương - Tiêu Tử Hiến	479-502	Năm thứ mười ba niên hiệu Thiên Giám đời Lương Vũ Đế (514)
Lương thư	56 quyển	Đường - Diêu Tư Liêm	502-557	Năm thứ chín niên hiệu Trinh Quán đời Đường Thái Tông (635)
Trần thư	36 quyển	Đường - Diêu Tư Liêm	557-586	Năm thứ mười niên hiệu Trinh Quán đời Đường Thái Tông (636)
Nam sử	80 quyển	Đường - Lý Diên Thọ	420-589	Năm thứ tư niên hiệu Kiến Khánh đời Đường Cao Tông (659)
Bắc sử	100 quyển	Đường - Lý Diên Thọ	386-618	Năm thứ tư niên hiệu Kiến Khánh đời Đường Cao Tông (659)
Ngụy thư	130 quyển	Bắc Tề - Ngụy Thu	386-550	Năm thứ năm niên hiệu Thiên Bảo đời Văn Tuyên Đế, Bắc Tề (554)
Bắc Tề thư	50 quyển	Đường - Lý Bạch Dược	550-577	Năm thứ mười niên hiệu Trinh Quán đời Đường Thái Tông (636)
Chu thư	50 quyển	Đường - Lệnh Hồ Đức Phán	577-581	Năm thứ mười niên hiệu Trinh Quán đời Đường Thái Tông (636)
Tùy thư	85 quyển	Đường - Nhóm Ngụy Trưng	581-618	Năm thứ mười niên hiệu Trinh Quán đời Đường Thái Tông (636)
Cựu Đường thư	200 quyển	Hậu Tấn - Nhóm Lưu Hủ	618-907	Năm thứ hai niên hiệu Khai Vận đời Tấn Xuất Đế, Hậu Tấn (945)
Tân Đường thư	225 quyển	Tống - Nhóm Âu Dương Tu	618-907	Năm thứ sáu niên hiệu Gia Hựu đời Tống Nhân Tông (1061)
Cựu Ngũ đại sử	150 quyển	Tống - Nhóm Tiết Cư Chính	907-960	Năm thứ bảy niên hiệu Khai Bảo đời Tống Thái Tổ (974)
Tân Ngũ đại sử	74 quyển	Tống - Âu Dương Tu	907-960	Năm thứ năm niên hiệu Hy Ninh đời Tống Thần Tông (1072)
Tống sử	496 quyển	Nguyên - Nhóm Thoát Thoát	960-1279	Năm thứ năm niên hiệu Chí Chính đời Nguyên Thuần Đế (1345)
Liêu sử	116 quyển	Nguyên - Nhóm Thoát Thoát	916-1125	Năm thứ tư niên hiệu Chí Chính đời Nguyên Thuần Đế (1344)
Kim sử	135 quyển	Nguyên - Nhóm Thoát Thoát	1115-1234	Năm thứ tư niên hiệu Chí Chính đời Nguyên Thuần Đế (1344)
Nguyên sử	210 quyển	Minh - Nhóm Tống Liêm	1206-1370	Năm thứ ba niên hiệu Hồng Vũ đời Minh Thái Tổ (1370)
Minh sử	332 quyển	Thanh - Nhóm Trương Đình Ngọc	1368-1644	Năm thứ tư niên hiệu Cảnh Long đời Thanh Cao Tông (1739)
Thanh sử cảo	536 quyển	Dân Quốc - Nhóm Triệu Nhĩ Tôn	1583-1911	Năm thứ mười sáu Trung Hoa Dân Quốc (1927)



Vinh Lạc đại điển

Loại thư là một loại hình sách đọc đáo của thời Trung Quốc cổ đại, là một loại sách công cụ ghi chép cụ thể, tỉ mỉ tư liệu về các môn loại trong văn hiến, dựa vào loại và vận mà biên tập, sắp xếp để tiện cho việc tra cứu và vận dụng. Vì nó thu thập rộng rãi từ rất nhiều sách, rồi căn cứ vào chia loại mà bổ sung, tư liệu phong phú nên được gọi là "Bách khoa toàn thư" thời cổ đại Trung Quốc. Bộ loại thư đầu tiên của Trung Quốc cổ đại là *Hoàng lãm* được biên soạn vào năm 220 SCN, tổng cộng sách có hơn 800 vạn chữ, chia thành hơn 40 bộ loại. Tính đến cuối thế kỷ XIX, loại thư được biên soạn thời cổ đại có khoảng hơn 700 loại. Trong đó, *Vinh Lạc đại điển* đời Minh là bộ loại thư lớn nhất thời Trung Quốc cổ đại, *Cổ kim đồ thư tập thành* đời Thanh là bộ có thể lệ hoàn thiện nhất cùng đồng thời là bộ loại thư lớn nhất hiện tồn.

Vinh Lạc đại điển là công trình văn hóa lớn nhất đời Minh, trải qua 5 năm biên soạn mới hoàn thành, từ năm đầu niên hiệu Vinh Lạc đời Minh Thành Tổ (1403) cho đến năm thứ sáu niên hiệu Vinh Lạc (1408). Số lượng người tham gia biên soạn lên đến 2.169, chỉ tính riêng số người chép tay cũng lên đến 1.300 người. Đó là một trong những bộ sách viết tay nổi danh được biên tập hoàn thành trong thời kỳ toàn thịnh của văn hóa khắc bản Trung Quốc. Tổng cộng có 22.937, khoảng 370 triệu chữ, đóng thành 11.095 quyển là bộ đại điển danh xứng với thực. *Vinh Lạc đại điển* không chỉ có số lượng thiên quyển lớn, mà cách thức sao chép cũng đẹp và hoàn chỉnh, văn tự đa phần đúng bút lông viết theo lối khải thư, đồng thời còn nhiều tranh minh họa tinh xảo, hình thái như thật. Bản khuôn và giới hành màu đỏ, có chấm đỏ để chấm câu. Khó sách rất lớn, có bìa màu vàng, đóng bọc gáy cứng, điển nhã mà trang trọng.

Vinh Lạc đại điển đã thay đổi thể lệ biên soạn loại thư trong quá khứ, dựa vào phương pháp "Dùng vận để thống



Sử ký trong Nhị thập tứ sử được khắc vào khoảng niên hiệu Càn Long, triều Thanh.

Sử ký - Bộ sử thư theo thể kỷ truyện sớm nhất Trung Quốc

Sử ký là bộ sử thư theo thể kỷ truyện sớm nhất Trung Quốc đồng thời cũng là bộ sử thư xuất sắc nhất Trung Quốc, do sử gia nổi tiếng thời Tây Hán là Tư Mã Thiên (145 - 90 TCN) biên soạn.

Sử ký hay còn gọi là **Thái công sử ký** là tác phẩm đứng đầu trong Nhị thập tứ sử. Sử ký ghi chép bắt đầu từ thời đại Hoàng Đế trong truyền thuyết thời thượng cổ Trung Quốc cho đến năm đầu niên hiệu Nguyên Thủ đời vua Hán Vũ Đế (122 TCN), tổng cộng 3.000 năm lịch sử. Toàn sách có 130 thiên, 52 vạn chữ. Sử ký có ảnh hưởng rất sâu rộng đến việc phát triển và sản sinh ra sử học và văn học của hậu thế. Phương pháp biên soạn sử thể kỷ truyện được sáng tạo trở thành "chính sử" lịch đại các đời. Đồng thời, Sử ký còn được xem như là trước tác văn học ưu tú, có địa vị quan trọng trong lịch sử văn học Trung Quốc.



Hình ảnh trang trí bên ngoài của Vĩnh Lạc đại điển.



Phần Vĩnh Lạc đại điển hiện tồn cho đến ngày nay.



Bộ chữ "Môn" trong Vĩnh Lạc đại điển.



nhất tự, dùng tự để nối sự kiện" để biên soạn, vô cùng tiện lợi cho việc tra cứu. Theo sự sắp xếp vận bộ của vận thư *Hồng Vũ chính vận*, các chữ trong vận bộ đều chiếu theo sự sắp xếp thứ tự giống trong sách *Hồng Vũ chính vận*. Mỗi chữ trước tiên phải từ tự nghĩa để giải thích rõ ràng, sau đó lại chỉ ra cách viết đồng thể tự của chữ đó, sau đó đến phần tổng hợp, điển cố, thi văn, cùng với những tư liệu liên quan khác để trình bày thêm, đều có viện dẫn nguyên văn cổ tịch làm minh chứng. Nếu có dẫn nguyên văn thì dùng bút đỏ viết tay, còn những văn tự khác thì viết tay bằng bút lông mực đen. Kết cấu sách rõ ràng, dễ mục cụ thể. Hình thức biên soạn này đã trở thành đặc trưng của các sách công cụ bách khoa toàn thư thời cận đại. Ví thế, có người coi *Vinh Lạc đại điển* là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên và lớn nhất trên thế giới.

Vinh Lạc đại điển dẫn dụng thư tịch và phạm vi thu thập rất rộng lớn, nội dung vô cùng phong phú, có thể bao quát được vạn tượng. Sách này thu thập khoảng bảy tám nghìn loại cổ tịch, cơ hồ như đã đào tận hết tàng thư Văn Uyên Các - Thư viện hoàng gia triều Minh. Kinh sử tử tập, thiên văn địa lý, tam giáo cừu lưu, thậm chí đến hý khúc tiểu thuyết đều không bỏ sót. Tạo thành một kho tàng thư cục lớn những năm đầu thế kỷ XV. Hậu thế có thể tìm thấy trong *Vinh Lạc đại điển* khoảng hơn 500 đầu sách đã bị thất lạc.

Sau khi biên soạn xong *Vinh Lạc đại điển*, trong thâm cung hoàng thất, chưa thể tiến hành khắc in ban bố, cuối cùng bị hủy bởi binh hỏa trộm cướp. Theo thống kê, hiện nay các thư viện trong nước và tàng thư tư nhân lưu giữ được khoảng hơn 800 quyển *Vinh Lạc đại điển*, hơn 400 sách, *Vinh Lạc đại điển* còn tồn tại cho đến ngày nay khoảng hơn 90%. Điều khiến người ngày nay tiếc nuối là số sách hiện tồn này chưa đến 4% là bản gốc.

Cổ kim đồ thư tập thành

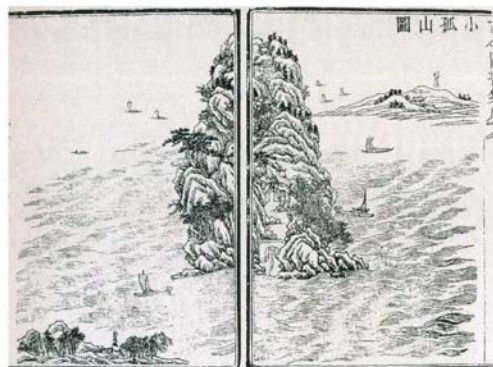
Trung Quốc hiện tồn bộ loại thư *Cổ kim đồ thư tập thành* đời Thanh do quan tu với quy mô lớn nhất, thể lệ hoàn bị nhất. Sách này tổng cộng có 10.040 quyển, 5.020 sách, đựng trong 525 hộp, số chữ lên đến 170 triệu chữ, có phụ họa hàng vạn bức tranh, dẫn dụng thư mục đến hơn 6.000 loại, là bộ loại thư lớn nhất hiện tồn của Trung Quốc. Sách này do nhóm Trần Mộng Lôi (1650 - 1741) và Tưởng Đình Tích (1669 - 1732) thời Khang Hy và Ung Chính triều Thanh chủ trì biên soạn, trong đó Trần Mộng Lôi dụng công nhiều nhất. Sách này biên tập trong vòng 28 năm, đến năm thứ tư niên hiệu Ung Chính (1726) thì hoàn thành, lại được hoàng đế Ung Chính hạ lệnh dùng chữ rời bằng đồng để khắc in 65 bộ, đến năm thứ sáu niên hiệu Ung Chính (1728) thì in xong, chủ yếu dùng để ban tặng, thường công

cho quan lại trong triều đình có công mà không được lưu hành rộng rãi trong dân gian. Năm thứ 16 niên hiệu Quang Thiệu (1890), Nội vụ phủ triều Thanh lại ủy thác cho Thượng Hải Đổng Văn thư cục chiếu theo nguyên khổ sách in để tạo ảnh ấn 100 bộ làm quà tặng cho thủ tướng các nước.

Phương pháp biên soạn *Cổ kim đồ thư tập thành* triệt để sử dụng nguyên tắc khi soạn loại thư đó là "dùng loại xấu chuỗi sự kiện". Kết cấu toàn bộ sách là dựa vào phương pháp nhận thức truyền thống về thiên, địa, nhân, sự, vật mà có sự phân chia hệ thống cụ thể. Hệ thống phân loại này do ba cấp loại mục cấu thành là vụng biên, điển, bộ. Phân loại cụ thể, điều lý rõ ràng, hệ thống tổ chức và thể lệ biên soạn vượt xa loại thư trước đó. Đặc điểm của biên soạn loại thư này là "dùng loại để xấu chuỗi sự kiện" được tiến sâu thêm một bước, điều này thể hiện loại thư cổ đại Trung Quốc đã phát triển thành thực. Vì thế, *Cổ kim đồ thư tập thành* có tiếng vang rất lớn trong nước, người nước ngoài gọi nó là *Khang Hy bách khoa toàn thư* hay *Trung Quốc bách khoa toàn thư*.



Tranh Hoàng đế Khang Hy triều Thanh đang đọc sách.



Về ngoài của khắc bản in chữ rời bằng đồng của **Cổ kim đồ thư tập thành** và **Cổ kim đồ thư tập thành đồ phả** được lưu trữ trong nội phủ vào thời Ung Chính (1722 - 1735).

Tứ khố toàn thư và Tục tu tứ khố toàn thư

Trung Quốc thời cổ đại đã bắt đầu biên tập xuất bản từng thư. Trong các bộ từng thư mà các đời đã biên soạn, quy mô lớn nhất, ảnh hưởng rộng nhất chính là *Tứ khố toàn thư* triều Thanh. Tứ khố là chỉ thư tịch thuộc tứ bộ Kinh, Sử, Tử, Tập, toàn thư là ý nói thu thập đầy đủ các thư tịch cổ, phản ánh sự sưu tầm và thu thập rộng lớn. Sách này được soạn từ năm thứ 37 niên hiệu Càn Long đời Thanh (1772) cho đến năm thứ 46 niên hiệu Càn Long (1782). Sách thu thập được 3.470 loại cổ tịch, 79.018 quyển, đóng thành 36.078 sách, tổng cộng khoảng 1 tỷ chữ, gấp 44 lần so với cuốn *Bách khoa toàn thư* do Denis Diderot người Pháp chủ biên cùng thời, là tác phẩm vĩ đại với nội dung hoành đại, thiên quyển cực lớn và ảnh hưởng sâu rộng. Cho đến nay, trên thế giới chưa có bộ sách nào có thể sánh ngang được với quy mô của bộ sách này.

Sách được thu thập vào trong *Tứ khố toàn thư* bao gồm toàn bộ điển tịch văn hóa quan trọng thời cổ đại Trung Quốc trước đời vua Càn Long. Căn cứ vào sự sâu rộng về nội dung và số lượng nhiều về thiên quyển mà nói, đương thời không chỉ ở Trung Quốc, mà trên toàn thế giới, trong lịch sử chưa từng có tiền lệ. Sách trong *Tứ khố toàn thư* được chia thành tứ bộ Kinh, Sử, Tử, Tập, dưới tứ bộ lại chia thành các loại. Ví dụ Kinh bộ chia thành 10 loại, Sử bộ 15 loại, Tử bộ 14 loại, Tập bộ 5 loại, tổng cộng có 44 loại.



Chân dung vua Càn Long mặc triều phục

Trong quá trình biên soạn *Tứ khố toàn thư*, các quan còn biên soạn thêm 200 quyển *Tứ khố toàn thư tổng mục để yếu*, căn cứ vào sự ghi chép về nội dung, thời đại, giới thiệu sơ lược tác giả, nguồn gốc văn bản của sách mà tiến hành viết ra nội dung để yếu. *Tứ khố toàn thư tổng mục để yếu* là trước tác tập đại thành về thư mục thời cổ đại Trung Quốc. Do quyển trật quá nhiều, việc đọc không hề dễ dàng, nên Càn Long lại hạ lệnh, dựa trên nền tảng đó để viết thêm một bộ mục lục sơ giản khác, vì thế mà một bộ khác là *Tứ khố toàn thư giản minh mục lục* có 20 quyển lại được biên soạn.

Để cất giữ được *Tứ khố toàn thư*, Càn Long đã dựa theo dạng thức tàng thư lâu nổi tiếng Thiên Nhất Các của Ninh Ba để tiến hành xây dựng bảy tàng thư lâu, gọi tên chung là "Nam Bắc thất các". Văn Uyên Các (Hoàng cung Bắc Kinh), Văn Nguyên Các (Viên Minh Viên, Bắc Kinh), Văn Tân Các (Sơn trang nghỉ mát Thừa Đức), Văn Sóc Các (Cổ Cung, Hàm Dương) gọi là "Bắc tứ các", đều là tàng thư lâu hoàng cung, không mở cửa phục vụ người ngoài hoàng thất. "Nam tam các" là chỉ Văn Tông Các (Trần Giang, Giang Tô), Văn Vượng Các (Dương Châu, Giang Tô), Văn Lan Các (Hàng Châu, Chiết Giang), Nam tam các có mở cửa cho các sĩ tử, có thể vào trong đọc và sao chép sách. Bảy bộ *Tứ khố toàn thư* hiện chỉ còn lại bốn bộ, được cất giữ trong Thư viện Quốc gia Trung Quốc (Văn Tân Các), Thư viện tỉnh Đài Loan (Văn Uyên Các), Thư viện tỉnh Cam Túc (Văn Sóc Các), Thư viện tỉnh Chiết Giang (Văn Lan Các). Ba bộ khác đều bị hủy diệt trong chiến tranh những năm 60 của thế kỷ XIX.

Các bản sao của *Tứ khố toàn thư* đều theo một dạng thức nhất định, bút tích hoàn chỉnh, đồ hình rõ ràng, trang trí ngay ngắn, chính tề. Các bộ Kinh, Sử, Tử, Tập đều dùng lụa các màu để làm bìa sách. Kinh bộ dùng vải lụa màu xanh biếc, Sử bộ dùng màu đỏ, Tử bộ dùng màu xanh lam, Tập bộ dùng màu xám tro, tượng trưng cho bốn màu của bốn mùa Xuân, Hạ,

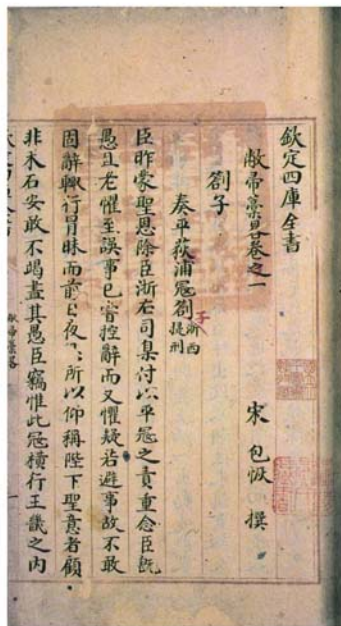


Nghệ sách Trung Quốc

Thu, Đông. Sách được cất giữ trong hộp gỗ lim thiết kế tinh xảo. Khuông giấy đều là màu đỏ, trên phần bản tâm có viết bốn chữ *Tứ khố toàn thư*, ở giữa có viết tên sách, số quyển và số trang. Mỗi quyển đầu của bộ sách đều có sách đề yếu.

Cần chỉ ra rằng, thời vua Càn Long, khi biên soạn *Tứ khố toàn thư* đã thực hiện chính sách "Hiệu đính nghiêm túc, tránh để sai sót". Đồng thời khi thu thập và biên tập sách, một số lượng lớn sách có nội dung bất lợi đối với người thống trị cũng bị sửa đổi và hủy bỏ, dẫn đến nhiều trước tác quý báu đều bị mất không còn thấy tung tích trong dân gian, tạo nên sự tổn thất không gì bù đắp được. Dù như thế, *Tứ khố toàn thư* cũng có tác dụng rất tích cực. Nói tóm lại, việc hoàn thành trước tác khổng lồ này rõ ràng đã nâng cao tầm vóc vĩ đại của dân tộc Trung Hoa, thể hiện nghị lực và trí tuệ của những phần tử trí thức thời cổ đại Trung Quốc. Trung Quốc cổ đại không chỉ tu sửa Vạn Lý Trường Thành, khơi sông Đại Vận, mà còn biên soạn ra bộ *Tứ khố toàn thư*, đây là di sản vô cùng quý báu mà cổ nhân Trung Quốc còn để lại cho hậu thế.

Năm 1994, Trung Quốc lại khởi động công việc tiếp tục chỉnh sửa và bổ sung *Tứ khố toàn thư*, trải qua 8 năm, đến năm 2002 hoàn thành công tác biên soạn toàn bộ 1.800 quyển, do Thượng Hải Cổ tịch Xuất Bản Xã xuất bản. Nối tiếp sau *Tứ khố toàn thư*, lại một lần nữa trong phạm vi toàn quốc, văn hiến cổ tịch Trung Quốc được tiến hành chỉnh lý và bổ sung với quy mô lớn. Phạm vi thu thập của *Tục tu tứ khố toàn thư* bao gồm những nội dung ở điển tịch có trước khi *Tứ khố toàn thư* ra đời mà chưa được tuyển chọn và cả những trước tác có sau khi *Tứ khố toàn thư* xuất hiện. Tổng cộng thu thập được 5.213 loại, tăng 51% so với *Tứ khố toàn thư*. Mỗi loại sách



Sao bản Tệ truù cáo lược trong *Tứ khố toàn thư* được lưu giữ trong Hàn Lâm Viện.



Văn Lan cốc ở Hàng Châu, Chiết Giang là các tồn tại duy nhất trong Nam Tam Cốc.

được tuyển lựa vào *Tục tu tứ khố* đều lựa chọn bản tốt nhất. *Tục tu tứ khố toàn thư* phỏng theo thể lệ của *Tứ khố toàn thư*, dựa vào cách phân loại Kinh, Sử, Tử, Tập, dùng bốn màu xanh lam, đỏ, xanh lục, xám tro để trang trí bìa, khố sách 16, 1800 quyển bìa cứng, chia thành 260 quyển Kinh bộ, 670 quyển Sử bộ, 370 quyển Tử bộ, 500 quyển Tập bộ. Nó làm hoàn chỉnh cho *Tứ khố toàn thư*, dựng nên một thư khố lớn, hầu hết những điển tịch quan trọng của Trung Quốc từ năm 1911 trở về trước về cơ bản đều được tập hợp ở trong hai bộ tùng thư lớn này.



Bản viết tay *Tứ khố toàn thư* giản minh mục lục và hộp đựng sách.



Đường nhân thi tập:

Toàn Đường thi và Đường thi tam bách thủ

Trung Quốc trước nay được xem là "Quốc đờ của thi ca"; thi ca luôn là hình thức chủ yếu của văn học truyền thống Trung Quốc. Thi ca Trung Quốc cổ đại thường được gọi là cựu thi, là chỉ thơ được sáng tác bởi văn ngôn và cách luật truyền thống, thơ ca cổ đại Trung Quốc theo nghĩa rộng có thể bao gồm các loại vận văn cổ đại như phú, tử, khúc... theo nghĩa hẹp thì chỉ bao gồm cổ thể thi và cận thể thi. Trong lịch sử thi ca mấy ngàn năm, Đường thi, Tống tử, Nguyên khúc đại diện cho thành tựu cao nhất của những thời đại văn học khác nhau.

Thời Đường (618 - 907) là thời đại huy hoàng và phồn vinh chưa từng có trong thơ ca cổ đại Trung Quốc, Đường thi đại diện cho trình độ tối cao của thi ca cổ đại Trung Quốc. Căn cứ vào tổng kết của học giả Trình Úc Chuyết, sự phồn vinh của Đường thi chủ yếu ở sáu phương diện: Một là số lượng thơ nhiều, chưa từng thấy từ trước đến nay, Đường thi hiện tồn khoảng 5 vạn bài thơ; Hai là thi nhân đông đảo, cũng chưa từng thấy từ trước đến nay, không chỉ danh gia, những bậc tiền bối mà được phân bố rộng khắp trong tất cả các tầng lớp của xã hội; Ba là đề tài sâu rộng, lưu phái rộng rãi, phong cách đa dạng nhiều màu sắc; Bốn là đề tài phong phú, các thể tài đều hoàn bị, như nhạc phú, ngũ tuyệt, thất tuyệt, ngũ luật, thất luật... có đủ cả; Năm là xuất hiện nhiều kiệt tác, số lượng mọc lên không đếm xiết; Sáu là thay đổi biến hóa khôn lường, tràn đầy tinh thần sáng tạo.

Các thi nhân nổi danh triều Đường như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Vương Duy, Sám Tham... đều có thi tập lưu truyền hậu thế, người đời truyền nhau ngâm đọc. Hầu hết thơ Đường đều được thu thập trong bộ *Toàn Đường thi* biên soạn vào triều Thanh, có thể gọi là "toàn tập" Đường thi. Bắt đầu từ thời Đường, những tuyển bản có liên quan đến Đường thi không ngừng xuất hiện, mà trong đó bộ được lưu truyền rộng rãi nhất là *Đường thi tam bách thủ* do Hoàn Đường Thoái Sĩ biên soạn.

Toàn Đường thi là bộ tổng tập thi ca gồm 900 quyển, do nhóm Tào Dẫn, Bành Định Cấu phụng mệnh hoàng đế Khang Hy triều Thanh tiến hành biên soạn. Sách này là bộ tổng tập thơ Đường có quy mô lớn nhất hiện nay, căn cứ vào thống kê của học giả Nhật Bản là Hiraoka Takeo, sách thu thập được 49.403 bài thơ, 2.873 tác giả. Việc biên soạn *Toàn Đường thi* bắt đầu vào tháng Năm năm thứ 44 niên hiệu Khang Hy (1705), hoàn thành vào tháng Mười năm kế tiếp, chỉ trong vòng hơn một năm. Nguyên nhân rất đơn giản là trước đó học giả và văn nhân các đời đều đã làm công tác biên soạn một số lượng lớn thơ Đường. Nhóm Tào Dẫn trong quá trình

biên soạn cũng có sử dụng thành quả của tiền nhân, trong đó chủ yếu nhất là *Đường âm thống thiêm* của Hồ Chấn Hanh (1569 - 1645) đời Minh cho đến *Đường thi* của Quý Chấn Nghi (1630 - 1674) năm đầu triều Thanh. Sau khi việc biên soạn *Toàn Đường thi* hoàn thành, nội phủ tiến hành khắc in lưu hành, sau này lại có bản của Dương Châu thi cục, hai bản đều là 120 quyển. Ngoài ra còn có một bản phụ lục thơ ca đời Đường để độc giả nghiên cứu dễ dàng hơn. Nhưng do thời gian hoàn thành sách khá gấp gáp nên cũng tồn tại một vài vấn đề. Vì thế sau khi bộ sách này được xuất bản, người đời sau đã tiến hành công tác bổ di và khảo đính. Trong đó, *Toàn Đường thi ngoại biên* do Trung Hoa Thư Cục xuất bản là tác phẩm bổ di quan trọng nhất. Hiện nay, *Toàn Đường thi* đã có bản tra cứu hệ thống trên mạng và điện tử khá hoàn bị, rất thuận tiện cho độc giả.

Đường thi tam bách thủ là bộ tuyển tập thơ đường được lưu truyền rộng nhất và được bạn đọc yêu thích nhất, cũng là tác phẩm nhập môn và phổ cập thơ Đường tốt nhất, do Hoành Đường Thoái Sĩ (1711 - 1778) biên soạn. Hoành Đường Thoái Sĩ vốn tên là Tôn Chu, người Vô Tích, Giang Tô, là vị quan thanh liêm, cần cù, hiếu học. Vì cảm thấy thiếu một



Khắc bản *Toàn Đường thi* của Dương Châu thi cục, niên hiệu Khang Hy triều Thanh.



Ấn bản in một hoạt tự bản Đường thi loại uyển, ở Tung Trai, Tiến Đường, niên hiệu Vạn Lịch triều Minh.

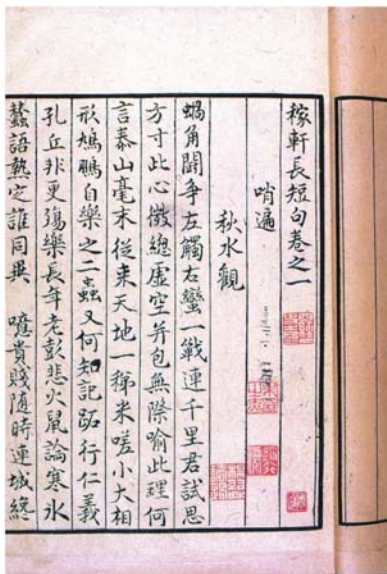
bộ tuyển tập thơ Đường dành cho người sơ học nên ông đã quyết định nỗ lực biên soạn một bộ tuyển tập mới, trở thành sách giáo khoa dạy tại gia rất thích hợp và được lưu truyền không ngừng vì trong quá trình tuyển chọn thơ, chỉ lựa chọn những bài thơ dễ đọc và được người người ưa chuộng. Sách này được hoàn thành vào năm thứ 29 niên hiệu Càn Long (1765), lấy thể tài làm kinh, lấy thời gian làm vĩ, số lượng thi nhân được tuyển lựa là 77 vị, tổng cộng 310 bài thơ, trong đó ngũ ngôn cổ thi có 33 bài, nhạc phủ 46 bài, thất ngôn cổ thi 28 bài, thất ngôn luật thi 50 bài, ngũ ngôn tuyệt cú 29 bài, thất ngôn tuyệt cú 51 bài, ngoài chính văn còn có cả chú thích và bình điểm. Để mục sách có một câu thường được lưu truyền rộng trong dân gian đó là "Đọc thuộc ba trăm bài thơ Đường, chẳng biết làm thơ cũng biết ngâm", cho nên có cách nói là "Thi tam bách". Sách này vừa được ra đời đã nhanh chóng được lan truyền rộng khắp, cơ hồ nhà nhà đều có, trở thành một bộ tuyển tập kinh điển nhất mà già trẻ đều thích, số lần in ấn đếm không xuể, lưu truyền hàng mấy trăm năm chẳng hề suy bại.

Tổng nhân từ tuyền: Toàn Tổng từ

Tổng từ nối tiếp Đường thi cũng là một thể tài văn học, từ xưa đến nay cùng với Đường thi gọi chung là song tuyết, đều đại diện cho sự thịnh trị của văn học một đời. Xét từ khía cạnh phong cách có thể chia Tổng từ thành hai loại phái lớn là phái Uyển ước và phái Hào phóng. Nhân vật đại diện của phái Uyển ước là Lý Thanh Chiêu, Liễu Vĩnh, Tần Quán... Nhân vật đại diện tiêu biểu của phái Hào phóng là Tân Khí Tật, Tô Thức, Trần Lượng... Hiện nay tổng tập Tổng từ có quy mô lớn nhất do Đường Khuê Chương đời nay biên soạn chính là *Toàn Tổng từ*.

Việc biên tập và san khắc từ tập của người Tống, bắt đầu từ *Tổng lục thập danh gia từ* của Mao Tấn, xuất bản gia nổi danh cuối thời Minh. Sau này, người biên soạn tuyển chọn nhiều vô số, nhưng chư gia san khắc đều không đủ để làm toát lên diện mạo của từ thời Tống. Những năm 30 của thế kỷ XX, Đường Khuê Chương bắt đầu dựa trên nền tảng là những

bản tuyển tập của các nhà đã tổng hợp, mở rộng sưu tập, tiến hành biên soạn *Toàn Tổng từ*. Trải qua bảy năm nỗ lực, cuối cùng đại công cáo thành, năm 1940 Thương vụ ấn thư quán xuất bản dưới hình thức sách đóng buộc chỉ. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, người biên soạn lại tiến hành bổ biên, hiệu đính đối với *Toàn Tổng từ*, đến năm 1965 Trung Hoa Thư cục lại tiến hành tái bản. Bản *Toàn Tổng từ* mới không chỉ bổ sung thêm hơn 1.400 tác phẩm từ, mà thể lệ biên soạn cũng có sự thay đổi so với bản cũ, dựa vào cách sắp xếp phân loại Đế vương, Tông thất... thành thứ tự sắp xếp theo năm sinh của các tác giả từ, cuối sách lại phụ thêm sách dẫn về tác giả.



Bộ từ tuyền *Giá Hiên trường đoản cú* của Tân Khí Tật, bản khắc tại thư viện Quảng Tín, năm thứ ba niên hiệu Đại Đức (1299) triều Nguyên.



Nghệ sách Trung Quốc

Bản mới *Toàn Tống* từ tổng cộng có 1.330 từ nhân thời Lương Tống, hơn 2 vạn bài từ, dẫn dụng thư mục lên tới 530 loại. Sau đó, người biên soạn lại tiếp tục tu đính bổ chính, viết thành *Đỉnh bổ tục ký*, phụ thêm quyển cuối cùng trong bản in năm 1979. Sách này thu lục hoàn bị, khảo đính tỉ mỉ kỹ càng, là tài liệu tham khảo vô cùng giá trị đối với học giả nghiên cứu Tống từ. Đường Khuê Chương một mình có thể hoàn thành được công tác biên soạn bộ tổng tập Tống từ này thực cũng là điển phạm kiệt xuất trong lịch sử biên soạn, xuất bản hiện đại Trung Quốc.



Ảnh tiên sinh Đường Khuê Chương.

Nguyên khúc kết tập:

Toàn Nguyên tán khúc và Nguyên khúc tuyển

Nguyên khúc là một bông hoa kỳ diệu trong kho tàng văn hóa Hoa Hạ. Cùng với Đường thi, Tống từ, Nguyên khúc trở thành một chân quan trọng trong chiếc đỉnh khổng lồ văn hóa Trung Hoa, thể hiện một phong cách độc đáo mới lạ, cùng thành tựu nghệ thuật và nội dung tu tường. Nguyên khúc không chỉ là công cụ văn học để văn nhân sĩ phu gửi chí khí, ôm tình cảm mà nó còn là một hình thức nghệ thuật hoàn toàn mới phổ cập đại chúng, mang lại niềm vui thích và sự hứng khởi đến với đông đảo bạn đọc. Nguyên khúc bao gồm tạp kịch và tán khúc, là chủ thể văn học đời Nguyên. Tác gia ưu tú về Nguyên khúc nhiều không kể xiết, kiệt xuất nhất có thể kể đến như Quan Hán Khanh, Thang Hiến Tố, Kỳ Quân Tường... những tác phẩm tiêu biểu của họ gây tiếng vang lớn trên văn đàn thế giới như *Đậu Nga oan*, *Tây Dương ký*, *Triệu Thị cô nhi*...

Những tuyển tập về tạp kịch đời Nguyên có rất nhiều, nổi tiếng nhất là *Nguyên khúc tuyển* do Tang Mậu Tuấn (1550 - 1620) đời Minh biên tập tu đính. Sách có 100 quyển, tuyển chọn 100 loại tạp kịch, cho nên gọi là *Nguyên nhân bách chủng khúc*. Tổng số tạp kịch của đời Nguyên hiện tồn chưa đến 200 loại, mà trong *Nguyên khúc tuyển* thu lục những tác phẩm đời Nguyên đã chiếm quá nửa tổng số hiện tồn, đồng thời còn tập trung thu lục những danh kịch của những tác gia như *Cảm thiên động địa Đậu*

Nga oan của Quan Hán Khanh, *Đường Minh hoàng thu dạ ngộ đồng vũ* của Bạch Phác, *Phá u mộng hổ nhân Hán cung thu* của Mã Trí Viên, cho nên có ảnh hưởng rất lớn và có tác dụng quan trọng đối với sự truyền bá tạp kịch đời Nguyên. Học giả thời hiện đại là Tuy Thụ Sâm trong mấy chục năm tiếp tục nghiên cứu, biên tập, tuyển chọn tạp kịch đời Nguyên thành *Nguyên khúc tuyển ngoại biên*, tháng 9 năm 1959 Trung Hoa Thư cục đã xuất bản tác phẩm này. Thông qua hai bộ sách, chúng ta có cách nhìn toàn diện về tạp kịch đời Nguyên.

Tổng tập nổi tiếng nhất về Tân khúc thời Nguyên là bộ *Toàn Nguyên tân khúc* do Tuy Thụ Sâm biên soạn, sách này thu thập 213 tác giả tân khúc bắt đầu từ Nguyên Hiếu Văn đời Kim cho đến Cốc Tử Kinh cuối đời Nguyên đầu đời Minh, cho đến những tác phẩm Tân khúc của các tác giả khuyết danh thời kỳ này, tổng cộng thu thập được hơn 3.800 bài, 450 bản tổ khúc. Về phương diện biên soạn đại thể theo thứ tự niên đại của tác gia, mỗi tác gia có phụ thêm một tiểu truyện. Đối với những tác phẩm tân khúc được thu thập, phần cuối đều có chú thích rõ ràng nguồn gốc xuất xứ, phản ánh tương đối khái quát và toàn diện tình hình sáng tác tân khúc đời Nguyên. Tại thư viện tỉnh Liêu Ninh, mấy năm gần đây có phát hiện 6 bản bản *Dương xuân bạch tuyết* của La Chấn Ngọc, trong đó có 25 tổ khúc trước nay chưa từng phát hiện, bổ sung thêm vào bộ *Toàn Nguyên tân khúc*.

Minh - Thanh tiểu thuyết:

Tứ đại danh trước và "Tam ngôn Nhị phách"

Minh - Thanh là thời kỳ phồn vinh trong lịch sử tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc. Tiểu thuyết Minh - Thanh phản ánh các phương diện của cuộc sống xã hội đương thời theo cả chiều sâu và chiều rộng chưa từng có từ trước đến nay, trở thành một dạng thức văn học chủ yếu để quảng đại quần chúng nhân dân nhận thức xã hội và tăng cường thú vui trong cuộc sống. Trong lịch sử văn học, tiểu thuyết Minh - Thanh cũng có địa vị ngang hàng với Đường thi, Tống từ và Nguyên khúc.

Trong tiểu thuyết trường thiên thời Minh - Thanh có *Tam Quốc diễn nghĩa*, *Tây Du ký*, *Thủy Hử truyện* và *Hồng lâu mộng* được coi là tứ đại danh trước nổi tiếng nhất trong lịch sử tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc. Bốn bộ tiểu thuyết trường thiên cổ điển Trung Quốc này là di sản văn hóa vô giá không chỉ của Trung Quốc nói riêng mà của toàn nhân loại nói chung.

Tam Quốc diễn nghĩa tổng cộng có 120 hồi, lấy bản *Tam Quốc chí* của Trần Thọ làm nền tảng, lại kết hợp với những câu chuyện kể trong dân gian, tác giả là La Quán Trung (1330 - giữa 1400), sống vào cuối thời Nguyên đầu



Nghệ sách Trung Quốc

thời Minh. Đây là bộ tiểu thuyết thể chương hồi trường thiên đầu tiên tại Trung Quốc. Bộ sách miêu tả rất sinh động tình hình quân sự, đấu tranh chính trị phức tạp giữa ba nước Ngụy, Thục, Ngô thời Tam Quốc và cuối thời Đông Hán. Văn ngôn dễ hiểu, khắc họa hình tượng nhân vật sâu sắc, tình tiết khúc chiết, kết cấu rộng lớn.

Thủy Hử truyện có khi để là Nại Am (1296 - 1371) soạn, có khi để là Nại Am, La Quán Trung cùng soạn, tác giả sáng tác dựa trên những câu chuyện, thoại bản có liên quan đến *Tuyên Hòa di sự*. Tác phẩm là câu chuyện hùng tráng về 108 vị anh hùng Lương Sơn Bạc thay trời hành đạo trong đó Tống Giang đứng đầu vào khoảng niên hiệu Tuyên Hòa thời Bắc Tống.

Câu chuyện khúc chiết, ngôn ngữ sinh động, tính cách nhân vật mới mẻ, có thành tựu nghệ thuật rất cao. Nó là tiểu thuyết trường thiên được viết bằng khẩu ngữ đầu tiên của Trung Quốc, có giá trị rất lớn trong lịch sử văn học. Trong quá trình lưu truyền *Thủy Hử truyện*, đã xuất hiện rất nhiều những bản khác nhau. Hiện tại có thể thấy ba bản chủ yếu có 100 hồi, 120 hồi và 70 hồi.

Tây du ký tổng cộng có 100 hồi, do Ngô Thừa Ân (khoảng 1504 - khoảng 1582) sống vào thời nhà Minh dựa trên cơ sở câu chuyện về Đường Tăng đi lấy kinh được lưu truyền trong dân gian cùng những tạp kịch và thoại bản có liên quan mà sáng tác nên. Bảy hồi đầu thuật lại truyện Tôn Ngộ Không ra đời, rồi đại náo thiên cung... Sau đó viết về ba người là Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa hòa thượng phò tá Đường Tăng đến Tây Thiên lấy kinh, trừ yêu diệt quái, vượt qua khó khăn hoạn nạn. Bộ sách đã chứng tỏ tác giả có trí tưởng tượng phong phú, thủ pháp lãng mạn, ngôn ngữ hài hòa, quy mô hoành đại, kết cấu hoàn chỉnh, là tác phẩm ưu tú trong rừng tiểu thuyết bạch thoại.



Khắc bản *Kỳ sa kim tượng Tây Vương ký* tại Kim Đài Nhạc gia, thư phòng Kinh sư, năm thứ mười một niên hiệu Hồng Trị, triều Minh (1498).

Hồng lâu mộng do tác giả văn học vĩ đại đời Thanh là Tào Tuyết Cẩn (1715 - 1763) sáng tác. Sách này lấy nguyên mẫu cuộc sống gia đình tác giả, lấy tình yêu của Giả Bảo Ngọc với Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa và bị kịch hôn nhân làm nhân tố chủ yếu, miêu tả lịch sử tư tưởng đến suy của gia tộc Tào thị, phản ánh thế cục tan vỡ không thể tránh khỏi của xã hội phong kiến Trung Quốc bước vào giai đoạn văn kỳ và bước đầu của khuynh hướng tư tưởng dân chủ. Tinh tiết tinh tế, chi tiết chân thực, ngôn ngữ hoàn mỹ, với nội dung phản ánh phong phú, tinh tiết khúc chiết, tư tưởng nhận thức sâu sắc, thủ pháp nghệ thuật độc đáo nên nó trở thành tác phẩm mang chủ nghĩa hiện thực vĩ đại nhất trong tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc. Hiện tại, bản *Hồng Lâu mộng* đang lưu hành có 120 hồi, 80 hồi trước do Tào Tuyết Cẩn sáng tác, 40 hồi sau thường được cho là do Cao Ngạc tiếp tục sáng tác.

Tiểu thuyết đoàn thiên bạch thoại ưu tú nhất thời Minh - Thanh là "Tam ngôn Nhị phách": *Dụ thế minh ngôn, Cảnh thế thông ngôn, Tinh thế hồng ngôn* do Phùng Mộng Long đời Minh biên soạn gọi chung là "Tam ngôn", thu thập khoảng 120 thoại bản thời Tống, Nguyên, Minh. Để tài



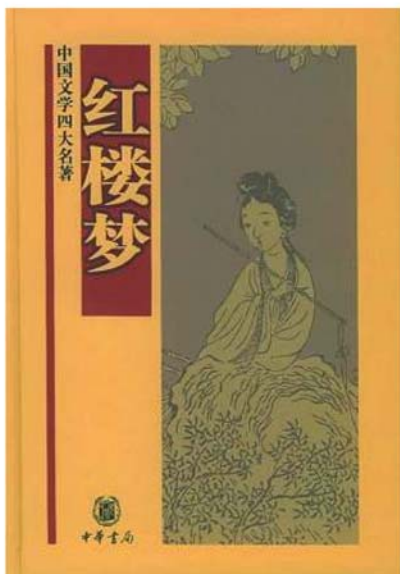
Khắc bản Lý Trúc Ngô tiên sinh phê bình trung nghĩa Thủy Hử truyện tại Dung Dữ Đường, ở Hàng Châu, trong khoảng niên hiệu Vạn Lịch triều Minh.



Nghệ sách Trung Quốc

đa phần lấy từ trong sách tạp lục và truyền thuyết, sau đó lại qua Phùng Mộng Long gia công nhuận sắc mà thành, phản ánh sở thích, cuộc sống và tư tưởng của giai tầng thị dân đương thời, có ảnh hưởng rất lớn đối với hí khúc và tiểu thuyết bạch thoại của hậu thế. Cùng với "Tam ngôn" là *Sơ khắc phách án kinh kỳ* và *Nhị khắc phách án kinh kỳ* gọi chung là "Nhị phách" do Lăng Mông Sơ biên soạn tựa như thoại bản tâm, mỗi phách có 40 thiên. Tư tưởng và nghệ thuật của "Nhị phách" không thể sánh kịp được với "Tam ngôn", nhưng vì do bản thân Lăng thị sáng tác nên tiêu chí tuyển chọn cũng như thể tài và phong cách ngôn ngữ tương đối thống nhất.

Đại diện kiệt xuất của tiểu thuyết văn ngôn Minh - Thanh chính là tác phẩm *Liêu trai chí dị* do văn học gia đời Thanh là Bồ Tùng Linh (1640 - 1715) sáng tác. Toàn bộ sách có 491 đoạn thiên tiểu thuyết. Đề tài vô cùng rộng lớn, nội dung cực kỳ phong phú. Đa số các tác phẩm thông qua thủ pháp nói đến ma bùa về quỷ để phản ánh sự đen tối và hủ bại của xã hội đương thời. Tác phẩm này thành công ở chỗ miêu tả nhiều nghệ thuật điển hình, hình tượng nhân vật mới mẻ sinh động, tình tiết câu chuyện khúc chiết ly kỳ, bố cục kết cấu hoàn chỉnh kỳ diệu, văn phong ngắn gọn súc tích, miêu tả tinh tế tỉ mỉ, được đánh giá là đỉnh cao tiểu thuyết đoạn thiên cổ điển Trung Quốc.



Hồng lâu mộng do Trung Hoa Thư cục xuất bản.

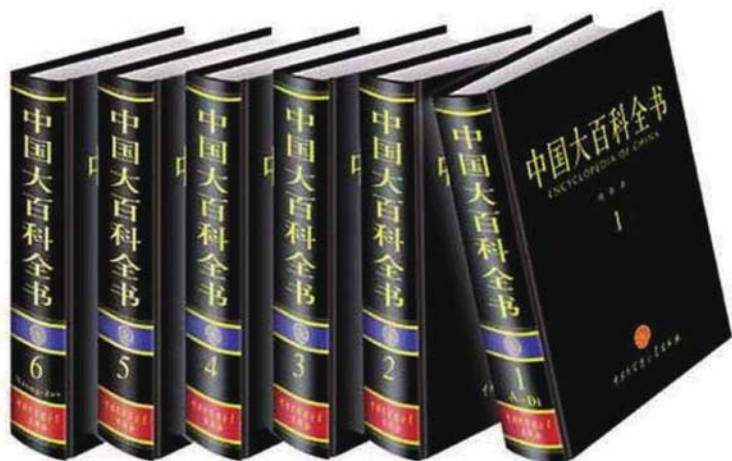
Trung Quốc đại bách khoa toàn thư

Giới văn hóa Trung Quốc gần đây có truyền thống tốt đẹp trong việc biên soạn loại thư. Bách khoa toàn thư hiện đại sau khi được du nhập vào Trung Quốc, các học giả Trung Quốc đặt ra mục tiêu phải làm được một bộ bách khoa toàn thư theo quy cách hiện đại. Khoảng đầu thế kỷ XX, từng có người thử làm mấy bộ bách khoa toàn thư thực dụng cỡ nhỏ. Năm 1978, Quốc vụ viện Trung Quốc quyết định làm bộ *Đại bách khoa toàn thư Trung Quốc*, sau đó đã thành lập Nhà xuất bản Đại bách khoa toàn thư Trung Quốc để phụ trách công việc này. Đến năm 1993, toàn bộ bộ sách 74 quyển

mang tính học thuật, tập hợp tất cả các môn khoa học gồm 7,8 vạn hạng mục, 126 triệu chữ, phụ theo gần 5 vạn bức hình minh họa, nội dung sâu rộng, độc giả phải có trình độ văn hóa cấp ba hoặc tương đương đại học trở lên mới có thể sử dụng. Đây chính là *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* nổi tiếng xuất bản lần đầu tiên. Bộ sách này được xuất bản đã kết thúc lịch sử lâu dài không có bách khoa toàn thư của Trung Quốc, và bộ sách được xem như "Mốc son lịch sử của văn hóa Trung Hoa", trở thành một tiêu chí chứng tỏ sự phát triển phồn vinh của sự nghiệp văn hóa khoa học Trung Quốc cuối thế kỷ XX.

Theo thông lệ quốc tế, bách khoa toàn thư thường cách mấy năm lại xuất bản một bản mới. Kể từ khi xuất bản *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* lần đầu tiên đến nay, xã hội loài người đã diễn ra những thay đổi nhanh chóng, tri thức về các lĩnh vực trên toàn thế giới không ngừng được đổi mới, bổ sung. Có thể thấy, vào năm 1995 Trung Quốc bắt đầu tiến hành công tác biên tập xuất bản *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* (bản thứ hai). Trải qua hơn mười năm nỗ lực không mệt mỏi của Ban biên soạn và học giả chuyên gia các lĩnh vực trong toàn quốc, bộ sách vĩ đại đó cuối cùng cũng được hoàn thành và xuất bản vào năm 2009, vẫn do Nhà xuất bản Đại bách khoa toàn thư Trung Quốc xuất bản.

Trung Quốc đại bách khoa toàn thư (bản thứ hai) là dựa trên nền tảng của bản thứ nhất, rồi căn cứ vào sự thay đổi và yêu cầu phát triển của



Trung Quốc đại bách khoa toàn thư xuất bản lần đầu tiên.



Nghệ sách Trung Quốc

thời đại, bản xuất bản lần thứ hai này có số lượng hạng mục lớn, có sự thay mới những hạng mục, quy loại rồi hợp các hạng mục lại với nhau, sửa chữa có bổ sung các hạng mục chưa hoàn thiện. *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* (bản thứ hai), tổng cộng có 32 quyển (chính văn 30 quyển, sách dẫn 2 quyển), tổng cộng có 6 vạn hạng mục, khoảng 60 triệu chữ, hơn 3 vạn bức hình minh họa, khoảng 1.000 tranh bản đồ. Tính chính xác và giá trị tham khảo của bộ sách khá cao, nội dung sâu sắc, văn ngôn dễ hiểu, dễ dàng kiểm tra, tiện lợi tra cứu, bộ sách phản ánh khá toàn diện trình độ mới nhất trong sự phát triển văn hóa khoa học quốc gia, đặc biệt là bộ bách khoa toàn thư trong thời đại mới này đã phản ánh đầy đủ thành quả quan trọng nhất trong quá trình xây dựng và phát triển sự nghiệp xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc, cũng là bộ sách công cụ thực dụng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và thích hợp cho quảng đại quần chúng nhân dân sử dụng, đồng thời cũng là bộ bách khoa toàn thư hiện đại lớn nhất, phù hợp với thông lệ quốc tế đầu tiên của Trung Quốc.

SỰ THAY ĐỔI CỔ KIM

Xuất bản Trung Quốc đi theo hướng hiện đại hóa

年青新

LA JEUNESSE

撰主生先秀獨陳



青年年會刊

號二第卷三第

八甲 社 報 新 年 青 上



Đầu thế kỷ XIX, kỹ thuật xuất bản tiên tiến của phương Tây đã được truyền bá vào Trung Quốc, báo hiệu ngành xuất bản Trung Quốc sẽ có những thay đổi sâu sắc. Sau Chiến tranh Nha phiến năm 1840, cục diện bế quan tự thủ của Trung Quốc dần bị các quốc gia tư bản chủ nghĩa tiên tiến ở Âu Mỹ phá bỏ, cùng với đó là thế lực của chủ nghĩa tư bản không ngừng xâm nhập vào, xã hội truyền thống Trung Quốc bắt đầu tan rã, cận đại hóa bắt đầu trở thành xu thế phát triển của xã hội. Trong sự thay đổi văn hóa xã hội mạnh mẽ, sự nghiệp xuất bản truyền thống của Trung Quốc đã không thể thích ứng được với nhu cầu phát triển của thời đại, trên tất cả các phương diện đều có sự thay đổi căn bản về chất, do vậy cũng có thể gọi đây là thời kỳ chuyển mình và biến đổi. Kết quả của sự chuyển mình và biến đổi chính là ngành xuất bản Trung Quốc bắt đầu từ truyền thống bước vào con đường cận đại, dần dần hình thành một hình thức xuất bản mới trong hình thái xã hội cận đại, đặt nền móng căn bản cho quá trình hiện đại hóa ngành xuất bản Trung Quốc.

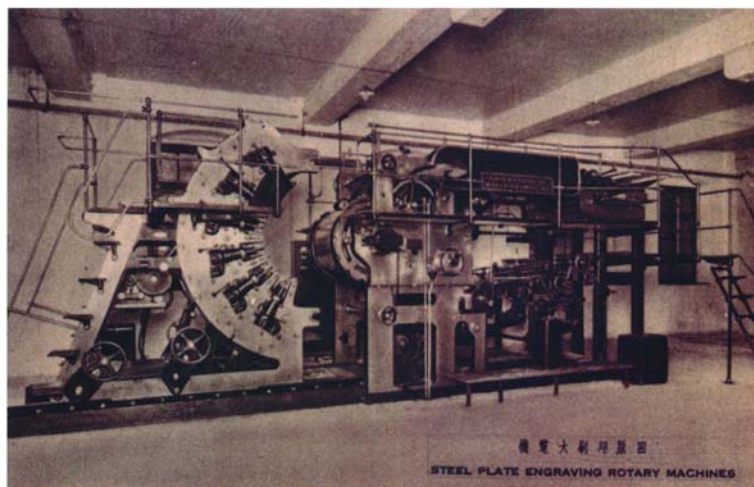
Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, một số cơ quan xuất bản dân doanh xuất hiện như Thương vụ ấn thư quán, Trung Hoa Thư cục, Văn Minh Thư cục, là tiêu chí chứng tỏ sự thay đổi "từ cổ đến kim" của ngành xuất bản Trung Quốc đã hoàn thành. Từ đó ngành xuất bản hiện đại bắt đầu trở thành một hình thái chủ yếu của ngành xuất bản Trung Quốc và hoàn toàn khác biệt (cổ kim chi biệt) so với nền xuất bản cổ đại trước thế kỷ XIX. Điều này chứng tỏ hình thái xuất bản có sự kết hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại Trung Quốc và có sự khác biệt về bản chất với hình thức xuất bản truyền thống.

Nhìn khái quát, từ khi bùng phát Chiến tranh Nha phiến (năm 1840) đến khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (năm 1949) là khoảng 100 năm. Đây là giai đoạn lịch sử quan trọng cho sự phát triển và hưng khởi của ngành xuất bản hiện đại Trung Quốc. Nhất là trong khoảng những năm từ đầu thế kỷ XX đến năm 1949, chính là giai đoạn phát triển phồn vinh của ngành xuất bản hiện đại Trung Quốc. Theo thống kê, chỉ từ năm 1911 - 1949, sách Trung văn mà Trung Quốc xuất bản chỉ ít cũng trên 12 vạn đầu, các tạp chí kỳ san được phát hành lên tới hơn 1 vạn loại, báo giấy có hơn 2.500 loại. Trong khoảng thời gian chưa đến 40 năm, xuất bản phẩm được xuất bản đã nhiều như vậy, là giai đoạn phát triển từ trước đến nay chưa từng có trong lịch sử Trung Quốc. Đồng thời, sự hưng khởi của ngành xuất bản hiện đại đã xúc tiến các phương diện văn hóa và tiến bộ xã hội Trung Quốc, cũng phát huy được những tác dụng tích cực mà từ trước đến nay chưa từng có.

Sự du nhập và ứng dụng kỹ thuật in ấn bằng máy móc

Sự truyền nhập kỹ thuật in ấn của phương Tây vào thời cận đại là đòn bẩy khiến ngành xuất bản cận đại Trung Quốc vực dậy và phát triển. Đầu thế kỷ XIX, lần đầu tiên chữ rời chì Trung văn được mang đến Trung Quốc bởi giáo sĩ đạo Cơ Đốc Robert Morrison (1782 - 1834), người Luân Đôn, Anh. Năm 1814, Morrison đã thành lập sở in ấn ở Malacca, điêu khắc dạng thức chữ Trung văn, đúc tạo chữ chì Trung văn. Năm 1819, bộ sách *Tân cựu ước toàn thư* được in xong, trở thành tác phẩm khởi đầu cho thư tịch được in chì chữ Trung Văn. Đội ngũ công nhân in Trung Quốc cũng bắt đầu được tiến hành bồi dưỡng.

Sau Chiến tranh Nha phiến năm 1840, các giáo sĩ truyền giáo phương Tây ồ ạt vào Trung Quốc, để phục vụ cho yêu cầu truyền giáo, một bộ phận các giáo sĩ đã bắt đầu theo ngành xuất bản, in ấn tại Trung Quốc. Năm 1843, giáo sĩ truyền giáo người Anh là Walter Henry Medhurst (1796 - 1857) đã thành lập một cơ sở khắc in ở Batavia, sau đó đến Thượng Hải, lấy tên là Hắc Hải Thư quán. Hắc Hải Thư quán là cơ quan xuất bản in ấn có thiết bị in máy cơ giới đầu tiên ở Thượng Hải. Sau khi thành lập Hắc Hải Thư quán, người nước ngoài cũng thành lập rất nhiều các cơ quan xuất bản ở Trung Hoa nữa như Mỹ Hoa Thư quán, Anh Hoa Thư viện, Cách Trí Thư viện... Trong đó Mỹ Hoa Thư quán có quy mô lớn nhất, xuất bản nhiều nhất, kỹ thuật cũng thuộc vào loại tiên tiến nhất.



Máy điện cơ in bản in chìm được sử dụng ở Trung Hoa Thư cục đầu thế kỷ XX.



Nghệ sách Trung Quốc

Năm 1879, thương nhân người Anh là Ernest Major (1830 - 1908) đã thành lập Điểm Thạch Trai Thạch ấn thư cục ở Thượng Hải, lựa chọn kỹ thuật in thạch ấn để in cổ tịch Trung Quốc. Sách được in không chỉ tự thể hoàn mỹ, mà giá sách lại tương đối thấp, tiện mang theo, vì thế rất được đông đảo độc giả hoan nghênh. Người Trung Quốc cũng nhận thức được sức hấp dẫn độc đáo của kỹ thuật thạch in. Nối sau Điểm Thạch Trai Thạch ấn thư cục, các thư cục thạch ấn khác cũng liên tiếp được thành lập, kỹ thuật thạch in cũng nhanh chóng thay thế kỹ thuật in điều bản truyền thống, trở thành một phương thức in chủ yếu nhất ở Trung Quốc. Sự hưng thịnh của kỹ thuật thạch ấn khiến các xí nghiệp xuất bản tư bản chủ nghĩa cũng được thành lập ồ ạt.

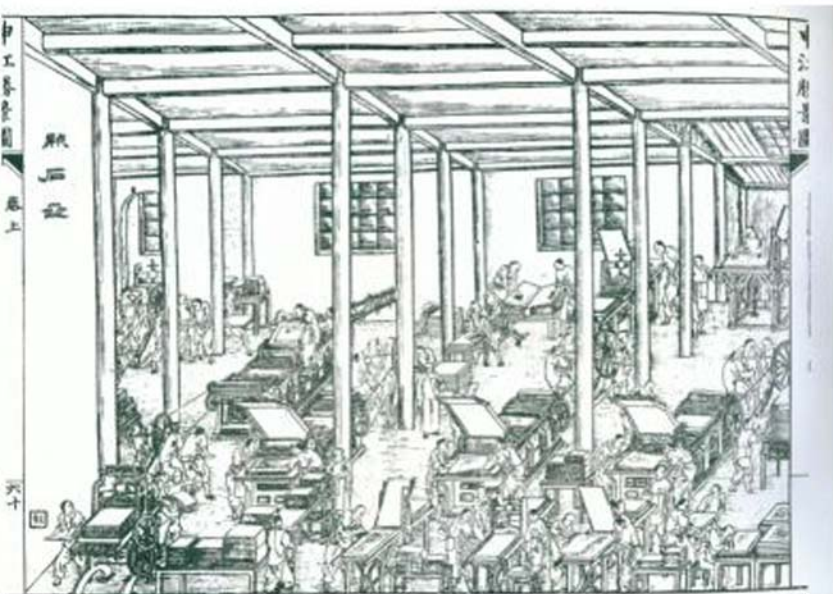
Đầu thế kỷ XX, kỹ thuật in thạch ấn giữ địa vị độc tôn trong giới in ấn Trung Quốc, dần thay thế kỹ thuật in chữ chì đúc. In ấn máy móc theo phương thức phương Tây cũng bắt đầu được sử dụng rộng rãi, khi mọi người sử dụng kỹ thuật in ấn theo phương thức mới, còn kết hợp với đặc trưng của chữ Hán, không ngừng được cải tiến và đổi mới. Đến nay, kỹ thuật xuất bản của Trung Quốc ngày càng rút ngắn khoảng cách với các nước phương Tây, thực hiện sự chuyển biến quan trọng từ thủ công sang máy móc hóa.

Từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, trải qua gần 100 năm phát triển, kỹ thuật in ấn cơ giới hóa hiện đại cũng dần trở thành chủ lưu trong ngành in ấn Trung Quốc, kỹ thuật in ấn theo phương thức cũ truyền thống hoặc là rút lui khỏi vở đài lịch sử (kỹ thuật in ấn chữ rời) hoặc là địa vị bị giảm sút (kỹ thuật in điều bản, kỹ thuật in sáo bản). Các xí nghiệp công nghiệp trong ngành in ấn cũng dần đi theo phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa, từ sức sản xuất đến quan hệ sản xuất đều thực hiện sự chuyển biến căn bản.

Sự thay đổi theo hướng in ấn hiện đại đưa đến một kết quả trực tiếp nhất chính là sự thay đổi của chế độ thư tịch truyền thống Trung Quốc. Trước thế kỷ XIX, hình thức sách của Trung



Giáo sĩ người Anh Robert Morrison được xem là người đầu tiên mở màn việc dịch sách để truyền giáo thời cận đại ở Trung Quốc.



Bức tranh của danh họa Ngô Hữu Như thời Văn Thành vẽ lại quang cảnh công xưởng Điểm Thạch Trại Thạch ấn thư cục ở Thượng Hải năm 1884

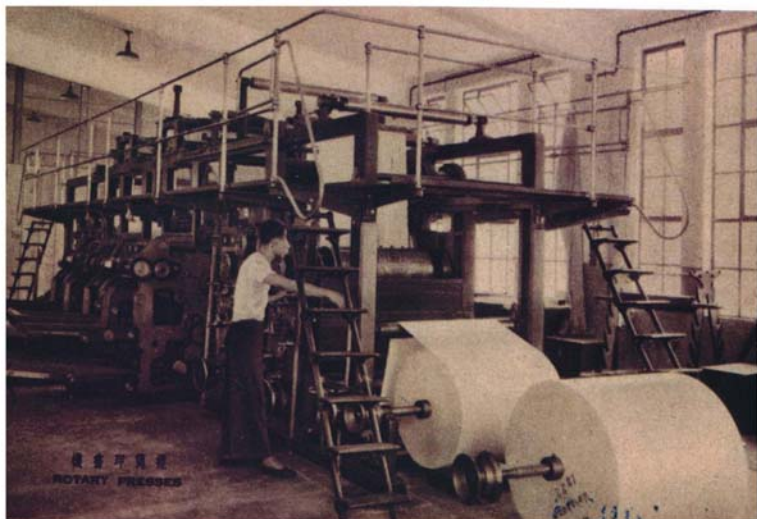
Quốc lấy hình thức đóng búp chỉ là chủ yếu. Sau khi kỹ thuật in ấn theo hình thức mới được truyền nhập vào, "duang chỉ" (giấy nhập khẩu) cũng được sử dụng. Theo thống kê năm 1903, tổng giá trị giấy mà Trung Quốc nhập khẩu là 268,4 vạn lượng bạc, năm 1911 đạt đến 560,5 vạn lượng bạc. Từ năm 1903 - 1911 giấy nhập khẩu đã tiêu tốn đến 3.416,5 lượng bạc, có thể thấy được tốc độ tăng trưởng rất nhanh, số lượng cũng lớn. Trước tình trạng đó, "duang chỉ" dần thay thế cho giấy mềm, trở thành loại giấy chủ yếu dùng trong xuất bản, in đơn diện (một mặt) truyền thống cũng vì thế mà có sự thay đổi sang in song diện (hai mặt), việc đóng sách và thiết kế thư tịch cũng dần nảy sinh sự thay đổi. Đóng sách theo dạng thức phương Tây bắt đầu trở thành hình thức chủ yếu của các xuất bản phẩm, bìa cứng và bìa mềm được lưu hành rộng rãi ở phương Tây cũng dần được ứng dụng phổ biến ở Trung Quốc, từ đó có sự thay đổi về cách đóng sách và trang trí sách.



Nổi lên những xí nghiệp xuất bản theo dạng thức mới

Sau thế kỷ XIX, hệ thống xuất bản truyền thống của Trung Quốc dần đi theo hướng đổi mới, hiện đại hóa. Đồng thời với nó, các doanh nghiệp xuất bản tư bản chủ nghĩa mang tính chất cận đại cũng bắt đầu xuất hiện và phát triển, có tác dụng thúc đẩy chưa từng có đối với sự thay đổi và phát triển của xã hội.

Trong quá trình này, cơ quan xuất bản do các giáo sĩ truyền giáo và thương nhân ngoại quốc sáng lập là cơ quan xuất bản mang tính chất tư bản chủ nghĩa đầu tiên ở Trung Quốc, đối với quá trình cận đại hóa ngành xuất bản Trung Quốc nó có tác dụng dẫn đường và làm mẫu, như Hắc Hải Thư quán, Anh Hoa Thư viện, Mỹ Hoa Thư quán, Quảng học hội, Thần báo quán... Việc liên tục thành lập những cơ quan xuất bản như thế đã mang đến cho giới xuất bản Trung Quốc luồng tư tưởng xuất bản tiên tiến, kỹ thuật in ấn và cách thức quản lý xí nghiệp cận đại của phương Tây, có tác dụng xúc tiến sự chuyển hóa của ngành xuất bản Trung Quốc từ truyền thống đến cận đại.



Máy in sách quyển trực, giấy được sử dụng đã khác với giấy được chế tác thủ công truyền thống.

Sau "Dương vụ vận động" vào những năm 60 của thế kỷ XIX hưng khởi, chịu sự ảnh hưởng của cơ cấu xuất bản theo dạng thức phương Tây, nhà nước Văn Thanh cũng sáng lập Dịch Thư quán và Quan Thư cục, so với sự nghiệp quan khắc truyền thống rõ ràng đã có sự khác nhau, như Giang Nam Chế tạo cục dịch thư quán, Kinh Sư Đồng Văn quán, Kim Lăng Thư cục, Chiết Giang Thư cục, Giang Tô Thư cục...

Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, phong khí xã hội Trung Quốc dần được khai hóa, cơ quan xuất bản dân doanh cũng bắt đầu hưng khởi. Năm 1882, Đồng Văn Thư cục do Từ Hồng Phục, Từ Nhuận sáng lập, là đơn vị xuất bản dân doanh cận đại đầu tiên của một người Trung Quốc sáng lập. Sau đó hàng loạt các cơ quan xuất bản dân doanh mang tính chất xí nghiệp cận đại lần lượt được thành lập như Phi Anh quán, Hồng Văn Thư cục, Tích Thạch Thư cục. Bên cạnh đó một vài thư phòng dân gian truyền thống cũng dần chuyển theo hướng cận đại hóa.

Năm 1897 Thương vụ ấn thư quán được thành lập, là tiêu chí chứng tỏ ngành xuất bản dân doanh cận đại Trung Quốc bắt đầu bước vào giai đoạn phát triển mới. Đến năm 1906, ở Thượng Hải thành lập Thương hội ngành sách đầu tiên với 22 nhà xuất bản theo hình thức mới. Sau Thương vụ ấn thư quán, những cơ quan xuất bản dân doanh theo hình thức mới cũng mọc ra như nấm, lần lượt được xuất hiện như Trung Hoa Thư cục, Văn Minh Thư cục, Thế Giới Thư cục, Đại Đồng Thư cục, Khai Minh Thư cục... Những đơn vị xuất bản cận đại này đều phát triển theo hướng thị trường, dưới sự định hướng của quan niệm xuất bản hiện đại, dùng kỹ thuật in ấn bằng máy móc cận đại làm công cụ sản xuất, chọn dùng đa dạng linh hoạt các phương thức kinh doanh hiện đại, bên cạnh truy cầu lợi nhuận, tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội của người làm công tác xuất bản, cuối cùng trở thành rường cột trong ngành xuất bản Trung Quốc cận đại, mở ra cục diện huy hoàng cho ngành xuất bản hiện đại Trung Quốc.

Trong rất nhiều cơ quan xuất bản dân doanh, có hai đơn vị có lịch sử dài nhất và tầm ảnh hưởng lớn nhất chính là Thương vụ ấn thư quán và Trung Hoa Thư cục. Lấy năm 1936 làm ví dụ điển hình, bản in lần đầu và tái bản có tổng số 9.438 đầu, trong đó Thương vụ ấn thư quán xuất bản được 4.938 đầu, Trung Hoa Thư cục xuất bản được 1.548 đầu, tổng hai nhà xuất bản được 6.486 đầu, chiếm 69 % tổng số sách xuất bản trong toàn quốc.

Thương vụ ấn thư quán và Trương Nguyên Tế

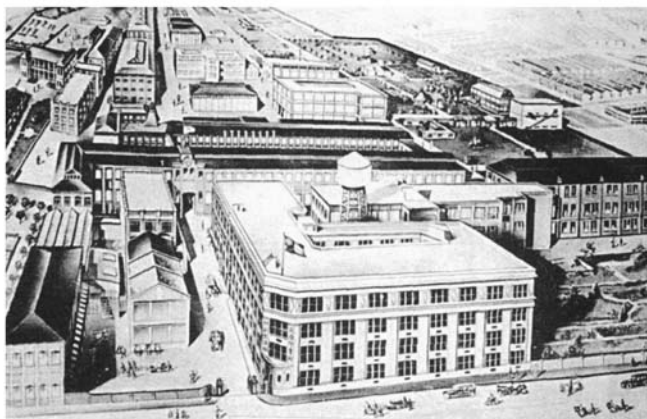
Thương vụ ấn thư quán do nhóm Hạ Thụy Phương, Bảo Hàm Ân, Bảo Hàm Xương, Cao Phong Trì thành lập tại Đức Xương, Giang Tây, Thượng



Nghề sách Trung Quốc

Hải vào năm 1897. Đầu thế kỷ XX, Thương vụ ấn thư quán có sự phối hợp mật thiết với cuộc vận động tân văn hóa, để xướng văn bạch thoại, thiết kế những ấn phẩm xuất bản theo hình thức mới, thư tịch được biên tập xuất bản với số lượng lớn nhằm phản ánh tư tưởng và nội dung văn hóa mới. Ngoài việc tích cực hấp thu Tây học, xuất bản những tác phẩm Hán văn dịch ra nước ngoài, Thương vụ ấn thư quán còn tiến hành biên tập xuất bản những bộ cổ tịch quy mô lớn, cùng sách công cụ và sách giáo khoa phù hợp với nhu cầu thời đại. Điều quan trọng hơn là, Thương vụ ấn thư quán đã bồi dưỡng được những nhân tài xuất bản, biên tập viên chuyên nghiệp trong giới xuất bản. Người sáng lập hoặc người đứng đầu những cơ quan xuất bản nổi danh đầu thế kỷ XX hầu hết đều từng công tác tại Thương vụ ấn thư quán. Thương vụ ấn thư quán hồi mới thành lập chỉ là một nhà xuất bản và in ấn nhỏ lẻ nhưng dần phát triển trở thành một đơn vị xuất bản theo hình thức mới lớn nhất trong lịch sử cận đại Trung Quốc, và quá trình đó không tách rời sự lãnh đạo và dẫn dắt của Trương Nguyên Tế.

Trương Nguyên Tế (1867 - 1959), người Chiết Giang, là nhà sử học, đại sư quốc học nổi tiếng, một đại gia xuất bản có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử cận hiện đại. Năm 1902, Trương Nguyên Tế nhận lời mời của Hạ Thụy Phương, một lòng theo tôn chỉ "Xem việc phục hưng giáo dục là nhiệm vụ của bản thân mình", chính thức gia nhập Thương vụ ấn thư quán. Năm 1903 đảm nhiệm chức trưởng ban biên dịch trong Thương vụ ấn thư



Bức ảnh phục chế nguyên dạng bối cảnh của Thương vụ ấn thư quán thời cận đại. Bước vào thế kỷ XX, tốc độ phát triển của Thương vụ ấn thư quán rất nhanh, trở thành một trong những nhà xuất bản lớn nhất ở Viễn Đông.



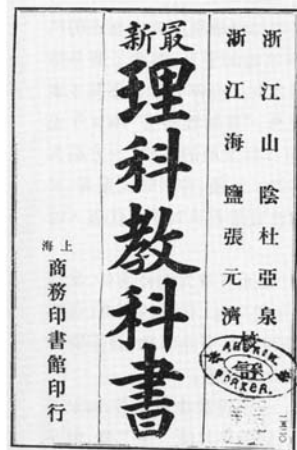
Trương Nguyên Tế

quán, năm 1916 nhậm chức giám đốc, năm 1926 ông đảm nhiệm chức chủ tịch hội đồng quản trị cho đến khi qua đời. Trong vòng nửa thế kỷ, ông đã có những cống hiến kiệt xuất đối với sự nghiệp giáo dục văn hóa và xuất bản cận hiện đại.

Là một nhà xuất bản kiệt xuất, Trương Nguyên Tế mang tư tưởng duy tân, thông hiểu Trung - Tây, thông bác cổ kim, có tầm nhìn, lại quyết đoán, có trách nhiệm xã hội và lòng yêu nước nhiệt thành, đầu tiên ông dựa vào thời cơ triều đình nhà Thanh để xướng tân học, phế bỏ khoa cử, nên tổ chức biên soạn sách giáo khoa theo hình thức mới. Năm 1904, dưới sự chủ trì của ông, bộ sách giáo khoa tiểu học đầu tiên của Trung Quốc là *Tối tân giáo khoa thư* được xuất bản.

Sự ra đời của bộ sách này có ý nghĩa khai sáng cho lịch sử giáo dục hiện đại của Trung Quốc. Sau này, sách giáo khoa do Thương vụ ấn thư quán xuất bản được lưu hành rộng khắp trong toàn quốc. Ông còn dốc sức đưa Tây học vào trong nước, giới thiệu tri thức mới, đốc lòng tuyển chọn, tổ chức phiên dịch những tác phẩm văn học nổi danh và mang tâm học

thuật cao của nước ngoài, trong đó có Nghiêm Phục (1854 - 1921) phiên dịch *Thiên diển luận*, Lâm Thu (1852 - 1924) phiên dịch *Trà hoa nữ* có tầm ảnh hưởng rất sâu rộng. Ông còn sáng lập Thư viện Đông Phương và Hàm Phương lâu ở Thượng Hải, còn sử dụng hơn 50 tầng thư công tư của các nhà để thu thập và xuất bản các bộ như *Tứ bộ tùng san*, *Nhị thập tứ sử bản* Bách Nạp, *Tục cổ dật tùng thư*, tổng cộng 610 loại, 2 vạn quyển. Văn bản hoàn thiện, hiệu khảm tỉ mỉ cẩn thận, khắc in tinh xảo đều là những tinh phẩm từ trước đến nay, trở thành điển phạm cho việc xuất bản cổ tịch của hậu thế. Dưới sự chủ trì của ông, Thương vụ ấn



Bìa lót sách *Lý khoa giáo khoa thư* nằm trong bộ *Tối tân bản giáo khoa thư* của Thương vụ ấn thư quán.



Nghề sách Trung Quốc

thư quán còn tiến hành biên tập xuất bản những bộ sách công cụ lớn. Năm 1915, bộ từ thư đầu tiên của Trung Quốc được biên tập theo cách thức mới *Từ nguyên* được ra đời. Đồng thời với nó, Thương vụ ấn thư quán còn tiến hành xuất bản những kỳ san nổi tiếng như *Đông phương tạp chí*, *Tiểu thuyết nguyệt báo*, *Giáo dục tạp chí*, *Phụ nữ tạp chí*, *Học sinh tạp chí*...

Khi Chiến tranh Thế giới thứ hai diễn ra, Thương vụ ấn thư quán bị phá hủy, Trương Nguyên Tế lập tức tổ chức ủy ban phục hưng, đề xuất khẩu hiệu kính nghiệp ái quốc "Vì đất nước nguy nan phải hy sinh, vì phục hưng văn hóa phải phấn đấu", tiếp tục phát triển sự nghiệp in ấn ở Trùng Khánh.

Trung Hoa Thư cục và Lục Phí Quy

Trong lịch sử cận hiện đại Trung Quốc, cơ quan xuất bản dân doanh có thể đứng ngang hàng được với Thương vụ ấn thư quán là Trung Hoa Thư cục. Trung Hoa Thư cục được thành lập tại Thượng Hải vào năm 1912. Người khai sáng là Lục Phí Quy (1886 - 1941) người Chiết Giang. Ngay từ sớm ông đã có kinh nghiệm xuất bản và giáo dục phong phú. Trong gần 30 năm ông đảm nhiệm cương vị đứng đầu, Trung Hoa Thư cục xuất bản được hơn 4.000 đầu sách.

Vào năm 1912 khi Trung Hoa Thư cục được thành lập, vốn cố định chỉ có 2,5 vạn nhân dân tệ. Đến năm 1916, vốn cố định đã đạt đến 160 vạn nhân dân tệ, trở thành nhà xuất bản dân doanh lớn thứ hai trong toàn quốc chỉ sau Thương vụ ấn thư quán. Các loại sách báo và thư tịch được



Phòng biên tập của Trung Hoa Thư cục



Sách giáo khoa theo dạng thức mới do Trung Hoa Thư cục xuất bản.

Trung Hoa Thư cục biên tập xuất bản đương thời khá toàn diện, số lượng rất nhiều, chủ yếu có: (1) Sách giáo khoa: Tổng cộng biên tập xuất bản được hơn 400 đầu sách giáo khoa các cấp các ngành, trong thời kỳ Dân quốc, Trung Hoa Thư cục đứng đầu trong giới xuất bản; (2) Loại thư tịch khoa học xã hội: Tổng xuất bản phẩm lên tới mấy nghìn đầu, trong đó nổi tiếng một thời có *Văn hóa rừng thu*, *Xã hội khoa học rừng thu*; (3) Tạp chí: Hình thành khoảng hơn 20 loại tạp chí, nổi tiếng nhất có *Đại Trung Hoa*, *Trung Hoa giáo dục giới*, *Trung Hoa tiểu thuyết giới*, *Trung Hoa học sinh giới*, *Trung Hoa đồng tử giới*, *Trung Hoa phụ nữ giới*, *Trung Hoa Anh văn tuần*

báo, *Trung Hoa nhi đồng họa báo*; (4) Sách công cụ: Có những tác phẩm nổi tiếng như *Trung Hoa đại tự điển* xuất bản năm 1915, *Cổ kim đồ thư tập thành* xuất bản năm 1934, *Từ Hối* xuất bản năm 1936; (5) Chính lý cổ tịch, nổi danh nhất có *Tự trần phường Tổng bản nhị thập tứ sử* xuất bản năm 1930, *Từ bộ bị yếu bản Tự trần phường Tổng bản*, sắp chữ và in năm 1926.

Xuất hiện xuất bản phẩm theo loại hình mới

Sau thế kỷ XIX, cùng với sự hưng khởi của ngành xuất bản cận đại, nội dung và loại hình xuất bản phẩm của Trung Quốc này sinh sự biến đổi cực lớn.

Xuất bản sách với nội dung khoa học hiện đại

Sách Trung Quốc truyền thống lấy Kinh, Sử, Tử, Tập làm chủ thể. Sau những năm 40 của thế kỷ XIX, Trung Quốc dần mở cửa, giao lưu Trung - Tây dần trở nên phổ biến, tầm nhìn của các phần tử tri thức Trung Quốc cũng vì thế mà được mở rộng, họ bắt đầu tiếp xúc và tìm hiểu văn hóa tư tưởng phương Tây. Từ đó, xuất hiện sách phiên dịch với số lượng lớn, mở rộng truyền bá tri thức Tây học, tạo ra sự thay đổi cực lớn về nội dung và bố cục xuất bản phẩm. Ngoài sách thuộc tứ bộ Kinh, Sử, Tử, Tập truyền thống



Nghệ sách Trung Quốc

thì những trước tác khoa học xã hội, triết học và khoa học ứng dụng, cùng các lĩnh vực khoa học tự nhiên đều xuất hiện nhiều vô số, nhiều ngành khoa học mới liên tiếp được hình thành. Trước tác *Dân quốc thời kỳ tổng thư mục* thu lục được khoảng hơn 12 vạn đầu sách xuất bản từ 1912 - 1949, thuộc 18 môn loại đó là triết học, tâm lý học, tôn giáo, chính trị, pháp luật, quân sự, kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục, thể dục, văn học, nghệ thuật, y dược vệ sinh, khoa học nông nghiệp, giao thông vận tải. Từ tình hình đó có thể nhìn nhận, đến năm 1949 hệ thống khoa học hiện đại Trung Quốc về cơ bản đã trở nên thành thực.



Học giả Trung Quốc Hoa Hành Phương (1833 - 1902) và tác phẩm dịch **Địa học thiên thích**. Sách này đã thể hiện rõ sự khác biệt với những trước tác địa lý học truyền thống của Trung Quốc.

Xuất hiện số lượng lớn báo giấy và tạp chí

Cùng với nội dung xuất bản phẩm ngày càng được mở rộng, thì loại hình xuất bản phẩm ở Trung Quốc cũng ngày một phong phú, xuất hiện các loại hình xuất bản phẩm với đủ loại hình sắc đa dạng. Trong đó một hiện tượng gây được sự chú ý của độc giả chính là xuất hiện số lượng lớn báo giấy và tạp chí. Trước tác *Toàn quốc Trung văn kỳ san liên hợp mục lục* đã thu lục được gần hai vạn kỳ san Trung văn được xuất bản trong và ngoài nước trong khoảng từ 1833 - 1949 được lưu trữ trong 50 thư viện của Trung Quốc. *Thượng Hải đồ thư quản quán tàng kiến quốc tiến trung văn báo chí mục lục* thu thập được hơn 3.500 loại báo giấy Trung văn xuất bản trong và ngoài nước từ 1862 - 1949 được lưu trữ trong các thư viện. Từ hai số liệu thống kê trên có thể nhìn thấy được khá hoàn chỉnh về tình hình xuất bản báo giấy và tạp chí đương thời. Ưu điểm của báo san thời cận đại là phản ánh kịp thời, lưu truyền rộng rãi, có tác dụng rất lớn trong việc xúc tiến sự phát triển của sự nghiệp truyền thông đại chúng và xuất bản cận đại, đồng thời cũng mang lại ảnh hưởng rất lớn đối với xã hội.

道光癸巳年六月

東西洋考每月統記傳

人無遠慮必有近憂

愛漢者慕

新開
大遠也者。實直而好義。察言而觀色。處以下人。在那必過。在家必過。夫。則也者。色。取仁而行。遠。名之不疑。在邦必聞。在家必聞。樂。近。開。仁。
在廣州府有兩個朋友。一個姓王。一個姓陳。兩人皆好學。盡行義。因相與好。每於工夫之暇。不其你尊我。就我訪你。且陳相公與兩洋人交接。竭力容兩洋人的規矩。因性來慣了。情。意。淡。淡。全。無。一。點。客。套。雖。人。笑。他。却。殊。覺。美。了。不。打。緊。這。一。日。陳。先。王。相。公。說。道。小。弟。今。日。偶。做。離。開。外。國。的。人。來。拜。來。兩。洋。考。每。月。統。記。傳。其。厚。快。樂。工。道。說。這。大。可。取。德。有。妙。才。辨。珠。

Kỳ san Trung văn đầu tiên được sáng lập ở Trung Quốc đại lục Đông Tây Dương khảo mỗi nguyệt thống ký truyện (năm sáng lập 1833).

Sách giáo khoa, sách công cụ kiểu mới và tranh liên hoàn

Quá trình từ việc phiên dịch sách giáo khoa của nước ngoài cho đến tự biên soạn sách giáo khoa của nước mình, từ việc sử dụng sách giáo khoa theo lối văn ngôn đến việc sử dụng sách giáo khoa theo hình thức bạch thoại, từ thể lệ nội dung chưa hoàn thiện cho đến tương đối hoàn thiện, thì lịch sử sách giáo khoa không ngừng được thay đổi và thích ứng với xu thế phát triển chung của xã hội. Dựa trên nền tảng của tự thư, loại thư, thư mục thời cổ đại, thời cận đại lại xuất hiện loại sách công cụ kiểu mới, như các loại sách công cụ được biên tập xuất bản không ngừng được tăng lên về số lượng và chất lượng đó là báo san sách dẫn, tự điển, từ điển, biểu phả, dư đồ, niên giám, thủ sách... Dựa trên nền tảng của tiểu thuyết tú tượng trên tranh dưới chữ, thời cận đại lại xuất hiện loại tranh liên hoàn. Việc xuất hiện những xuất bản phẩm theo loại hình mới đã nhanh chóng được độc giả và xã hội chờ mong và đón nhận, nên số lượng phát hành ngày càng lớn và mang lại tín hiệu vô cùng khả quan.



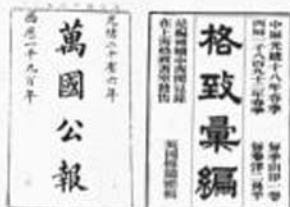
Xuất bản theo dạng thức mới sẽ đẩy mạnh sự thay đổi xã hội

Quan niệm xuất bản hiện đại đi sâu vào lòng người

Từ thế kỷ XIX đến nay, ngành xuất bản Trung Quốc đang trong quá trình đi theo hướng hiện đại hóa, quan niệm xuất bản phương Tây cũng trong trào lưu "Tây học Đông trào" được truyền vào Trung Quốc, trong đó quan trọng nhất chính là quan niệm "tự do xuất bản".

Năm 1644, trong tác phẩm *Luận xuất bản tự do* của chính trị gia người Anh, đã lần đầu phát biểu quan niệm tự do xuất bản. Khi giai cấp tư sản Châu Âu bước lên vũ đài lịch sử, từng lấy khẩu hiệu "Tự do xuất bản" làm vũ khí để phản đối sự chuyên chế của chế độ phong kiến, thực hiện dân chủ và quyền lợi khoa học. Cũng vì lẽ đó mà ở Trung Quốc vào trung kỳ thế kỷ XIX, "Tự do xuất bản" không chỉ trở thành vũ khí sắc bén để nhân sĩ yêu nước phê phán chế độ phong kiến, mà còn trở thành lý tưởng mà những người thuộc giai cấp tư sản Trung Quốc theo chủ nghĩa cải lương truy cầu. Năm 1912 sau khi cách mạng Tân Hợi thành công, Chính phủ Trung Hoa Dân quốc mới được thành lập, trong *Trung Hoa dân quốc lâm thời ước pháp* đã có thông báo khắp thiên hạ: "Nhân dân có quyền tự do ngôn luận, trước tác, san hành, tập hợp thành hội, thành lập nhà xuất bản". Theo tiêu chí này, tự do xuất bản trở thành một quyền lợi của nhân dân, được sự bảo vệ của luật pháp.





Các loại tạp chí giới thiệu Tây học xuất bản ở Trung Quốc vào cuối thế kỷ XIX.

Nhân dân Thượng Hải đang xem một người phương Tây cao lớn ở trên phố, đây là nội dung được đăng tải trong Điểm Thuyết trai họa báo xuất bản năm 1887.

Chế độ bản quyền cuối cùng cũng được xác lập

Quan niệm và ý thức bảo vệ bản quyền cũng dần đi sâu vào lòng người, thúc đẩy sự ra đời của luật bản quyền và thiết lập chế độ bản quyền thời cận đại của Trung Quốc. Năm 1903, tác phẩm dịch *Xã hội thông thuyên* ra đời, dịch giả Nghiêm Phục nổi danh Trung Quốc và Thượng vụ ấn thư quán đã ký hợp đồng xuất bản đầu tiên thời cận đại Trung Quốc, hợp đồng quy định: "Về bản quyền của sách này hai bên đều có quyền như nhau. Nếu hợp đồng này bị hủy bỏ, thì bản quyền bản thảo sẽ thuộc hoàn toàn về chủ sở hữu", "Trước khi hợp đồng này hết hiệu lực, chủ sở hữu bản thảo không được cho bên thứ ba in ấn sách này". Những quy định cụ thể đó đã chứng tỏ quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên đều được đảm bảo, nó có tác dụng bảo vệ và ràng buộc đồng thời cả hai bên, trước đó chỉ là những lời tuyên bố bản quyền trống không, nói suông, nhưng cho đến nay đã có những văn bản cụ thể để chứng minh cho bản quyền được bảo hộ.

Chế độ bản quyền cuối cùng cũng được xác lập vào đầu thế kỷ XX, không chỉ có ý nghĩa đối với các tác gia Trung Quốc được hưởng thù lao do công sức mình bỏ ra, đồng thời cũng thể hiện sự tôn trọng và thừa nhận của xã hội đối với người trước tác ra tác phẩm. Chế độ bản quyền xuất hiện có vai trò rất quan trọng trong giới văn hóa, có tác dụng trực tiếp đối với



việc tăng số lượng tác giả, nhóm tác giả và làm phồn vinh sự nghiệp sáng tác, hơn nữa cũng đặt nền móng kinh tế, xác định vị trí lớn mạnh và trưởng thành của nghề viết sách, từ đó tạo động lực không ngừng tiếp tục duy trì sự phát triển phồn vinh của sự nghiệp xuất bản và sự nghiệp văn hóa.

Thúc đẩy sự phát triển và biến đổi xã hội

Trước thế kỷ XIX, Trung Quốc là một đất nước ổn định và tương đối khép kín, trong thời gian này mặc dù Phật giáo và tri thức Tây học truyền bá vào chưa rõ ràng nhưng xã hội cũng đã có đôi chút thay đổi, nhưng dù sao vẫn chưa thể dẫn đến sự thay đổi căn bản văn hóa và xã hội truyền thống Trung Quốc. Đặc điểm này có ảnh hưởng rất sâu rộng đến sự nghiệp xuất bản truyền thống Trung Quốc, khiến nó cũng đồng thời xuất hiện một hình thái phát triển khép kín và ổn định.

Sau thế kỷ XIX, xã hội Trung Quốc trước tác động của ngoại lực đã có sự thay đổi nhanh chóng, quá trình hiện đại hóa trở thành một xu thế tất yếu. Trước bối cảnh lớn đó, ngành xuất bản ở Trung Quốc cũng không thể không phát triển theo lịch trình hiện đại hóa, xuất bản trở thành phong vũ biểu và cảm ứng khí phản ánh vận mệnh chìm nổi của dân tộc Trung Hoa. Ngành xuất bản trong sự thay đổi tự thân của nó xem yếu tố "cứu văn sự nguy vong của quốc gia, mưu cầu sự sinh tồn của đất nước", "theo thời gian không ngừng tăng trưởng" là quan trọng nhất. Các thư tịch được xuất bản với số lượng lớn là sách khoa học tự nhiên hiện đại và khoa học xã hội, truyền bá quan niệm, tư tưởng và tri thức khoa học mới của nước ngoài vào Trung Quốc, trở thành động lực lớn thúc đẩy sự phát triển và biến đổi của xã hội Trung Quốc. Đương thời, có bốn loại hình xuất bản phẩm theo hình thức mới có ảnh hưởng tích cực đến sự tiến bộ của xã hội Trung Quốc: Một là sách truyền bá và phổ cập tri thức văn hóa khoa học hiện đại, lấy sách giáo khoa theo hình thức mới và sách phiên dịch làm đại diện tiêu biểu; Hai là những trước tác tuyên truyền tư tưởng cách mạng và dẫn dắt quần chúng giác ngộ; Ba là những tác phẩm văn học nghệ thuật nhằm nâng cao đời sống tinh thần và làm phong phú thêm cuộc sống của quần chúng nhân dân; Bốn là sách công cụ và những loại sách có liên quan cùng việc xuất bản cổ tịch với mục đích kế thừa di sản văn hóa, tích lũy và hoàng dương văn hóa dân tộc.

Sau những năm 40 của thế kỷ XIX, các giai tầng, giai cấp, đảng phái trong xã hội đều thông qua việc xuất bản sách báo để tuyên truyền tư tưởng chính trị của họ; tri thức khoa học và văn hóa của các nước tiên tiến phương Tây cũng thông qua cách thức này mà được truyền bá vào Trung Quốc.

新青年

LA JEUNESSE

陳獨秀先生主撰

中華全國新聞界聯合會代印

目 要

我之改良文學觀	活動與人生	經濟學之總原則	詠花詩	本報編輯呂英	社會	俄國革命與吾國之革命	消極革命之老莊
---------	-------	---------	-----	--------	----	------------	---------

刊在卷內

詳細目次

方秉植	朱加一	二十八號	章士釗	劉半農	同 達	陶 隱	吳 啟	陳 雲
-----	-----	------	-----	-----	-----	-----	-----	-----

原 名 青 年 雜 誌

第 三 卷 第 二 號

上 海 群 益 社 印

Bài viết **Thế dục chỉ nghiên cứu** của Mao Trạch Đông khi còn trẻ trên tạp chí **Tân thanh niên**.



Có thể nói một cách không khoa trương rằng thời kỳ này các cuộc vận động chính trị quy mô rộng lớn của văn hóa phương Tây được truyền bá vào đều không hề tách rời hoạt động xuất bản, xuất bản có tác dụng làm "chất xúc tác" đối với sự thay đổi xã hội. Ví như hoạt động dịch sách của dịch giả nổi tiếng thời cận đại là Nghiêm Phục đã có tác dụng cổ động mạnh mẽ đối với xã hội và quan điểm "Vật cạnh thiên trạch, thích giả sinh tồn"¹⁾ được đề xuất trong sách dịch cũng đã ảnh hưởng đến người Trung Quốc qua rất nhiều thế hệ. Đầu thế kỷ XX, những sách viết về các cuộc cách mạng tư sản cũng dần dần được ra đời, cuối cùng cũng góp phần làm nên sự thành công của cách mạng Tân Hợi. Nguyên nhân của sự hưng khởi của cuộc Vận động Tân văn hóa năm 1949 còn là nhờ sự tuyên truyền rộng rãi tư tưởng "dân chủ", "khoa học" của các xuất bản phẩm như "Tân thanh niên".

Trong sự tác động tương hỗ giữa xuất bản và xã hội, thì xuất bản và văn hóa xã hội của Trung Quốc đều đạt được bước phát triển và thay đổi chưa từng có từ trước đến nay, và trở thành nền tảng vững chắc cho sự phát triển sự nghiệp văn hóa xuất bản ở Trung Quốc đương đại. Đương nhiên, cần phải chỉ ra rằng, khi sự nghiệp xuất bản hiện đại Trung Quốc phát triển rực rỡ, thì sự nghiệp xuất bản truyền thống của Trung Quốc cũng chưa hoàn toàn bị diệt vong, mà ngược lại nó vẫn còn tiếp tục phát triển cho đến ngày nay. Nó tuy không phải là dòng chảy chủ lưu của thời đại hiện nay, nhưng cũng không thể phủ nhận cống hiến to lớn của nó đối với sự nghiệp xuất bản hiện đại Trung Quốc.

1 Nghĩa là mọi vật trong giới tự nhiên muốn sinh tồn cần phải đấu tranh. Những gì tiến bộ, vượt trội sẽ được tồn tại, và ngược lại sẽ bị diệt vong.

TIẾP NỐI NGƯỜI TRƯỚC MỞ LỐI NGƯỜI SAU

Sự phồn vinh của xuất bản Trung Quốc đương đại





Kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập (năm 1949) đến nay, sự nghiệp xuất bản đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong sự nghiệp xã hội chủ nghĩa vĩ đại mang đặc sắc Trung Quốc, trải qua quá trình hơn 60 năm phát triển. Trong sự phát triển và thay đổi không ngừng nghỉ đó, ngành xuất bản Trung Quốc đã đạt được những thành tựu rất khá quan. Cùng với không ngừng cải cách mở cửa ngày càng sâu rộng, ngành xuất bản Trung Quốc ngày càng phát triển và trở thành một trong những lực lượng hạt nhân đối với tài sản văn hóa và sự nghiệp văn hóa xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc. Trong quá trình xây dựng văn hóa và kinh tế xã hội Trung Quốc, ngành xuất bản phát huy tác dụng ngày càng quan trọng và cũng đóng vai chính trong sự giao lưu văn hóa giữa Trung Quốc với các nước. Thành tựu phát triển trong 60 năm qua đã chứng minh Trung Quốc đương đại đã trở thành một nước có nền xuất bản phát triển lớn mạnh trên thế giới, xu thế phát triển không ngừng của hiện tại có sự rạch ròi, huy hoàng tương xứng với văn minh xuất bản thời cổ đại.

Quy mô xuất bản được tăng trưởng hằng năm, phạm vi xuất bản ngày càng được mở rộng

Từ năm 1949 đến nay, ngành xuất bản của Trung Quốc đại lục tuy chịu sự ảnh hưởng của một vài nhân tố kìm hãm quá trình phát triển, thế nhưng về chính thể mà đánh giá thì vẫn đạt được những thành tựu rất lớn, đặc biệt là từ năm 1978 cải cách mở cửa cho đến nay, thành tựu mà ngành xuất bản Trung Quốc đạt được đều được coi trọng và đánh giá cao. Những số liệu thống kê dưới đây có thể thấy rõ được tình hình đó: Năm 1950, Trung Quốc có tổng cộng 211 nhà xuất bản, cũng trong năm đó xuất bản được 12.153 loại sách, tổng số bản in lên tới 275 triệu cuốn; năm 1978, cả nước có 105 nhà xuất bản, tổng số loại sách được xuất bản trong năm đó là 14.987 loại, tổng số bản in là 3 tỉ 774 triệu cuốn; phát triển đến năm 2008, cả nước có tổng cộng 579 nhà xuất bản, tổng số sách xuất bản là 274.123 loại, tổng số bản in là 7 tỉ 62 triệu cuốn, tổng số trang giấy là 56 tỉ 113 triệu trang. Các loại kỳ san thì có khoảng hơn 600 loại vào năm 1977 đã tăng lên 9.549 loại vào năm 2008. Các loại báo giấy cũng trong năm 1977 có 200 loại đến năm 2008 thì tăng lên gần 1.943 loại, tổng số lượng bản in là 44 tỉ 292 triệu tờ. Số lượng phát hành chế phẩm ghi âm và ghi hình cùng xuất bản phẩm điện tử vào năm 1978 là hơn 30 triệu đĩa, còn đến năm 2008, chế phẩm ghi âm ghi hình được xuất bản trong toàn quốc có 11.721 loại, số lượng xuất bản là 254 triệu đĩa; chế phẩm ghi hình được xuất bản là 11.772 loại, số lượng xuất bản là 179 triệu đĩa; sản phẩm xuất bản điện tử có tới 9.668 loại, 1.577 tỉ 64 triệu loại, ngành xuất bản Trung Quốc đã thực hiện được sự chuyển biến mang tính lịch sử về văn hóa phẩm từ chỗ chưa

đủ đến "quá thừa", từ đơn nhất đến đa dạng, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu văn hóa tinh thần đa dạng nhiều mặt, nhiều tầng thứ của quần chúng nhân dân.

Bên cạnh việc thực hiện hiệu quả lợi ích xã hội, ngành xuất bản Trung Quốc có cống hiến quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế quốc gia. Theo số liệu thống kê tình hình tăng trưởng ngành xuất bản tại Trung Quốc của Tổng cục thống kê vào năm 2004, thì năm 2003 toàn ngành xuất bản tăng trưởng khoảng 19 tỷ 297 triệu nhân dân tệ, chiếm 1,7% GDP toàn quốc năm đó, chiếm 5% giá trị tăng trưởng của sản nghiệp thứ ba. Đến năm 2008, tổng kim ngạch định giá báo san, sách toàn quốc đạt đến 12 tỉ 968 triệu nhân dân tệ, tổng số xuất bản phẩm được tiêu thụ đạt đến 16 tỷ 228 triệu nhân dân tệ, giá trị tiêu thụ các sản phẩm in ấn công nghiệp đạt đến 9 tỷ 769 triệu nhân dân tệ. Ngoài ra theo bài viết *Nghiên cứu hệ thống tiêu chí phát triển ngành xuất bản của xã hội tiểu khang của Sở Nghiên cứu khoa học xuất bản Trung Quốc dự đoán, đến năm 2020 sự tăng trưởng của ngành xuất bản Trung Quốc đạt tới khoảng 800 tỷ nhân dân tệ, chiếm 1,9 đến 2% tổng số GDP. Ngành xuất bản đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của kinh tế quốc dân Trung Quốc, có tác dụng càng lúc càng trọng yếu trong việc phát huy các phương diện phát triển kinh tế và xã hội.*



Trước ngày Quốc tế Thiếu nhi 1 tháng 6, các cháu nhỏ đang chọn mua sách tại Tân Hoa Thư điểm.



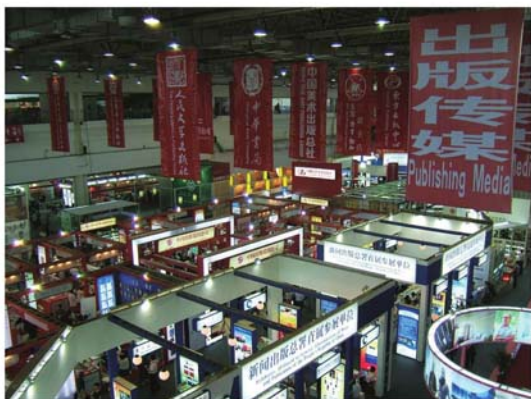
Nghề sách Trung Quốc

Từ ví mô mà nhìn nhận, thực lực tự thân của các nhà xuất bản Trung Quốc cũng không ngừng được tăng cường, trong đó nổi bật có sự phát triển mạnh của một vài tập đoàn xuất bản. Hiện nay, Trung Quốc có tất cả 25 tập đoàn xuất bản, đã trở thành một hình thức tổ chức sản xuất quan trọng nhất trong việc thúc đẩy sự phát triển của ngành xuất bản Trung Quốc. Năm 2006 các sản phẩm của tập đoàn xuất bản chiếm khoảng hơn 30% các loại xuất bản phẩm của các nhà xuất bản trong toàn quốc, tổng số lượng in ấn chiếm trên 40%, chiếm hơn 30% tổng kim ngạch định giá. Tập đoàn xuất bản chiếm khoảng hơn 1/3 tổng lượng sách xuất bản trong toàn quốc, đã trở thành một trong những lực lượng quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển của ngành xuất bản Trung Quốc. Trong số các tập đoàn xuất bản thì thực lực của Tập đoàn Xuất bản Trung Quốc là mạnh nhất, ở một mức độ nhất định có thể đại diện cho trình độ phát triển của tập đoàn xuất bản đương đại Trung Quốc.

Tập đoàn xuất bản Trung Quốc thích ứng với nhu cầu phát triển cải cách ngành xuất bản, vào ngày 9 tháng 4 năm 2002 đã thành lập cơ quan xuất bản cấp quốc gia. Tập đoàn lấy công ty tập đoàn xuất bản Trung Quốc làm công ty mẹ, do 14 công ty con là Nhân dân văn học xuất bản xã, Thương vụ ấn thư quán, Trung Hoa thư cục, Trung Quốc đại bách khoa toàn



Tác giả Dịch Thiên Trung nổi tiếng với những cuốn sách bán chạy đang ký tặng sách và bắt tay với độc giả nhí. **Phẩm tam quốc** (Thượng, Hạ) của Dịch Thiên Trung đã đạt đến có số tiêu thụ hàng trăm vạn quyển.



Khu triển lãm của Tập đoàn xuất bản Trung Quốc tại Hội chợ triển lãm sách Quốc tế lần thứ 16 năm 2009 tại Bắc Kinh.

thư xuất bản xã, Trung Quốc mỹ thuật xuất bản tổng xã, Nhân dân âm nhạc xuất bản xã, Sinh hoạt - Đọc thư - Tân tri Tam liên thư điểm, Trung Quốc đối ngoại phiên dịch xuất bản công ty, Đồng phương xuất bản trung tâm, Hiện đại giáo dục xuất bản xã, Tân Hoa thư điểm tổng điểm, Trung Quốc đồ thư tiến xuất khẩu tổng công ty, Trung Quốc đồ thư thương báo xã, Vinh Báo Trai... cùng với 81 công ty có phần, xí nghiệp... cấu thành như Công ty Trung Tân Liên, Công ty Trung Bản Liên, Tập đoàn Trung Bản, là các tập đoàn lớn, kinh doanh đa nguyên hóa đối với các xuất bản phẩm hiện nay của Trung Quốc bao gồm xuất bản, phát hành liên kết kinh doanh, giao dịch xuất khẩu, giao dịch bản quyền, phục chế in ấn, phục vụ kỹ thuật thông tin, mở mang khoa học kỹ thuật, tài chính tiến tề... .

Tập đoàn xuất bản Bắc Kinh hiện có khoảng 9.800 nhân viên, tổng giá trị tài sản lên tới 6 tỉ 500 triệu nhân dân tệ, thu nhập từ việc tiêu thụ hàng hóa hằng năm là 3 tỉ 900 triệu nhân dân tệ. Sách xuất bản, tài liệu ghi hình, điện tử, mạng hằng năm trên 1 vạn loại, xuất bản kỳ san báo giấy 47 loại, xuất bản phẩm chiếm khoảng 7% thị trường bán lẻ trong toàn quốc; hằng năm giao dịch bản quyền được khoảng hơn 1000 loại. Tập đoàn có xí nghiệp xuất khẩu xuất bản phẩm lớn nhất Trung Quốc, mỗi năm xuất khẩu được khoảng hơn 20 vạn loại xuất bản phẩm, sách báo kỳ san xuất khẩu và tổng xuất khẩu chiếm lần lượt là 62% và 30% phần ngạch thị trường trong toàn quốc, có 27 cơ sở ở nước ngoài bao gồm: nhà xuất bản, nhà sách và văn phòng đại diện, đồng thời có quan hệ tại hơn 130 quốc gia và khu vực trên thế giới.



Kỹ thuật xuất bản theo xu thế ngày càng tiên tiến, số chữ xuất bản phát triển ngày càng nhanh

Xét từ góc độ lịch sử xuất bản mà nhìn nhận, bước tiến của ngành xuất bản phụ thuộc vào sự thay đổi mới mẻ của kỹ thuật in ấn xuất bản. Từ những năm 80 của thế kỷ XX đến nay, kỹ thuật in ấn xuất bản Trung Quốc không ngừng được đổi mới, cải thiện, khoảng cách giữa kỹ thuật xuất bản ở Trung Quốc và trình độ tiên tiến của thế giới ngày càng được rút ngắn. Sự thay đổi của phương diện kỹ thuật đã mang lại động lực phát triển cực lớn cho ngành xuất bản đương đại Trung Quốc.

Tháng 7 năm 1981 Cục giám định quốc gia đã thông qua nguyên lý hoạt động của hệ thống sắp chữ Hán bằng tia laser trên máy tính đầu tiên. Kỹ thuật dùng máy tính điện tử sắp chữ Hán khiến ngành xuất bản Trung Quốc phát triển từ "chì và lửa" sang "quang và điện", nên người phát minh ra là tiên sinh Vương Tuyền được vinh danh là "Tất Thăng của Trung Quốc đương đại". Sau này, kỹ thuật sắp chữ Hán bằng tia laser không ngừng được nâng cấp, hệ thống dùng tia laser sắp chữ Hán màu cũng dần được xuất hiện. Do tính ưu việt của nó ở nhiều phương diện như kỹ thuật và giá thành, cho nên khoảng 99% tòa soạn báo và hơn 95% nhà xuất bản in ấn sách ở Trung Quốc đại lục đều sử dụng hệ thống sắp chữ Hán bằng tia laser của nước mình. Từ năm 1991, hệ thống này cũng dần được các tòa soạn ở Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan đều lựa chọn sử dụng, bao gồm *Đại công báo*



Người phát minh ra việc dùng tia laser sắp chữ Hán - Vương Tuyền (1937 - 2006)



Trung Quốc xuất bản xã triển lãm máy đọc sách tại Hội chợ triển lãm sách quốc tế được tổ chức tại Frankfurt, năm 2009.

ở Hồng Kông, *Ma Cao nhật báo* ở Ma Cao, *Trung ương nhật báo* ở Đài Loan... Bắt đầu từ năm 1992, hệ thống sắp chữ Hán bằng tia laser của Trung Quốc lần lượt được du nhập đến Malaysia, Mỹ, Canada, Thái Lan, Nhật Bản... Việc phát minh ra kỹ thuật sắp chữ Hán bằng tia laser khiến việc in ấn trong ngành xuất bản tiết kiệm được rất nhiều thời gian, việc sử dụng nhân lực, tài lực và vật lực cũng được tiết chế đến mức tối đa, đặt nền móng vững chắc cho ngành xuất bản Trung Quốc thực hiện được đầy đủ quá trình số hóa để sánh vai với ngành xuất bản thế giới.

Sau khi kỹ thuật truyền thông mới là mạng máy tính và điện thoại được phát triển, tốc độ tăng trưởng của xuất bản số hóa Trung Quốc vô cùng nhanh và mạnh. Theo thống kê, cho đến cuối tháng 9 năm 2009, số lượng thành viên của mạng Hồ Liên của Trung Quốc đại lục đạt 3 tỉ 600 triệu, tỉ lệ phổ cập đạt đến 27,1 %; số lượng thành viên mạng Hồ Liên di động đạt đến 1 tỉ 920 triệu, số lượng thành viên mở rộng đạt đến 99,33 triệu. Quy mô vốn cố định của mạng Hồ Liên không ngừng được mở rộng, địa chỉ IP đạt đến 1 tỉ 230 triệu, đứng thứ hai thế giới; số lượng đăng nhập khu vực CN đạt đến 500 vạn, đứng đầu thế giới. Về phương diện quy mô thị trường, năm 2008 quy mô vốn của mạng Hồ Liên đạt gần 150 tỉ nhân dân tệ, vốn liên quan đến nội dung số hóa, phần mềm, chế tạo, IT vượt qua



200 tỉ nhân dân tệ. Theo số liệu thống kê khác, năm 2009 số lượng điện thoại di động của Trung Quốc đã đột phá lên mức 700 triệu thuê bao, thiết bị truyền thông mới cuối cùng đã được phổ cập, tuyệt đại đa số người có khả năng đọc đều có thiết bị truyền thông mới nhất này. Những sản phẩm xuất bản số hóa tiêu biểu của Trung Quốc bao gồm các trang sách điện tử như Công ty Apabi, Sách điện tử Hán Vương,... đã có thị trường và số lượng độc giả vô cùng rộng rãi trong nước.

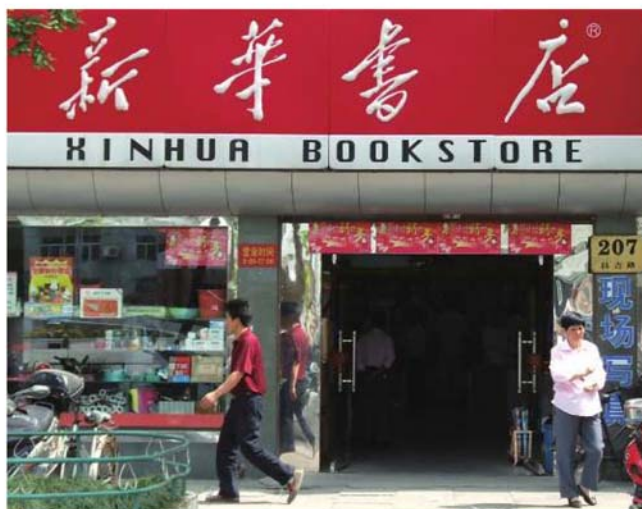
Trải qua mấy năm phát triển, quy mô của xuất bản số hóa Trung Quốc không ngừng được mở rộng, ngày càng được hoàn thiện, hình thức xuất bản cũng ngày càng đa dạng phong phú, các hình thức xuất bản số hóa như xuất bản sách điện tử, xuất bản điện thoại đã chiếm địa vị quan trọng trong thị trường xuất bản Trung Quốc. Mạng Internet và máy đọc sách đã trở thành những hình thức đọc chủ yếu của mọi người. Năm 2002, vốn xuất bản số hóa Trung Quốc đạt 1 tỷ 590 triệu nhân dân tệ, đến năm 2008, thu nhập của toàn bộ ngành xuất bản số hóa đạt đến 5 tỷ 300 triệu nhân dân tệ.

Căn cứ vào Báo cáo tình hình phát triển sách điện tử Trung Quốc năm 2007, năm 2007 tổng số sách điện tử Trung Quốc được xuất bản đạt đến 66 vạn loại, sách điện tử được lưu thông trên thị trường có hơn 30 vạn loại, số lượng độc giả vượt qua 59 triệu, tổng số doanh thu cả năm là 1 tỉ 694 triệu nhân dân tệ, số đơn vị xuất bản có tổng số doanh thu cả năm đạt đến 500 vạn nhân dân tệ có khoảng 5 đơn vị, đơn vị xuất bản vượt 400 vạn nhân dân tệ đạt đến 10 đơn vị.

Hiện nay, cùng với sự phát triển thần tốc của xuất bản số, sản nghiệp truyền thông cũng có bước chuyển hình rất nhanh. Cho đến cuối năm 2008, trong số 587 nhà xuất bản sách trong đại lục thì có tới 90% triển khai xuất bản sách điện tử, xuất bản được 50 vạn đầu sách, doanh thu đạt đến 300 triệu nhân dân tệ. 300 tòa soạn báo triển khai xuất bản báo điện tử, tổng số lượng kỳ san điện tử đạt đến 9.000 loại, tổng doanh thu hàng năm đạt đến 760 triệu nhân dân tệ.

Xu thế chuyển biến xí nghiệp hóa trong thể chế xuất bản phát triển nhanh, hệ thống pháp luật xuất bản không ngừng được kiện toàn

Để thích ứng với sự phát triển kinh tế thị trường và nhu cầu cạnh tranh quốc tế, mấy năm gần đây, thể chế báo chí xuất bản của Trung Quốc bắt đầu có những chuyển biến nhất định, tiến trình cải cách không ngừng được phát triển và ngày càng đi vào chiều sâu. Các nhà xuất bản bắt đầu chia thành hai loại là "công ích" và "kinh doanh"; "kinh doanh" sau này dần



Tân Hoa thư điểm kể từ khi thành lập năm 1937 đến nay đã trở thành một thương hiệu văn hóa nổi tiếng của Trung Quốc, có mạng lưới tiêu thụ sách lớn nhất Trung Quốc.

chuyển hóa thành xí nghiệp, phù hợp với qui luật phát triển của văn hóa xí nghiệp hiện đại. Về sâu sắc hóa phương án thực thi công việc cải cách thể chế phát hành xuất bản của Cục Báo chí xuất bản năm 2006 đã khuyến khích các công ty tập đoàn xuất bản kết hợp chặt chẽ với các công ty tập đoàn phát hành, tiến hành sáp nhập khu vực, bộ ngành, phối hợp các nghề với nhau, cổ vũ những công ty xuất bản tư nhân tham gia với nhiều hình thức vào lĩnh vực mà chính sách cho phép. Tháng Mười năm đó, doanh nghiệp tư nhân là Công ty trách nhiệm hữu hạn cổ phần truyền thông Tân Hoa Thượng Hải trở thành công ty thương mại xuất bản và phát hành đầu tiên trên thị trường Trung Quốc. Sau này, Công ty trách nhiệm hữu hạn cổ phần liên kết Văn Hiến Tân Hoa, Tứ Xuyên cũng chính thức được thành lập. Ngày 21 tháng 12 năm 2007, Công ty trách nhiệm hữu hạn cổ phần báo chí xuất bản Liêu Ninh cũng đăng ký quyền kinh doanh, là xí nghiệp văn hóa kết hợp nghiệp vụ kinh doanh và nghiệp vụ biên tập đầu tiên trong nước, trở thành công ty báo chí xuất bản hàng đầu ở Trung Quốc.

Đến năm 2007, có 23 tập đoàn xuất bản ở Trung Quốc trở thành hoặc thay đổi thành công ty tập đoàn thương mại bắt đầu có những bước tiến theo hướng thị trường tư bản, tiến hành liên kết các vùng, bộ ngành,

Tòa cao ốc sách Bắc Kinh nằm trong khu thương nghiệp phân hoa nhất ở phía Tây Bắc Kinh, là một trong những địa điểm bán lẻ sách lớn nhất Trung Quốc.

KINH HUA BOOK STORE

图书
BOOK STORE

同一个世界
One World

世界 同一个梦想
The One Dream



xí nghiệp. Hơn 100 nhà xuất bản đã bắt đầu chuyển hướng trở thành xí nghiệp theo hướng kinh doanh. Hệ thống Tân Hoa thư điểm của 29 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương đã tiến hành chuyển biến theo hướng xí nghiệp hóa, có nơi đã bắt đầu thực hiện hình thức cổ phần. Số nhà xuất bản trong toàn quốc đã phát triển theo hướng kinh doanh đạt đến 29 đơn vị, 23 Tân Hoa thư điểm cấp tỉnh đã thực hiện việc kinh doanh có sự liên kết giữa các tỉnh, toàn quốc đã xây dựng 5 trung tâm phát hành sách với 100.000 m² trở lên, doanh thu bình quân hàng năm phải từ mười ngàn vạn nhân dân tệ trở lên; những xí nghiệp liên kết nhà nước và tư nhân có khoảng 8 đơn vị, mạng lưới phát hành dân doanh đạt đến 10 vạn, hợp tác với nước ngoài trong phát hành báo kỳ san có khoảng hơn 40 đơn vị. Mạng lưới xí nghiệp phát hành của các công ty phát triển nhanh chóng; các công ty truyền thông xuất bản có khoảng 9 công ty; tổng giá trị tài sản lên tới hơn 2 tỷ nhân dân tệ, tổng chi đạt đến 180 triệu nhân dân tệ, tất cả những điều này, đều chứng minh sự thay đổi sâu sắc trong ngành xuất bản Trung Quốc.

Tháng 4 năm 2009, trong *Ý kiến chỉ đạo từng bước tiến đẩy mạnh quá trình cải cách thể chế xuất bản truyền thông* đã đề xuất và xác định rõ thời gian biểu và tuyến đường sách trong quá trình cải cách thể chế xuất bản báo chí. Ngoài các đơn vị xuất bản phẩm điện tử, chế phẩm ghi âm và ghi hình, sách công ích, tất cả những địa phương và các trường cao đẳng, đại học, học viện kinh doanh sách, chế phẩm ghi âm ghi hình và xuất bản điện tử đã hoàn thành quá trình thay đổi thể chế vào cuối năm 2009. Tất cả các đơn vị xuất bản trực thuộc bộ ngành trung ương, các đơn vị kinh doanh sách, chế phẩm ghi âm ghi hình và xuất bản điện tử, đã hoàn thành quá trình thay đổi thể chế vào cuối năm 2010.

Cùng với tiến trình thị trường hóa xuất bản Trung Quốc từng bước phát triển thì hệ thống pháp luật báo chí xuất bản Trung Quốc cũng không ngừng được kiện toàn. Năm 1990 Trung Quốc chính thức ban bố *Luật quyền tác giả của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, đến năm 1991 bắt đầu được thực thi; cũng trong năm đó, Quốc vụ viện thông qua *Điều lệ bảo hộ phần mềm máy tính*. Năm 1992, Trung Quốc chính thức tham gia công ước Berne và công ước bản quyền thế giới, đây là một tiêu chí để minh chứng cho hệ thống luật bản quyền của Trung Quốc thời kỳ mới từng bước được kiện toàn, và có mối quan hệ mật thiết với luật bản quyền thế giới. Từ đó về sau, tiến trình xây dựng pháp chế của ngành xuất bản Trung Quốc không ngừng được đẩy mạnh. Năm 2001, để có từng bước tiến thích hợp và xúc tiến ngành xuất bản phát triển nhanh, thì Ủy ban Thường vụ toàn quốc đã tiến hành sửa đổi kịp thời *Luật quyền trước tác*. Cũng trong năm đó, Quốc vụ viện thông qua và ban bố *Điều lệ quản lý xuất bản, Điều lệ quản lý chế phẩm ghi âm và ghi hình, Điều lệ quản lý ngành in ấn*. Năm 2008, Trung Quốc bắt đầu thực thi *Quy định*



quản lý xuất bản phẩm xuất bản điện tử, Quy định quản lý chế tác chế phẩm ghi âm và ghi hình, Quy định quản lý xuất bản sách, Quy định quản lý tư cách nghề nghiệp của nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp xuất bản do Tổng cục Báo chí xuất bản chế định. Ngày 21 tháng 4 năm 2009, Tổng cục Báo chí xuất bản lần đầu tổ chức hội nghị thông qua Quy định trình tự lập pháp của Tổng cục Báo chí xuất bản, và được thực thi bắt đầu từ ngày 1 tháng 6 năm 2009. Cho đến hiện nay, Trung Quốc đã bước đầu lấy pháp luật làm hạt nhân cơ bản, lấy pháp quy hành chính làm nền tảng, lấy quy định của bộ ngành làm những quy định bổ sung vào hệ thống pháp chế xuất bản, tạo thành một hệ thống pháp chế, bảo hộ cả quyền tư pháp và hành chính, và có tác dụng tích cực đối với việc phát huy và phát triển, đẩy mạnh bước tiến của ngành xuất bản Trung Quốc.

Nhân tài xuất bản không ngừng được mở rộng, sự nghiệp nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục chuyên nghiệp đạt thành quả rõ rệt

Nhân tài là điều kiện căn bản để đảm bảo cho sự phát triển nhanh của ngành xuất bản. Qua nhiều năm phát triển, xuất bản Trung Quốc từ kết cấu và chất lượng nhân viên đều có sự biến đổi tích cực, những nhân tài ưu tú, tổng hợp đầy đủ các yếu tố không ngừng xuất hiện. Từ năm 1978 đến năm 1997, số lượng cán bộ nhân viên tăng bình quân hàng năm 11%, từ năm 1998 đến năm 2008, số lượng cán bộ nhân viên tăng 16%.

Đồng thời, việc nghiên cứu khoa học và giáo dục xuất bản cũng được phát triển nhanh chóng đã trang bị lí luận và đội ngũ nhân lực cho ngành xuất bản phát triển hưng thịnh. Về phương diện đào tạo cán bộ xuất bản, từ những năm 80 của thế kỷ XX đến nay, đã dần hình thành một hệ thống giáo dục xuất bản chuyên nghiệp, hình thành được khá hoàn bị các môn loại, các tầng thứ, các hướng đi. Đến năm 2008, cả nước đã thiết lập được chuyên ngành xuất bản biên tập trong hơn 70 trường đại học, hơn 40 trường và học viện có chiêu sinh và bồi dưỡng thạc sĩ chuyên ngành xuất bản học, gần 10 học viện có chiêu sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành xuất bản học. Về phương diện khoa học xuất bản, từ năm 1977 đến năm 1980, ở các tỉnh, thành phố, khu tự trị xuất hiện cao trào thành lập các cơ quan nghiên cứu kỹ thuật in ấn và có 14 cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật in ấn được ra đời. Năm 1985, Quốc vụ viện phê chuẩn thành lập Sở Nghiên cứu phát hành xuất bản Trung Quốc (đến năm 1989 đổi tên thành Sở Nghiên cứu khoa học xuất bản Trung Quốc). Từ đó về sau, các loại hình cơ quan nghiên cứu xuất bản liên tiếp được thành lập, dần hình thành nên một mạng lưới xuất bản, in ấn, kỹ san, báo giấy, truyền thông, nghiên cứu bản quyền trong toàn quốc.

Hoạt động thảo luận nghiên cứu về xuất bản học quốc tế, hội nghị về biên tập học Trung Quốc hằng năm cùng những hoạt động giao lưu học thuật xuất bản trong và ngoài nước ngày càng phát triển, mỗi năm đều đạt được những thành quả nghiên cứu rất to lớn. Cho đến năm 2008, tổng cộng đã xuất bản được 425 bộ giáo trình về chuyên ngành xuất bản, 38 loại kỳ san chuyên nghiệp. Ngoài ra, mạng báo chí xuất bản của Trung Quốc, mạng xuất bản Trung Quốc, mạng học thuật xuất bản tạo nên một diễn đàn giao lưu học thuật mới.

Ngành xuất bản của hai bờ bốn bên⁽¹⁾ đều cùng nhau phát triển phồn vinh, hình thành nên cục diện xuất bản Hoa văn đa nguyên nhất thể

Từ khi bước vào thế kỷ XXI đến nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của ngành xuất bản Trung Quốc đại lục, ngành xuất bản của các khu vực Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao đều đạt được những bước phát triển nhanh mạnh, dựa trên nền tảng ngành xuất bản của hai bờ bốn bên cùng phát triển phồn vinh, hình thành nên cục diện tốt đẹp đa nguyên nhất thể trong ngành xuất bản Hoa văn Trung Quốc, đồng thời cũng có tác dụng tích cực trong việc phát huy truyền bá, truyền thừa văn minh Trung Hoa, và từ đó cũng chiếm được địa vị vô cùng quan trọng trong cục diện xuất bản của thế giới đương đại.

Năm 2009 tại diễn đàn xuất bản Hoa văn thế giới tổ chức ở Frankfurt, Phó Cục trưởng Ổ Thu Lâm của Tổng cục Báo chí xuất bản Trung Quốc trong

1 Hai bờ bốn bên thường chỉ Trung Quốc đại lục, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan.



Khu triển lãm sách của Ma Cao tại Hội chợ triển lãm sách quốc tế tại Frankfurt năm 2009.



Khu triển lãm sách của Đài Loan tại Hội chợ triển lãm sách quốc tế tại Frankfurt năm 2009.

bài viết của mình có chỉ ra một nội dung quan trọng đó là "Hoàng dương truyền thống, phát huy ưu thế, cùng sáng tạo nên một tương lai tươi đẹp cho ngành xuất bản Hoa văn". Ngành xuất bản Hoa văn có ưu thế nổi trội về truyền thống văn hóa, dựa vào quan niệm xuất bản, dùng cổ tịch làm phương pháp, lấy gương xưa soi ngày nay, tinh thần xuất bản là trung thực, nội dung xuất bản là thịnh thế tu điển, bác đại tinh thâm, tinh thần biên tập là tinh ích cấu tinh (tốt rồi lại muốn tốt hơn), cơ cấu xuất bản là nhà nước tư nhân cùng kết hợp, cùng nhau phát triển, kỹ thuật in ấn cần không ngừng đổi mới, bản chất văn hóa có sự giao lưu dung hòa, tiếp thu có chọn lọc. Ngành xuất bản Hoa văn cũng có những điều kiện phát triển rất thuận lợi, văn hóa Trung Hoa nguồn xa chảy mãi là nguồn tài nguyên phong phú cung cấp cho sự phát triển của ngành xuất bản Hoa văn, là nền tảng vững chắc để phát triển ngành xuất bản Hoa văn và nâng cao tiềm lực tổng hợp của quốc gia. Ngành xuất bản Hoa văn ở các vùng Đài Loan, Hồng Kông, quy mô đã hình thành, kinh nghiệm cũng đã được tích lũy, là điều kiện quan trọng để phát triển ngành xuất bản Hoa văn một cách đồng bộ. Nhu cầu trong và ngoài nước rất lớn cũng tạo điều kiện rộng mở thị trường cho sự phát triển của ngành xuất bản Hoa văn. Có thể thấy được, tương lai không xa nữa, xuất bản hoa văn của hai bờ bốn bên sẽ có những bước phát triển cực mạnh, phát huy tác dụng ngày càng quan trọng trong ngành xuất bản thế giới đương đại.

CON ĐƯỜNG THỰC TỊCH

Ngành xuất bản Trung Quốc bước
ra thế giới





Lịch sử dài lâu và sự phát triển của văn minh Trung Hoa được tiến hành trong bối cảnh có sự giao lưu rộng rãi giữa các nền văn minh. Cổ nhân Trung Quốc từng vô cùng nhiệt tình, mở rộng chào đón và học tập những khía cạnh khác nhau của các nền văn minh khác. Đồng thời, văn minh Trung Hoa cũng thông qua các con đường và phương thức khác nhau truyền bá văn hóa của đất nước mình đến các vùng trên thế giới, xúc tiến hình thành nên một cái gọi là vòng văn hóa Nho gia. Trong quá trình giao lưu qua lại đó, việc giao lưu và truyền bá nghề sách trở thành con đường và cách thức vô cùng quan trọng. Trong hoạt động giao lưu Trung Quốc với nước ngoài trong một thời gian dài như thế, không chỉ hình thành nên "con đường tơ lụa" nổi danh thế giới, mà còn hình thành nên được "con đường thư tịch" có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng. Thông qua con đường thư tịch, Trung Quốc đã truyền bá được kỹ thuật in ấn và kỹ thuật tạo giấy ra khắp thế giới, truyền bá văn hóa và khoa học kỹ thuật thời cổ đại, và có những cống hiến kiệt xuất đối với sự phát triển của văn minh nhân loại. Đồng thời, văn hóa khoa học của các nước trên thế giới cũng nhờ thư tịch mà được truyền bá, du nhập vào Trung Quốc, có ảnh hưởng rất sâu đậm đến sự hình thành và phát triển văn hóa xã hội Trung Quốc. Trung Quốc ảnh hưởng đến thế giới, thế giới ảnh hưởng lại Trung Quốc, nghề sách Trung Quốc mấy ngàn năm nay chính là nằm trong sự phát triển biến hóa tương hỗ như thế.

Truyền bá kỹ thuật tạo giấy ra thế giới

Khi Trung Quốc đã sử dụng giấy, thì một số quốc gia và dân tộc trên thế giới vẫn còn sử dụng nguyên liệu viết sách nguyên thủy và cổ xưa. Trong một thời gian dài người Ấn Độ sử dụng lá cây cọ để chép kinh Phật, người Ai Cập và người Châu Âu thì sử dụng những công cụ để ghi chép văn tự như vỏ giấy, da dê và bản giấy nện. Trở thành những thế tài văn tự, công cụ bằng giấy đã không thể không thể hiện tính ưu việt của nó. Sau khi Trung Quốc phát minh ra kỹ thuật tạo giấy, nó không chỉ được truyền bá rộng rãi trong nước, mà còn được truyền bá rộng rãi ra khắp các khu vực trên toàn thế giới, nhanh chóng thay thế những phương tiện ghi chép văn tự khác được sử dụng đương thời, xúc tiến sự phát triển của ngành xuất bản khu vực đó và sự nghiệp văn hóa tiến lên.

Kỹ thuật tạo giấy của Trung Quốc được truyền bá ra bên ngoài theo từng bước, đầu tiên là giấy và chế phẩm bằng giấy (sách, thư tín, tranh vẽ...), bước thứ hai mới là truyền bá kỹ thuật tạo giấy. Trung Quốc ở vào phía Đông của Châu Á, vì thế giấy và kỹ thuật tạo giấy đầu tiên được truyền bá đến các vùng láng giềng là Triều Tiên, Nhật Bản, Đông Nam Á và Nam Á. Khoảng thế kỷ III thì kỹ thuật tạo giấy lần đầu tiên được truyền bá vào



Đai đồ **vệng biền** (*Theatrum Orbis Terrarum*), cũng dịch là "Thế giới khái quan". Nhà địa đồ học Ortelius Abraham người Belgique vẽ. Năm 1570 được xuất bản ở Belgique. Là bức địa đồ thế giới do người châu Âu vẽ được truyền bá vào Trung Quốc sớm nhất.

Việt Nam. Vào thế kỷ II, Triều Tiên đã có được thư tịch viết tay của Trung Quốc, qua Triều Tiên, thư tịch Trung Quốc được truyền đến Nhật Bản. Kỹ thuật tạo giấy được truyền vào Triều Tiên vào thế kỷ thứ III. Năm 610, tăng nhân Triều Tiên là Đàm Chúng đã truyền bá kỹ thuật tạo giấy vào Nhật Bản. Thế kỷ VIII - VIII, kỹ thuật tạo giấy được truyền bá vào Ấn Độ. Tăng nhân đời Đường là Nghĩa Tịnh đến Ấn Độ thỉnh kinh (671 - 694), trong tiếng Phạn đã có chữ "chỉ" (giấy). Những quốc gia này sau khi đã học và nắm chắc kỹ thuật tạo giấy, lại sản xuất ra giấy để xuất khẩu vào Trung Quốc, vì thế nó có tác dụng xúc tiến sự giao lưu văn hóa, kinh tế giữa các nước láng giềng vùng châu Á với Trung Quốc.

Kỹ thuật tạo giấy được truyền bá vào châu Âu thông qua hai con đường là đường biển và đường bộ, con đường tơ lụa. Sau thế kỷ II, giấy đã được truyền bá vào các vùng Mác Thành của Tây Vực, Đôn Hoàng, Turpan, Kroraina. Thế kỷ V, dải đất Trung Á cũng bắt đầu sử dụng giấy. Thế kỷ thứ VIII, kỹ thuật tạo giấy bắt đầu được truyền bá vào phương Tây. Năm 715, triều Đường và Đại Thục Quốc (Vương triều A Bạt Tư của đế chế Á Rập), đã xảy ra chiến tranh tại Talas (nay gần với Taraz của Kazakhstan), quân đội do tướng Cao Tiên Chi (? - 756) triều Đường thống lĩnh bị đánh bại, hàng ngàn binh sĩ Trung Quốc bị bắt giam, trong đó có người là thợ làm giấy. Họ đem kỹ thuật tạo giấy truyền bá cho người Á Rập ở Samarqand (nay thuộc



Nghề sách Trung Quốc

địa phận của Uzbekistan). Ở vùng Samarqand có trồng cây gai và cây đay, nguyên liệu rất phong phú nên họ liền xây dựng xưởng tạo giấy đầu tiên tại vùng này. Ví thế, giấy trở thành một mặt hàng quan trọng mà người Ả Rập xuất khẩu vào phương Tây. Về chuyện này, trong sử sách của người Ả Rập cũng có ghi chép rất tỉ mỉ, Thaaliabi (961 - 1038) - một học giả nổi danh người Ả Rập từng nói: "Trong số đặc sản của vùng Samarqand, phải nhắc đến giấy, vì nó vừa đẹp, vừa thích hợp, lại rẻ, nó thay thế cho giấy cỏ Ai Cập và giấy da dê được dùng để viết sách trong quá khứ. Loại giấy này chỉ ở đây và Trung Quốc mới có. Tác giả của *Đạo lý bang quốc chí (Journey and Kingdom)* có thông báo với chúng ta rằng, giấy được những người Trung Quốc bị bắt mang đến vùng Samarqand. Bị bắt trong cuộc chiến này có cả Ziyad là con của Salibi - Tướng quân của Đại Thực Quốc, là người đã tìm ra được thợ làm giấy. Sau khi ngành tạo giấy phát triển, không chỉ có thể cung ứng cho nhu cầu của người bản địa, mà cũng trở thành một mặt hàng thương mại quan trọng của người ở vùng Samarqand, vì thế nó phục vụ đầy đủ nhu cầu của các nước trên thế giới, cùng tạo phúc cho nhân loại".

Sau này, trong khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XII, người Ả Rập đã tiếp tục xây dựng các xưởng chế tạo giấy ở Baghdad, Damascus, Ai Cập, Maroc... Năm 1150, người Ả Rập vượt biển đến Xativa ở phía Nam Tây Ban Nha và thành lập xưởng chế tạo giấy đầu tiên ở Châu Âu đại lục, thời điểm này cách thời gian Thái Luân cải tiến kỹ thuật tạo giấy hơn 1.000 năm. Khi ấy cũng chỉ có người Ả Rập mới nắm chắc kỹ thuật tạo giấy ở Tây Ban Nha thôi. Từ thế kỷ VIII - XII, người Ả Rập có khoảng thời gian 4 thế kỷ lũng đoạn kỹ thuật chế tạo giấy ở phương Tây. Mãi đến năm 1189 khi phương tạo giấy được thành lập ở Pháp thì việc xây dựng xưởng chế tạo giấy của bản thân một đất nước Cơ Đốc giáo mới bắt đầu. Từ đó về sau,



Cảnh tượng làm giấy da dê ở châu Âu vào thời trung đại.



Trung Quốc tân địa đồ tập (Novus Atlas Sinensis) do Martin - nhà truyền giáo người Ý vẽ, xuất bản tại Hà Lan năm 1655, là tập bản đồ Trung Quốc sớm nhất được xuất bản ở phương Tây.

trong khoảng thời gian từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVI, các quốc gia như Italia, Đức, Hà Lan, Anh, Nga... liên tục xây dựng những xưởng chế tạo giấy. Năm 1575, tại Mexican thành lập xưởng tạo giấy đầu tiên ở Châu Mỹ đại lục. Năm 1690, tại Philadelphia của nước Mỹ đã thành lập xưởng sản xuất giấy đầu tiên ở Bắc Mỹ đại lục. Mãi đến thế kỷ XIX, tại Melbourne, Australia mới có xưởng sản xuất giấy. Trải qua hơn 1000 năm, kỹ thuật chế tạo giấy do Trung Quốc phát minh được truyền bá trên toàn thế giới.

Sau khi kỹ thuật chế tạo giấy được truyền bá vào Châu Âu, người Châu Âu lại thử nghiệm cải cách đổi mới kỹ thuật làm giấy, nhưng mãi đến thế kỷ XVII, kỹ thuật chế tạo giấy của châu Âu vẫn chỉ có thể đạt đến được trình độ của đời Tống ở Trung Quốc. Để giải quyết vấn đề chất lượng giấy thấp ở Châu Âu, Turgot (1727 - 1781) - một đại thần phụ trách tài chính của Pháp đã từng hy vọng có thể lợi dụng giáo sĩ Giáo hội Giêsu trú tại Bắc Kinh để tìm hiểu kỹ thuật chế tạo giấy của Trung Quốc. Trong khoảng niên hiệu Càn Long, Benoist Michael (1715 - 1774) họa sư nước Pháp làm việc trong triều đình nhà Thanh, là giáo sĩ Giáo hội Giêsu, đã vẽ một bức tranh mô phỏng lại kỹ thuật chế tác giấy của người Trung Quốc rồi gửi về Paris, khi ấy kỹ thuật chế tạo giấy tiên tiến của Trung Quốc mới được truyền bá rộng rãi khắp châu Âu. Năm 1797, một người Pháp đã phát minh ra máy làm giấy.



Vĩnh Lạc bắc tàng, nội phủ khắc bản vào năm 1440, năm thứ 5 niên hiệu Chính Thống triều Minh. Sách theo hình thức kinh chiết trang, chữ thuận khai, khắc in tinh xảo, khổ sách hài hòa.

Bắt đầu từ thế kỷ II TCN cho đến lúc bấy giờ người Trung Quốc luôn đứng đầu về kỹ thuật chế tạo giấy trong vòng 2.000 năm mới bị người châu Âu vượt qua.

Kỹ thuật in ấn được truyền bá ra bên ngoài

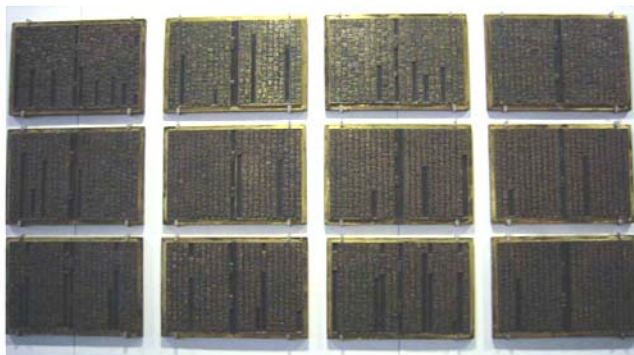
Trung Quốc là quê hương của kỹ thuật in ấn, sau khi xuất hiện phát minh vĩ đại này, rất nhanh chóng nó đã được truyền bá ra các nước láng giềng. Sau đó, lại thông qua nhiều con đường và cách thức khác nhau, được truyền đến Tây Á, Bắc Phi và châu Âu, từng bước phổ biến rộng khắp toàn thế giới. Nó có tác dụng tích cực trong việc đẩy mạnh sự phồn vinh của văn minh và sự giao lưu văn hóa của nhân loại. Kỹ thuật in ấn của hầu khắp các nước trên thế giới đều có nguồn gốc trực tiếp hoặc gián tiếp từ kỹ thuật in ấn của Trung Quốc, từ đó có những phát minh sáng tạo và phát triển mới hơn ở Trung Quốc.

Sau khi phát minh ra kỹ thuật in ấn, đầu tiên nó được truyền bá rộng khắp tại châu Á. Kinh Phật, đặc biệt là *Đại Tạng kinh* là phương tiện truyền bá chủ yếu. Các nước Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam... có mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời với Trung Quốc, chịu sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, những nước này trong quá khứ đều lưu hành Hán văn, hơn nữa còn tín ngưỡng Phật giáo, vì thế việc in ấn bản *Đại Tạng kinh* trở thành một lễ phẩm quý báu nhất để tặng cho các quốc gia. Sang này họ nhận thấy rằng chỉ dựa vào việc nhập sách từ Trung Quốc thì không đủ cho nhu cầu sử dụng, vì thế liền mô phỏng chế tác giấy mực, in ấn phiên bản. Kỹ thuật in ấn nhân đó được truyền bá vào. Chịu sự ảnh hưởng của kỹ thuật in ấn Trung Quốc, nên việc in ấn thư tịch của Triều Tiên, Nhật Bản và các quốc

gia Đông Nam Á đều mang phong cách Trung Quốc đậm nét. Mãi sau khi ngành xuất bản in ấn thời cận đại được hưng khởi, tình trạng này mới dần dần sinh biến đổi.

Triều Tiên

Triều Tiên là một trong những quốc gia đón nhận kỹ thuật in ấn của Trung Quốc sớm nhất. Vào thế kỷ VII, Triều Tiên thường phái lưu học sinh đến Trung Quốc học tập, khi về nước, họ mang theo những bộ thư tịch lớn. Khi ấy thư tịch trở thành lễ vật hoặc thương phẩm được nhập vào Triều Tiên, chủ yếu là điển tịch Phật giáo. Sau khi được người Trung Quốc phát minh, kỹ thuật in ấn đã thông qua Phật giáo để truyền nhập vào bán đảo Triều Tiên. Do sự ghi chép không đầy đủ nên mọi người vẫn khó đoán định được niên đại kỹ thuật in ấn xuất hiện ở Triều Tiên. Từ những ghi chép hiện tồn mà đánh giá thì cách nói tương đối đáng tin cậy là vào khoảng thế kỷ XI. Năm 993, vương triều nhà Tống đồng ý với vương triều Cao Ly, tặng *Khai bảo tạng* cho Cao Ly. Công nghệ khắc chữ Trung Quốc có thể được du nhập vào bán đảo Triều Tiên từ khi ấy. Sau này Cao Ly lại phái một nhóm chuyên gia đến Trung Quốc học kỹ thuật in ấn điều bản, và Triều Tiên bồi dưỡng tập thợ in ấn đầu tiên. Từ năm 1011 - 1082, Cao Ly sử dụng phiên khắc, khắc thành *Đại Tạng kinh*, đây là bộ *Đại Tạng kinh* lần đầu được san khắc tại Cao Ly. Sau khi Tất Thăng phát minh ra kỹ thuật in chữ hoạt tự, người Triều Tiên thông qua ghi chép trong *Mộng Khê bút đàm*, nắm chắc kỹ thuật in ấn hoạt tự của Trung Quốc, dựa trên nền tảng học tập, tiếp thu có sáng tạo, trước sau đều dùng hoạt tự bằng đất sét, hoạt tự bằng đồng, hoạt tự bằng chì, hoạt tự bằng sắt để in ấn thư tịch. Trong đó thành tựu vĩ đại nhất chính



Bản hoạt tự bằng đồng của Hàn Quốc thời cổ đại, được triển lãm tại Bảo tàng Gutenberg, Đức.



Nghệ sách Trung Quốc

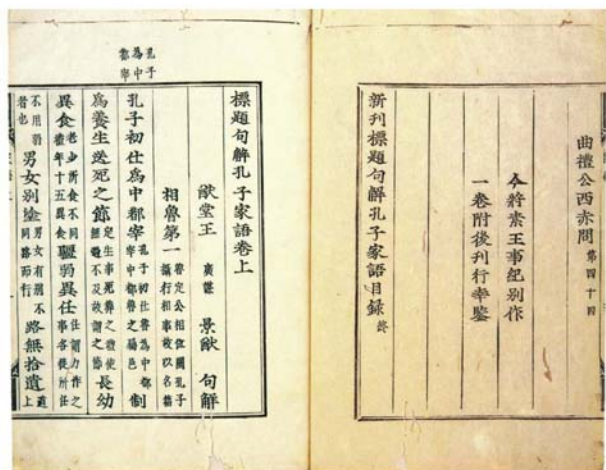
là hoạt tự bằng đồng, nó được ứng dụng rộng rãi và trở thành một công cụ hiển vô cùng đáng quý cho văn minh nhân loại.

Nhật Bản

Nhật Bản và Trung Quốc có sự giao lưu từ rất sớm. Năm 645, Nhật Bản phát sinh "Đại hóa cách tân", đẩy lên cao trào học tập Trung Quốc, nhiều lần phái sứ giả, tăng nhân và lưu học sinh đến Trung Quốc, đồng bộ học tập văn hóa Nho gia và kỹ thuật tiên tiến của Trung Quốc. Sau khi họ trở về nước đã mang theo rất nhiều vật phẩm. Trong đó có số lượng lớn là sách in. Kỹ thuật in điều bản từ đó cũng được truyền nhập vào Nhật Bản. Tương truyền vào năm đầu niên hiệu Bảo Kinh, Nhật Bản (770), từng in 100 quyển *Đà La Ni kinh chú*, lưu trữ trong 10 đại tự viện, cho đến nay vẫn còn. Nhưng những bản in này lại không ghi chép lại niên đại, một vài học giả cho rằng, hoạt động san khắc lần này được thực hiện là dựa vào kỹ thuật in ấn từ Trung Quốc truyền bá vào. Tác phẩm in ấn điều bản có thể xác định được niên đại rõ ràng tại Nhật Bản là cuốn *Thành duy thức luận* được khắc in vào năm thứ hai niên hiệu Hoàng Trị (1088), đây là sản phẩm được ra đời sau khi sách bản đời Tống được truyền bá vào Nhật Bản. Nhật Bản cũng từng sử dụng sách in chữ hoạt tự bằng đồng và hoạt tự bằng gỗ. Sách Nhật Bản được khắc vào thời cổ đại, thì thư tịch Trung văn chiếm một tỉ lệ tương đối lớn, phong cách và dạng thức về cơ bản khá giống với sách Trung Quốc.



Hoạt tự bằng gỗ được lưu trữ trong Viện Quang tự, Nhật Bản.



Sách **Khổng Tử gia ngữ** được khắc in bằng hoạt tự của Nhật Bản, về phong cách rất giống với sách của Trung Quốc.

Việt Nam và Đông Nam Á

Thư tịch Trung Quốc được truyền bá vào Việt Nam từ rất sớm, *Đại Tạng kinh*, *Đạo tạng* - những bản sách in điều bản vào thời Tống ở Trung Quốc đều từng được tặng cho Việt Nam. Những tác phẩm in ấn sớm nhất của Việt Nam đa phần cũng có liên quan đến sách Phật giáo. Dựa vào ghi chép trong lịch sử Việt Nam, tác phẩm in ấn sớm nhất là sổ hộ khẩu được in một bản vào năm 1251 - 1268. Năm 1295, Việt Nam lại nhận được bản in *Đại Tạng kinh* từ Trung Quốc, sau đó tiến hành phiên khắc san hành. Những năm 30 của thế kỷ XV, nhà nước Việt Nam bắt đầu san hành xuất bản thư tịch Nho gia. Thế kỷ XVII, kỹ thuật in màu sáo bản của Trung Quốc được truyền bá vào Việt Nam, các vùng như Hồ Thôn, Hà Nội... của Việt Nam có thành lập các phường khắc tranh tét; một số chủ đề, nội dung cho đến kỹ thuật khắc in có nguồn gốc từ Trung Quốc. Đầu thế kỷ XVIII, Việt Nam bắt đầu sử dụng chữ hoạt tự bằng gỗ để in sách.

Thế kỷ XIV, người Hoa ở dải đất ven biển Đông Nam Trung Quốc lú lượt di chuyển đến vùng Nam Á để định cư hoặc buôn bán. Họ mang theo một số lượng giấy, bút và thư tịch rất lớn, trong đó có một vài thợ thủ công của Trung Quốc cũng bắt đầu buôn bán kinh doanh bằng nghề in ấn tại



Sùng Ninh van thọ đại tạng thời Bắc Tống, san khắc vào năm thứ ba niên hiệu Nguyên Phong cho đến năm thứ hai niên hiệu Sùng Ninh đời Tống (1080 - 1103). Đây là bộ Đại Tạng kinh từ nhân khắc in đầu tiên ở Trung Quốc và thế giới.

Đông Nam Á, vì thế kỹ thuật in ấn của Trung Quốc được truyền bá đến Đông Nam Á, điều đó dẫn đến cư dân nơi đây phát triển kỹ thuật in ấn, kéo theo ngành xuất bản in ấn cũng phát triển.

Iran

Tiền giấy, quân bài và ấn phẩm tôn giáo được in vào thời kỳ Tống - Nguyên ở Trung Quốc được truyền bá vào khu vực Tây Á vào khoảng thế kỷ XIII. Trong đó ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến Iran. Trong lịch sử Trung Quốc, Iran được gọi là Arsacid, Ba Tư, ngay từ rất sớm đã thông qua con đường tơ lụa mà có sự giao lưu văn hóa kinh tế với Trung Quốc. Người Ba Tư khá thành thạo kỹ thuật in ấn của Trung Quốc, vào năm 1294 học theo Trung Quốc in một lượng lớn tiền giấy trên mặt tờ tiền có chữ Hán và chữ Ả Rập. Năm 1310, sử học gia người Ba Tư là Rashideddin trong cuốn sách *Great Universal History*, có miêu tả tỉ mỉ, rõ ràng về kỹ thuật in ấn điều bản của Trung Quốc, chứng minh người Ba Tư học kỹ thuật in ấn từ Trung Quốc. Ba Tư là đầu mối giao thông then chốt giữa phương Đông và phương Tây, thương nhân Châu Âu tập trung rất đông ở Ba Tư, người châu Âu đến Trung Quốc cũng chọn đường đi qua Ba Tư, lại thông qua Ba Tư để tìm hiểu về ý nghĩa, tác dụng và công nghệ của kỹ thuật in ấn.



Quần bài giấy được in ấn vào thời Trung Quốc cổ đại.

Châu Âu

Cùng với quá trình Tây tiến của đại quân Mông Cổ, con đường giao thông giữa Trung Quốc với Trung Á, Tây Á cho đến Châu Âu được mở ra, sự qua lại ngày càng tấp nập. Các thương nhân buôn bán giữa Trung Quốc và châu Âu thường mua quân bài giấy của Trung Quốc làm tiêu khiển trên đường đi và mang về nước làm quà tặng bạn bè thân hữu. Đồng thời, khi Thập tự quân Đông chinh cũng từ phương Đông mang về rất nhiều sản vật không có ở châu Âu, trong đó các chế phẩm in ấn chủ yếu có quân bài giấy, tranh khắc bản, tranh ảnh. Nhiều nhà sử học đã chỉ ra rằng: Thập tự quân đã mang rất nhiều sản phẩm in ấn điêu khắc của phương Đông về châu Âu. Quần bài, tiền giấy và tranh tôn giáo trở thành phương tiện truyền bá kĩ thuật in

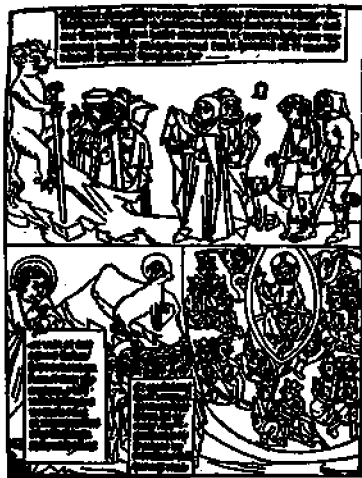
ấn xuyên Tây Á qua Châu Âu. Nhà Hán học người Pháp là Abel Remusat nói rằng hình dạng, đồ thức, độ lớn nhỏ của quân bài giấy đầu tiên ở châu Âu về cơ bản là giống với quân bài mà người Trung Quốc sử dụng, rồi lại suy đoán rằng nó thông qua người Mông Cổ mà được du nhập vào châu Âu. Vào thế kỷ XV hoặc trước đó, quân bài giấy của châu Âu đa phần là được chế tác thủ công. Quân bài giấy tuy nhỏ, nhưng lại tổng hợp các phương pháp như vẽ tay, in ấn mộc bản... trở thành con đường trực tiếp nhất để người châu Âu học tập và nắm chắc kỹ thuật in ấn điêu bản. Có nghĩa là, vì quân bài giấy của các nước được bán ở ạt đến các vùng của Italia, chính phủ Venetia không thể không hạ pháp lệnh vào năm 1441, cấm chỉ Venetia nhập những chế phẩm in ấn ngoài khu vực vào trong thành. Khoảng giữa thế kỷ XIV và thế kỷ XV kỹ thuật in ấn điêu bản từ Trung Quốc được truyền vào châu Âu, giới học thuật trong và ngoài nước đã có được những tiếng nói chung.

Người châu Âu sau khi nắm chắc kỹ thuật in ấn điêu bản, rất nhanh chóng đã nhận thấy sử dụng kỹ thuật này trong quá trình khắc bản sẽ rất tốn công phí sức, có vẻ không thích hợp lắm với đặc điểm văn tự của châu Âu, cho nên việc in ấn điêu bản được dùng để khắc in tranh vẽ. Cuối thế kỷ XIV, châu Âu bắt đầu có các chế phẩm in ấn điêu bản như tượng Thánh hay những quân bài được in ấn mộc bản, nhưng tác phẩm hiện tồn sớm nhất



Tranh bằng gỗ cổ xưa nhất hiện tồn ở châu Âu: Tượng Thánh St. Christoph và Chúa Giêsu ở Đức

có thể khảo được niên đại ở châu Âu chỉ có thể là tranh vẽ tôn giáo bằng mộc bản: Tượng Thánh St. Christoph và Chúa Giêsu được in vào năm 1423. Đây là sản phẩm của phía Nam nước Đức, bức tranh vẽ cảnh Thánh St. Christoph công Chúa Giêsu còn nhỏ, tay cầm giá thập tự đang lội qua dòng nước, góc dưới bên trái bức hình là xe nước từ Trung Quốc truyền đến. Hai hàng văn tự ở phía dưới bức tranh nghĩa là: "Bất luận lúc nào gặp tượng Thành, đều có thể tránh được tai họa diệt vong". Thư tịch điều bản do người châu Âu in ấn vào những năm 40 của thế kỷ XV, phương pháp in ấn cũng là dựa trên hình ảnh hoặc văn tự khắc nổi trên mộc bản, mặt trên chấm mực, sau đó phết lên trang giấy, dùng bàn chải chải nhẹ lên trang giấy mà thành trang in. Trang in hầu hết đều là một mặt, trên một mặt giấy in hai trang, sau đó gấp lại. Công nghệ in ấn, nguyên liệu sử dụng hoàn



Tranh Mộc thạch khắc mộc bản thời kỳ đầu ở Châu Âu (khoảng năm 1425)

toàn giống với in ấn điều bản của Trung Quốc. Điều này chứng tỏ nghệ thuật in ấn điều bản của Châu Âu chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của phương Đông, về đặc trưng kỹ thuật hoàn toàn tương đồng với Trung Quốc.

Đối với người châu Âu, sau khi có kinh nghiệm thực tế về in ấn điều bản, sau đó phát triển đến in ấn hoạt tự, thì cũng không đến mức quá khó khăn, mà hoạt tự lại đặc biệt thích hợp với hệ thống văn tự phiên âm La-tinh. Đầu mối quan trọng nối liền Âu Á, còn là vùng tiếp giáp Trung Á là vùng Tân Cương, Trung Quốc, dân tộc Duy Ngô Nhĩ vào cuối thế kỷ XII, tại vùng Turpan đã nghiên cứu tạo ra hoạt tự mực bản tiếng Hồi Hạc thích hợp với âm La-tinh, là tấm gương cho hoạt tự Hán văn quá độ đến hoạt tự phiên âm La-tinh. Thế kỷ

XIV, giao thông Đông Tây thông suốt, lễ hành gia, thương nhân và giáo sĩ truyền giáo từ châu Âu đến Trung Hoa mang về châu Âu những thông tin về in ấn hoạt tự. Xuất hiện sớm nhất ở châu Âu chính là hoạt tự bằng gỗ. Học giả Thụy Sĩ là Theodor Buchmann (1500 - 1564), vào năm 1584 đã viết trong sách của mình, khái quát về tình hình người châu Âu chế tác mộc hoạt tự: "(tại Châu Âu), người ta khắc văn tự lên văn bản toàn trang. Nhưng lại dùng cách thức khá tốn nhiều công sức, mà chi phí để chế tác lại khá cao, vì thế mọi người chế tạo ra một hoạt tự, dần dần nối liền chế bản". Mộc hoạt tự chính là cây cầu quan trọng nối từ điều khắc bằng gỗ đến hoạt tự bằng kim loại.

Trước bối cảnh lớn như thế, học giả Johann Gutenberg bắt đầu tiến hành đi sâu tìm hiểu. Trong nền tảng chữ hoạt tự bằng gỗ, vào khoảng năm 1450, ông đã từng bước sử dụng hoạt tự là hợp kim của chì, thiếc, đồng tỉ molan chế tác chữ phiên âm châu Âu, dùng để in ấn thư tịch, giải quyết vấn đề khó khăn về tự hình trong một thời gian dài của người châu Âu. Ông còn chế tác thành công máy in ấn bằng gỗ hình xoay tròn ốc thay thế cách làm thủ công thuần túy, nâng cao hiệu quả và chất lượng in ấn. Phát minh của Gutenberg được xem là tái phát minh dựa trên nền tảng phát minh kỹ thuật in ấn của Trung Quốc. Sau đó kỹ thuật in ấn do Gutenberg



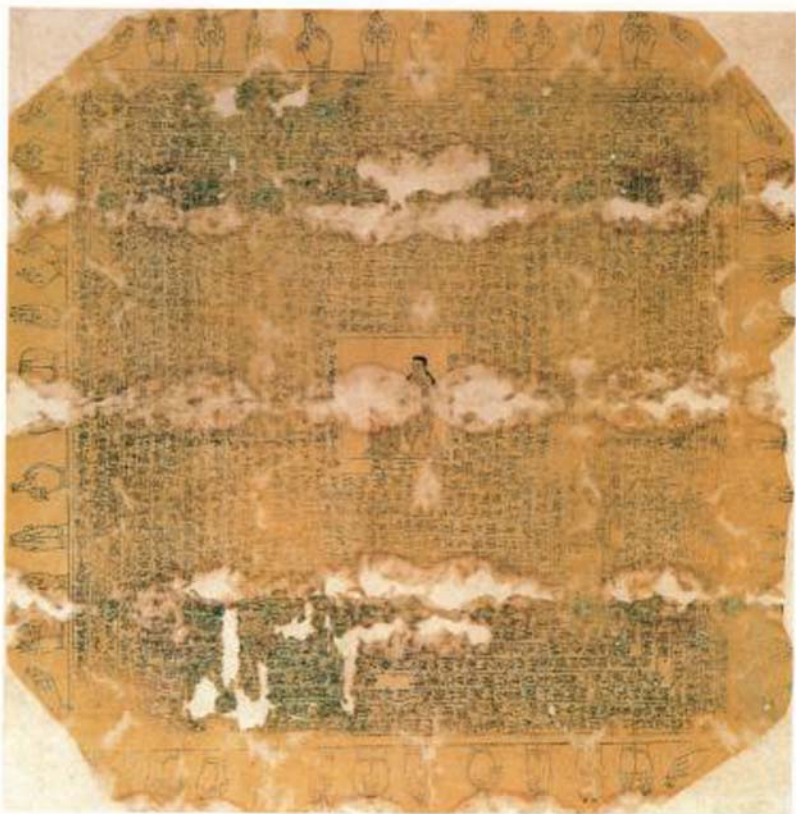
phát minh đã nhanh chóng được truyền bá đến khắp các vùng ở châu Âu, thay đổi xu thế chỉ có quý tộc và tầng lớp mới có thể tiếp cận được môi trường giáo dục đại học cao đẳng, tạo điều kiện vật chất cho bước đột phá về khoa học châu Âu và tạo điều kiện cho cuộc vận động Phục hưng văn nghệ. Marx cho rằng phát minh ra kỹ thuật in ấn, thuốc súng và la bàn "là tiền đề tất yếu cho sự phát triển của giai cấp tư sản", có ý nghĩa cực kỳ to lớn và sâu rộng đối với châu Âu và toàn thế giới.

Giao lưu thư tịch Trung Quốc và nước ngoài thời cổ đại

Trong quá trình giao lưu thư tịch Trung Quốc và ngoại quốc thời cổ đại, có chuyển nhập vào và xuất khẩu ra ngoài. Ở Trung Quốc trước năm 1840 việc xuất khẩu thư tịch nhiều hơn là nhập khẩu, từng chiếm địa vị đứng đầu trong một thời gian dài trong lịch sử xuất bản thế giới, đặc biệt là có ảnh hưởng rất mạnh mẽ và sâu sắc đối với ngành xuất bản khu vực và một số quốc gia châu Á. Sau năm 1840, tình hình có sự tương phản, nhập khẩu thư tịch nước ngoài dần nhiều hơn quá trình xuất khẩu thư tịch của Trung Quốc, tầm ảnh hưởng của nghề sách Trung Quốc trên thế giới cũng dần giảm sút. Do ảnh hưởng của phương Tây, nghề sách Trung Quốc vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX về cơ bản đã hoàn thành sự thay đổi từ cổ đến kim, đón chào thời kỳ phát triển huy hoàng mới.

Tại châu Á, Trung Quốc là quốc gia có nền văn hóa xuất bản tiên tiến và công có tầm ảnh hưởng nhất. Bắt đầu từ thế kỷ III TCN, Trung Quốc và các nước Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, Ấn Độ và các quốc gia Trung Á đương thời có sự giao lưu về văn hóa, kinh tế. Quá trình giao lưu xuất bản cùng theo đó được triển khai mở rộng. Trong một giai đoạn lịch sử dài, một lượng lớn điển tịch của Trung Quốc được xuất khẩu đã truyền bá văn hóa Hán rộng khắp các khu vực và quốc gia xung quanh. Điểm này có thể thấy rõ được qua những phân tích phía trên. Dưới đây chủ yếu bàn về tình hình thư tịch ngoại quốc mà Trung Quốc nhập khẩu trong lịch sử.

Trong số thư tịch nước ngoài du nhập vào Trung Quốc thời cổ đại, điển tịch Phật giáo chiếm số lượng nhiều nhất và ảnh hưởng sâu rộng nhất. Giữa thời Lương Hán (thế kỷ I - II), Phật giáo Ấn Độ thông qua con đường tơ lụa bắt đầu được truyền bá vào Trung Quốc, điển tịch Phật giáo cũng được du nhập vào Trung Quốc. Từ đó, Trung Quốc bắt đầu mở rộng quy mô hoạt động phiên dịch, hoạt động giao lưu xuất bản với nước ngoài đã đạt được bước phát triển vượt trội. Kinh Phật vì thế trở thành một môn loại lớn trong



Bản in kinh Phật Bồ La Ni kinh bằng Hán văn, có niên đại vào triều Đường, được tìm thấy ở Tây An vào năm 1975, là một trong những tác phẩm in sớm nhất của Trung Quốc.



Nghề sách Trung Quốc



Kinh Phật bằng tiếng Mông Cổ

đó thư Trung Quốc. Từ thế kỷ III đến thế kỷ X, sự nghiệp phiên dịch kinh Phật của Trung Quốc vẫn tiếp tục được phát triển, không hề bị gián đoạn, điển tịch Phật giáo được dịch ra Hán văn tăng mạnh về số lượng. Năm 971, Trung Quốc bắt đầu san khắc bộ *Đại Tạng kinh* Phật giáo bằng Hán văn đầu tiên, tổng cộng nhập 1.076 bộ điển tịch Phật giáo, 5.048 quyển. Từ đó về sau, các đời đều có tiến hành san khắc, trở thành một nội dung quan trọng trong hoạt động xuất bản thời cổ đại. Đến năm 1738 *Long Tạng* (1.662 bộ, 7.168 quyển) được khắc xong, tổng cộng Trung Quốc thời cổ đại khắc in được 17 bộ *Đại Tạng kinh* bằng Hán văn. Việc du nhập của Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến ngành xuất bản thời cổ đại của Trung Quốc; một là xúc tiến sự phát triển của sự nghiệp phiên dịch Trung Quốc; hai là việc phát minh ra kỹ thuật in ấn đã phát huy được tác dụng to lớn; ba là hình thức trang bìa trong khi đóng sách bắt đầu được sử dụng, khiến sách của người Trung Quốc từ chế độ quyển trục biến thành chế độ sách hiết; bốn là Phật giáo thông qua Trung Quốc mà được truyền bá vào các nước như Triều Tiên, Nhật Bản; trước sự ảnh hưởng của Trung Quốc, các nước như Triều Tiên, Nhật Bản cũng tiến hành khắc in điển tịch Phật giáo với số lượng lớn, trực tiếp xúc tiến sự phát triển và giao lưu sự nghiệp xuất bản văn hóa.

Trong lịch sử Trung Quốc, điển tịch phương Tây được truyền bá vào Trung Quốc tương đối muộn, nhưng phiên dịch điển tịch phương Tây với quy mô lớn lại được bắt đầu vào cuối thế kỷ XVI. Khi ấy, các giáo sĩ của Giáo hội Thiên Chúa giáo Châu Âu đã đến Trung Hoa để truyền giáo, họ bắt đầu từ công việc phiên dịch. Trong khoảng thời gian giữa hai thế kỷ

từ năm thứ 10 niên hiệu Vạn Lịch triều Minh (1582) đến năm thứ 22 niên hiệu Càn Long triều Thanh (năm 1757), các giáo sĩ truyền giáo của Hội Chúa Giêsu đến Trung Hoa khoảng gần 500 người, trong đó số lượng người tham gia phiên dịch sách không dưới bảy, tám mươi người, dịch hơn 400 loại sách. Một nửa trong số sách phiên dịch là những trước thuật liên quan đến tôn giáo, ngoài ra là những trước tác liên quan đến khoa học tự nhiên và khoa học xã hội và nhân văn. Cuốn *Thánh giáo thực lục* của Michele Ruggleri (1543 - 1607) người Italia được san hành vào năm 1584 tại Quảng Châu, là trước thuật Trung văn của người phương Tây

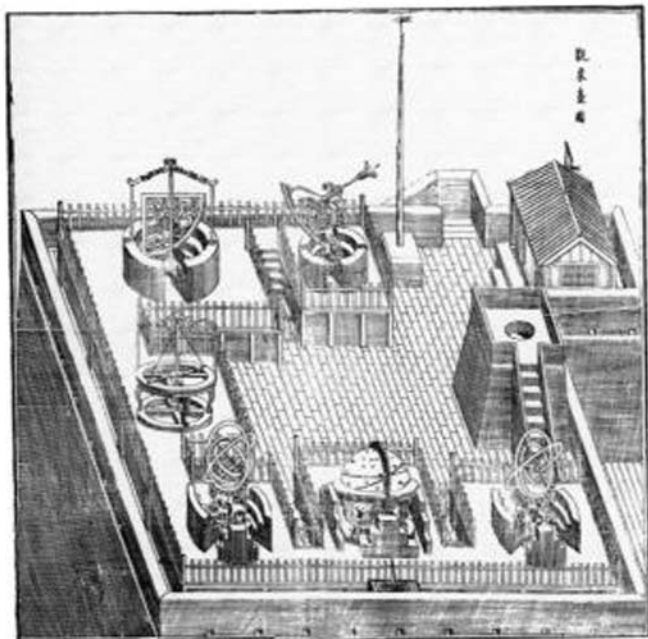


Hồn cái thông hiểu đồ thuyết (Christophori Clavii Bambergensis e societal lesv) do Matteo Ricci người Italia soạn. Năm 1593 ấn bản in chữ La-tinh được ra đời, hiện lưu trữ ở Bảo tàng Quốc gia Trung Quốc.

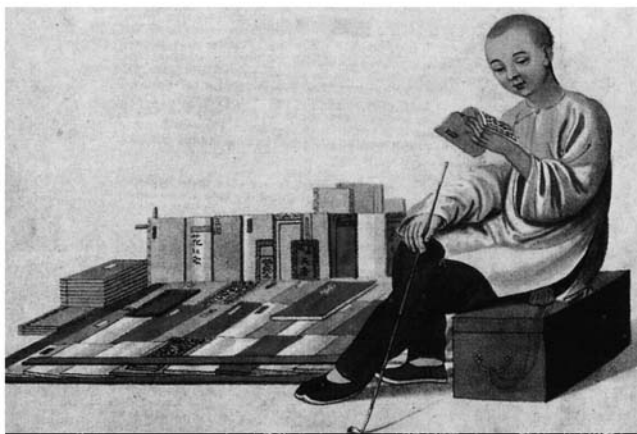


Nghệ sách Trung Quốc

đầu tiên được xuất bản tại Trung Quốc. Học giả người Trung Quốc là Từ Quang Khải (1562 - 1633), bắt đầu từ năm 1605 đã hợp tác cùng với nhóm giáo sĩ Matteo Ricci người Italia tiến hành phiên dịch không dưới 10 bộ trước tác khoa học. Ý đồ chủ quan của nhóm giáo sĩ truyền giáo Matteo Ricci là thông qua phiên dịch sách để truyền bá tôn giáo. Dịch sách là phương pháp, truyền giáo là mục đích. Nhưng, mục đích của họ lại không đạt được một cách chân chính, hiệu quả khách quan lại là có một số thứ "Hữu dụng chi học" được truyền đến Trung Quốc. Ví dụ như Matteo Ricci và Từ Quang Khải hợp tác dịch bộ *Kỷ hà nguyên bản*, là bộ sách dịch sang tiếng Trung về lĩnh vực khoa học tự nhiên sớm nhất Trung Quốc. Thang Nhuộc Vọng (J. A. Schall von Bell, 1592 - 1666), có soạn *Viên kính thuyết*, là bộ sách đầu tiên về quang học của phương Tây được truyền bá vào Trung Quốc. Matteo Ricci soạn *Vạn quốc dư đồ*, Nam Hoài Nhân (Ferdinand Verblies, 1623 - 1688) soạn *Khôn dư đồ thuyết*, mở ra thế giới quan cho



Bức tranh nghệ thuật do Nam Hoài Nhân vẽ tân chế ở Le Royaume de Belgique, nội phủ khắc bản vào năm thứ mười ba (năm 1674) niên hiệu Khang Hy, triều Thanh.



Thương nhân bán sách vào triều Thanh dưới ngòi bút của người phương Tây

người Trung Quốc, việc này đã giúp người Trung Quốc nhận thức một cách đúng đắn về thế giới. Nhóm Đặng Ngọc Hàm (Johann Schreck, 1576 - 1630) đã tiến hành phiên dịch *Thối Tân nhân thân khởi luận, Nhân thể đồ thuyết*, đây đều là những trước tác về giải phẫu sinh lý xuất hiện tương đối sớm mà người Tây Âu truyền bá vào Trung Quốc.

Do hệ thống tư tưởng của giáo sĩ truyền giáo chịu sự bó buộc của thần học kinh viện trung cổ nên những thứ được truyền đến Trung Quốc không phải là tư tưởng và khoa học tiên tiến nhất của châu Âu đương thời. Nhưng, những cuốn sách dịch này cũng đã mang đến cho người Trung Quốc rất nhiều tri thức mới. Đáng tiếc là vào năm 1723, hoàng đế Ung Chính đã hạ lệnh ép các giáo sĩ truyền giáo phương Tây phải rời khỏi Trung Quốc, từ đó cấm tiệt hầu hết những tri thức khoa học kỹ thuật thuộc các môn loại lớn của phương Tây truyền bá vào Trung Quốc, hoạt động dịch sách vì thế cũng bị đứt đoạn trong một thời gian dài.

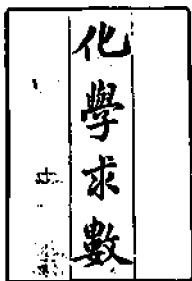
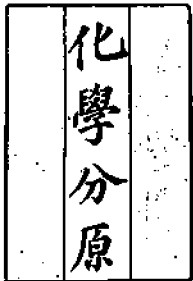
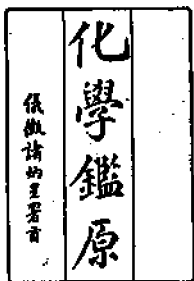
Hoạt động giao lưu xuất bản Trung Quốc và nước ngoài thời cận đại ngày càng được mở rộng

Đầu thế kỷ XIX, cùng với sự bành trướng của chế độ tư bản chủ nghĩa ở Trung Quốc, các giáo sĩ truyền giáo phương Tây lại đến Trung Hoa, họ không chỉ mang đến Trung Quốc những thiết bị in ấn tiên tiến, phục vụ



trực tiếp cho hoạt động xuất bản, mà còn thông qua hoạt động phiên dịch thư tịch để tiến hành tuyên truyền tôn giáo và giới thiệu về xã hội tư bản chủ nghĩa. Thời kỳ này, ngành xuất bản truyền thống Trung Quốc đã dần đi vào con đường suy vi, và bắt đầu thấy thua kém với ngành xuất bản phương Tây cùng thời. Thời kỳ Văn Thanh, các giáo sĩ truyền giáo lại đến Trung Quốc, mở ra một thời đại mới trong việc giao lưu ngành sách và dịch thuật sách Trung Quốc và phương Tây. Sau những năm 40 của thế kỷ XIX, hoạt động giao lưu xuất bản sách Trung Quốc và nước ngoài bắt đầu xuất hiện diện mạo và đặc trưng mới, chủ yếu biểu hiện ở mấy điểm sau:

1. Sách dịch xuất hiện số lượng lớn: Tư tưởng văn hóa phương Tây bắt đầu dùng sách vở (chủ yếu là sách dịch) làm vật dẫn, số lượng lớn được truyền vào Trung Quốc, có ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đối với văn hóa xã hội Trung Quốc. Một trong những xuất bản phẩm quan trọng nhất trong cơ quan xuất bản dân doanh, nhà nước, giáo hội chính là sách phiên dịch theo dạng thức mới. Sách dịch bắt đầu trở thành một trong những loại hình xuất bản phẩm quan trọng nhất trong giới xuất bản Trung Quốc, không chỉ có số lượng lớn, nội dung sâu rộng, mà ảnh hưởng rất sâu sắc. Theo thống kê, trong khoảng hai thế kỷ từ 1528 - 1757, sách do giáo sĩ truyền giáo của hội chúa Giêsu phiên dịch có khoảng hơn 400 cuốn; trong khoảng từ năm 1850 - 1899, xuất bản Trung Quốc tổng cộng xuất bản được 537 loại sách dịch, trong khoảng hai năm từ 1902 - 1904 sách phiên dịch đạt khoảng 533 loại, sách dịch về cơ bản duy trì thế cân bằng về số lượng so với thế kỷ trước. Theo thống kê của học giả Trung Quốc là Hùng Nguyệt Chí, từ năm 1811 khi cuốn sách dịch đầu tiên của Robert Morrison được xuất bản tại Trung Quốc cho đến năm 1911 khi sự thống trị của triều đình nhà Thanh kết thúc, trong khoảng 100 năm, thư tịch Tây học được phiên dịch và xuất





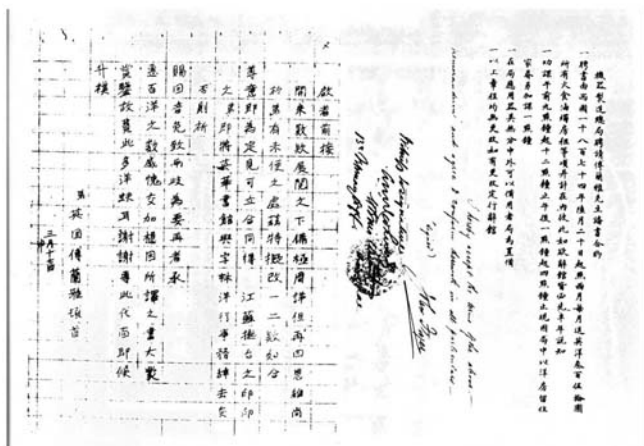
Tranh vẽ và ảnh chụp John Fryer (1839 - 1928) người Anh. Ông là người làm việc lâu nhất tại Phiên dịch quán của Tổng cục chế tạo Giang Nam, Trung Quốc, là người ngoại quốc có số lượng sách dịch nhiều nhất.

bản ở Trung Quốc tổng cộng là 2.291 loại. Từ đó mà tạo nên một trào lưu "Tây học Đông tiệm", trào lưu này xoay quanh triển khai các chủ đề "Hiếu rõ thế giới", "Cầu phú cầu cường", "Cứu vong đồ tồn", "Cách mạng dân chủ", "Khoa học khám phá", và có ảnh hưởng rất sâu sắc đến sự nảy sinh biến đổi của xã hội Trung Quốc.

2. Người ngoại quốc tham dự rất rộng rãi vào trong ngành xuất bản Trung Quốc. Họ hoặc trực tiếp tham gia làm việc tại thư cục hoặc thư quán do Trung Quốc mở, hoặc là tham gia vào cơ quan xuất bản do người Trung Quốc sáng lập ra. Trước đó thì có Robert Morrison, William Milne (1785 - 1822), Ernest Major, sau này có John Fryer, Young John Allen (1836 - 1907), Alexander Wylie (1815 - 1887), đều có cống hiến rất lớn cho sự thay đổi và phát triển của ngành xuất bản cận đại Trung Quốc. Căn cứ vào số liệu thống kê, có hơn 60 nhà tân giáo Cơ đốc giáo tham gia vào việc thành lập cơ quan xuất bản in ấn tại Trung Quốc vào thời cận đại, có hơn 20 người tham gia sáng lập cơ quan xuất bản của Giáo hội Thiên Chúa giáo. Trong cơ quan xuất bản do người Trung Quốc sáng lập ra cũng có số lượng lớn nhân viên là người nước ngoài, ví dụ như Kinh sư đồng văn quán, Giang Nam chế tạo tổng cục phiên dịch quán, Quảng Phương ngôn quán, Thương vụ ấn thư quán...



Nghệ sách Trung Quốc



Bản chép tay của John Fryer và bản hợp đồng với Giang Nam chế tạo cục.

3. Có một vài cơ quan xuất bản bắt đầu lựa chọn phương thức kinh doanh hợp tác với nước ngoài, như Thương vụ ấn thư quán, vào tháng 10 năm 1903 bắt đầu hợp tác với thương gia Nhật Bản, hai bên đều đầu tư 10 vạn nhân dân tệ, cổ phần chia đều 50%. Thương vụ ấn thư quán cũng vì thế mà trở thành xí nghiệp xuất bản hợp tác với nước ngoài đầu tiên trong lịch sử xuất bản Trung Quốc. Sau này nó có tác dụng rất quan trọng đối với sự phát triển của Thương vụ ấn thư quán.

4. Số lượng lớn điển tịch sách vở của Trung Quốc được xuất bản ra thế giới, được truyền bá chủ yếu đến các nước Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật, Mỹ, Thụy Điển, Hà Lan... phần lớn những điển tịch này được phiên dịch ra ngoại văn, và được lưu truyền ở nước ngoài. Trước trào lưu Tây học, ở khắp Trung Quốc cũng đã xuất hiện xu thế phát triển Đông học xâm lấn dần Tây học.

Trong thời kỳ văn hóa Trung Quốc và nước ngoài giao lưu thì sách được dùng làm vật môi giới, bắt đầu mở rộng với quy mô trước nay chưa từng có và giao lưu ngày càng sâu sắc. Ngành xuất bản Trung Quốc đồng thời đi theo hướng hiện đại hóa, cũng bắt đầu xuất hiện đặc trưng quốc tế hóa trước nay chưa từng có.

Giao lưu quốc tế về ngành xuất bản và công tác mua bán bản quyền thời đương đại

Từ năm 1949 khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập đến nay, trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, đặc biệt là tốc độ phát triển mau lẹ trong vòng 30 năm cải cách mở cửa, quá trình giao lưu quốc tế trong ngành xuất bản của Trung Quốc ngày càng phát triển phổ biến, mua bán bản quyền phát triển nhanh chóng, mức độ mở cửa đối ngoại không ngừng được tăng cường, trình độ quốc tế hóa phát triển ổn định. Năm 1992, Trung Quốc gia nhập *Công ước Bern* và *Công ước bản quyền thế giới*. Năm 2003, Trung Quốc chấp thuận thực hiện khi gia nhập WTO, mở cửa ngành in ấn và phục vụ tiêu thụ thị trường xuất bản phẩm. Năm 2006, lĩnh vực tiêu thụ của ngành xuất bản Trung Quốc đã mở cửa toàn diện thu hút vốn của nước ngoài. Cho đến tháng 12 năm 2007, Tổng cục Báo chí xuất bản đã phê chuẩn cho 62 xí nghiệp hoạt động. Trong đó có 24 đơn vị tư nhân tự bỏ vốn và 38 xí nghiệp hợp tác với nước ngoài.

Việc mua bán bản quyền sau quá trình cải cách mở cửa cũng dần được xây dựng và hoàn thiện theo xu hướng kinh tế thị trường xã hội chủ



Hội chợ triển lãm sách quốc tế Bắc Kinh (BIBF) bắt đầu năm 1986, cho đến nay đã tổ chức đến lần thứ 16, nối tiếp đó là Hội chợ triển lãm tại Frankfurt, triển lãm tại Mỹ, triển lãm tại Anh, hoạt động giao lưu xuất bản của 4 nước lớn đó được quốc tế công nhận. Bức ảnh là cảnh tượng Hội chợ Triển lãm sách Quốc tế tại Bắc Kinh vào năm 2007.



nghĩa, xây dựng sản vật của nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa. Trong vòng 30 năm từ khi cải cách mở cửa cho đến nay, lịch trình mua bán bản quyền sách Trung Quốc được mở rộng quy mô từ nhỏ đến lớn, những đơn vị xuất bản có hoạt động mua bán bản quyền từ ít đến nhiều, quá trình phát triển từ yếu đến mạnh, dần thực hiện được quá trình chuyển biến sang hướng chủ động xuất bản sách của Trung Quốc. Cùng với công cuộc cải cách mở cửa không ngừng được phát triển, chế độ pháp luật bản quyền cũng dần được hoàn thiện, môi trường và chính sách trong mua bán bản quyền ở Trung Quốc càng ngày càng tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.

Từ phương diện số lượng mà nhìn nhận, việc mua bán bản quyền của Trung Quốc trong khoảng hơn 10 năm nay dần hình thành xu thế phát triển rõ rệt. Theo thống kê, năm 2007 số lượng xuất bản phẩm của Trung Quốc có bản quyền là hơn 11.101 loại, trong đó sách chiếm 10.255 đầu, chế phẩm ghi âm là 270 loại, chế phẩm ghi hình là 106 loại, xuất bản phẩm điện tử là 130 loại, đĩa mềm là 337 loại, phim là 1 bộ, loại khác là 1; tổng cộng số lượng xuất bản phẩm mua bản quyền có khoảng 2.593 loại, trong đó sách là 2.571, chế phẩm ghi âm ghi hình là 19, xuất bản phẩm điện tử là 1. Vào năm 2001, trước khi gia nhập WTO, tỷ lệ xuất khẩu sách báo kỹ san tăng 140% , chế phẩm ghi âm ghi hình tăng 73%, xuất bản phẩm điện tử tăng 112%. Năm 2007, tỉ lệ mua vào so với bán ra của bản quyền Trung Quốc đại lục là 3,99 : 1. Theo kết quả thống kê, năm 2008 Trung Quốc mua bản quyền được 16.969 xuất bản phẩm, bán bản quyền được 2.455 xuất bản phẩm. Trong đó, có 15.776 đầu sách được mua bản quyền và 2.440 đầu sách được bán bản quyền ra nước ngoài. Tỉ lệ bản quyền mua vào và bán ra là 6,47 : 1. Mặc dù ở vào tình trạng nhập siêu nhưng so với trước đây có sự thay đổi rất lớn. Năm 2008, sách bản quyền được mua về trong toàn quốc rất mạnh (dựa vào số lượng chủng loại từ cao đến thấp) là: Khu vực Đài Loan - Trung Quốc, Mỹ, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Pháp, Singapore, Canada, Nga. Số bản quyền sách được bán ra nước ngoài cũng rất mạnh (dựa vào số lượng chủng loại từ cao đến thấp): Khu vực Đài Loan - Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ, Nga, Đức, Pháp, Nhật, Anh và Canada. Chứng tỏ phạm vi mua bán bản quyền rất rộng lớn.

Nói tóm lại, từ năm 1995 đến nay, tỉ lệ sách bản quyền được Trung Quốc mua về và bán ra ngoài đều có sự biến đổi theo hướng phát triển. Từ năm 2004 trở về trước (trừ năm 1998 và 2002), tỉ lệ nhập siêu mua bản quyền sách trong toàn quốc trong một thời gian dài vòng quanh ở tỉ lệ: 10 : 1 trở lên. Cao nhất là đạt 15 : 1. Bắt đầu từ năm 2004 đến nay, tỉ lệ nhập siêu trong mua bán bản quyền dần theo xu thế giảm dần, đến năm 2007 đạt tỷ lệ thấp nhất trong lịch sử là 3,99 : 1. Có thể xem bảng thống kê dưới đây:

Bảng thống kê số lượng sách Trung Quốc mua và bán bản quyền từ năm 2001 - 2008

Năm	Sách mua bản quyền	Sách bán bản quyền	Nhập siêu	Mua/bán
2001	8.250	653	7.597	12,63 : 1
2002	10.235	1.317	8.918	7,77 : 1
2003	12.516	811	11.705	15,43 : 1
2004	10.040	1.314	8.726	7,64 : 1
2005	9.382	1.434	7.948	6,54 : 1
2006	10.950	2.050	8.900	5,34 : 1
2007	10.255	2.571	7.684	3,99 : 1
2008	15.776	2.440	13.336	6,47 : 1

Hiện nay song song với việc tích cực mua bản quyền và kỹ thuật xuất bản tiên tiến của nước ngoài, Trung Quốc còn tiếp tục tăng thêm tiềm lực phát triển, mở rộng quan hệ đối ngoại giữa sách Trung Quốc với nước ngoài. Mấy năm gần đây, với phương châm: "Trung Quốc đi ra thế giới, thế giới hiểu rõ về Trung Quốc", chính phủ Trung Quốc bắt đầu thực thi chiến lược "Đi ra ngoài", do Phòng truyền thông của Quốc vụ viện và Tổng Cục Báo chí xuất bản nêu ra trong "Kế hoạch mở rộng đối ngoại sách Trung Quốc" và "Công trình xuất bản những trước tác phiên dịch văn hóa Trung Quốc", chủ yếu lựa chọn phương thức hỗ trợ kinh phí phiên dịch, cổ vũ cơ quan xuất bản các nước phiên dịch và xuất bản sách của Trung Quốc, để nhân dân thế giới có thể sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình, thông qua việc đọc sách để hiểu rõ hơn về Trung Quốc. Hiện nay, có khoảng hơn 20 quốc gia trên thế giới, hơn 50 cơ quan xuất bản có đơn xin kinh phí hỗ trợ phiên dịch. Ngoài ra, Tập đoàn Xuất bản quốc tế Trung Quốc và Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu về phương diện đối ngoại xuất bản này cũng đạt được thành tựu rõ rệt, mấy năm gần đây lượng tiêu thụ xuất bản phẩm đối ngoại trên thị trường quốc tế tiếp tục tăng.

Mấy năm gần đây, ngành xuất bản Trung Quốc hằng năm tham gia triển lãm sách, hội chợ sách của hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, tuyên truyền, triển lãm và giới thiệu sản phẩm sách của Trung Quốc, không ngừng mở rộng tầm ảnh hưởng của văn hóa và ngành xuất bản Trung Quốc ra thế giới. Các hoạt động tham gia triển lãm sách quốc tế của



Khu triển lãm của Trung Quốc trong Hội chợ triển lãm sách quốc tế tổ chức tại Frankfurt năm 2009.

Trung Quốc với tư cách là chủ và khách trở thành một diễn đàn quan trọng để giới xuất bản Trung Quốc triển khai việc mua bán bản quyền và quảng bá văn hóa Trung Quốc. Từ năm 2003, các đoàn đại biểu xuất bản Trung Quốc đã tham dự triển lãm sách tại Paris, rồi đến năm 2007 và năm 2008 tham dự triển lãm sách tại Moscow và thủ đô Seoul - Hàn Quốc. Năm 2009, tại Hội chợ triển lãm sách quốc tế ở Frankfurt, Trung Quốc lần đầu tiên tham gia với tư cách là nước Chủ tịch luân phiên. Tại Hội chợ được ví như Thế vận hội Olympic của ngành xuất bản, Trung Quốc đã sử dụng ngành xuất bản để giới thiệu với thế giới về năm ngàn năm lịch sử văn minh Trung Hoa huy hoàng chói lọi, trình bày sự phát triển và thay đổi ngày một tiến bộ của Trung Quốc đương đại. Hoạt động của Trung Quốc với tư cách Chủ tịch luân phiên trong Hội chợ triển lãm sách quốc tế Frankfurt là hoạt động giao lưu văn hóa đối ngoại đầu tiên có tầm ảnh hưởng rộng nhất, quy mô hoàn chỉnh nhất, to lớn nhất được tổ chức ở nước ngoài do giới xuất bản Trung Quốc thực hiện. Tham gia triển lãm còn có 272 cơ quan xuất bản nội địa Trung Quốc, trong đó có 26 cơ quan đến từ khu vực Đài Loan, 15 đơn vị đến từ Hồng Kông, tổng số người tham dự lên đến trên 2000 người, sản phẩm

triển lãm là hơn 7.600 loại. Cũng trong triển lãm này, Trung Quốc bán bản quyền được 2.417 loại. Theo thống kê của Đức, số lượt người tham quan là 29 vạn. Triển lãm lần này có tác dụng quan trọng thúc đẩy tiến trình xuất bản của Trung Quốc phát triển ra thế giới.

Trong rất nhiều triển lãm sách quốc tế, Hội chợ triển lãm sách quốc tế Bắc Kinh (Beijing International Book Fair) đã phát huy tác dụng tích cực trên các phương diện xúc tiến thương mại xuất bản ở Trung Quốc và nước ngoài. Hội chợ triển lãm sách quốc tế Bắc Kinh được tổ chức lần đầu vào năm 1986, đến nay đã tổ chức thành công được 16 lần. Gần đây, mỗi năm tổ chức một lần. Hội triển lãm sách luôn lấy tôn chỉ là: "Đón tất cả tinh hoa sách thế giới bước vào Trung Quốc, đưa sách Trung Quốc phát triển ra ngoài thế giới, xúc tiến quá trình giao lưu văn hóa, khoa học kỹ thuật quốc tế, tăng cường tình hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân các nước trên thế giới, mở rộng hợp tác xuất bản và mua bán bản quyền với các nước trên thế giới, phát triển, đẩy mạnh công tác xuất bản sách", đã trở thành một trong bốn triển lãm sách quốc tế có tầm ảnh hưởng nhất trên thế giới, là buổi tụ họp long trọng để tăng cường hợp tác, mở rộng giao lưu giữa những nhà xuất bản trên thế giới với Trung Quốc, được rất nhiều người làm trong ngành xuất bản thế giới gọi là "Tấm gương của ngành xuất bản thế giới", "Tấm danh thiếp quan trọng của ngành xuất bản Trung Quốc".

Từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 9 năm 2009, Hội chợ triển lãm sách quốc tế lần thứ 16 được tổ chức tại Bắc Kinh trong vòng 5 ngày. Diện tích của địa điểm triển lãm sách lần này là 43.000m², có 2.146 gian hàng của 1.762 nhà xuất bản đến từ 56 quốc gia và các vùng lãnh thổ đến tham dự, xuất bản phẩm trong và ngoài nước tham gia triển lãm lên tới hơn 16 vạn loại. Hoạt động văn hóa và giao lưu xuất bản trong và ngoài nước đặc sắc, phong phú, trở thành một nét đặc sắc chính trong hội chợ triển lãm này. Trong vòng 5 ngày triển lãm đã tổ chức hơn 100 hoạt động, thu hút khoảng hơn 20 vạn người đến tham quan. Trong đó nước Chủ tịch luân phiên Tây Ban Nha trở thành một trong những điểm sáng chói lọi nhất trong triển lãm sách lần này. Riêng gian hàng triển lãm của Tây Ban Nha là 1.000m², có 30 đơn vị xuất bản của Tây Ban Nha và 15 tác gia Tây Ban Nha, tổ chức gần 70 hoạt động giao lưu văn hóa, chủ đề Tây Ban Nha tham gia triển lãm lần này dành cho giới xuất bản Trung Quốc và quảng đại độc giả thường lãm đó là "Mơ ước Tây Ban Nha, suy nghĩ Tây Ban Nha, hiểu Tây Ban Nha". Theo số liệu thống kê, giao dịch bản quyền các tác phẩm giữa các nước trên thế giới trong triển lãm sách lần này lên tới 12.565, tăng 10,52 % so với năm 2008. Trong đó, hợp đồng bản quyền lên tới 1.392 hạng mục và ý hướng bản quyền đạt đến 11.264 hạng mục.



Sau này, chính phủ Trung Quốc tiếp tục tăng cường chính sách ưu tiên cả về chiều rộng và chiều sâu, tích cực mở rộng giao lưu đối ngoại, cổ vũ các cơ quan xuất bản trong và ngoài nước mở rộng phạm vi hợp tác, hình thành lĩnh vực hợp tác, khích lệ sáng tạo những sản phẩm văn hóa ưu tú nhiều hơn. Đồng thời, chính phủ Trung Quốc cũng từng bước khống chế tệ nạn ăn cắp bản quyền, xây dựng hệ thống quy định phục vụ cho công tác giao dịch bản quyền, tạo môi trường phát triển tốt cho quá trình hợp tác xuất bản giữa Trung Quốc với nước ngoài. Có thể thấy, cùng với sự nâng cao về tiềm lực quốc gia và cống hiến lớn đối với thế giới, trình độ quốc tế hóa của ngành xuất bản Trung Quốc cũng không ngừng được đẩy mạnh, khiến ngành xuất bản Trung Quốc chiếm địa vị quan trọng trong cục diện xuất bản thế giới đương đại.

PHỤ LỤC 1

Niên biểu những sự kiện lớn trong lịch sử xuất bản của Trung Quốc

Thế kỷ XXVI TCN: Chữ Hán xuất hiện

Thế kỷ XIX - XVI TCN: Xuất hiện điển tịch đồ thư nguyên thủy

Năm 1600 - 1046 TCN: Xuất hiện hoạt động biên tập nguyên thủy

Năm 1046 - 771 TCN: Nhà nước thành lập cơ quan điển tàng đồ thư chuyên môn, xuất hiện điển tịch đồ thư.

Năm 770 - 256 TCN: Hoạt động tư nhân trước thuật hưng khởi, Khổng Tử chỉnh lý điển tịch đồ thư cổ đại.

Năm 213 - 212 TCN: Tần Thủy Hoàng chủ trương "Phản thư khanh nho".

Thế kỷ II TCN: Giấy sơi thực vật được phát minh và được sử dụng để viết sách và vẽ tranh; bắt đầu xuất hiện thư điểm thời kỳ đầu.

Năm 101 TCN: Tư Mã Thiên biên soạn xong bộ sử thư theo thể kỷ truyện đầu tiên của Trung Quốc là *Sử ký*.

Năm 26 - 5 TCN: Lần đầu tiên tàng thư nhà nước tiến hành chỉnh lý sách quy mô lớn, và tiến hành biên soạn thư mục tàng thư quốc gia

Thế kỷ I SCN: Phật giáo và điển tịch Phật giáo được truyền bá vào Trung Quốc, hoạt động phiên dịch kinh Phật bắt đầu được phát triển.

Năm 105: Thái Luân cải tiến kỹ thuật tạo giấy, bắt đầu mở rộng trong toàn quốc

Từ năm 175 - 183: San khắc "Hy Bình thạch kinh", hoạt động xuất bản quy mô lớn lần đầu này có trước khi phát minh ra kỹ thuật tạo giấy.

Thế kỷ VII: Phát minh ra kỹ thuật in ấn điều bản, bắt đầu in ấn kinh Phật và lịch thư theo cách đeo bản; thư thường khắc thư và tư nhân khắc thư đều được phát triển

Năm 932 - 953: Lần đầu tiên nhà nước cho in ấn san hành Cửu kinh của Nho gia, khắc thư nhà nước bắt đầu phát triển.

Năm 971 - 983: Lần đầu tiên nhà nước san khắc *Đại tạng kinh* bằng Hán văn.

Khoảng thế kỷ XI: Phát minh ra kỹ thuật in ấn sáo bản.

Năm 1041 - 1048: Tất Thăng phát minh ra kỹ thuật in ấn hoạt tực.

Năm 1408: *Vinh Lạc đại điển* được biên soạn thành.

Năm 1561: Phạm Khâm xây dựng xong Thiên Nhất Các, đây là tàng thư lâu tư nhân sớm nhất hiện tồn ở Trung Quốc.

Cuối thế kỷ XVI: Giáo sĩ truyền giáo phương Tây đến Trung Quốc, tham gia vào hoạt động dịch và biên soạn sách.

Năm 1726: *Cổ kim đồ thư tập thành* được biên soạn xong.

Năm 1782 : *Tứ khố toàn thư* được biên soạn xong.

Đầu thế kỷ XIX: Giáo sĩ truyền giáo nước ngoài bắt đầu tham gia vào hoạt động xuất bản ở Trung Quốc.

Năm 1840: Chiến tranh Nha phiến bùng phát, từ đó về sau thực hiện chính sách mở cửa, Tây học du nhập vào, văn minh xuất bản hiện đại phương Tây truyền bá vào Trung Quốc, ngành xuất bản Trung Quốc bắt đầu có sự biến đổi và chuyển mình.

Năm 1897: Thương vụ ấn thư quán được thành lập, xuất bản dân doanh hiện đại ở Trung Quốc bắt đầu phát triển.

Năm 1912: Trung Hoa thư cục được thành lập, sự nghiệp xuất bản hiện đại Trung Quốc bắt đầu đi theo xu hướng phát triển phồn vinh.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949: Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, ngành xuất bản Trung Quốc bước vào giai đoạn phát triển mới.

Năm 1978: Bắt đầu công tác biên soạn bộ *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư*. Cho đến năm 1993, bộ hoàn chỉnh đã được xuất bản.

Tháng 7 năm 1981: Chiếc máy tính đầu tiên của Trung Quốc sử dụng máy tính điện tử sắp chữ chụp ảnh được nhà nước giám định, là tiêu chí thể hiện ngành xuất bản Trung Quốc từ "chì và lửa" sang "quang và điện".

Năm 1986: Triển lãm sách quốc tế lần đầu được tổ chức tại Bắc Kinh. Cho đến năm 2009, triển lãm sách đã được tổ chức 16 lần.

Năm 1992: Trung Quốc gia nhập Công ước Bern và Công ước Bản quyền thế giới, là tiêu chí chứng tỏ hệ thống pháp luật xuất bản của Trung Quốc dần được kiện toàn, bắt nhịp với sự nghiệp bản quyền thế giới.

Tháng 10 năm 2009: Trung Quốc lần đầu tiên với tư cách là nước Chủ tịch luân phiên tham dự Hội chợ Triển lãm sách quốc tế Frankfurt ở Đức, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ngành xuất bản Trung Quốc phát triển theo tiến trình thế giới hóa.

PHỤ LỤC 2

Bảng tóm tắt niên đại lịch sử Trung Quốc

Thời đại đồ đá cũ	Khoảng 170 vạn năm – 1 vạn năm trước
Thời đại đồ đá mới	Khoảng 1 vạn năm – 4000 năm trước
Hạ	Năm 2070 – năm 1600 TCN
Thương	Năm 1600 – năm 1046 TCN
Tây Chu	Năm 1046 – năm 771 TCN
Xuân Thu	Năm 770 – năm 476 TCN
Chiến Quốc	Năm 475 – năm 221 TCN
Tấn	Năm 221 – năm 206 TCN
Tây Hán	Năm 206 TCN – năm 25 SCN
Đông Hán	Năm 25 – năm 220
Tam Quốc	Năm 220 – năm 280
Tây Tấn	Năm 265 – năm 317
Đông Tấn	Năm 317 – năm 420
Nam Bắc triều	Năm 420 – năm 589
Tùy	Năm 581 – năm 618
Đường	Năm 618 – năm 907
Ngũ đại	Năm 907 – năm 960
Bắc Tống	Năm 960 – năm 1127
Nam Tống	Năm 1127 – năm 1279
Nguyên	Năm 1206 – năm 1368
Minh	Năm 1368 – năm 1644
Thanh	Năm 1616 – năm 1911
Trung Hoa Dân Quốc	Năm 1912 – năm 1949
Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Thành lập năm 1949

NGHỀ SÁCH

Trung Quốc

DƯƠNG HỒ - TIÊU DƯƠNG
Người dịch: NGUYỄN MẠNH SƠN

Chịu trách nhiệm xuất bản : NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Biên tập : THI ANH - MAI LIÊN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
ĐT: (08) 38 296 764 - 38 256 713 - 38 247 225
www.nxbhcm.com.vn - www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM • ĐT: (08) 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86-88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM • ĐT: (08) 39 433 868

中国书业

NGHỀ SÁCH

Trung Quốc

Nền văn minh Trung Hoa nguồn xa chảy mãi đã nuôi dưỡng và phát triển những nét đặc sắc tươi mới của nghề sách Trung Quốc. Ở một trình độ nhất định, lịch sử hình thành và phát triển nghề sách Trung Quốc chính là bức hình thu nhỏ của văn minh Trung Hoa. Văn minh Trung Hoa là hình thái văn minh duy nhất trên thế giới chưa từng bị đứt đoạn, nghề sách với vai trò tích lũy tri thức và truyền bá văn hóa, trong quá trình kế thừa và truyền bá văn minh Trung Hoa đã phát huy tác dụng rất lớn. Mấy ngàn năm nay, văn minh Trung Hoa dùng thư tịch để phổ biến ra thế giới, đóng góp vào việc phát triển văn minh thế giới.



中国图书对外推广计划
CHINA BOOK INTERNATIONAL



ISBN 978-6-04-580447-6



9 786045 804476

Giá: 72.000 đ